

Toàn tập
THÍCH PHƯỚC SƠN

TẬP 4

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
QUẢNG HƯƠNG GIÀ LAM - THIỀN VIỆN VẠN HẠNH

Toàn tập
THÍCH PHƯỚC SƠN

TẬP 4



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

CỔ VẤN

Hòa thượng **Thích Giác Toàn**
Hòa thượng **Thích Nguyên Giác**

THỰC HIỆN

Tỳ kheo **Thích Thiện Ý**
Tỳ kheo **Thích Minh Hải**

LỜI GIỚI THIỆU

Kính bạch chư Tôn đức Tăng Ni,
Thưa quý vị thiện hữu trí thức và quý Phật tử,

Trưởng lão Hòa thượng Thích Phước Sơn là một bậc chân tu thật học của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Ngài sống đơn giản thanh bần trong chốn thiền môn; ứng xử nhẹ nhàng, tao nhã trong giao tiếp; hết lòng dạy dỗ Tăng Ni sinh các thế hệ trong giáo dục; cẩn trọng tham chiếu nhiều nguồn kinh văn sử liệu trong nghiên cứu, dịch thuật, và trước tác. Cuộc đời Ngài là một tấm gương sáng ngời về đạo hạnh và trí đức.

Từ năm 1991, khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, chư Tôn đức lãnh đạo Viện đã trân trọng mời Trưởng lão Hòa thượng tham gia các hoạt động dịch thuật, nghiên cứu của Viện. Trải dài theo năm tháng tinh cần làm việc, Ngài được Giáo hội tin tưởng và cung cử làm thành viên của Hội đồng phiên dịch, rồi Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (2007 - 2012 và 2012 - 2017). Hiện nay, Ngài là thành viên Ban Chứng minh của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (2017 - 2022).

Năm nay – 2019, các đệ tử thân tín của Trưởng lão Hòa thượng phát tâm sưu tầm tất cả công trình biên soạn, sáng tác, dịch thuật của Ngài kết tập thành *Toàn tập Thích Phước Sơn*, làm Pháp bảo lưu bố cho thế hệ hậu lai. Chúng tôi vô cùng hoan hỷ, tán thán việc làm có ý nghĩa và giá trị này.

Xin trân trọng giới thiệu công trình Toàn tập này đến chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử gần xa. Nguyện cầu Chánh pháp được lan truyền khắp chốn, Tăng Ni Phật tử ân triêm pháp lạc, tinh tấn tu hành, lợi lạc nhân thiên.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
VIỆN TRƯỞNG
HT. THÍCH GIÁC TOÀN

LỜI CẢN BẠCH

Thầy của chúng con, đức Trưởng lão Hoà thượng *thượng* Phước *hạ* Sơn, là một bậc Phạm hạnh, suốt cuộc đời cống hiến cho nền giáo dục Phật giáo. Thầy từng làm Hiệu trưởng trường Bồ đề - Nha Trang, sau đó vào niêm Nam gắn bó với đức cố Trưởng lão Hoà thượng *thượng* Minh *hạ* Châu, người đã khai sáng viện Đại học Vạn Hạnh, tạo tiền đề cho hệ thống các Học viện Phật giáo ngày nay, nơi đào tạo nhiều thế hệ Tăng Ni lãnh đạo của Phật giáo Việt Nam. Trong nhiều thập niên, Thầy tham gia giảng dạy tại Học viện Phật giáo tại Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Huế; Thầy còn giữ vai trò Phó viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Chắc hẳn, nhiều thế hệ Tăng Ni đã thọ ân giáo dưỡng của Thầy, đều có chung một cảm nhận về sự tận tâm và uy nghiêm của một bậc Thầy khả kính.

Là một người may mắn được gần gũi và thọ ân giáo dưỡng của Thầy, chúng con cảm thấy hạnh phúc và biết ơn Thầy, vì Thầy đã dạy những bài học quý báu và thâm sâu cho chúng con có được tuệ mạng như ngày hôm nay. Đặc biệt, qua thân giáo của Thầy, chúng con có đủ niềm tin vững chãi nơi giáo lý của đức Thế Tôn để vượt qua những khó khăn trên bước đường tu học và hành đạo.

Nhằm lưu giữ các tài liệu mà một cuộc đời Thầy đã trước tác, biên dịch, từ những bản giới kinh tinh hoa dành cho Tăng Ni; cho đến những giáo lý phổ thông dành cho hàng người cư sĩ Phật tử, chúng con đã thành ý của Thầy, và đã được Thầy hứa khả cho phép thực hiện bộ *Toàn tập Thích Phước Sơn*. Chúng con thực hiện công việc này, như một phần tránh sự thất lạc các di sản văn hoá phẩm của Thầy. Đồng thời, đây cũng là món quà kính dâng Thầy với lòng biết ơn của người đệ tử, người học trò đã có thiện duyên gắn bó với Thầy trong ánh đạo vàng của đức Như lai.

Năm nay (2019), Thầy đã tám mươi ba lần sinh nhật, tuy sức khoẻ của Thầy không được như ngày nào lên bục giảng, hướng dẫn từng chữ Hán cổ, giải thích cho chúng con hiểu rõ thâm ý ẩn chứa bên trong những lời dạy của đức Phật và chư Tổ. Nhưng chúng con cảm thấy hạnh phúc và ý thức rất rõ Thầy vẫn còn hiện hữu, có mặt với chúng con trong Thiên thất sáng chiếu ở Vạn Hạnh. Vì vậy mà chúng con đang tích cực làm việc để hoàn thành công trình Toàn tập dâng lên Thầy, khi Thầy còn khoẻ, còn thấy và còn đọc được các tác phẩm của mình.

Những tác phẩm của Thầy đã xuất bản suốt mấy mươi năm qua, gồm có:

1. Ấn Độ Phật giáo nguyên lưu lược giảng (dịch), 2008
2. Giải trình ý nghĩa Vu Lan, 2004
3. Lịch sử biên tập Thánh điển Phật giáo nguyên thủy (đồng dịch, 2 tập), 2015
4. Lịch sử phiên dịch Hán tạng (dịch), 2008
5. Luật học tinh yếu, 2006
6. Luật Ma-ha Tăng-kỳ (dịch, 4 tập), 2003
7. Một số vấn đề về giới Luật, 2006
8. Phật học khái yếu, 2010
9. Phương pháp khoa học của Duy thức (dịch), 2000

10. Sắc tu Bách Trượng thanh quy (dịch, 2 tập), 2008
11. Tam tổ thực lục, 1995
12. Thanh tịnh đạo luận toàn yếu, 2006
13. Thơ thiền Việt Nam, 2002
14. Tính chất Trí tuệ và Nhân bản của đạo Phật, 2013
15. Truyện cổ Sự tích cứu vật phóng sinh (dịch), 2001
16. Tu tập Chỉ Quán tọa thiền pháp yếu (đồng dịch), 2012

Các tác phẩm của Thầy phần lớn được dịch từ Hán tạng, gồm giới kinh và các nguồn văn học Phật giáo Đại thừa với tư tưởng uyên thâm về triết học và tâm lý học. Với gần hai mươi tác phẩm, khoảng hơn tám ngàn trang, ban biên tập dự kiến sẽ in thành mười sáu tập, mỗi tập khoảng năm trăm trang. Chúng con đã cố gắng biên tập và sắp xếp các tác phẩm theo chủ đề, nhưng chắc chắn không sao tránh khỏi sự rời rạc vì có khi bố cục hai tác phẩm trong một tập, không cùng chung một chủ đề.

Chúng con không quên tỏ lòng biết ơn chư vị đồng dịch giả đã chấp thuận cho in các bản dịch chung trong bộ Toàn tập này. Sau cùng, chúng con kính đánh lễ Thầy với lòng quý kính, và niệm ân Thầy đã cho phép chúng con thực hiện công việc ý nghĩa này.

Thiền viện Vạn Hạnh,
Phật đàn, 2563 – 2019

Thích Minh Hải

Thành kính đánh lễ Đức Thế Tôn
Bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri



LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ (MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425

TẬP IV
Quyển 31 - 40

Hán dịch: **Tam tạng Phật-đà Bạt-đà-la & Sa-môn Pháp Hiển**
Việt dịch: **Tỳ-kheo Thích Phước Sơn**
Chứng nghĩa: **HT. Thích Đồng Minh**

LỜI NÓI ĐẦU

Nhân duyên đưa đến việc dịch bộ Luật Ma-ha Tăng-kỳ này thực là hi hữu. Số là vào cuối năm 1989, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hiệu phó Trường Cao cấp Phật học (nay là Học Viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh) đang đảm nhiệm môn Luật của Trường thì đột nhiên lâm bệnh. Khi lên bệnh viện hầu thăm Hòa thượng, tôi được Hòa thượng ân cần nắm tay ủy thác phải tạm thời thay thế Hòa thượng hướng dẫn Tăng Ni cho đến hết chương trình. Thật là bỡ ngỡ, nhưng cũng vô cùng cảm động trước tấm lòng thương yêu, tin cậy của bậc Tôn sư khả kính, tôi chỉ còn biết cúi đầu vâng lệnh. Thế rồi, sau đó được Hòa thượng Hiệu trưởng chính thức mời phụ trách môn Luật cho trường. Chương trình dạy chủ yếu là dùng hai bộ sách Yết-ma Yếu Chỉ và Tứ Phần Hiệp Chú do Hòa thượng Bốn sư thượng Trí hạ Thủ biên soạn; một công trình khá công phu và nghiêm túc. Trong lúc tra cứu thêm về những chỗ dẫn chứng trong sách, đồng thời tham khảo ý kiến của Hòa thượng Thích Đồng Minh, một vị được xem là đặc biệt quan tâm đến vấn đề Luật học, tôi được Hòa thượng khuyến khích dịch bộ Luật Ma-ha Tăng-kỳ này. Thế là cố gắng sắp xếp thì giờ, tôi bắt đầu phiên dịch từ ngày 29-01-1996, dịch đến đâu, Hòa thượng đọc lại đến đó, đồng thời chịu khó cặm cụi sửa chữa những chỗ sai sót một cách tận tình. Việc làm đó quả thực

là một nguồn động viên vô cùng quý giá. Nhưng điểm phúc hơn nữa là được Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, một bậc ân sư giới hạnh cao nghiêm, hết lòng yêu thương, nhiệt tình cổ vũ cho công tác phiên dịch này.

Lúc bắt đầu dịch khó tránh khỏi một vài trường hợp lúng túng, nhưng qua thời gian, các khó khăn dần dần được khắc phục, rồi một niềm phấn khởi phát sinh; nhất là qua phương pháp giáo huấn của đức đáng Từ Phụ, vừa rõ ràng sinh động, vừa chí lý, chí tình, có ân mà cũng có uy, khiến cho người thụ giáo cảm nhận một sức thuyết phục phi thường.

Theo lẽ, một dịch giả đúng nghĩa phải hội đủ ba phương diện: Một là nắm vững ngôn ngữ của nguyên bản; hai là tinh thông tiếng bản xứ; ba là am tường nội dung của vấn đề. Mặc dù thấy mình còn nhiều điều bất cập, nhưng vì nhu cầu học hỏi và công việc giảng dạy thúc đẩy, tôi đành phải cố gắng tuân thủ ba nguyên tắc mà học giả Hồ Thích đã đề xướng và được giới dịch thuật đồng tình chấp nhận, đó là: Tín, Đạt và Nhã. Tín, nghĩa là trung thành với nguyên bản. Đạt, nghĩa là lột tả chính xác nội dung của vấn đề. Nhã, nghĩa là phải vận dụng ngôn ngữ trong sáng và tao nhã. Nếu không thể hội đủ cả ba phương diện thì phải cố gắng vận dụng một hoặc hai phương diện đến mức độ tốt nhất. Có như thế mới hy vọng bản dịch được độc giả dễ dàng tiếp nhận.

Dịch từ một bản văn cách nay đã hơn mười lăm thế kỷ, mà bản văn này lại là dịch phẩm chứ không phải nguyên bản nên chẳng dễ dàng chút nào. Nhưng may mắn là bản văn khá mạch lạc, nhất quán và tương đối sáng sủa, nên cũng ít khi gặp trở ngại. Bởi lẽ, hai Đại sư Phật-đà Bạt-đà-la và Pháp Hiển không những tinh thông Luật học, mà phương pháp làm việc cũng rất nghiêm túc và cẩn trọng.

Khi dịch, tôi đã cố gắng tối đa vận dụng ngôn ngữ hiện đại phổ thông và trong sáng để phô diễn, tuy vậy, khó tránh khỏi một số

hạn chế nhất định. Chẳng hạn, các thuật ngữ chuyên môn của Luật học mang nhiều nội dung hàm súc, bắt buộc phải giữ nguyên phiên âm chứ không thể chuyển dịch. Ngoài ra, vì bối cảnh lịch sử, địa lí và văn hóa của Ấn Độ có nhiều điểm bất đồng đối với nước ta, do thế, về nhân danh, địa danh cũng như tên gọi của một số động vật, thực vật và y phục v.v... không có từ ngữ tương đương để phiên chuyển, nên đành phải để nguyên dạng phiên âm.

Bộ Luật này được phiên dịch là nhằm mục đích dùng để tham khảo giảng dạy, đồng thời cũng là một món quà tinh thần bé nhỏ kính cẩn dâng lên báo đáp phần nào công ơn pháp nhũ của các bậc ân sư trực tiếp cũng như gián tiếp. Nếu nó may mắn được giới độc giả thể tất, thì có thể xem như là một sự đóng góp nhỏ nhoi vào công trình chuyển ngữ Tam tạng Thánh giáo sang tiếng Việt, một sự nghiệp to lớn mà tất cả Tăng Ni Phật tử Việt Nam đang khát khao mong đợi.

Cuối cùng, xin chân thành cảm ơn thầy Tâm Hạnh đã nhiệt tình lo việc in cáo bản một cách chu đáo; cảm ơn Phật tử Thọ Huệ, Nguyên Hạnh đã hoàn thành xuất sắc công đoạn đánh vi tính; cảm ơn thầy Giác Đồng, sư cô Từ Nghĩa và Nguyên Đoàn tận tụy hoàn thành khâu vi tính sau cùng.

Xin hồi hướng tất cả công đức lên Tam bảo chứng minh, thành tâm nguyện cầu cho kho tàng Pháp bảo được tồn tại miên trường trên cõi đời này.

Thiền viện Vạn Hạnh, ngày 4/1/2000
Người dịch kính cẩn ghi lại
Tỳ-kheo Thích Phước Sơn

MỤC LỤC

TẬP 4

Lời giới thiệu	i
Lời cảm bạch	iii
Lời nói đầu	viii

PHẨM TẠP TỤNG (tiếp theo)

Quyển 31: Nấu ăn ở chỗ ngủ và tự nấu ăn.....	1375
Nhận thịt sống	1380
Tự lấy rồi làm sạch vỏ	1381
Vật nặng	1383
Vật vô thường (của người chết).....	1385
Yết-ma công nhận bệnh cuồng si.....	1392
Bày tỏ sự không đồng tình	1393
Phá lòng tin của thí chủ	1394
Phép dùng giày da	1396
Phép dùng guốc.....	1404
Phép tắm rửa.....	1405
Phép dùng mặt hương.....	1406
Phép dùng gậy và túi bằng dây	1408
Phép dùng tỏi	1410
Phép phú bát (tẩy chay).....	1412
Phép kết khuy vào y.....	1417
Phép dùng đai lưng.....	1418
Phép dùng đai có dây cột.....	1418
Phép cưỡi ngựa, đi xe	1419
Phép nằm chung giường	1420
Phép cùng ngồi chung.....	1421

Quyển 32: Phép ăn chung	1424
Phép ăn trên bàn.....	1425
Vi mình mà người ta giết súc vật.....	1426
Thịt người.....	1428
Phép dùng da.....	1434
Vật lau chân	1435
Thuốc bôi mắt.....	1436
Lọ đựng thuốc nhỏ mắt.....	1437
Que bôi thuốc vào mắt.....	1438
Phép dùng ô dù	1438
Phép dùng quạt	1439
Phép dùng phất trần	1440
Phép dùng dao chữa trị.....	1441
Túi chứa nước.....	1442
Phép cạo tóc	1443
Dụng cụ cạo tóc.....	1448
Phá tảng	1449
Tăng hòa hợp.....	1450
Năm trăm tỳ-kheo kết tập pháp tạng.....	1450
Quyển 33: Bảy trăm vị đại hội tập pháp tạng	1471
Giới luật.....	1474
Hủy báng.....	1474
Kỹ nhạc.....	1475
Hương hoa	1477
Soi gương	1478
Gánh vác.....	1479
Xấn quần áo.....	1480
Leo cây.....	1480
Nhóm lửa	1481
Chén đồng.....	1482
Chuyển hướng vật cúng dường	1482
Chúng sinh	1485
Cây	1486
Vấn đề đốt củi	1488
Vấn đề hoa.....	1488
Vấn đề trái.....	1490
Vấn đề trồng cây.....	1490

Phép trị tội	1491
Pháp diệt tránh.....	1493
Sự tranh cãi.....	1493
Điều phục.....	1493
Nghe pháp.....	1493
Dầu thoa mặt.....	1494
Phép dùng phấn	1495
Phép dùng bàn chải	1495
Phép dùng lược	1496
Phép dùng trâm.....	1496
Phép xây tháp	1497
Sự việc liên quan đến tháp.....	1500
Làm trang thờ nơi tháp.....	1501
Trồng vườn hoa xung quanh tháp.....	1501
Đào ao bên tháp.....	1502
Làm chi-đề ở cạnh tháp.....	1503
Phẩm vật cúng đường.....	1503
Dùng kỹ nhạc cúng đường	1504
Thu dụng cụ cúng đường	1504
Trường hợp gặp tai nạn.....	1505

PHÉP TẮC UY NGHI

Quyển 34: Tác phong của thượng tọa	1508
Tác phong của thượng tọa (tiếp theo)	1510
Tác phong của tăng chúng.....	1511
Cách thức chú nguyện	1512
Bốn phạm của đệ tử đồng hành.....	1521
Bốn phạm của đệ tử y chỉ	1524
Vấn đề bảo quản giường nệm	1525
Vấn đề bảo quản trú xứ.....	1526
Trú xứ a-luyện-nhã	1529
Bốn phạm của tỳ-kheo khách.....	1530
Bốn phạm của cựu tỳ-kheo	1531
Bốn phạm sửa chữa vật dụng.....	1532
Vấn đề đại tiện	1533
Vấn đề tiểu tiện.....	1536
Vấn đề tắm rửa răng.....	1538

Vấn đề vá y.....	1540
Vấn đề ngăn chỗ nằm.....	1540
Vấn đề lau phòng.....	1541
Vấn đề khắc nhỏ.....	1542
Vấn đề sử dụng bát.....	1542
Vấn đề dùng cháo.....	1544
Oai nghi khi đứng.....	1545
Quyển 35: Cách thức đi kinh hành.....	1547
Cách thức ngồi.....	1548
Cách thức nằm.....	1548
Cách cư xử giữa cựu và khách tỳ-kheo.....	1550
Vấn đề rửa chân.....	1552
Phép tắc dùng nước.....	1555
Phép tắc tắm.....	1556
Phép dùng vật dụng.....	1559
Phép sử dụng y.....	1560
Cách xử sự giữa tỳ-kheo ở a-luyện-nhã và ở thôn xóm.....	1561
Phép xử sự giữa khách và cựu tỳ-kheo.....	1563
Phép tắc nói năng.....	1565
Phép tắc vào trong chúng sát-lợi.....	1566
Phép tắc vào trong chúng bà-la-môn.....	1567
Phép tắc vào trong chúng cư sĩ.....	1567
Phép vào trong chúng ngoại đạo.....	1568
Phép tắc nhập chúng.....	1568
Phép tắc mặc nội y.....	1569
Phép mặc y.....	1570
Phép mặc y đi vào thôn xóm.....	1570
Phép mặc y ngồi trong nhà cư sĩ.....	1571
Phép tắc cửa tiền và hậu sa-môn (512a).....	1572
Phép nhờ người lấy thức ăn.....	1573
Phép tắc đi khát thực.....	1574
Phép tắc mà vị sa-môn đi khát thực sau phải làm.....	1575
Phép đốt & tắt đèn.....	1576
Phép vác thiền trượng đi tuần hành.....	1577
Phép mang vòng đi tuần hành.....	1578
Phép cởi giày trong phòng thiền.....	1579
Phép dùng tọa cụ trong phòng thiền.....	1580

Phép xử sự khi ho	1580
Phép xử trí khi nháy mũi	1581
Phép xử trí khi ngáp và thư giãn thân thể.....	1581
Phép gãi ngứa	1582
Phép xử sự khi hạ phong.....	1582

GIỚI PHÁP CỦA TỖ-KHEO-NI

BA-LA-DI

Quyển 36: 1. Dâm dục.....	1585
2. Trộm cắp	1589
3. Sát nhân	1590
4. Đại vọng ngữ	1590
5. Nhiễm tâm xúc chạm nam tử.....	1590
6. Nhiễm tâm thân cận nam tử	1595
7. Giấu tội người khác.....	1598
8. Theo tỳ-kheo phạm tội	1601

TĂNG TÀN

1. Nhận làm mai mối (517c).....	1605
2. Vu khống người khác.....	1605
3. Xuyên tạc nhằm vu khống.....	1606
4. Tranh chấp với người khác.....	1606
5. Đi một mình.....	1609
6. Sống một mình.....	1611
7. Độ người chủ chưa cho phép	1615
8. Độ người phạm tội.....	1618
9. Qua sông một mình	1622
10. Tự ý tha tội người khác	1622
11. Nhận vật của người có tà tâm	1625
Quyển 37: 12. Khuyên người làm điều phi pháp.....	1629
13. Vô cớ hủy báng tăng.....	1630
14. Bao che lỗi lầm cho nhau.....	1634
15. Khuyên người sống quan hệ mật thiết.....	1636
16. Nổi giận bỏ giới	1640
Kết thúc giới tăng-già-bà-thi-sa	1643

NI-TÁT-KỲ

Từ 1 – 10 của Ni-tát-kỳ giống Tỳ-kheo

11. Xin tiền mua giường rồi mua thứ khác.....	1645
12. Tiền cúng thứ này đem mua thứ khác	1647
13. Đem tiền mua thức ăn sắm y bát	1649
14. Chứa bát dư	1651
15. Chứa y dư.....	1652
16. Giặt lại y mà mình đã bỏ.....	1653
17. Có y hư không vá lại.....	1654
18. Hứa cho thọ giới mà không cho thọ.....	1656
19. Mua y đắt giá	1657
20. Mua lụa mỏng.....	1659
21. Tranh mua đồ với người khác.....	1662

BA-DẠ-ĐỀ

Từ giới 1 đến 70 giống như Ba-dạ-đề bên Tỳ-kheo

71. Tự ý lấy y người khác mà mặc.....	1667
Quyển 38: 72. Cho y cho tu sĩ ngoại đạo	1670
73. May y an-đà-hội quá cỡ	1671
74. May yếm rộng quá cỡ.	1673
75. May áo tắm rộng quá cỡ.....	1673
76. Xin y tại nhà không tin phật.....	1677
77. Không đem y theo bên mình.....	1679
78. Nấu lại đồ ăn để ăn	1680
79. Đứng hầu tỳ-kheo thọ trai.....	1682
80. Ăn tội.....	1684
81. Đem thức ăn cho người thế tục.....	1685
82. Làm thầy thuốc để sinh sống.....	1687
83. Trao toa thuốc cho người thế tục và ngoại đạo.....	1688
84. Làm việc cho người thế tục	1690
85. Vào nhà người không báo trước	1691
86. Sống thân cận với người thế tục.....	1693
87. Tự thề thốt.....	1694
88. Hờn dỗi tự đánh mình.....	1695
89. Trách người vô cơ	1696
90. Giữ của người khác.....	1698
91. Mắng nhiếc tỳ-kheo	1699

92– Giới: chưa đủ 12 hạ mà nuôi đệ tử	1701
93. Chưa đủ mười pháp mà nuôi đệ tử	1702
94. Chưa xin phép mà nuôi đệ tử	1704
95. Cho người phạm tội thọ giới	1706
96. Cho người thiếu tuổi thọ giới	1707
97. Cho người chưa học giới thọ giới.....	1709
98. Cho người học giới chưa xong thọ giới.....	1711
99. Không cho người đã học xong thọ giới.....	1713

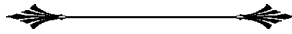
Quyển 39: 100. Cho người có chồng dưới mười hai tuổi thọ giới ...	1716
101. Người có chồng mười hai tuổi chưa học giới mà cho thọ giới ...	1717
102. Người có chồng học chưa xong mà cho thọ giới.....	1718
103. Cho người có chồng thọ giới, không làm yết-ma	1719
104. Cho thọ giới rồi mà không dạy dỗ.....	1719
105. Thọ giới rồi, không hầu thầy.....	1721
106. Nuôi đệ tử hàng năm	1722
107. Để cách đêm cho thọ giới.....	1723
108. Đệ tử có lỗi mà không thu xếp.....	1724
109. Ngoan cố không nghe lời khuyên.....	1726
110. Hứa cho thọ giới mà không cho thọ.....	1727
111. Không bệnh mà đi xe.....	1729
112. Không bệnh mà đội dù.....	1730
113. Giới: nằm giường cao quá mức độ	1732
114. Cùng nằm chung một giường.....	1733
115. Ra đi không trả lại phòng.....	1734
116. Vào chỗ tăng không thưa trước	1735
117. Trú ngụ nhà thế tục	1737
118. Đi xa không có bạn	1738
119. Du ngoạn thắng cảnh	1740
120. Ngồi với tỳ-kheo ở chỗ khuất	1741
121. Ngồi với nam giới ở chỗ khuất	1743
122. Ôm đàn ông vào mình mà thủ thi	1744
123. Đi vào chỗ tối có đàn ông	1745
124. Xem trình diễn văn nghệ.....	1746
125. Khi chúng tranh chấp mà không dập tắt	1747
126. Bảo phụ nữ thoa hương kỳ cọ	1749
127. Bảo tỳ-kheo-ni tắm cho mình	1750
128. Giới: bảo sa-di-ni tắm cho mình.....	1751

129. Bảo thức-xoa-ma-ni tắm cho mình	1751
130. Sai phụ nữ tắm cho mình	1752
131. Không tôn trọng lễ bố-tát	1752
132. Không tôn kính tỳ-kheo giáo huấn	1754
133. Bảo nam tử phá ung nhọt	1756
Quyển 40: 134. Du hành trong lúc an cư	1759
135. An cư xong không du hành.....	1760
136. Rửa an cư, sau trách cứ	1761
137. Nhiễu loạn người an cư trước mình.....	1762
138. Đồ đồ bất tịnh không coi trước.....	1764
139. Đại tiểu tiện trên cỏ tươi	1765
140. Đại tiểu tiện trong nước.....	1765
141. Chuyển lợi của tăng cho một nhóm người	1766
ĐỀ-XÁ-NI	1771
BẢY PHÁP DIỆT TRÁNH	1776
NHỮNG PHÁP LINH TINH	1777
Phép tắc ngồi	1777
Phép sử dụng chiếu đàn.....	1777
Phép dùng đai lưng.....	1778
Không được mặc trang phục phụ nữ	1778
Khi độ xuất gia phải đổi trang phục.....	1779
Không được nuôi dâm nữ	1780
Không được bảo người làm vườn bán dâm.....	1781
Cần phải mặc yếm.....	1781
Không được dùng tay vỗ vào âm hộ	1782
Không được dùng cao nắn nam căn	1783
Cách làm vệ sinh âm hộ.....	1783
Cách dùng vải thấm kinh nguyệt	1784
Cách giặt vải thấm kinh nguyệt.....	1784
Không được giặt đồ dơ chỗ đàn ông tắm	1785
Không được giặt đồ dơ chỗ du khách giặt	1785
Không được dùng âm hộ hứng chỗ nước xối	1786
Không được lợi ngược dòng nước chảy.....	1786
Không được dùng củ làm nam căn	1787
Không được làm yết-ma cử tội tỳ-kheo	1787

Không được mặc y kiêu-xá-da.....	1788
Không được mặc yếm mỏng.....	1788
Không được trang điểm cho phụ nữ.....	1789
Không được trồng hoa rồi đem bán.....	1789
Không được xâu vòng hoa đem bán.....	1790
Không được xe sợi đem đi bán.....	1790
Không được hủy hoại uy nghi.....	1791
Cách đậy và mở nắp bát.....	1792
Cách nhận thí vật của người phạm tội.....	1793
Khi làm cầu tiêu không được đậy nắp.....	1794
Không được vào nhà tắm thế tục để tắm.....	1795
Không được ở tại a-luyện-nhã.....	1795
Vấn đề y ca-hi-na.....	1796
Vấn đề thực phẩm giữa tăng và ni.....	1796
Cách sắp xếp thứ tự.....	1797
GHI CHÚ RIÊNG VỀ LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ.....	1799
PHẬT NÓI KINH TỘI BÁO NẶNG NHẸ VỀ VIỆC PHẠM GIỚI.....	1801

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 31

PHẨM TẠP TỤNG (tiếp theo)

NẤU ĂN Ở CHỖ NGỦ VÀ TỰ NẤU ĂN

Khi Phật an trú tại Tinh xá Khoáng Dã được Chư Thiên và người đời cúng dường. Bấy giờ, nhà bếp được làm trong Tăng viện, nước vo gạo và nước tắm rửa chén chày ra ngoài đường hẻm, bị người đời chê trách:

Vì sao chỗ ở và nhà bếp của Sa-môn Thích tử không cách biệt nhau?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Các ông thật đáng bị người đời chê trách. Từ nay Ta không cho phép làm nhà bếp ở trong chỗ ở để rồi nước vo gạo chảy ra bên ngoài. Phép làm nhà bếp không nên làm ở phương Đông, phương Bắc mà nên làm tại phương Nam, phương Tây. Nếu Tỳ-kheo làm nhà bếp ở bên trong, để cho nước vo gạo chảy ra bên ngoài thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Lại nữa, khi Phật du hành tại nước Câu-tát-la, đến thôn Bà-la-môn Ha Đế, như sự kiện cháo ở trên đã nói rõ, cho đến Phật không cho phép nấu ăn ở tại chỗ ngủ.

Lại nữa, khi Phật du hành nước Câu-tát-la đến thôn Bà-la-môn Cố Thạch. Khi ấy có một ông già hớt tóc cả hai cha con xuất gia,

nghe Phật đến định nấu cháo, như sự kiện cháo ở trên đã nói rõ, cho đến Phật không cho phép nấu ăn nơi chỗ ngủ và tự nấu ăn.

Lại nữa, khi Phật du hành đến nước Ương-câu-đa-la. Lúc ấy Phạm chí Chi-ni-da-loa-kế nghe Thế Tôn đến, bèn làm phòng Tăng, nhà bếp, rồi sai người đến mời Phật. Phật bèn bảo Ưu-ba-ly:

Ông hãy đến sớm nơi đó nhận lấy nhà nấu ăn cho Tăng, chớ để quá lúc đầu đêm, nếu để quá tức gọi là chỗ ở của Tăng, không được dùng làm nhà bếp.

Khi ấy, Ưu-ba-ly bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Được làm nhà bếp có mái lợp riêng biệt ra không? Được.

Bạch Thế Tôn! Hợp chung hai phòng có mái lợp riêng được không? Được.

Hợp chung hai phòng cùng một mái lợp được không? Được.

Được dùng hai chỗ riêng có mái lợp riêng được không? Được.

Được dùng một bên, hai bên, ba bên, tất cả đều riêng được không? Được.

Cách con đường được không? Được.

Dùng trên gác, dưới gác làm được không?

Được. Hoặc gốc cây (477b) ở tịnh địa, còn cành lá ở chỗ đất bất tịnh; hoặc gốc cây ở chỗ đất bất tịnh, còn cành lá ở chỗ tịnh địa; hoặc gốc cây và cành lá đều ở chỗ đất bất tịnh; hoặc gốc cây và cành lá đều ở chỗ tịnh địa.

Một chỗ được lợp riêng biệt: Tăng được dùng chỗ này làm nhà bếp, như vậy cho đến phòng riêng biệt được lợp riêng biệt, Tăng

đều được dùng làm nhà bếp. Cũng như một bên, hai bên, ba bên, tất cả đều được làm nhà bếp.

Cách con đường: Hai bên đường thanh tịnh (hợp lệ), ở giữa không thanh tịnh, nếu để bình sữa.v.v... ở giữa đường, nên xoi thủng hai đầu để sữa chảy vào tịnh địa (chỗ hợp lệ) thì được phép lấy dùng. Nếu cái bao đựng lúa, bột, đậu để ngay giữa đường thì được mở hai đầu để lấy. Nếu cải, hành, mía để ở giữa đường thì được cắt lấy dùng, vẫn hợp lệ.

Trên gác, dưới gác: Trên gác và dưới gác đều được dùng làm nhà bếp.

Gốc cây ở tịnh địa, cành lá ở chỗ bất tịnh: Nếu gốc cây mọc ở tịnh địa, còn cành lá ở chỗ bất tịnh, mà trái rụng xuống đất, thì ngay khi ấy nên lấy đem cất vào trong nhà bếp. Nếu không lấy để qua khỏi đầu đêm thì thành ra bất tịnh. (không hợp lệ).

Gốc cây ở chỗ đất bất tịnh, cành lá ở chỗ đất thanh tịnh: Cây mọc ở chỗ đất bất tịnh, cành lá phủ ra chỗ đất thanh tịnh, nếu quả rơi xuống đất tức là thanh tịnh, tùy lúc muốn lấy cứ lấy.

Cả hai đều không thanh tịnh: Cây mọc ở chỗ đất bất tịnh, cành lá cũng phủ ra chỗ đất bất tịnh, khi quả rơi nên nhặt đem cất vào trong nhà bếp. Nếu không lấy ngay khi ấy để qua khỏi đầu đêm, tức là không thanh tịnh.

Cả hai đều thanh tịnh: Cây mọc ở chỗ đất thanh tịnh, cành lá cũng phủ ra chỗ đất thanh tịnh, khi quả rơi tức là thanh tịnh, tùy lúc muốn lấy thì lấy. Đó gọi là cả hai đều thanh tịnh.

Củ cải, hành, rau mọc ở chỗ đất không thanh tịnh, nếu muốn hái nên hái đúng lúc rồi đem cất vào trong nhà bếp; nếu không hái đúng lúc để qua khỏi đầu đêm tức là không thanh tịnh.

Nếu bọn trộm đến hái trộm rau quả, bị phát giác, chúng hoảng sợ bỏ rau quả chạy thoát thân mà ta cần thì lấy liền rồi đem cất trong nhà bếp. Nếu nói rằng để sáng mai mới lấy, thì đến khi qua khỏi đầu đêm tức là không thanh tịnh. Nếu không hay khi chúng

bỏ lại, hoặc sớm hoặc muộn mới trông thấy, thì nên lấy đem cất trong nhà bếp. Nếu không lấy để qua quá đầu đêm, tức là không thanh tịnh.

Nếu dưa, bầu mọc ở chỗ đất bất tịnh, thì khi hái nên đem cất vào trong nhà bếp. Nếu không đem cất để qua khỏi đầu đêm tức là không thanh tịnh.

Tại trú xứ của Tăng nếu có đàn việt đem cho thóc, mà thóc bị đổ ra chỗ đất bất tịnh, thì nên hốt ngay khi ấy rồi đem cất vào trong nhà bếp. Nếu không hốt để qua khỏi đầu đêm tức là không thanh tịnh.

Nếu bạch y đem bánh bún, lương khô đến Tinh xá xin ở lại trong đêm; (477c) đến sáng hôm sau khi ra đi, đem cho Tỳ-kheo, tức là thanh tịnh. Nếu Tỳ-kheo suy nghĩ rằng: “Ngày mai khi họ đi, ắt hẳn sẽ đem cho ta”, thì khi họ đem cho được xem là không thanh tịnh. Nếu họ đem rau quả đến xin ở lại cũng vậy. Nếu họ chở lúa gạo đến, cất đầy kho nhà bếp, số còn lại hoặc để trong giăng đường, trong nhà suối, trong nhà che giếng, trong nhà chất củi ở ngoài sân, nếu là chỗ đất bất tịnh, thì đầu, giữa, cuối đêm tùy lúc đổ xong dời đi liền. Nếu không dời đi, để qua khỏi đầu đêm, tức là không thanh tịnh.

Nếu muốn xây dựng chỗ ở mới thì Tỳ-kheo doanh sự nên dùng dây đo đạc rồi quy định rằng chỗ ấy làm nhà bếp cho Tăng, chỗ ấy làm nơi ở cho Tăng, nên nói như sau: “Trong đây, chỗ này làm nhà bếp cho Tăng”, rồi sử dụng. Nếu không sử dụng để qua khỏi đầu đêm tức là không thanh tịnh. Tùy theo mức độ cần thiết mà quy định nhà bếp; khi quy định nhà bếp xong rồi mới quy định chỗ ở, phòng suối, giăng đường, nhà ngõ, nhà tắm, nhà để củi, nhà che giếng.

Nếu đàn việt nói:

Không nên quy định trước, nên đợi khi làm xong, thiết lễ trai phạn cho Tăng, rồi Tăng tùy ý mà quy định”, thì khi làm xong,

Tăng nên nói như sau: “Tăng dùng gác dưới, gác giữa và gác trên làm nhà bếp (khi đã quy định rồi tức thành nhà bếp đồng thời ở cũng được).” Nếu vẫn chưa sử dụng, thì khi trong nước loạn lạc, hoặc vua chưa lên ngôi sử dụng cũng được. Hoặc là lúc vị vua cũ băng hà, vị vua mới chưa lên ngôi sử dụng cũng được. Nếu vẫn chưa sử dụng mà trú xứ xóm làng bị hoang phế đến hai năm sử dụng cũng được. Ở đây, hoặc xóm làng hoang phế, không phải trú xứ bị hoang phế, hoặc trú xứ hoang phế, không phải xóm làng hoang phế, hoặc xóm làng hoang phế, trú xứ cũng hoang phế; hoặc không phải xóm làng hoang phế, không phải trú xứ hoang phế. Nếu có những thức ăn được cất ở đây mà không quy định tức là không thanh tịnh.

Đó gọi là nấu ăn ngay chỗ ngủ.

Tự nấu ăn: Tỳ-kheo không được tự nấu ăn. Nếu bệnh thì nên sai tịnh nhân nấu, nếu không có tịnh nhân mà có nồi đồng sạch không dính dầu mỡ thì nên rửa sạch, rồi tự đốt lửa đun sôi, đoạn, bảo tịnh nhân bỏ gạo vào. Sau khi đã bỏ gạo vào, Tỳ-kheo không được tự chụm lửa mà nên sai tịnh nhân chụm. Đến khi nổi sôi mà tịnh nhân muốn đi đâu, thì Tỳ-kheo được tiếp tục chụm cho chín, song, phải cẩn thận đừng để những vật không cần dùng rơi vào trong đó. Khi nấu thịt cho sẵn lại, nấu rau cho chín đi cũng như vậy; khi đã nhận được các vật ấy rồi có thể tự nấu cho chín. Sau cùng, khi nấu nước gừng cũng không được tự nấu mà phải bảo tịnh nhân nấu. Nếu khát thực, thức ăn bị nguội thì được hâm lại cho nóng, không có tội. Nếu tịnh nhân bị ốm thì nên sai tịnh nhân khác nấu cháo đưa cho. Nếu không có tịnh nhân thì khi vo gạo sạch rồi được tự nấu. Nếu có cháo để dành, không được đem ăn.

Đó gọi là nấu ăn tại chỗ ngủ và tự nấu ăn.

*

NHẬN THỊT SỐNG (478A)

Khi Phật ở nơi khoáng dã, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo cầm thịt khúc, cá sống, bị người đời chê trách rằng:

Vì sao Sa-môn không chịu đi khát thực lại cầm thịt khúc, cá sống mà đi? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Này các Tỳ-kheo! Từ nay về sau, ta không cho phép nhận thịt sống. Nếu Tỳ-kheo bị bệnh thì được sai tịnh nhân nấu thịt cho sẵn lại, rồi nhận lấy, đoạn tiếp tục nấu cho đến khi chín. Nếu Tỳ-kheo đi kinh hành, ngồi thiền trong rừng, rồi thấy dưới gốc cây có thịt con chương, con nai còn sót lại, khi ấy, mình thấy cần, thì không được lấy mà nên báo cho tịnh nhân biết. Nếu mình tự lấy thì không được tự ăn, mà nên cho người làm vườn hoặc là Sa-di. Nếu thấy thịt do chim ưng để lại cũng như vậy. Tỳ-kheo khi đi khát thực, nếu được thịt khô đã nướng chín thì được nhận lấy. Có loài chúng sinh tên Câu-da không có ruột, nuốt thịt cục vào rồi nhả ra, nếu cần thì Tỳ-kheo được phép lấy. Nhưng không được lấy thóc sống như các loại: thóc gạo trắng, thóc gạo đỏ, đại mạch, tiểu mạch; tất cả đều không được lấy. Nếu trên thân sinh ung nhọt, sảy, cần tiểu mạch để bôi, thì nên sai tịnh nhân đem rửa sạch, rồi tự tay mình lấy đi nghiền nát để bôi lên mụn nhọt, nhưng không được phép ăn. Nếu trong nhà bếp có lúa tẻ, lúa mạch đã xay rồi mà Tỳ-kheo thấy cần thì được phép lấy, nhưng không được ăn. Nếu đậu mông cụ, đậu ma sa, đậu lớn, đậu nhỏ, các loại tương tự như thế, khi Tỳ-kheo thấy cần thì được dùng.

Đó gọi là nhận (thịt sống) và thóc.

*

TỰ LẤY RỒI LÀM SẠCH VỎ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, vua Ba-tư-nặc có vườn Am-bạt-la ra trái sum sê. Vua hỏi người giữ vườn:

Các Tỳ-kheo có thường đến ăn trái cây không?

Đại vương không mời thì làm sao mà đến ăn?

Ngươi hãy đến mời các Tỳ-kheo đến ăn trái cây.

Người giữ vườn liền đến chỗ các Tỳ-kheo, cúi đầu đánh lễ dưới chân, quì gối, chấp tay bạch rằng:

Đức vua mời chư Tăng đến ăn trái cây.

Các Tỳ-kheo bèn đi đến vườn ấy ăn trái cây, lớp ăn lớp bỏ ngổn ngang dưới đất, lại còn lấy đem về. Vì vậy người giữ vườn không thể dâng trái cây cho vua, vua hỏi:

Vì sao ngươi không đưa trái cây đến?

Người giữ vườn bèn đem sự việc trên tâu đầy đủ lên nhà vua. Vua nghe thế trong lòng không vui, bèn trách:

Các Tỳ-kheo chỉ nên ăn trái cây, vì sao hái vứt xuống đất lại còn đem cho người khác?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo (478b) ấy đến. Khi thấy đến rồi, Phật bèn hỏi lại đầy đủ sự việc trên:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Ông chỉ cần ăn quả, vì sao lại hái vứt xuống đất rồi mang về để làm gì?

Bạch Thế Tôn! Con đem về cất để ăn.

Vì sao ông lại lấy về đem cất để mà ăn? Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn trái cây Am-bạt-la.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá trong vườn Am-bạt-la của đồng tử Kỳ Cựu. Lúc ấy, đồng tử Kỳ Cựu hỏi người làm vườn:

Các Tỳ-kheo có ăn trái cây Am-bạt-la không?

Đức Thế Tôn không cho phép.

Đồng tử Kỳ Cựu nghe thế đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi đứng hầu một bên, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Am-bạt-la là trái cây đương mùa, xin Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo được ăn nó.

Từ nay Ta cho phép được làm sạch vỏ trái cây rồi ăn.

Các Tỳ-kheo bèn sai tịnh nhân gọt sạch vỏ trái cây mà ăn, bị tịnh nhân oán trách:

Ăn luôn cả vỏ cũng được, vì sao lại sai ta gọt sạch vỏ làm chi?

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Không cần phải gọt hết vỏ, chỉ cần dùng móng tay cạo sạch vỏ rồi ăn; nhưng không được tự lấy rồi ăn, mà trước hết nên sai tịnh nhân dùng móng tay cạo sạch rồi mới ăn.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trong vườn cây, thấy trái rơi xuống đất, mà mình cần, thì nên sai tịnh nhân lấy.

Nếu tự lấy thì không được tự ăn, mà nên cho người làm vườn, hoặc Sa-di. Nếu trái cây chín, rơi xuống đất vỡ ra, thì được xem là đã làm sạch vỏ, có thể lấy cạy hạt ra rồi ăn.

Nếu trái cây bị chim mổ, hoặc bị đụng nhằm vật gì mà nứt ra, dù nhỏ như dấu chân muỗi, thì được xem là đã làm sạch vỏ, được phép cạy hạt bỏ rồi ăn.

Nếu muốn ăn hạt, phải đem rang chín thì được phép ăn.

Nếu lột vỏ sạch, không rang chín mà ăn cả hạt, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu rang chín, không lột vỏ sạch, thì được phép ăn cả vỏ và hạt.

Nếu không rang chín, không lột vỏ sạch mà ăn, thì phạm một tội Ba-dạ-đề, một tội Việt-tỳ-ni.

Nếu làm cả hai việc thì không có tội. Đó gọi là tự lấy rồi làm sạch vỏ để ăn.

Kệ tóm tắt:

Tỳ-ni, xử đoán việc,
Chướng ngại, chẳng chướng ngại
Tỳ-kheo ni, tự nấu,
Nấu ăn nơi chỗ ngủ.
Nhận thịt sống và thóc,
Tự lấy, sau đem dùng
Gọt vỏ và rang chín,
Kết thúc phẩm thứ sáu.

*

VẬT NẶNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo đem bán giường nệm của chúng Tăng, hoặc cho người khác mượn, hoặc đem về dùng riêng. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên (478c) Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay Ta không cho phép Tỳ-kheo đem bán giường nệm của Tăng, hoặc cho người mượn, hoặc lấy dùng riêng. Nếu khi Tăng tập hợp tất cả cũng không được phép bán, cho người mượn, hoặc đem dùng riêng. Nếu ai đem bán, cho người mượn hay dùng riêng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thế nào gọi là vật nặng? – Chẳng hạn như giường nệm, đồ bằng sắt, đồ sành, đồ gỗ, đồ bằng tre, như trong giới ăn trộm đã nói rõ. Đó gọi là những vật nặng.

Nếu đàn việt đem cúng dường cho Tăng giường nệm, câu chấp, thảm, gối xếp, đai thắt lưng, dao con, muỗng, lọng, quạt, giày da, ống đựng kim, niềp cắt móng tay, bình tưới nước thì trong số này các vật nặng như giường nệm, câu chấp, thắt lưng, gối xếp, thảm nên nhập vào vật của Tăng tứ phương, ngoài ra những vật nhẹ khác đem chia. Nếu đàn việt nói: “Nên đem chia tất cả”, thì theo ý của đàn việt đem chia. Nếu họ nói: “Tất cả đều cúng dường cho Tăng tứ phương”, thì không được chia.

Nếu trong lúc Tỳ-kheo đang đi trên đường, rồi người thế tục trông thấy sinh tâm hoan hỷ, đem các vật linh tinh bố thí cho Tỳ-kheo, mà trong đó có những vật nặng, thì nên đem cho Tinh xá nào ở gần đường bằng cách bảo đàn việt mang các giường nệm ấy cho Tỳ-kheo ở Tinh xá đó. Nếu họ nói: “Tôi đã quyết ý bố thí cho thầy, còn hỏi tôi làm chi nữa?”, thì Tỳ-kheo nói: “Cũng có thể để ở đây cung cấp cho khách Tăng sẽ được nhiều công đức.” Họ nói: “Không thể được! Tôi đã quyết ý rồi”, thì nên nói: “Này lão trượng! Đây là vật nặng khó mà đem đi, có thể bán ở đây rồi lấy tiền đến đó mua cái khác được không?” Nếu đáp: “Tùy ý tôn giả!”, thì được bán lấy tiền mang đến đó, hễ tiền giường thì mua giường, tiền nệm thì mua nệm; cũng thế, tất cả mọi thứ khác tùy nghi mà bán rồi mua. Nếu họ nói: “Tất cả đều chia”, thì phải tùy theo ý thí chủ mà chia. Nếu họ nói: “Tất cả đều bố thí cho Tăng tứ phương”, thì không nên chia.

Khi thí chủ mời có hai trường hợp:

Một là theo thứ lớp của Tăng.

Hai là mời riêng cá nhân.

Nếu nơi nào Tăng được các phẩm vật bố thí theo thứ tự của Tăng, thì phải nhập vào cho Tăng. Nếu họ mời riêng mà nhận được vật, thì được phép dùng riêng. Nếu giường nệm nhiều mà nồi chảo ít thì nên nói cho đàn việt biết, rồi bán bớt giường nệm mua nồi chảo; hoặc nồi chảo nhiều thì đem bán bớt để mua giường nệm, cũng như vậy. Nếu có đồ đựng bằng kim loại bị vỡ bể thì được đem nấu chảy đúc cái mới lớn hơn. Đó gọi là những vật nặng.

*

VẬT VÔ THƯỜNG (CỦA NGƯỜI CHẾT)

Khi Phật an trú tại Khoáng dã thì tôn giả A-nhã Kiều-trần-như đang ở tại Cự-ma-đế. Đến giờ khát thực, Kiều-trần-như khoác y, cầm bát vào thôn khát thực. Khi đã được thức ăn, thấy bèn đến nhà một người chăn nuôi, chồng tên là Cừ Ni, vợ tên là Thi-bà-ly để thọ trai. Bà vợ có lòng tin hoan hỷ, thường cung cấp sữa tươi, sữa chua, sữa đóng váng cho thầy. (479a) Khi uống xong thầy liền trở về trú xứ, rồi suy nghĩ: “Dùng cái khí cụ (cái thân) thống khổ này sống lâu ở đời để làm gì? Ta chán ngán thân này quá.” Thế rồi, thầy đem y bát để tại một chỗ dưới gốc cây trong rừng, nằm gối đầu trên một hòn đá tròn hình con voi, nghiêng về hông bên phải, tâm bất loạn, nhập Vô dư Niết-bàn. Thi-bà-ly biết thời giờ thầy sắp đến, bèn dọn giường ghế, quét tước, bày biện sữa nước ra bàn chờ đợi. Thế nhưng, đã quá giờ mà không thấy đến, Thi-bà-ly suy nghĩ: “Sư phụ ngày nào cũng đến, bữa nay vì sao không đến? Hay là bị ốm chẳng? Hoặc là bị ác trùng sát hại?” Đoạn, bà liền đến xem thì thấy thầy đang nằm dưới gốc cây, suy nghĩ: “Sư phụ vẫn còn đang ngủ”, rồi đứng im lặng lắng nghe. Nhưng không nghe hơi thở, bà dùng tay đặt nơi trái tim thì thấy thân thể đã lạnh ngắt,

liền thâm nhủ: “Kỳ thay! Đã qua đời rồi, ta phải cúng dường xá-lợi!” Nghĩ thế, bà trở về nhà bảo chồng lấy búa chặt những cây củi tốt chất thành đống rồi hỏa thiêu nhục thân của thầy. Thế rồi, họ đứng một bên nhìn xem, thì thấy có bốn con chim nhiều màu sắc khác thường từ bốn phương bay đến. Thân chim bỗng dưng biến thành màu trắng rồi bay đi. Lúc ấy, người chồng là Cừ Ni đứng đó tỏ vẻ đau khổ, không vui, suy nghĩ như sau: “Y bát của Tỳ-kheo này phải đem nạp cho vua vì phép vua rất khó, sợ rằng sẽ đòi những thứ khác nữa.” Đoạn, ông mang y bát đi đến nhà vua, tâu: Y bát này là của Tỳ-kheo Kiều-trần-như đã qua đời, tôi xin nạp cho đại vương!

Vua bèn định giá y bát ấy là năm tiền. Viên quan đoán sự nói:

Vị Sa-môn này đã qua đời, y bát nên đưa về cho Tỳ-kheo.

Thế là người ấy mang về bạch với Tăng:

Tôn giả A-nhã Kiều-trần-như đã qua đời có y bát này còn để lại.

Các Tỳ-kheo thấy thế biết là y bát của thầy, liền hỏi:

Ông có thấy điều gì khác nữa không?

Có thấy! Khi tôi hỏa thiêu, thấy bốn con chim có nhiều màu sắc khác thường...

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, rồi hỏi Ngài:

Việc ấy là thế nào, bạch Thế Tôn!

Đó là bốn thiên ma muốn đến xem thân thức, nhưng không thấy nên họ hóa thành màu trắng mà bay đi.

Y bát này nên thuộc về ai, bạch Thế Tôn!

Đương nhiên thuộc về Tăng.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có thầy Tỳ-kheo bệnh nói với vị Tỳ-kheo khác:

Trưởng lão chăm sóc giúp tôi, tôi sẽ cho trưởng lão y bát.

Thế rồi, thầy Tỳ-kheo bệnh qua đời, các Tỳ-kheo tập hợp định chia y bát của thầy thì vị Tỳ-kheo nuôi bệnh liền nói:

Thầy Tỳ-kheo bệnh này lúc còn sống nói với tôi rằng: “Hãy chăm sóc giúp tôi, tôi sẽ cho thầy y bát.”

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền hỏi: Đã cho chưa?

Chưa cho, bạch Thế Tôn!

Chưa cho mà đã qua đời, phạm tội Việt-tỳ-ni. Còn người nuôi bệnh đương nhiên không được lấy.

(479b) Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có thầy Tỳ-kheo bệnh nói với vị Tỳ-kheo khác: “Hãy chăm sóc giúp tôi, tôi sẽ cho trưởng lão y bát”, bèn cho y bát. Khi được rồi, vị ấy chưa tác tịnh mà đem để lại bên cạnh người bệnh. Thế rồi, Tỳ-kheo bệnh qua đời; đoạn các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, rồi hỏi:

Việc ấy phải làm thế nào, bạch Thế Tôn!

Đã tác tịnh hay chưa?

Chưa, bạch Thế Tôn!

Người kia không được nhận!

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, có Tỳ-kheo bệnh nói với Tỳ-kheo khác:

Hãy chăm sóc giúp tôi, tôi sẽ cho trưởng lão y bát.

Thầy liền lấy cho. Khi được rồi, vị ấy tác tịnh, rồi đem để lại bên cạnh Tỳ-kheo bệnh, cho đến Phật hỏi:

Đã tác tịnh chưa?

Tác tịnh rồi, bạch Thế Tôn!

Người ấy đáng được nhận.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có Sa-di qua đời, các Tỳ-kheo bèn hỏi Phật:

Các y bát vật dụng này thuộc về ai bạch Thế Tôn!

Thuộc về Hòa thượng.

Lại có trường hợp Tỳ-kheo nuôi bệnh thốt lời oán hận như sau:

Tôi nuôi bệnh bất kể nóng lạnh, làm bao việc cực nhọc, đi tìm xin thuốc thang cho đến việc đi đổ bô đại tiểu, sự thật là như vậy thì ai đáng nhận được, chẳng lẽ chúng Tăng được sao?

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Tỳ-kheo nuôi bệnh kham khổ, nên cho ba y, bát, bồn chứa và những thuốc men còn lại.

Bấy giờ, tôn giả Ưu-ba-ly biết đúng lúc, hỏi Phật:

Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo bệnh được di chúc vật cho người khác không?

Được.

Được di chúc cho thuốc men không?

Được. Hoặc di chúc rằng: “Nếu không khỏi bệnh thì tôi sẽ cho, nếu bệnh qua khỏi thì không cho.” Hoặc di chúc: “Tôi đi đến thôn xóm ấy, nếu đi không tới thì sẽ cho. Nếu đi đến đó tức là khỏi cho.”

Hoặc di chúc: “Tôi ra đi lần này nếu mà qua đời thì sẽ cho, nếu trở về thì khỏi cho.”

Hoặc di chúc dứt khoát: “Dù sống hay chết thì lòng tôi cũng đã dứt khoát cho”, thì nên cho. Nếu di chúc cho nhiều người thì người sau cùng sẽ được.

Nếu cho nhiều người thì người hiện diện sẽ được.

Khi Tỳ-kheo qua đời hay nhập Niết-bàn, không nên đóng cửa liên. Nếu vị ấy có đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ trì giới, đáng tin thì nên giao ổ khóa cho họ. Nếu họ không đáng tin thì nên giao ổ khóa cho thầy tri sự, đợi đến khi cúng dường xá-lợi, lo việc ma chay xong mới đem y vật của vị ấy ra. Nếu đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ của vị ấy trì giới, đáng tin, thì nên bảo họ đem ra. Nếu họ không đáng tin thì nên bảo thầy tri sự đem ra. Nếu có một Tỳ-kheo nào đó, nói: “Y bát của tôi cũng có trong này”, thì phải quan sát. Nếu người ấy trì giới (479c) đáng tin thì nên đưa. Nếu không đáng tin thì không nên đưa. Nếu có người đáng tin làm chứng, thì nên đưa trước rồi Tăng mới nhận sau.

Nhận lấy có ba cách: làm yết-ma rồi nhận; chia phần rồi nhận; trao đổi cho nhau mà nhận.

Làm yết-ma rồi trao: Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp vừa qua đời, vừa nhập Niết-bàn, những y bát và các tạp vật khác của thầy nên chia cho Tăng hiện diện. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng hiện diện làm yết-ma chia y bát và các tạp vật của Tỳ-kheo mỗ giáp. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp vừa qua đời, vừa nhập Niết-bàn, các y bát và những vật dụng khác của thầy nên chia cho Tăng hiện diện. Nay Tăng hiện diện đem y bát và các tạp vật khác trao cho Tỳ-kheo A. Các đại đức nào bằng lòng đem y bát và các tạp vật khác trao cho Tỳ-kheo A thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng đem y bát và các tạp vật khác trao cho Tỳ-kheo A xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Đó gọi là làm Yết-ma rồi trao.

Chia phần rồi trao: Khi chia phần xong liền tuyên bố rằng:

Mỗi người hãy tự lấy phần mình.

Đó gọi là chia phần rồi trao.

Trao đổi nhau mà nhận phần: Trao đổi lẫn nhau (giữa người này và người khác), đó gọi là trao đổi nhau mà nhận phần.

Nếu có bốn Tỳ-kheo ở trong thôn mà một người qua đời, thì ba Tỳ-kheo còn lại nên chia nhau, nói như sau:

Thưa các trưởng lão! Tỳ-kheo mỗ giáp vừa qua đời, vừa Niết-bàn, có các y bát và tạp vật khác này nên chia cho Tăng hiện diện, nhưng nơi này không có Tăng (không đủ bốn Tỳ-kheo), chúng ta hiện diện nên chia nhau.

Nếu trú xứ có ba Tỳ-kheo mà một người qua đời thì hai Tỳ-kheo còn lại nên chia nhau, nói như sau: “Nơi này không có Tăng, chúng ta hiện diện sẽ được.”

Nếu trú xứ có hai Tỳ-kheo mà một người qua đời thì Tỳ-kheo còn lại được nhận, bằng cách tâm nghĩ, miệng nói:

Tỳ-kheo mỗ giáp vừa qua đời, vừa nhập Niết-bàn, có y bát này nên chia cho Tăng hiện diện, nhưng ở đây không có Tăng, vậy tôi hiện diện được quyền nhận.

Nếu muốn cho vật dụng cho Tỳ-kheo nuôi bệnh, nên điểm danh để biết số người nhiều ít. Sau khi đã biết, nên đem y bát và thuốc men còn lại của người mất cho họ. Người làm Yết-ma nên nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp vừa qua đời, vừa nhập Niết-bàn, y bát của thầy nên chia cho Tăng hiện diện. Nếu

thời gian của Tăng đã đến, Tăng đem y bát và thuốc men còn lại này cho Tỳ-kheo nuôi bệnh là mổ giáp. Đây là lời tác bạch.

Rồi một lần làm yết-ma cho đến: Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo nuôi bệnh là mổ giáp y bát và (480a) thuốc men còn lại xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Trong trường hợp nào người nuôi bệnh được nhận phần, trường hợp nào không được nhận phần?

Trường hợp không được nhận: Gồm có: Làm tạm thời không được nhận; bị sai làm không được nhận; làm vì thích phước đức không được nhận; làm vì tà mạng không được nhận.

Làm tạm thời: Làm tạm thời chứ không phải làm chính thức, đó gọi là làm tạm thời.

Bị sai làm: Tăng theo thứ tự sai làm thì gọi là sai làm.

Làm vì thích phước đức: Vì mong muốn được phước đức mà nuôi bệnh, đó gọi là thích phước đức.

Tà mạng: Vì hy vọng (được phẩm vật) mà nuôi bệnh, đó gọi là tà mạng.

Trường hợp đáng được: Phật dạy:

Vì muốn được lợi ích (cho người bệnh), ít nhất là đốt một ngọn đèn. Vì muốn cho người bệnh được bình phục thì đáng được nhận phần.

Khi làm yết-ma xong, nên phán đoán bóng mặt trời. Nếu có Tỳ-kheo khách đến thì phải biết là trước lúc yết-ma hay sau lúc yết-ma; hoặc gặp lúc chết mà không gặp lúc yết-ma; hoặc gặp lúc yết-ma mà không gặp lúc chết; hoặc vừa gặp lúc chết, vừa gặp lúc yết-ma; hoặc không gặp lúc chết, cũng không gặp lúc yết-ma.

Trong đây, gặp lúc yết-ma, không gặp lúc chết, vừa gặp lúc chết, vừa gặp lúc yết-ma thì được nhận phần. Trường hợp gặp lúc chết,

không gặp lúc yết-ma; vừa không gặp lúc chết, vừa không gặp lúc yết-ma thì không được nhận phần. Nhưng nếu đi tìm thuốc cho người bệnh, hoặc vì việc của tháp, của chúng Tăng mà đi vắng thì nên cho phần. Đó là cách xử lý vật của người chết.

*

YẾT-MA CÔNG NHẬN BỆNH CUÔNG SI

Khi Phật an trú tại thành vương-xá. Bấy giờ trưởng lão Kiếp Tần Na có hai người đệ tử đồng hành, người thứ nhất tên Nan-đề, người thứ hai tên Bát-già-nan-đề mắc bệnh cuông si; khi Tăng làm yết-ma có lúc họ đến, có lúc họ không đến, khiến pháp yết-ma của Tăng bị phá. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật nói với các Tỳ-kheo:

Nan-đề, Bát-già-nan-đề mắc bệnh cuông si, khi Tăng làm Yết-ma, có lúc họ đến, có lúc họ không đến, khiến pháp Yết-ma của Tăng bị phá, thì Tăng nên làm Yết-ma công nhận bệnh cuông si. Người làm Yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Nan-đề, Bát-già-nan-đề mắc bệnh cuông si, khi Tăng làm Yết-ma, có lúc họ đến, có lúc họ không đến, khiến pháp Yết-ma của Tăng bị phá. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề pháp Yết-ma bệnh cuông si. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Nan-đề, Bát-già-nan-đề mắc bệnh cuông si, khi Tăng làm Yết-ma, có lúc họ đến, có lúc họ không đến, khiến pháp Yết-ma của Tăng bị phá. Tăng nay cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề pháp Yết-ma công nhận bệnh cuông si. Các đại đức nào bằng lòng cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề pháp Yết-ma công nhận bệnh cuông si thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là Yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế)

Tăng đã bằng lòng cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề pháp Yết-ma công nhận bệnh cuồng si xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Khi làm Yết-ma xong, nếu người ấy có đến hay không đến, pháp Yết-ma sẽ không bị phá. Nếu bệnh cuồng si bớt, tâm trí trở lại như cũ (480b) thì được coi như đã xả pháp Yết-ma. Đó gọi là Yết-ma công nhận bệnh cuồng si.

*

BÀY TỎ SỰ KHÔNG ĐỒNG TÌNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo ở Chiêm Ba đấu tranh, cãi vã nhau, cùng sống một chỗ mà bất hòa. Một Tỳ-kheo cử tội một Tỳ-kheo, hai Tỳ-kheo cử tội hai Tỳ-kheo, nhiều Tỳ-kheo cử tội nhiều Tỳ-kheo. Thế rồi, các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay Ta cho phép bày tỏ sự không đồng tình. Cách bày tỏ sự không đồng tình như sau: Nếu Tăng làm Yết-ma phi pháp mà mình có khả năng thì nên ngăn cản, nói: “Này các trưởng lão! Đó là việc phi pháp, phi luật không nên làm.” Nếu người đó hung ác, có thể lực, sợ họ sát hại hoặc làm tổn thương phạm hạnh, thì nên bày tỏ sự không đồng tình, nói như sau: “Đây là Yết-ma phi pháp, tôi không bằng lòng, xin bày tỏ sự không đồng tình.” Nói như vậy ba lần. Khi bày tỏ sự không đồng tình, không nên bày tỏ với đối phương mà nên bày tỏ với người đồng ý với mình. Cũng không được làm với nhiều người mà chỉ được làm chừng hai người, ba người; còn những người khác thì nên gởi dục đúng pháp rồi bỏ đi. Nếu trong Tăng giải quyết việc một cách phi pháp mà không ngăn cản, không gởi dục, không bày tỏ sự không đồng tình thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu suy nghĩ: “Tùy nghiệp vận hành, như lửa

cháy nhà, ta chỉ cứu lấy mình, gắng giữ tâm đúng với pháp”, thì không có tội. Đó gọi là bày tỏ sự không đồng tình.

*

PHÁ LÒNG TIN CỦA THÍ CHỦ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy trưởng giả Lộc theo thứ tự mời Tăng đến thọ trai. Ưu-ba-nan-đà tới phiên mình đi đến nhà ấy. Trưởng giả hỏi:

Thầy muốn ăn ở đây hay đem đi?

Muốn đem đi.

Gia chủ liền lấy bát của thầy bỏ đầy các thứ ẩm thực. Ưu-ba-nan-đà được thức ăn rồi, bèn đem đến nhà dâm nữ, hỏi:

Cô muốn được thức ăn không?

Muốn được.

Đem chén bát của cô lại đây.

Thế là thầy rót đồ ăn thức uống ra la liệt đầy bàn, rồi tiếp tục đi khát thực. Khi ấy, con ông trưởng giả ăn xong, đi đến nhà dâm nữ, cô ta hỏi:

Chàng có muốn ăn không?

Lấy ra đây.

Cô ta liền đem thức ăn trên bàn đưa cho chàng ấy. Khi thấy thức ăn, chàng ta biết ngay, liền hỏi:

Cô được thức ăn này ở đâu vậy?

Chàng cứ ăn đi chứ hỏi làm gì! Các cậu thanh niên đem cho đó.

Không phải vậy! Tôi muốn biết xuất xứ đích xác.

Anh ta cứ hỏi mãi, cô ấy đành phải khai:

Sư phụ Ưu-ba-nan-đà cho tôi đó.

Con ông trưởng giả bèn chê trách:

Ta nghĩ rằng chúng Tăng là phước điền tốt, trái lại Ưu-ba-nan-đà lại cho rằng dâm nữ là phước điền tốt.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy, có Tát bạc chủ Vô Úy cúng dường cho Tăng hai tấm vải mịn. Ưu-ba-nan-đà nhận được từ trong Tăng rồi, đem cho dâm nữ. (480c) Dâm nữ được rồi, mặc đi vào nơi thị tứ. Khi ấy, Tát bạc chủ Vô Úy thấy thế biết ngay, liền hỏi:

Cô được loại vải này ở đâu vậy?

Vì có gì mà chàng hỏi? Các cậu thanh niên cho tôi đó.

Không phải vậy! Tôi muốn biết rõ xuất xứ.

Anh ta cứ hỏi mãi, cô ấy đành khai:

Tôn giả Ưu-ba-nan-đà cho tôi đó.

Thế rồi, Tát bạc chủ trách móc:

Ta nghĩ rằng chúng Tăng là phước điền tốt, trái lại Ưu-ba-nan-đà cho dâm nữ là phước điền tốt.

Các Tỳ-kheo nghe thế, đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật bèn hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao ông phá hoại vật của tín thí? Từ nay Ta không cho phép phá hoại vật của tín thí. Tín, nghĩa là người ta cho với niềm tin, cho với tâm hoan hỷ. Thí, gồm có 8 loại, đó là

thức ăn đúng giờ, thuốc uống ban đêm cho đến những thứ hợp lệ và không hợp lệ. Phá, nghĩa là dùng tâm tham dục đem cho dâm nữ, quả phụ, đồng tử lớn tuổi, kẻ bất năng nam, Tỳ-kheo ni mang tiếng xấu, Sa-di-ni mang tiếng xấu, ít nhất là vì tâm tham dục mà đem cho súc sinh, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có người đến xin thức ăn của Tăng thì được cho chừng một vắt cơm. Nếu có nhiều người thì nên chia cho bằng nhau. Nếu kẻ ấy có lòng tham dục thì không nên cho. Nếu cha mẹ nghèo khổ không có lòng tin thì được cho ít nhiều tùy nghi. Nếu họ có lòng tin thì nên cho hào phóng. Có hai trường hợp nên cho: vì lợi ích, vì tổn hại.

Vì lợi ích: hoặc đàn việt hoặc Ưu-bà-tắc làm việc cho tháp, cho Tăng thì nên cho.

Vì tổn hại: hoặc bọn cướp, hoặc nhà vua, hoặc kẻ hung ác nếu không cho thì chúng có thể gây ra sự bất lợi, những hạng người này nên cho. Đó gọi là phá lòng tin của thí chủ.

*

PHÉP DÙNG GIÀY DA

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà mang giày da thếp vàng mà đi, bị người đời chê trách rằng:

Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như vương giả, đại thần, người quý hiển, mang giày da thếp vàng?.

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật nói:

Từ nay về sau, Ta không cho phép mang giày da thếp vàng.

Lại nữa, vào những ngày Khánh tiết của người đời, nhóm sáu Tỳ-kheo người thì mang giày da có nhiều màu sắc, người thì mang hai lớp giày, hện nhau đi ngắm cảnh, bị người đời chê trách rằng:

Vì sao Sa-môn Thích tử mang nhiều loại giày giống như vương giả, đại thân?

Có kẻ thấy mang như thế oán ghét, bèn nói:

Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như kẻ hạ tiện, mang giày da hai lớp? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau, (481a) Ta không cho phép Tỳ-kheo mang giày da hai lớp.

Lại nữa, khi Phật an trú tại rừng Thi-đà, thành Vương-xá, lúc ấy, thân Thế Tôn có chút ít bất hòa, đồng tử Kỳ Cựu liền đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Con nghe nói thân Thế Tôn bất hòa, nên uống thuốc tiêu hạ. Tuy Thế Tôn không cần, nhưng vì chúng sinh, mong Thế Tôn hãy nhận món thuốc này để cho chúng sinh đời sau thấy rõ nguyên lý: Người bệnh thì dùng thuốc, người bố thí thì được phước báo.

Khi ấy, Thế Tôn im lặng nhận lời. Kỳ Cựu lại suy nghĩ: “Không thể để Thế Tôn uống thuốc như người thương, phải dùng thuốc ướp với hoa sen xanh rồi trao cho Thế Tôn.” Đoạn, Thế Tôn ngửi hơi thuốc ba lần. Vì sức thuốc mạnh khiến Thế Tôn đi đại tiện đến 18 lần, do thế, sắc diện kém vui. Bấy giờ, A-nan nói với tôn giả Đại Mục-liên:

Thế Tôn uống thuốc, không biết nơi nào có thức ăn hợp với bệnh của Ngài?

Khi ấy, Mục-liên liền quan sát, thấy con của Nhị-thập-úc-thứ-nô ở nước Chiêm Ba, hằng ngày nấu 500 món ăn, liền dùng thần lực đi đến đứng trước anh ta. Con của Nhị Thập Ưc thấy tôn giả Mục-liên uy nghi thân đức, trong lòng tán phục, hứng khởi, cho rằng chưa từng có. Lúc ấy, Mục-liên bèn đọc kệ:

Đấng Thiên Tôn kỳ diệu,
 Tích lũy muôn công đức
 Thân có chút bất hòa,
 Cần thức ăn hợp bệnh.
 Nay ông được lợi ích,
 Sẽ gặt quả báo lớn.
 Các đệ tử Thanh văn.
 So với đức Thế Tôn
 Ví như hạt cải mòng
 Sánh với núi Tu di.

Bấy giờ, con ông trưởng giả nghe đọc kệ xong lòng đại hoan hỷ, tán thán: “Lành thay! Nay được lợi ích này”, bèn sửa soạn các món ăn thượng hạng, rồi mời Mục-liên ở lại thọ trai. Khi ấy, Mục-liên suy nghĩ: “Ta vì đức Thế Tôn xin thức ăn hợp với bệnh, vậy không nên ăn trước”, liền nhận lấy thức ăn để trên hư không, rồi mới ăn phần mình. Khi ấy, đồng tử Nhị Thập Ưc nói với tôn giả Mục-liên: Tôi muốn biết Thế Tôn ăn trước rồi tôi mới ăn sau, làm sao biết được?

Mục-liên nói:

Bát đựng thức ăn trong chốc lát sẽ trở lại, là ta biết đã ăn rồi.

Thế là, chỉ trong nháy mắt, Mục-liên đã đến chỗ Thế Tôn, dâng thức ăn lên Thế Tôn. Thế Tôn ăn xong thì cái bát nươg theo hư không trở về chỗ cũ. Lúc ấy, đồng tử Nhị-thập-úc-thứ-nô từ xa trông thấy cái bát bay về, liền đứng dậy nghênh đón, lấy đội lên đầu.

Bấy giờ, vua Bình Sa đến thăm viếng Thế Tôn, nghe mùi thức ăn, bèn hỏi:

Bạch Thế Tôn! Đó là mùi thơm gì vậy?

Mùi thức ăn đấy! Đại vương có muốn ăn (481b) thức ăn còn lại của Như Lai không?

Muốn ăn, bạch Thế Tôn! Tôi sẽ được lợi ích rất lớn khi ăn thức ăn còn lại của đức Như Lai.

Đoạn, nhà vua ăn xong, liền bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Từ ngày tôi sinh ra trong hoàng gia đến giờ chưa từng được thức ăn như thế này. Bạch Thế Tôn! Đây là thức ăn của cõi trời, của rồng, của Uất đơn việt hay thức ăn của quỷ thần?

Đây không phải là thức ăn của cõi trời, cho đến không phải của quỷ thần.

Thế rồi, Thế Tôn vì nhà vua nói về dưới chân của đồng tử Nhị-thập-úc-thứ-nô có lông màu vàng, dài bốn tấc, phước đức như vậy. Vua nghe xong, muốn đến đó xem liền nhưng viên quan cận thân tâu với vua:

Kẻ đó là thần dân của đại vương, đại vương nên truyền lệnh y đến hầu, chứ không nên thân hành đến đó.

Tức thì vua sai sứ đến nói với cha mẹ của đồng tử rằng nhà vua muốn gặp đồng tử. Cha mẹ bàn bạc:

Vua cho gọi thế này ắt là muốn tìm cách phật tiền chúng ta đây. Chúng ta thà nạp ngàn vạn bạc chứ không nên cho con đến nhà vua.

Liền dùng xe chở vàng bạc châu báu đến chỗ nhà vua, tâu vua rằng:

Đồng tử yếu đuối không thể tự đến được, nay xin chở những trân bảo của đồng tử đến hiến dâng cho đại vương.

Nhà vua liền nói:

Ta có sẵn vàng bạc, châu báu, đâu có cần những thứ này để làm gì. Ta chỉ muốn xem thân hình của đồng tử mà thôi.

Vua liền sai sứ giả đến đó truyền lệnh rồi sứ giả trở về tâu với vua:

Đồng tử sống rất sung sướng, thân thể quá mềm yếu, không thể đi xe cộ được.

Nếu vậy, thì hãy trang bị thuyền rồi chở đến. Nếu tới chỗ nào thuyền đi không thông thì hãy đào đất thành kênh, dùng hạt cải bỏ xuống cho trơn để kéo qua.

Thế rồi, quân lính kéo thuyền đến sơn khẩu rồi rời thuyền lên bờ. Đồng tử vì quá mềm yếu phải dùng vải nệm trải trên đất để đi lên trên. Từ xa trông thấy Thế Tôn đang ngồi trên đất, đồng tử dỡ bỏ vải nệm, dẫm trên đất mà đi tới. Thế Tôn thấy vậy mỉm cười. Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Vì có gì mà Thế Tôn mỉm cười?

Các ông có thấy đồng tử này không?

Dạ thấy, bạch Thế Tôn!

Đồng tử này từ 91 kiếp trở lại đây, chân chưa từng dẫm lên đất, nay vì thấy Như Lai, sinh tâm cung kính (nên mới đi trên đất), chứ chẳng phải do hết phước đức.

Đồng tử đi đến trước Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi ngồi sang một bên. Phật liền tùy thuận thuyết pháp dạy bảo, khiến ông được lợi ích hoan hỷ, đắc pháp nhãn thanh tịnh. Rồi Phật bảo đồng tử:

Nếu nhà vua đến đây thì ông hãy xuống đất ngồi xếp bằng dơ hai bàn chân ra.

Khi vua tiến vào, đồng tử liền xuống đất ngồi xếp bằng dơ hai bàn chân ra. Lúc ấy, quân hầu của vua rút gươm ra định bước tới, vua bèn khiển trách ỳ. Đồng tử thấy vậy lòng sinh hoảng sợ, liền tâu với vua:

Xin đại vương cho phép tôi xuất gia!

Người muốn xuất gia theo đạo nào?

Muốn xuất gia theo đạo Phật.

Vua liền sai sứ đến nói với cha mẹ cho đồng tử xuất gia. Sau khi được cha mẹ cho phép, (481c) đồng tử liền xin Phật xuất gia thọ Cụ túc. Các Tỳ-kheo bèn hỏi Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Đồng tử này có nhân duyên gì mà 91 kiếp chân không dính đất?

Trong thời quá khứ cách nay 91 kiếp có đức Phật tên Tỳ-bát- thi Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri ra đời. Lúc ấy có 90 người con trưởng giả mời Phật và 80.000 Tỳ-kheo Tăng an cư trong ba tháng, mỗi người cúng dường mỗi ngày. Vị này là người cúng dường sau cùng. Ông dùng lụa trắng trải trên đất cúng dường cho chúng Tăng, vì vậy mà hưởng được phước báo sinh trong cõi trời người trải qua 91 kiếp chân chưa từng dẫm trên đất. Con ông trưởng giả khi ấy, bây giờ chính là đồng tử Nhị-thập-úc-thứ-nô vậy.

Đồng tử sau khi xuất gia, đi kinh hành trong rừng Thi-đà không biết mỗi mệ, bàn chân bị thương tích, máu chảy xuống đất. Phật thấy thế, tuy biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Ai đi kinh hành chỗ này mà máu chảy ra như vậy?

Bạch Thế Tôn! Đó là chỗ đi kinh hành của đồng tử Nhị-thập-úc-thứ-nô.

Này các Tỳ-kheo! Giả sử đồng tử Nhị-thập-úc-thứ-nô này đi kinh hành khiến cho núi Tu di nát vụn như bụi bặm cũng không thể đặc đạo, huống gì bị thương tổn lớp da.

Khi đồng tử Nhị-thập-úc-thứ-nô nghe Phật nói như vậy, thầy liền đi đến một nơi thanh vắng, ngồi kiết già, suy nghĩ: “Người tinh tấn không lười biếng trong hàng Thanh văn đệ tử Phật không ai hơn ta, vậy mà Thế Tôn nói là không thể đặc đạo, chi bằng ta xả giới trở về nhà làm các công đức cúng dường Phật và Tỳ-kheo

Tăng.” Phật biết được tâm niệm của thầy liền dùng thần túc đi trên hư không đến ngôi trước mặt thầy, nói:

Này Tỳ-kheo! Nay ta hỏi ông, tùy ý mà đáp: Trước đây ông có biết đánh đàn không?

Biết đánh, bạch Thế Tôn!

Khi dây đàn thẳng quá thì âm thanh có trong trẻo không?

Không trong trẻo, bạch Thế Tôn!

Khi dây đàn chùn quá thì âm thanh có réo rắt không?

Thưa không, bạch Thế Tôn!

Này Tỳ-kheo! Khi dây đàn không thẳng quá, không chùn quá thì âm thanh có du dương không?

Rất du dương, bạch Thế Tôn!

Này Tỳ-kheo! Tinh tấn thái quá thì tâm sinh căng thẳng, còn sống lè phè thì tâm sinh dã dượi, không gấp gáp, không lè phè, tâm chuyên chú một chỗ sẽ soi tỏ mọi thứ, như trong *kinh Tăng nhất* đã nói rõ. Này Tỳ-kheo! Ông đã có niềm tin, bỏ hai mươi ức của cải mà xuất gia, vì sao sống trong chánh pháp còn khởi tâm tăng thượng mạn để tự chuốc khổ não? Này Tỳ-kheo! Nhân vì ông, Ta cho phép các Tỳ-kheo được mang giày da.

Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã cho phép các Tỳ-kheo mang giày da, nay con dần dần tập đi rồi sẽ mang giày da.

Từ nay về sau, Ta cho phép (482a) Tỳ-kheo được mang giày da một lớp.

Khi ấy, A-nan Bàn-đề-tỉ nghe Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo mang giày da một lớp liền đem 500 đôi giày da đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng sang một bên, bạch với Phật:

Kính xin Thế Tôn nhận những đôi giày da này.

Phật liền đọc kệ chú nguyện cho ông:

Ai bố thí giày da
Cho phạm hạnh thanh tịnh,
Thân, khẩu, ý, ly ác
Được hưởng lạc nhân thiên.
Với phước báo đất vàng,
Trang hoàng các cung điện.
Được như ý thần túc,
Thanh tịnh không chướng ngại.
Thí ít được lợi nhiều,
Vì đó là phước điền.
Bậc trí nguyện trong sạch,
Sẽ được quả phúc tốt.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, đức Thế Tôn cứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Ngài thấy các đôi giày da bỏ ngổn ngang trên đất, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Này các Tỳ-kheo! Đây là những giày dép gì mà bỏ ngổn ngang như vậy?

Bạch Thế Tôn! Đó là những giày dép bị rách, nhưng vì sợ may chổng hai lớp nên không dám vá lại.

Ta cho phép được vá lại.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, có Tỳ-kheo ở phương Nam, đến lễ bái Thế Tôn, trên đường đi giày bị hỏng khiến chân thầy bị chột da, phải lê gót mà đi, đến đánh lễ Phật. Tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

Tại sao ông phải lê gót mà đi?

Bạch Thế Tôn! Con mang giày da một lớp đến giữa đường giày bị hỏng mà không dám mang giày hai lớp nên chân bị lở.

Từ nay, Ta cho phép làm giày da Ni-mục-ha, khi mang Phước-la không được bọc phía trước mà nên bọc phía sau. Phép làm giày da không được dùng sừng dê đen, sừng dê trắng, thép vàng, nạm châu ngọc lưu ly, thủy tinh, mã não và các loại giày có màu sắc rực rỡ Ta không cho phép mang. Nếu được đôi giày da hai lớp còn mới thì không được phép mang, nên bảo tịnh nhân mang đi ít nhất năm, sáu bước rồi mới mang. Nếu được mà mang liền thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là phép dùng giày da.



PHÉP DÙNG GUỐC

Khi Phật an trú trong vườn Am-bạt-la của đồng tử Kỳ Cựu nơi thành Vương-xá, Ngài giảng *kinh Sa-môn quả* cho vua A-xà-thế nghe suốt đêm. Khi ấy, Ưu-ba-nan-đà ngồi nghe lâu mệt mỏi bèn trở về phòng nghỉ, đến cuối đêm thức dậy, mang guốc mà đi, vì tiếng guốc kêu lóc cóc khiến voi ngựa nghe được kinh hoảng kêu lên. Vua A-xà-thế nghe vậy hoảng sợ liền trở về thành. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. (482b) Phật liền bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép mang guốc.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy, có một Tỳ-kheo đang ngồi thiền trong hang đá Thiên Đế Thích, rồi một Tỳ-kheo khác mang guốc đi kinh hành ở trước hang, khiến cho

Tỳ-kheo ngồi thiền nghe tiếng guốc tâm không định được. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép mang các loại guốc như: guốc vàng, guốc bạc, guốc ngọc, guốc răng, guốc gỗ, guốc da guốc đuôi ngựa, guốc gai, guốc khâm bà la, guốc có gù, guốc cỏ cứng, guốc vỏ cây; tất cả các loại guốc tương tự như thế đều không cho phép dùng. Nếu ai xỏ chân vào guốc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu muốn rửa chân nên sắp ngang guốc ra rồi dẫm lên trên thì không phạm tội. Khi Tỳ-kheo mang guốc da thì phải lót ở dưới một lớp đế. Nếu ai không lót ở dưới một lớp đế thì phạm tội Tỳ-ni tâm hối. Nếu ai mang guốc mà không có đế thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là phép dùng guốc.



PHÉP TẮM RỬA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nhóm sáu Tỳ-kheo đi đến sông A-chi-la để tắm, họ dùng đá cọ để kỳ lưng, bị người đời chê trách rằng:

Vì sao Sa-môn Thích tử dùng đá cọ kỳ lưng giống như vương gia, bọn lực sĩ thi đấu? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Rồi Thế Tôn dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng đá cọ để kỳ lưng. Loại đá cọ này hoặc dùng đá, dùng gạch, dùng gỗ để làm; các loại tương tự như thế đều không được dùng để kỳ lưng. Nếu trong nước có cây trụ cũng không được đến cào lưng. Lúc tắm nên nhờ một người khác kỳ cọ. Khi kỳ không được dơ cả hai tay lên một lúc, mà nên dùng một tay che, rồi tuần tự kỳ cọ. Không được đứng tắm như

người thế tục mà nên ngồi tắm, đồng thời theo thứ lớp rửa bàn tay đến cánh tay. Nếu thân thể có cáu bẩn, không được cầm cú để kỳ mà nên mở bàn tay ra kỳ. Nếu ai dùng đá cọ để kỳ cọ tắm thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là phép tắm rửa.

*

PHÉP DỪNG MẶT HƯƠNG

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đem theo các loại mặt hương đến đầu sông A-chi-la để tắm. Lúc ấy, có đệ tử của ngoại đạo thấy thế, suy nghĩ: “Bọn chúng ta hãy cùng nhau đến quấy nhiễu Ưu-bà-tắc đệ tử của Sa-môn.” Nghĩ thế rồi liền đi tới đó, hỏi như sau:

Thầy của ai ít muốn, biết đủ?

Ưu-bà-tắc nói:

Thầy của tôi ít muốn, biết đủ.

Thầy của tôi ít muốn, biết đủ.

(482c) Thầy của người không tầm, không quý, uống rượu như lừa.

Thầy của tôi mới là ít muốn, biết đủ, có tầm quý.

Tôi muốn đánh cá với ông 500 đồng tiền cũ đấy.

Được thôi.

Thế rồi, họ cùng nhau bàn bạc nên dùng thứ gì để thí nghiệm, và đã nhất trí dùng mặt hương để thí nghiệm, nhưng nên đến thầy của ai trước thì đệ tử ngoại đạo nói:

Hãy đến chỗ thầy tôi trước!

Đoạn, ông sai người đến dặn trước thầy mình:

Khi con đem mật hương đến, thầy hãy hiện tướng ít muốn, biết đủ, cẩn thận đừng nhận.

Thế rồi, trong chốc lát họ bèn mang mật hương đến thưa:

Mong các thầy thương xót nhận lấy mật hương này!

Tôi là người xuất gia chẳng phải vương giả, đại thần, dùng loại mật hương này để làm gì?

Vì vị ấy không nhận, họ bèn mang đến Tinh xá Kỳ hoàn, thưa như sau:

Xin các thầy thương xót chúng tôi nhận lấy mật hương này!

Do Ưu-bà-tắc chất phác không nói trước nên các Tỳ-kheo bèn đánh kiến chùy, tập hợp Tăng định chia mật hương. Những người không đến thì có đệ tử nhận phần thế, nói:

Đưa phần Hòa thượng, A-xà-lê tôi cho tôi.

Họ lớn tiếng tranh nhau đòi như vậy om sòm. Đệ tử của ngoại đạo thấy thế vỗ tay cười lớn:

Tôi hơn ông rồi! Hôm nay tôi đã thắng cuộc.

Khi ấy, Ưu-bà-tắc xấu hổ không nói nên lời, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi đứng hầu một bên, trình bày lại đầy đủ sự việc trên với Phật.

Bạch Thế Tôn! Con không tiếc tiền, nhưng ngoại đạo thắng cuộc, nên con hổ thẹn.

Phật liền thuyết pháp dạy bảo điều lợi ích khiến tâm ông hoan hỷ, cúi đầu đánh lễ chân Phật rồi từ giả. Bấy giờ, Thế Tôn liền đi đến chỗ có đông Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, thuật lại đầy đủ sự việc trên cho các Tỳ-kheo. Đoạn, Phật dạy:

Này các Tỳ-kheo! Từ nay Ta không cho phép dùng mật hương.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá, vì năm việc lợi ích nên đức Như Lai cứ năm hôm đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần, thấy Tỳ-kheo bị bệnh ghê nhọt, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Thân thể ông có điều hòa, an lạc không?

Bạch Thế Tôn! Con bị bệnh ghê nhọt, nếu có mặt hương dùng tắm rửa thì sẽ lành bệnh, nhưng Thế Tôn chế giới không cho dùng mặt hương, nên con phải chịu khổ sở.

Từ nay Ta cho phép Tỳ-kheo bị bệnh được dùng mặt hương. Mặt hương gồm các loại: mặt thi, mặt mã nhĩ, mặt bảy màu, mặt chiêm đàn, mặt câu đà, mặt Am-bạt-la, mặt diêm phù thi lợi, mặt a thuần, mặt già tử la, đại loại các thứ như thế đều không được dùng. Nhưng nếu Tỳ-kheo bị bệnh ghê nhọt, cần mặt hương thoa, rửa cho lành bệnh thì được dùng không có tội. Đồng thời cho phép dùng mặt-hương-ca-la (483a) mặt-ma-sa, mặt-ma-sấu-la, mặt sa để, bùn đất. Đó gọi là phép dùng mặt hương.

*

PHÉP DÙNG GẬY VÀ TÚI BẰNG DÂY

Khi Phật an trú tại thành vương-xá, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo là Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà dùng cái túi bằng dây châu báu để đựng bát, rồi lấy dây đen buộc túi vào gậy, quảy trên vai mà đi, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như vua, đại thần dùng cái túi bằng dây báu đựng bát rồi quảy trên vai mà đi?

Có kẻ ác ý còn chêm vào:

Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như bọn hạ tiện bị người ta sai khiến, dùng dây đen buộc túi đựng bát vào gậy rồi quảy đi? Đây là hạng người hạ tiện nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Rồi Phật dạy:
Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng gậy và túi bằng dây.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, Đức Như Lai cứ năm hôm đi tuần tra phòng các Tỳ-kheo một lần. Ngài thấy Tỳ-kheo bị mụn nhọt ở tay, tuy biết mà vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Thân thể ông có điều hòa an lạc không?

Bạch Thế Tôn! Tay con mọc mụn nhọt cho nên bát bị vỡ mà Thế Tôn lại chế giới không cho dùng gậy và túi bằng dây, vì thế mà không vui.

Từ nay về sau, Ta cho phép Tỳ-kheo bị bệnh được theo Tăng xin chứa gậy và túi bằng dây, Tăng nên làm Yết-ma cho phép. Người xin nên trật vai áo bên phải, quì gối, chấp tay nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Tôi là mỗ giáp vì tay bị mụn nhọt nên bát bị vỡ. Nay theo Tăng xin pháp Yết-ma được chứa gậy và túi dây. Nguyên xin Tăng cho tôi pháp Yết-ma (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Thế rồi, người làm Yết-ma nên nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp vì tay có mụn nhọt nên bát bị vỡ, đã theo Tăng xin pháp Yết-ma được chứa gậy và túi bằng dây. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo mỗ giáp pháp Yết-ma được chứa gậy và túi bằng dây. Đây là lời tác bạch. (Thế rồi bạch nhất Yết-ma cho đến) Tăng đã cho Tỳ-kheo mỗ giáp pháp Yết-ma được chứa gậy và túi dây xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Khi làm Yết-ma xong, muốn đi đâu thì tay cầm gậy và túi dây, chứ không được đặt trên vai mà vác đi. Nếu cầm gậy thì phạm tội

Việt-tỳ-ni tâm hối, cầm túi dây cũng phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối. Nếu cầm gậy, túi dây và bát thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đi đường thì được cột dây lọc nước vào đầu gậy rồi cầm trên tay mà đi, nhưng không được đặt trên vai. Nếu không làm Yết-ma mà cầm gậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni; và cầm túi da cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu cầm gậy và túi da thì phạm hai tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là phép cầm gậy và túi da.

(483b) Kệ tóm tắt:

Vật nặng, y người chết,
Cuồng si, không đồng tình.
Phá tín thí, giày da,
Guốc gỗ, kỳ cọ thân.
Mạt hương, gậy túi da,
Kết thúc phần thứ bảy.

*

PHÉP DỪNG TỎI

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy, cư sĩ Di Kỳ mời Tăng ăn tỏi. Nhóm sáu Tỳ-kheo liền đi đến vườn, ăn tỏi, rồi bỏ lổn ngổn trên đất, lại còn mang về Tinh xá. Lúc ấy, cư sĩ đi tuần tra vườn tỏi, thấy thế liền hỏi người giữ vườn:

Vì sao như vậy?

Người giữ vườn bèn thuật lại đầy đủ sự việc trên. Cư sĩ nói:

Tỳ-kheo chỉ nên ăn thôi, vì sao lại vứt bỏ đầy đất thế này? Lại còn mang đi cho ai vậy?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo:

Từ nay trở đi, Ta không cho phép ăn tỏi.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy, Thế Tôn đang thuyết pháp cho đại chúng, thì có một Tỳ-kheo ăn tỏi nên ngồi ở cuối gió, vì sợ mùi hôi tỏa đến các vị phạm hạnh. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Đó là Tỳ-kheo nào mà ngồi riêng một chỗ như kẻ gậy gỗ vậy?

Bạch Thế Tôn! Vị Tỳ-kheo này ăn tỏi, sợ mùi hôi xông đến các vị phạm hạnh nên phải ngồi ở chỗ cuối gió.

Này các Tỳ-kheo! Nếu Tỳ-kheo này không ăn tỏi thì có bị mất lợi ích của pháp vị cam lồ như vậy không?

Thưa không, bạch Thế Tôn!

Tỳ-kheo này vì ăn tỏi mà bị mất pháp vị bất tử như vậy đó. Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn tỏi.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tinh xá Ni-câu-luật của dòng họ Thích, nơi thành Ca-duy-la-vệ, cứ năm hôm đức Như Lai đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Ngài thấy một Tỳ-kheo bị bệnh hoàng đãng gây ốm, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Thân thể ông có điều hòa, sống an ổn không?

Bạch Thế Tôn! Con bị bệnh không được điều hòa, lúc còn ở đời con ăn tỏi thì khỏi bệnh, nhưng nay Thế Tôn chế định không được ăn tỏi, do đó con không được an lạc.

Từ nay Ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được ăn tỏi, nên tùy thuận thi hành. Tỏi gồm có loại người ta trồng, có loại mọc trên núi, đại loại các thứ như thế và tất cả những thứ khác, hoặc sống, hoặc chín, hoặc lá, hoặc vỏ đều không được ăn. Nếu bị ung thư hay mụn nhọt thì được dùng tỏi để đắp. Khi đắp tỏi thì không được ở giữa chúng mà nên ở chỗ vắng vẻ. Khi đã khỏi bệnh thì phải tắm rửa sạch sẽ rồi mới vào trong chúng Tăng. Nếu khi có bệnh mà thấy thuốc bảo: “Thưa trưởng lão! Bệnh này phải uống tỏi mới bớt, nếu

không uống thì không bớt”, mà không còn phương pháp nào khác để chữa trị, thì Ta cho phép uống. Khi uống tởi (483c) phải thi hành bảy ngày pháp tùy thuận như sau: Ở trong một căn phòng nhỏ; Không được nằm trên giường nệm của chúng Tăng; Không được đi đại tiểu tiện nơi phòng vệ sinh của Tăng; Không được rửa chân ở chỗ Tăng rửa chân; Không được vào nhà suối, giảng đường và nhà ăn; Không được đi dự hội theo thứ tự do Tăng sai; Không được đi vào chỗ Tăng đang ăn và phòng thiền; Không được vào trong chỗ Tăng đang thuyết pháp, Bồ-tát; chỗ nào Tỳ-kheo đang hội họp thì nhất thiết không được đến; không nên nhiễu tháp, nếu tháp ở chỗ trống trải thì được lễ bái từ xa ở dưới gió. Sau bảy ngày hành pháp tùy thuận, đến ngày thứ tám phải tắm rửa, giặt y phục, xông hương, rồi mới được vào trong Tăng. Nếu Tỳ-kheo không bệnh mà ăn tởi hay có bệnh mà ăn tởi nhưng không hành pháp tùy thuận thì cả hai đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là phép dùng tởi.

*

PHÉP PHÚ BÁT (TẨY CHAY)

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, Ưu-bà-tắc Pháp Dụ ở trong thành này thường mời Tăng theo thứ lớp thọ trai. Khi Tỳ-kheo tới nhà, ông cất vấn nghĩa lý, ai giải thích được thì ông rất hoan hỷ, tự tay dọn các thức ăn. Ai không đáp được thì ông hủy nhục, sai nô tì dọn thức ăn thô sơ. Vì thế theo thứ lớp đến phiên Thượng Tọa đi thì không đi, liền bảo: “Mời tiếp những người dưới”, cho đến những người trẻ tuổi cũng đều không muốn đi. Do vậy mà lời qua tiếng lại om sòm. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Vì sao mà có lời qua tiếng lại om sòm như vậy?

Bạch Thế Tôn! Ưu-bà-tắc Pháp Dự thường mời chư Tăng thọ trai theo thứ lớp. Thế rồi, người phải đi thì không đi, vì vậy mà có lời qua tiếng lại om sòm.

Này các Tỳ-kheo! Ưu-bà-tắc Pháp Dự khinh mạn các Tỳ-kheo, Tăng nên làm Yết-ma phú bát (tẩy chay). Nếu Ưu-bà-tắc có 8 việc sau đây, thì Tăng nên làm Yết-ma phú bát, đó là:

1. Phỉ báng Tỳ-kheo ngay trước mặt.
2. Khiển trách Tỳ-kheo ngay trước mặt, nói như sau: “Ông là kẻ ác hạnh.”
3. Nổi giận mắng chửi Tỳ-kheo ngay trước mặt.
4. Cắt đứt lợi dưỡng của Tỳ-kheo.
5. Không thích làm việc chung với Tỳ-kheo.
6. Chửi Phật,
7. Chửi Pháp
8. Chửi Tăng.

Đó gọi là tám việc Tăng nên làm Yết-ma phú bát. Người làm Yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Ưu-bà-tắc Pháp Dự này khinh mạn các Tỳ-kheo. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Ưu-bà-tắc Pháp Dự – khinh mạn các Tỳ-kheo – pháp Yết-ma phú bát. Đây là lời tác bạch.

(Thế rồi bạch tám Yết-ma cho đến)

Tăng đã cho Ưu-bà-tắc Pháp Dự – khinh mạn các Tỳ-kheo – pháp Yết-ma phú bát xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Đoạn, nói về Ưu-bà-tắc Pháp Dự, vốn thường cúng dường trai phạn cho chư Tăng rồi mới ăn. Nhưng hôm ấy, đợi Tỳ-kheo đã quá giờ mà không thấy đến, ông liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, rồi bạch với Phật:

(484a) Bạch Thế Tôn! Vì có gì mà các Tỳ-kheo không đến thọ trai?

Vì ông khinh mạn các Tỳ-kheo, muốn cho ông được lợi ích, Tăng đã làm Yết-ma phú bát đối với ông.

Khi ấy, có một vị La Hán đang ở cách Phật không xa. Phật liền bảo Ưu-bà-tắc:

Ông hãy đến hỏi vị Tỳ-kheo kia như sau: “Thế nào là muối? Muối có mấy thứ”.

Ông liền đi đến, chào:

Kính chào thầy!

Tỳ-kheo đáp:

Lành thay cư sĩ.

Thế rồi ông hỏi:

Thưa tôn giả! Thế nào gọi là muối? Muối có mấy loại?

Tôi đã biết ông là Ưu-bà-tắc Pháp Dự, vốn khinh mạn các Tỳ-kheo, nên Tăng đã cho ông pháp Yết-ma phú bát, chưa đủ rồi sao? Tôi đang ở đây an lạc ông lại đến đây nhiễu loạn tôi. Muối chính là muối (còn hỏi gì nữa?)

Nghe Tỳ-kheo trả lời như thế, lòng ông cảm thấy chán nản, liền đi đến chỗ Phật. Phật biết mà vẫn hỏi:

Ông hỏi về nghĩa lý của muối có được toại ý không?

Bạch Thế Tôn! Vị Tỳ-kheo ấy ít biết, chưa từng theo thầy để học, con hỏi muối thì đáp là muối.

Lúc ấy, cách Phật không xa, có một Tỳ-kheo pháp sư tên Phất Hi Lô, Phật liền bảo Pháp Dự:

Ông hãy đến hỏi vị Tỳ-kheo kia về nghĩa của muối xem sao!

Thế là ông đến đó, chào:

Kính chào thầy!

Lành thay đàn việt đến đây.

Đoạn, thầy mời ông ngồi. Tuy chưa hỏi nghĩa nhưng nghe thầy mời ngồi, ông đã thấy rất hoan hỷ, liền đến ghế ngồi, rồi hỏi:

Thưa tôn giả! Muối có ý nghĩ gì?

Đó là câu hỏi rất hay. Nay tôi sẽ giải thích về ý nghĩa của muối cho ông rõ. Muối có hai phương diện: Vị và Tánh. Vị tức là như nước biển cùng một vị mặn. Tánh thì gồm có: muối đen, muối đỏ, muối tân đầu, muối vị bột già, muối tì lăm, muối ca già, muối tư đa, muối tỉ ca. Nói tóm lược thì có hai loại, hoặc sống, hoặc được nấu chín; đó gọi là muối.

Nghe xong, lòng vui mừng khắp khởi, liền đi đến chỗ Phật cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Vị Tỳ-kheo ấy giải thích rất thấu đáo, phân biệt rành mạch, nói nghĩa lý của muối rộng hẹp, ngược xuôi đều thông thạo.

Đó là kẻ phàm phu, chưa hưởng được pháp vị trong giáo pháp của Ta; còn vị Tỳ-kheo trước là A-la-hán, nhưng vì ông kiêu mạn nên không biết được chân ngụy, sẽ mãi mãi làm những việc vô ích.

Pháp Dự nghe Phật nói như thế tâm sinh hoảng sợ, cúi đầu đánh lễ dưới chân rồi bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Nay con xin sám hối, kính mong Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo từ nay về sau, trở lại nhận sự cúng dường của con như trước.

Ông hãy trở về nhà tắm rửa, mặc y phục mới, rồi cùng với quyến thuộc đi đến giữa chúng Tăng xin Tăng xả pháp Yết-ma phú bát, Tăng sẽ xả cho ông.

Vâng lời Phật dạy, Pháp Dụ trở về nhà tắm rửa, mặc y phục mới, rồi đi đến giữa Tăng quì gối, chấp tay, nói như sau:

Xin đại đức Tăng (484b) ghi nhớ cho! Con là Ưu-bà-tắc Pháp Dụ, khinh mạn Tỳ-kheo Tăng; vì muốn cho con được lợi ích, Tăng đã làm pháp Yết-ma phú bát. Nay con đã thấy lỗi, tùy thuận chấp hành, tâm đã nhu nhuyễn. Kính mong Tăng thương xót xả pháp Yết-ma phú bát cho con. (xin như vậy ba lần).

Thế rồi, Tăng nên đem Pháp Dụ đến đứng ở chỗ mắt thấy mà tai không nghe trong phạm vi cương giới, rồi Tăng hiện tiền làm Yết-ma đối với vị đồ chúng không hiện tiền. Người làm Yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Ưu-bà-tắc Pháp Dụ này khinh mạn Tỳ-kheo Tăng, vì muốn cho ông ta được lợi ích, trước đây Tăng đã làm Yết-ma phú bát. Ngày nay ông đã thấy lỗi, tùy thuận chấp hành, tâm đã nhu nhuyễn, theo Tăng xin xả pháp Yết-ma phú bát. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng xả pháp Yết-ma phú bát cho Ưu-bà-tắc Pháp Dụ. Đây là lời tác bạch.

Thế rồi bạch tam Yết-ma cho đến:

Tăng đã xả pháp Yết-ma phú bát cho Ưu-bà-tắc Pháp Dụ xong, vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Nếu Tăng đã làm Yết-ma phú bát rồi thì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Thích-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều không được phép đến đó. Đồng thời phải đem áo ca sa máng trên cửa họ, rồi tuyên bố trong xóm rằng:

Nhà mỗ giáp này đã làm Yết-ma phú bát.

Nếu có Tỳ-kheo khách đến thì nên nói:

Gia đình mỗ kia đã được làm Yết-ma phú bát, không nên đến đó.

Khi làm Yết-ma phú bát không nên làm hấp tấp. Nếu họ nói: “Sa-môn không đến nhà ta thì càng tốt”, thì đối với hạng người ấy

không nên làm. Nếu họ biết hổ thẹn thì nên làm. Sau đó, nếu họ tự thấy lỗi tỏ ra tùy thuận, tâm nhu nhuyễn thì nên xả pháp Yết ma.

Đó gọi là cách thức phú bát.

*

PHÉP KẾT KHUY VÀO Y

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, có Tỳ-kheo khát thực, một tay cầm bát, một tay cầm túi đựng bát, bỗng có cơn gió lốc thổi đến khiến y thấy bị bay đi; rồi thấy mặc nội y vào Tinh xá Kỳ hoàn. Phật biết mà vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Y ông đâu rồi?

Bạch Thế Tôn! Bị gió lốc thổi bay mất rồi.

Từ nay về sau phải kết khuy để buộc y.

Thế rồi, các Tỳ-kheo dùng vàng bạc làm khuy. Phật dạy:

Tất cả vàng bạc châu báu đều không được dùng làm khuy, mà nên dùng đồng, sắt, thiếc hoặc gỗ, tre, rồi dùng chỉ kết khuy vào để buộc. Ta không cho phép Tỳ-kheo không mặc y có khuy mà vào thôn xóm. Nếu không có vật gì để làm, thì nên dùng kim khâu lại. Nếu cũng không có kim thì ít nhất dùng tay để nắm. Nếu y không có khuy mà mặc vào thôn xóm thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối. Cũng vậy, nếu mặc đi vào các nhà thì vào mỗi nhà phạm mỗi tội Việt-tỳ-ni tâm hối. Nếu có mà không buộc (484c) thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối. Trường hợp không phạm: nếu đi vào Tinh xá của Tỳ-kheo ni, Tinh xá của ngoại đạo, hoặc đàn việt tuyên bố: “Tùy nghi sao cho tốt thì thôi”, thì không có tội.

Đó gọi là phép kết khuy vào y.

*

PHÉP DỪNG ĐAI LƯNG

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy, có một Tỳ-kheo khát thực, một tay cầm bát, một tay cầm túi đựng bát, bỗng một cơn gió thổi làm rơi y nội, thế là thầy mặc thượng y đi vào Tinh xá Kỳ hoàn. Phật biết mà vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Y an đà hội của ông đâu rồi?

Bạch Thế Tôn! Bị gió lốc thổi bay mất rồi.

Từ nay về sau nên buộc đai lưng.

Thế rồi, các Tỳ-kheo làm đai lưng bằng những sợi vải rời, hoặc kết khuy, hoặc làm đai rỗng bên trong. Phật dạy:

Làm đai bằng những sợi vải rời, hoặc kết khuy đều không được phép dùng. Còn đai lưng rỗng bên trong thì nên khâu ở giữa, hoặc ken chặt, hoặc làm tròn đều được buộc. Khi buộc, không được buộc bốn vòng hay một vòng mà nên buộc hai vòng cho đến ba vòng. Nếu thân thể Tỳ-kheo mềm yếu, buộc không chịu nổi thì nên cầm đi, khi đến đầu thôn nên lấy ra buộc để đi vào thôn, và lúc trở ra thì lại tháo ra. Nếu không buộc đai lưng mà đi vào thôn xóm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu có mà không buộc thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối. Nếu buộc một vòng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu buộc hai vòng, ba vòng thì không có tội.

Đó gọi là phép dùng đai lưng.

*

PHÉP DỪNG ĐAI CÓ DÂY CỘT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có Tỳ-kheo cầm cái đai không buộc chặt ở đầu, đi vào giữa phố thị, cái đai xổ ra thấy bèn kéo lê trên đất mà đi, bị người đời mỉa mai rằng:

Vì sao Sa-môn Thích tử lại kéo lê khúc ruột mà đi.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Từ nay về sau ở đâu cái đai nên làm dây cột.

Thế rồi, có Tỳ-kheo dùng vàng bạc làm dây buộc đai. Phật dạy:

Tất cả bảo vật không nên dùng làm dây buộc đai. Ở đâu đai nên cột hai hay ba lần, không được cột một hay bốn lần. Nếu tất cả đai không làm dây cột thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là phép dùng đai có dây cột.

*

PHÉP CƯỚI NGỰA, ĐI XE

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhằm dịp lễ hội, nhân dân đổ ra đi xem; nhóm sáu Tỳ-kheo hoặc cưới voi, cưới ngựa, có người cưới lừa đi xem, bị người đời chê rằng:

Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như vương gia, đại thần, cưới voi, cưới ngựa mà đi?

Có người thấy họ cưới lừa, bèn móc méo:

Sa-môn Thích tử này giống như sứ giả của kẻ hạ tiện, cưới lừa mà đi.

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Từ nay về sau Ta không cho phép cưới lừa, cưới ngựa.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tinh xá trong vườn Am-bà-la của đồng tử Kỳ Cưu nơi thành Vương-xá; vì năm việc lợi ích nên đức Như Lai cứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Phật

thấy một Tỳ-kheo bị bệnh (485a) hoàng đấng, gầy ốm, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Bệnh ông tăng hay giảm, hơi thở có điều hòa không?

Bạch Thế Tôn! Con bị bệnh khổ sở, hơi thở không điều hòa.

Ông không thể đi đến nhà y sĩ Kỳ Cựu để khám bệnh sao?

Vì Thế Tôn chế giới không cho phép ngồi xe, ngựa, mà bệnh của con đau đớn nên không thể đi bộ.

Từ nay về sau, Ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được ngồi xe, ngựa. Được cưỡi các loại như: cưỡi voi, cưỡi ngựa, cưỡi lừa, cưỡi lạc đà, cưỡi trâu, ngồi thuyền, ngồi xe, ngồi kiệu. Tất cả các loại như thế nếu không có bệnh thì không được ngồi, còn có bệnh thì được ngồi. Nhưng không cho phép cưỡi súc vật cái, mà nên cưỡi súc vật đực. Nếu bệnh nặng không phân biệt được, thì cưỡi không có tội. Nếu có nhân duyên đi xuôi ngược dòng nước hay đi ngang qua sông, nên suy nghĩ: “Ta có duyên sự cần thiết”, thì lúc ấy được cưỡi đi qua sông. Nếu Tỳ-kheo không có bệnh mà ngồi xe, cưỡi ngựa thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

*

PHÉP NĂM CHUNG GIƯỜNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo cứ hai người, ba người nằm chung một giường khiến giường nệm bị hư hỏng, bỏ lán lóc dưới đất. Vì năm việc lợi ích nên đức Như Lai cứ năm hôm đi thị sát phòng của các Tỳ-kheo một lần, thấy giường bị hư bỏ trên đất, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Giường hư này của ai mà bỏ ngổn ngang trên đất vậy?

Các Tỳ-kheo bèn trình bày đầy đủ lại sự việc kể trên. Phật dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép cùng ngủ chung giường.

Vấn đề giường nệm như trên đã nói, một người nên nằm ngủ một giường. Nếu giường ngồi thì hai người được kê ba giường sát nhau mà ngủ, nhưng khi ngay chân ra không được để đầu gối lòi ra ngoài. Nếu nệm ngang thì cho phép ba người cùng nằm ngang mà ngủ. Nếu nệm vuông thì hai người được lót ba nệm nằm chung mà ngủ, nhưng khi duỗi chân ra, đầu gối không lọt ra ngoài. Nếu lót cỏ ở dưới thì mỗi người được trải ngoại cụ ra để ngồi, nằm không phạm. Nếu trời lạnh thì được trùm kín ở trên, ở dưới, nhưng không được nằm quá gần nhau mà phải để cách ở giữa chừng một khuỷu tay, cũng không được nằm duỗi tay ra. Người lớn nhỏ cách nhau ba tuổi hạ được ngồi cùng giường mà không được nằm ngủ cùng giường. Nếu nằm ngủ cùng giường thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là phép nằm ngồi cùng giường.

*

PHÉP CÙNG NGỒI CHUNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo cứ ba người, bốn người cùng ngồi chung một giường, khiến giường ghế bị gãy nát. Đức Như Lai vì năm sự lợi ích nên cứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Thấy giường bị hư hỏng nằm ngổn ngang trên đất, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Giường bị gãy này của ai mà bỏ ngổn ngang trên đất như vậy?

Các Tỳ-kheo bèn thuật lại đầy đủ sự việc trên cho Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép cùng ngồi chung một giường.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Thế Tôn hỏi Ưu-ba-ly:

Các Tỳ-kheo có tụng Luật hay không?

Có, nhưng ít người tụng, bạch Thế Tôn!

(485b) Vì sao ít người tụng?

Vì Thế Tôn chế giới không cho phép cùng ngồi chung giường, các Tỳ-kheo mỗi người ngồi một giường, vì thế nên ít người tham dự tụng Luật.

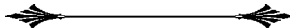
Từ nay về sau, Ta cho phép Tỳ-kheo cách nhau ba tuổi hạ được ngồi chung một giường. Tỳ-kheo không có tuổi hạ được ngồi chung với Tỳ-kheo ba tuổi hạ. Cũng vậy, cho đến Tỳ-kheo bảy tuổi hạ được ngồi với Tỳ-kheo mười tuổi hạ. Nếu giường nằm thì được phép ngồi ba người. Nếu giường ngồi thì được phép ngồi hai người. Nếu giường dài một khuỷu rưỡi tay thì hai người cách nhau ba tuổi hạ được phép ngồi chung. Nếu cách nhau nhiều hơn thì nên nhường cho Thượng tọa. Nếu giường nằm dài hơn ba khuỷu tay thì Tỳ-kheo cách nhau bốn tuổi hạ được phép ngồi chung. Nếu cách nhau nhiều hơn thì không được ngồi chung. Nếu ngày đại hội nhiều người tụ họp mà giường ghế ít thì được kê sát các giường vào nhau rồi buộc lại. Khi buộc phải buộc cho chắc, đừng để giường nệm lung lay thì được ngồi chung. Nếu tấm nệm dài ba khuỷu tay thì Tỳ-kheo cách nhau bốn tuổi hạ được ngồi chung. Nếu cách xa hơn thì không được ngồi chung. Nếu rải cỏ trên đất rồi cùng ngồi (thì không cần phân biệt tuổi tác) không có tội. Đó gọi là phép cùng ngồi chung.

*

Hết quyển thứ ba mươi một

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 32

PHẨM TẠP TỤNG

(tiếp theo)

PHÉP ĂN CHUNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo cùng ăn chung bị người đời chê cười rằng:

Vì sao Sa-môn Thích tử mà ngồi ăn chung giống như những kẻ dâm dật ở thế gian?

Cho đến Phật bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép cùng ăn chung. Cùng ăn chung nghĩa là cùng ăn một bát. Còn thức ăn thì có năm món ăn chính và năm món ăn linh tinh nên đựng riêng ra mà ăn. Nếu không có bát thì nên dùng tô, chén để đựng. Nếu cũng không có tô, chén thì nên vò cơm thành viên bỏ trong bàn tay trái, dùng tay phải bốc ăn. Nếu cũng không thể được thì nên đặt bát trên cỏ, lá, rồi cùng bốc ăn. (485c) Không được dùng tay bốc ăn chung năm thức ăn chính và năm thức ăn tạp. Nhưng nếu là bột, bánh, rau, trái thì cùng ăn chung không có tội. Nếu cùng ăn chung trong một bát thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó là phép cùng ăn chung.

PHÉP ĂN TRÊN BÀN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, đức Như Lai vì năm sự lợi ích nên cứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Thấy bàn ăn trong phòng của Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà được vẽ nhiều màu sắc, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Cái bàn ăn này của ai mà được vẽ nhiều màu sắc thế này?

Bạch Thế Tôn! Đó là bàn ăn của Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà.

Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn trên bàn ăn.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, đức Như Lai vì năm sự lợi ích nên cứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Thấy một Tỳ-kheo bị mụn nhọt ở tay, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Ông có được điều hòa, an lạc không?

Bạch Thế Tôn! Con bị mụn nhọt ở tay khiến bát bị vỡ mà Thế Tôn chế giới không cho ăn trên bàn nên không được an vui.

Từ nay Ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được ăn trên bàn nhưng không cho phép vẽ trên bàn nhiều màu sắc.

Nếu bàn ăn của Tăng vẽ nhiều màu sắc thì không có tội.

Nếu là bàn riêng thì chỉ nên dùng một màu. Tỳ-kheo bệnh ăn trên bàn, trước hết nên đứng chú tâm tưởng niệm rồi ăn thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo không có bệnh thì hoàn toàn không cho ăn trên bàn.

Nếu vì già bệnh, hoặc mụn nhọt trên tay ra máu, hoặc bát nặng, hoặc đầy, hoặc nóng, hoặc lạnh thì được ăn trên bàn không có tội. Nhưng nếu Tỳ-kheo không bệnh mà ăn trên bàn thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là phép ăn trên bàn.

Kệ tóm tắt:

Ăn tở và phú bát
Kết khuy cùng đai lưng

Ngồi xe, ngựa, ngồi chung
 Ngồi cùng giường, ăn chung,
 Bàn ăn nhiều màu sắc
 Kết thúc phân thú tám.

*

VÌ MÌNH MÀ NGƯỜI TA GIẾT SÚC VẬT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đi du hành phương xa rồi trở về thành Xá-vệ. Đến giờ khát thực, họ khoác y, cầm bát đi vào một nhà đàn việt quen biết cũ tên là A-bạt-tra. Đàn việt thấy thầy liền chào:

Chào sư phụ! Vì sao mà đã lâu lắm không thấy sư phụ đến?

Này lão trượng! Đã lâu ngày tôi mới đến, vậy ông định đãi tôi món ngon vật lạ gì đây?

Ngày mai con sẽ cúng dường trai phạn cho thầy!

Ông đừng có cúng thức ăn của bọn thợ dệt.

Thức ăn của thợ dệt là thứ gì?

Tức là cơm hẩm, canh đậu đó!

Con không cúng cơm hẩm, canh đậu cho thầy đâu, mà sẽ cúng cơm thịt.

Ông đừng có cúng cho tôi thịt nguội.

Con sẽ không cúng thịt nguội cho thầy, (486a) mà sẽ nấu nóng rồi mới cúng.

Tôi nói thịt nóng không phải kiểu nóng như vậy.

Vậy thì nóng như thế nào?

Nghĩa là thịt của con vật vừa mới chết.

Nếu thấy muốn như vậy thì ngày mai hãy đến sớm, con sẽ giết con vật trước mặt thầy rồi mới nấu nóng.

Vâng.

Sáng sớm hôm sau, họ khoác y, cầm bát đi đến nhà ấy, đàn việt bèn đem dê, heo, gà ra để la liệt trước mặt Tỳ-kheo, rồi giết thịt cúng dường. Khi ăn xong họ ra về, đàn việt chê trách:

Sa-môn Cù-đàm dùng vô số phương tiện chỉ trích việc sát sinh, ca ngợi không sát sinh, vậy mà vị Sa-môn này bảo người ta giết ngay trước mắt thì có khác gì mình tự giết!

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Này các Tỳ-kheo! Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Này các Tỳ-kheo! Đó là việc ác (cho đến Phật nói). Vì sao các ông bảo người ta sát sinh ngay trước mặt? Từ nay về sau, Ta không cho phép thí chủ vì mình mà sát sinh. Vì mình mà sát sinh tức là vì Tỳ-kheo mà giết súc vật. Nếu thí chủ vì Tỳ-kheo mà giết súc vật thì tất cả Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Thúc-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều không được ăn. Cũng vậy, nếu họ vì Ưu-bà-di mà giết hại thì tất cả Tỳ-kheo không được ăn cho đến Ưu-bà-di cũng không được ăn. Vì người khác mà giết có ba trường hợp: thấy, nghe và nghi. Thấy, nghĩa là chính mắt mình thấy họ giết vì mình thì không được ăn. Đó gọi là thấy. Nghe, nghĩa là chính tai mình nghe, hoặc nghe từ người khác rằng họ giết vì mình thì không được ăn. Nếu người thuật lại là kẻ không đáng tin, chỉ vì muốn nhiễu loạn Tỳ-kheo thì không nên nghe họ nói mà nên nghe người đáng tin để xác định chắc chắn. Đó gọi là nghe. Nghi, nghĩa là Tỳ-kheo đến nhà đàn việt thường thấy con dê, sau đó đến thì thấy đầu, chân dê trên đất; thấy vậy tâm sinh

nghi nên hỏi: “Con dê trước thấy ở đây bây giờ đâu rồi?” Nếu họ nói: “Tôi đã vì thấy mà làm thịt rồi”, thì không nên ăn. Nếu họ nói: “Thưa tôn giả! Vì tôi giết để tế trời rồi ăn thịt mà ăn không hết nên cúng cho thầy”, thì được ăn. Đó gọi là nghi.

Cũng thế, tất cả mọi sinh vật hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc nghi cũng đều như vậy.

Đó gọi là vì mình mà người ta giết súc vật.



THỊT NGƯỜI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, trong thành Xá-vệ có một Ưu-bà-tắc tên Tùy-ty, bà vợ cũng tên Tùy-ty, lại có một Tỳ-kheo khách cũng tên Tùy-ty. Ưu-bà-tắc nghe thế liền suy nghĩ: “Sư phụ cùng tên với ta, ta hãy đến mời thầy thọ trai”, bèn đi đến Tinh xá mời về nhà, sửa soạn các thức ẩm thực cúng dường. Đoạn, ông cúi đầu đảnh lễ dưới chân, quì gối chấp tay bạch rằng:

Kính xin tôn giả nhận (486b) bốn sự cúng dường của con, là: y phục, ẩm thực, sàng tọa và thuốc chữa bệnh.

Tỳ-kheo nhận lời mời. Thế rồi, ông chồng phải theo khách buôn đi xa, bèn dặn dò bà vợ:

Tôi đi xa, bà ở nhà phải lo cúng dường sư phụ chu đáo, chớ để thiếu thốn.

Sau khi ông đi rồi, vị Tỳ-kheo thấy trong người không điều hòa, muốn uống thuốc xổ, liền nói với Ưu-bà-tắc:

Tôi muốn uống thuốc xổ, bà có thể tùy thời theo thú tự lo giúp thức ăn được không?

Dạ thưa được.

Sau khi thầy uống thuốc xổ, theo thứ tự bà cho dùng những thức ăn phù hợp với bệnh như cháo lỏng, cháo đặc rồi đến thịt. Bà lấy một số tiền đưa đứa tớ gái bảo:

Người cầm số tiền này đi mua thịt đem về.

Đứa tớ gái bèn đi ra chợ, nhưng hôm đó nhằm ngày ăn chay không có ai mổ thịt nên không mua được, phải về tay không. Lúc ấy, Ưu-bà-di lòng không vui, suy nghĩ: “Sư phụ uống thuốc, nếu không có thức ăn hợp với bệnh, sợ e bệnh nặng thêm.” Nghĩ thế, bà lấy hạt cải đem nghiền, rồi tẩm với dầu, đoạn đi vào phòng, dùng dao bén cắt thịt bập về đưa cho nữ tì, bảo:

Người dùng dầu hạt cải rửa sạch miếng thịt này, rồi nấu chín đem đến cho thầy, hỏi thầy ngày mai cần thức ăn gì nữa?

Đứa nữ tì theo lời dạy, nấu thịt chín đưa đến, rồi hỏi thầy:

Ngày mai thầy cần ăn món gì?

Thôi đừng đem đến nữa.

Khi ấy, Ưu-bà-di bị vết thương đau đớn nên nằm nghỉ. Người chồng đi buôn trở về (không thấy bà vợ ra đón) liền nghĩ: “Thường khi ta đi xa về, bà vợ ra tận cửa thứ hai, thứ ba nghênh đón, hôm nay vì sao không thấy ra đón.” Đoạn, ông vào phòng, thấy bà vợ đang nằm trên giường liền nổi giận mắng:

Vì sao người khinh ta không ra đón tiếp?

Ông đi lần này có công đức gì mà muốn tôi phải ra nghênh đón?

Ta đi chuyến này được cả trăm nghìn vạn bạc.

Đó là thứ tài sản bên ngoài có gì là ghê gớm đâu! Còn tôi thì đã tự cắt thịt mình để cung cấp cho sư phụ.

Bà cắt ở chỗ nào vậy?

Bà vợ liền vén y phục lên chỉ cho xem. Ông chồng thấy thế ngất xỉu, nằm sóng soài trên đất. Lúc ấy, quỷ thần thấy vậy liền báo với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nghe thế bèn nhập từ tam muội dùng định lực truyền cảm khiến bà vợ bình phục lại như trước. Đoạn, bà nói với chồng:

Đứng dậy! Đứng dậy! Đừng sợ, nhờ uy thần của sư phụ mà vết thương của tôi đã bình phục rồi.

Người chồng đứng dậy thấy vết thương của vợ đã bình phục, lòng rất hoan hỷ, liền đi đến nơi thị tứ, nói như sau:

Bà vợ tôi tinh tấn bằng cách cắt thịt trên mình để cúng dường.

Mọi người nghe thế, liền chê trách:

Vì sao Sa-môn Thích tử ăn thịt người?

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thấy đến rồi, Phật liền hỏi:

Này Tỳ-kheo! Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn! Vì con không nhập định (nên không biết).

Từ nay về sau, Ta không cho phép (486c) ăn thịt người.

Lại nữa, khi Phật trú tại vườn Lộc Dã Tiên Nhân ở Ba-la-nại, có một Tỳ-kheo mắc bệnh vàng da. Lương y nói với thầy:

Nếu tôn giả uống máu người thì có thể khỏi bệnh. Nếu không uống thì sẽ chết, không còn có phương kế nào khác.

Lúc ấy, có một người phạm vương pháp, bị bắt trói ngoặt hai tay ra sau lưng, mình khoác vòng hoa Ca tì la, lính đánh trống tuyên đọc án lệnh, dẫn đến pháp trường. Tỳ-kheo đến chỗ tên đao phủ nói:

Này tráng sĩ! Cho tôi uống máu của người này nhé!

Tên đao phủ nói:

Nếu thầy muốn ăn thịt tôi cũng cho hưởng gì là máu!

Y liền đặt tội nhân ngồi dưới đất, lấy dao cắt mạch máu hai bên yết hầu cho máu chảy ra. Tỳ-kheo bèn dùng hai tay bụm lấy máu mà uống, bị người đời chê trách rằng:

Đây không phải là Tỳ-kheo mà là quỷ uống máu người.

Thế rồi, họ dùng gạch, đá, đất cục ném Tỳ-kheo đó đến què chân, khi ấy mới thoát được. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

Này Tỳ-kheo! Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Này Tỳ-kheo! Đó là việc ác, yêu quý mạng sống của mình đến như vậy sao? Từ nay về sau Ta không cho phép uống máu người, cho đến tủy người; tất cả đều không được uống. Nếu Tỳ-kheo mọc mụn nhọt trên đầu mà thầy thuốc bảo phải mài xương người thoa mới lành thì được thoa. Nhưng khi đã thoa thì không được ở trong chúng mà nên ở trong một căn phòng nhỏ bên cạnh; đến khi khỏi bệnh phải tắm rửa sạch sẽ rồi mới được vào trong chúng.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, có một giống người chuyên ăn thịt rồng, các Tỳ-kheo cũng ăn thịt rồng. Vì thế mà rồng bị sát hại rất nhiều. Khi ấy có một Long nữ đến đứng trước giường của Thế Tôn, khóc lóc. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Vì sao mà người khóc?

Bạch Thế Tôn! Có người ở Tỳ-xá-ly này ăn thịt rồng, các Tỳ-kheo cũng ăn thịt rồng, vì thế mà rồng bị sát hại rất nhiều, kính xin Thế Tôn đừng cho các Tỳ-kheo ăn thịt rồng.

Bấy giờ, Thế Tôn tùy thuận thuyết pháp chỉ dạy, khiến Long nữ hoan hỷ rồi cáo lui. Đoạn, Thế Tôn đi đến chỗ đông đúc các Tỳ-

kheo, trái tọa cụ ra ngồi, thuật lại đầy đủ sự việc trên với các Tỳ-kheo. Rồi Phật chế định:

Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn thịt rông, máu rông, xương rông, gân rông, tủy rông, nói chung tất cả đều không cho ăn. Nhưng nếu có các bệnh ngoài da cần xương rông thì được dùng xương rông mài thành bột để thoa, không có tội.

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy, con voi của vua Bình Sa chết, có những bọn chiên đà la ti tiện đem ăn thịt, trong các Tỳ-kheo, có người cũng ăn. Bấy giờ, đồng tử Kỳ Cựu đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi đứng hầu một bên, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Con voi của vua Bình Sa chết (487a) có những kẻ Chiên đà la ti tiện đem ăn thịt, các Tỳ-kheo có người cũng ăn mà Tỳ-kheo là người xuất gia được người ta kính trọng, vậy xin Thế Tôn đừng cho họ ăn thịt voi.

Thế Tôn bèn tùy thuận thuyết pháp chỉ dạy khiến đồng tử được lợi ích, hoan hỷ liền cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật mà cáo lui. Khi ấy, Thế Tôn đi đến chỗ có đông các Tỳ-kheo, trái tọa cụ ngồi, thuật lại đầy đủ sự việc trên với các Tỳ-kheo. Rồi Phật dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho ăn thịt voi cho đến tủy voi cũng không cho ăn. Nhưng dùng ngà voi, xương voi làm vật để kiến bát, làm khay y thì không có tội.

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy con ngựa của vua Bình Sa chết, cũng như trường hợp con voi đã nói ở trên. Nếu ở ngoài da có bệnh ghẻ nhọt cần máu ngựa để bôi thì dùng để bôi không có tội. Nhưng khi đã bôi thì không được ở trong chúng mà nên ở một căn phòng nhỏ ở bên cạnh phòng Tăng.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, vì các Tỳ-kheo ăn thịt chó nên khi vào xóm làng bị các con chó chạy theo sủa vang. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn cho đến Phật dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn thịt chó, tuy chó cũng đều không cho ăn. Nhưng nếu bị chó cắn cần đốt lông chó bôi vào vết thương thì được dùng, không có tội.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có một Tỳ-kheo ăn thịt quạ. Lúc thấy vào xóm làng khát thực, hoặc khi đi kinh hành trong rừng thì bầy quạ bay theo kêu vang. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn thịt quạ cũng như tùy quạ.v.v... đều không cho phép ăn. Nhưng nếu cần lông cánh dùng để trị bệnh ngoài da thì được dùng không có tội.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có một Tỳ-kheo ăn thịt điều hâu. Lúc thấy đi kinh hành trong rừng bị bầy điều hâu bay theo kêu vang. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn thịt điều hâu, cũng như tùy điều hâu đều không được ăn. Nếu cần lông cánh trị bệnh ngoài da thì được phép dùng không có tội.

Tóm lại, các loại thực phẩm kể sau không được ăn:

1. Thịt người.
2. Thịt rồng.
3. Thịt voi.
4. Thịt ngựa.
5. Thịt chó.
6. Thịt quạ.
7. Thịt điều hâu.
8. Thịt heo.
9. Thịt khỉ.

10. Thịt sư tử và tòi gồm các loại sừng, chín, vỏ, lá tất cả đều không được ăn.

Nếu cần dùng tòi để bôi vết thương ở ngoài da thì được dùng. Nhưng khi đã bôi thì không được vào trong chúng mà nên ở một căn phòng nhỏ bên cạnh phòng Tăng. Khi bệnh lành phải tắm rửa sạch sẽ rồi mới được vào trong chúng. Đó gọi là phép dùng thịt, tòi.

*

PHÉP DÙNG DA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến nhà (487b) một người chăn trâu, ngồi trên giường. Bồng có con trâu nghe mới sinh thấy màu y của Tỳ-kheo giống mẹ nó, nó liền chạy đến bên thầy. Tỳ-kheo dùng tay xoa trên đầu, vuốt nhẹ nhẹ nói như sau:

Da con này mềm mại, đẹp đẽ, có thể làm tọa cụ được.

Lúc ấy, người chăn trâu suy nghĩ: “Vị Tỳ-kheo này vốn là chỗ quen biết của vua, đại thần quý hiển, có thể lực lớn đang muốn được tắm da con này”, liền hỏi:

Thầy đang cần da sao? Tôi sẽ cho.

Hãy cho tôi tắm da con trâu nghe này đây.

Trong nhà tôi có tắm da khô của con trâu nghe cũng mềm mại, đẹp đẽ, tôi sẽ chài chuốt thẳng thớm rồi cho thầy.

Nếu ông muốn cho thì hãy cho tôi tắm da con này chứ tôi không cần cái khác.

Lúc ấy, người chăn trâu liền suy nghĩ: “Vị Tỳ-kheo này có thể lực lớn, có thể gây ra điều bất lợi cho ta.” Vì sợ tai họa, ông ta liền giết con nghe trước mặt Tỳ-kheo, rồi lột da cho thầy. Lúc con trâu mẹ

đi ăn trở về không thấy con mình, đi quanh các bờ rào kêu vang. Người chăn trâu liền oán trách:

Sa-môn Thích tử mà không có lòng từ. Nếu Sa-môn ở vào hoàn cảnh con trâu mẹ thì tâm ý sẽ như thế nào?

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật hỏi:

Này các Tỳ-kheo! Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Này các Tỳ-kheo! Đó là việc ác. Vì sao các ông bảo người ta giết sinh vật ngay trước mắt mình? Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng da. Da gồm có các loại: da bò, da trâu, da cạp, da báo, da gấu, da nai; đại loại tất cả các loại da như vậy đều không được dùng để ngồi, chỉ cho phép dùng da dê ở biên địa thú nô mà thôi. Da dê có hai loại: một là dê đen, hai là dê lang. Và dê đen, dê lang mỗi loại được chia làm mười thú như trên kia đã nói. Nếu ngồi trên da thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu ngồi trên nệm bông đặt trên da thì phạm hai tội Việt-tỳ-ni. Nếu ngồi trên giày da thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nằm trên giày da thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nằm trên giày da từ đầu gối trở lên thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nhưng nếu từ đầu gối trở xuống thì không có tội. Hoặc dùng da làm giường ngồi lên trên thì không có tội (đó gọi là phép dùng da).

*

VẬT LAU CHÂN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà sắm các vật để lau chân, đệ tử ngoại đạo thấy thế suy nghĩ: “Chúng ta hãy cùng nhau quấy nhiễu kẻ Ưu-bà-tắc kia” như trong vấn đề mặt vụn ở trên đã nói rõ cho đến Phật dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng các vật để làm đồ lau chân. Đồ lau chân hoặc vuông, hoặc tròn, nếu khắc trên chóp có hình hạt đậu ma sa, đậu môn cụ thì tất cả đều không cho dùng. Nếu dưới chân bị dơ bẩn thì được phép dùng cỏ vo tròn lại, (487c) hoặc dùng gạch, ngói để chùi. Đó gọi là vật dùng để lau chân.

*

THUỐC BÔI MẮT

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy, nhằm ngày lễ hội, trai gái ra khỏi thành đi du ngoạn, nhóm sáu Tỳ-kheo dùng màu xanh da trời và màu đen trang điểm đôi mắt nên bị người đời chê cười rằng:

Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như những đồng tử quý hiển, dùng màu xanh da trời trang điểm đôi mắt?

Có người thấy trang điểm màu đen thì nói:

Sa-môn Thích tử giống như sứ giả của kẻ hạ tiện, dùng màu đen bôi lên mắt mà đi. Đây là hạng người bại hoại nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn cho đến Phật dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép trang điểm mắt.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, ở trong vườn Am-bà-la của đồng tử Kỳ Cựu. Bấy giờ, các Tỳ-kheo bị đau mắt, đồng tử Kỳ Cựu nói:

Tôn giả có thể dùng loại thuốc này để bôi mắt.

Đức Thế Tôn chế giới không cho phép bôi mắt.

Tôi sẽ đến xin Thế Tôn cho phép việc này.

Thế rồi, ông đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo là những người ăn mỗi ngày một bữa, mắt là bộ phận trọng yếu của con người, xin Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo bôi thuốc vào mắt.

Từ nay về sau, Ta cho phép dùng thuốc bôi mắt, chỉ trừ thuốc màu xanh da trời. Nhưng nếu thầy thuốc nói: “Thưa tôn giả! Bệnh đau mắt này nếu được thuốc có màu xanh da trời bôi vào thì mới lành, ngoài ra không có phương kế nào khác.” nếu như vậy thì được bôi. Khi đã bôi thuốc thì không được ở trong chúng mà nên ở một căn phòng nhỏ cạnh phòng chúng Tăng. Khi bệnh lành phải tắm rửa sạch sẽ rồi mới vào trong chúng.

Đó gọi là thuốc bôi mắt.

*

LỌ ĐỰNG THUỐC NHỎ MẮT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, các Tỳ-kheo dùng lá cây đựng thuốc nhỏ mắt, Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Đây là cái gì vậy?

Đó là thuốc nhỏ mắt, bạch Thế Tôn!

Thuốc nhỏ mắt là vật quý nên dùng lọ mà đựng.

Thế rồi, các Tỳ-kheo dùng vàng bạc làm lọ đựng thuốc. Phật dạy:

Ta không cho phép dùng vàng bạc và tất cả các vật báu làm lọ, mà nên dùng đồng, sắt, thiết, tre, lau, lông, cánh chim, ít nhất là làm bao da để đựng.

Đó gọi là lọ đựng thuốc nhỏ mắt.

*

QUE BÔI THUỐC VÀO MẮT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, có Tỳ-kheo dùng tre làm que bôi thuốc vào mắt, Phật biết mà vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Đây là cái gì vậy?

Bạch Thế Tôn! Đó là cái que để bôi thuốc vào mắt.

Đôi mắt là bộ phận mềm mại, nên dùng vật trơn để làm que.

Thế rồi, Tỳ-kheo dùng vàng bạc để làm. Phật dạy:

Ta không cho phép dùng vàng bạc và tất cả những bảo vật để làm, mà nên dùng đồng sắt, răng, xương, chiên đàn, gỗ cứng để làm, rồi bào chuốt cho trơn tru, ít nhất là dùng đầu ngón tay để bôi thuốc. Đó gọi là que bôi thuốc vào mắt.

*

PHÉP DÙNG Ô DÙ

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy, nhằm ngày lễ hội của người đời, trai gái đi dự lễ, nhóm sáu Tỳ-kheo cầm dù ô nhiều (488a) màu sắc, có người còn cầm ô dù bằng vỏ cây, bị người đời chê bai rằng:

Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như vương tử, đại thân cầm ô dù với nhiều màu sắc?

Có kẻ thấy họ cầm dù bằng lá cây thì nói:

Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như sứ giả của kẻ hạ tiện, cầm ô dù bằng lá cây mà đi? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng ô dù.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, trưởng lão A-na-luật, Kim Tỳ La an cư tại núi Tháp vừa xong, trở về thành Xá-vệ, lễ bái Thế Tôn. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Vì sao trên y bị muối đóng bắn như vậy?

Vì Thế Tôn chế giới không cho phép đội dù, con đi khát thực bị mắc mưa nên mới ra nông nỗi này.

Từ nay về sau, Ta cho phép đội dù. Các loại dù như dù bằng vỏ cây, dù bằng lá cây, dù tre, đại loại các thứ như thế đều cho phép dùng. Nhưng không cho phép dùng loại dù có nhiều màu sắc.

Đó gọi là phép dùng ô dù.

*

PHÉP DÙNG QUẠT

Vào ngày lễ hội của người đời, trai gái đi du ngoạn đông đảo, nhóm sáu Tỳ-kheo cầm quạt được trang điểm bằng vân mẫu, có vị cầm quạt nan bị người đời chê cười rằng:

Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như vương tử đại thần cầm quạt được trang điểm bằng vân mẫu?

Có người thấy họ cầm quạt bằng nan liền phê bình:

Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như sứ giả của kẻ hạ tiện cầm quạt nan. Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép cầm quạt.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, vì bị muỗi quấy rối trong phòng thiền, các Tỳ-kheo dùng y để quạt phát ra tiếng kêu. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Các ông làm gì mà phát ra tiếng kêu giống như voi vẫy tai vậy?

Bạch Thế Tôn! Vì Thế Tôn chế giới không cho dùng quạt, các Tỳ-kheo bị muỗi cắn phải dùng y quạt muỗi nên phát ra tiếng kêu như vậy.

Từ nay về sau, Ta cho phép dùng quạt tre, quạt sậy, quạt lá cây, chỉ trừ quạt vân mẫu và quạt được vẽ nhiều màu sắc. Nhưng nếu quạt của Tăng thì vẽ nhiều màu sắc không có tội. Còn quạt riêng cá nhân thì phải hoại sắc. Nếu có người dùng hương thơm bôi trên quạt rồi đem đến cúng dường thì được phép chùi sạch rồi sử dụng.

Đó gọi là phép dùng quạt.

*

PHÉP DÙNG PHÁT TRẦN

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy, nhằm ngày lễ hội, nam nữ đi du ngoạn, nhóm sáu Tỳ-kheo cầm phát trần bằng lông đuôi trâu trắng có cán nạm vàng bạc, bị người đời chê cười, cho đến Phật dạy:

Từ nay về sau, ta không cho phép cầm phát trần.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, (488b) vì trong phòng thiền bị muỗi quấy rầy nên các Tỳ-kheo dùng phát trần bằng lá cây đập muỗi kêu ra tiếng. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Đó là tiếng gì vậy?

Bạch Thế Tôn! Vì Thế Tôn chế giới không cho phép cầm phát trần nên các Tỳ-kheo dùng phát trần bằng lá cây đuôi muỗi mà phát ra tiếng.

Từ nay về sau, Ta cho phép dùng phát trần. Phát trần gồm các loại: Phát trần bằng chỉ sợi, bằng vải tua, bằng cỏ rổi, bằng vỏ cây. Trong đây chỉ trừ phát trần bằng đuôi trâu trắng, đuôi ngựa trắng có cán nạm vàng bạc, ngoài ra tất cả đều cho phép dùng. Nếu có màu trắng nên nhuộm cho hoại sắc thì được dùng. Khi cầm phát trần không được làm ra dáng éo lá như kiểu dâm nữ cầm phát trần.

Đó gọi là phép dùng phát trần.

Kệ tóm tắt:

Giết cho mình, ăn thịt người,
Thuốc nhỏ mắt, lọ và que,
Da trâu cùng đồ lau chân,
Dùng ô dù và phát trần.
Phẩm thứ chín đến đây hết.

*

PHÉP DÙNG DAO CHỮA TRỊ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, có Tỳ-kheo mắc bệnh trĩ, nói với thầy thuốc:

Này lão trượng! Ông có thể dùng dao chữa trị bệnh cho tôi được không?

Thưa được.

Thế rồi, y sĩ liền suy nghĩ: “Các Sa-môn này thông minh trí tuệ nếu họ thấy ta chữa bệnh thì sẽ học lóm, rồi không cần ta nữa.”

Đoạn ông ta bảo các Tỳ-kheo đi hết, rồi ông định làm điều phi pháp, thì vị Tỳ-kheo này sinh nghi, liền gọi các Tỳ-kheo:

Các trưởng lão hãy đến, vị y sĩ này muốn làm điều phi pháp.

Các Tỳ-kheo nghe thế liền đi vào. Y sĩ khi ấy hoảng sợ bèn bỏ dao mà chạy. Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi thấy đến rồi, Phật hỏi:

Này Tỳ-kheo! Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Này Tỳ-kheo! Vì sao ông để cho y sĩ dùng dao chữa trị chỗ hệ trọng? Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng dao chữa trị chỗ hệ trọng. Chỗ hệ trọng là nơi cách xung quanh hậu môn bốn ngón tay. Nếu bị bệnh ung thư, sảy càng thì Ta cho phép nhai gạo tiêu mạch trộn với phân gà đắp lên trên mụn để cho nung mủ, rồi nhờ bạn cùng Hòa thượng, A-xà-lê chích lễ ra. Nếu các nơi khác bị bệnh ung thư, sảy càng cần dùng dao chữa trị thì được phép dùng. Nếu ai dùng dao chữa trị chỗ hệ trọng thì phạm tội Thâu lan.

Đó gọi là dùng dao trị bệnh.

*

TÚI CHỨA NƯỚC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có một Tỳ-kheo bệnh đau đầu bèn hỏi y sĩ:

Này lão trượng! Ông có thể rót nước chữa bệnh cho tôi được không?

Có thể được.

Thế rồi, ông suy nghĩ: “Các Sa-môn Thích tử này thông minh, trí tuệ, nếu thấy ta rót nước chữa bệnh thì về sau sẽ không gọi ta

nữa.” Cho đến ông bỏ túi đựng nước mà chạy. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. (488c) Thế rồi, Phật khiển trách:

Vì sao ông dùng túi rót nước trị bệnh? Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng túi chứa nước. Túi gồm có các loại: túi da bò, túi da trâu, túi da dê. Tất cả các loại túi da như thế đều không được dùng để chứa nước. Nếu y sĩ nói: “Bệnh này cần dầu để tắm”, thì nên lấy gỗ khoét đựng dầu vào dùng vải quấn lại đem đặt trong nhà tắm, ngồi lên trên, miệng ngậm mía. Hoặc dùng vải bông xếp lại rồi tắm dầu vào, đặt trên một vật gì để chừa lỗ trống cho dầu nhỏ xuống chỗ bị đau thì không có tội. Nếu dùng túi da đựng nước thì phạm tội Thâu lan.

Đó gọi là túi chứa nước.

*

PHÉP CẠO TÓC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có một khách buôn ở ấp Đại Lâm thuộc một nước ở phương Nam lùa đàn trâu 8 con đến nước Câu Đà ở phương Bắc. Lại có một khách buôn khác cùng ông ta thả trâu ăn chung trong chằm. Lúc ấy, người Li xa bắt rồng ăn thịt, bắt được một Long nữ. Hôm ấy, Long nữ thọ Bố-tát, không có tâm sát hại nên cứ để mặc người kia xỏ mũi dắt đi. Người khách buôn thấy hình dung Long nữ đoan chính khởi lòng từ, bèn hỏi đồng tử Li-xa:

Ông dắt con rồng này đi đâu, định làm gì đấy?

Tôi định giết để ăn thịt.

Đừng giết, tôi sẽ đưa ông một con trâu đổi lấy con rồng này để thả đi.

Thế nhưng đồng tử Li-xa không chịu, cuối cùng người kia chịu đổi tám con trâu, Li-xa mới nói:

Con rồng này thịt rất ngon, nay vì ông mà tôi phải thả nó.

Đoạn, y nhận lấy tám con trâu, thả Long nữ đi. Bỗng chốc, khách buôn suy nghĩ: “Kẻ này là người ác, e rằng y sẽ đuổi theo Long nữ để bắt lại.” Nghĩ thế, ông đi theo người ấy đến bên ao. Bấy giờ, Long nữ biến thành người, nói với khách buôn:

Ngài đã cứu mạng tôi, tôi muốn báo ân, ngài hãy xuống long cung, tôi sẽ đền ân ngài.

Không thể được! Loài rồng của các người tâm tính hung bạo, giận dữ bất thường, biết đâu lại giết hại ta!

Không có chuyện đó! Kẻ kia cột tôi, tôi dư sức giết y nhưng vì tôi thọ Bồ-tát nên không có tâm giết hại, huống gì nay ngài đã cho tôi mạng sống mà tôi lại hại ngài sao? Nếu ngài không đi thì hãy dừng lại đây chốc lát để tôi vào trước trong cung tấu trình.

Thế rồi, Long nữ đi vào cung. Lúc ấy, trông thấy hai con rồng bị cột tại một chỗ trước long môn, người khách buôn liền hỏi chúng:

Các người vì việc gì mà bị trói?

Long nữ này trong nửa tháng thọ chay lạt ba ngày, anh em chúng tôi giữ gìn nó không cẩn thận khiến nó bị đồng tử Li xa bắt được, vì thế mà chúng tôi bị trói. Mong ngài từ mẫn hãy nói giúp để họ thả chúng tôi. Ở long cung có loại thức ăn, ăn vào đến lúc chết mới tiêu hóa, có loại ăn vào hai mươi năm sau mới tiêu hóa, có loại bảy năm mới tiêu hóa và có loại thức ăn của cõi Diêm-phù-đề. Nếu Long nữ hỏi ngài muốn ăn loại thức ăn nào thì nên đòi thức ăn của loài người cõi Diêm-phù-đề.

(489a) Long nữ vào tấu trình xong, bèn gọi khách buôn vào ngồi trên giường nệm châu báu, rồi thưa:

Nay ngài muốn ăn thức ăn gì? Muốn ăn một lần đến lúc chết mới tiêu hóa.

Muốn ăn thức ăn của loài người ở cõi Diêm-phù-đề.

Long nữ dọn lên các thức ẩm thực. Khách buôn liền hỏi Long nữ:

Hai con rồng kia vì sao mà bị trói?

Ngài chỉ nên ăn thôi, chứ hỏi làm gì?

Không phải vậy, tôi muốn biết điều đó!

Ông cứ hỏi mãi, Long nữ đành phải nói:

Kẻ này có lỗi, tôi muốn giết hắn.

Người đừng giết.

Không thể được! Phải giết đi thôi.

Người thả hắn ra thì ta mới ăn.

Không thể thả ngay được mà phải phạt hắn bằng cách đày lên cõi người sáu tháng.

Thế là Long nữ phạt hắn lên nhân gian sáu tháng. Khách buôn thấy Long cung có nhiều bảo vật được dùng để trang hoàng cung điện, liền hỏi long nữ:

Người đã được những thứ trang nghiêm quý báu như vậy, còn thọ Bồ-tát làm chi nữa?

Cái kiếp rồng của tôi có năm sự khổ, đó là: Lúc sinh ra hiện thân rồng; lúc ngủ hiện thân rồng; lúc hành dâm hiện thân rồng; lúc giận dữ hiện thân rồng; lúc chết hiện thân rồng. Trong một ngày trải qua ba lần da thịt bị dính vào cát nóng thiêu thân.

Thế thì người muốn cầu điều chi?

Tôi muốn cầu được sinh làm người. Vì sao vậy? Vì trong loài súc sinh đau khổ, không có chánh pháp.

Ta đã được thân người, vậy nên cầu điều gì?

Xuất gia rất khó được (vậy nên cầu xuất gia).

Nên theo ai xuất gia?

Đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri hiện nay đang ở tại thành Xá-vệ, những kẻ chưa độ thì Ngài cứu độ, những kẻ chưa giải thoát thì Ngài làm cho giải thoát, ông nên đến đó xuất gia.

Ta muốn trở về.

Long nữ liền cho ông tám bánh vàng rồi bảo:

Đây là vàng của rồng đủ cho cha mẹ, bà con ông dùng suốt đời không hết. Giờ ông hãy nhắm mắt lại.

Thế rồi, Long nữ dùng sức thần biến đưa ông trở lại cố quốc. Người bạn đồng hành của ông trước đây đã đến báo tin cho gia đình ông biết là ông đã xuống Long cung. Do thế, cha mẹ ông tưởng con mình đã chết cho nên quyến thuộc tôn thân tụ họp nhau một chỗ khóc lóc tiếc thương. Lúc ấy, người chăn trâu và những người đốn củi thấy ông trở về, liền vội vàng đến báo tin cho gia đình ông:

Mỗ giáp đã trở về rồi.

Người nhà nghe thế vô cùng hân hoan, liền ra đón tiếp đưa ông về nhà. Khi về nhà rồi, gia đình mở hội ăn mừng việc ông được sống lại. Thế rồi, ông lấy 8 bánh vàng tặng cho cha mẹ, nói:

Đây là vàng của rồng, cắt rồi liền nguyên lại, dùng suốt đời cũng không hết, xin cha mẹ cho phép con xuất gia.

Nhưng cha mẹ không cho. Ông liền đi đến Tinh xá Kỳ hoàn, Tỳ-kheo bèn độ cho xuất gia. Cha mẹ sau đó đi đến cửa Tinh xá hỏi các Tỳ-kheo:

Các vị có biết mỗ giáp đâu không?

Tất cả đều đáp:

Không thấy, không nghe.

Nhưng có một Tỳ-kheo nói:

(489b) Ông chỉ cần đứng nơi cửa này, nếu có thì trong chốc lát y sẽ ra vào!

Nghe lời chỉ dẫn, người ấy đứng đợi một lát liền thấy con mình đi ra, bèn chê trách:

Sa-môn Thích tử nói dối, thấy mà nói không thấy, nghe mà nói không nghe.

Người con khuyên cha mẹ:

Đừng làm những việc không lợi ích. Con xuất gia ở đây ai cũng đều biết cả.

Thế rồi, cha mẹ đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, ngồi sang một bên. Phật liền thuyết pháp dạy bảo khiến họ được lợi ích hoan hỷ, đặc pháp nhân thanh tịnh. Đoạn, họ nói với con:

Chúng ta đều là những người được sống lại. Nay con xuất gia được lợi ích rất lớn.

Các Tỳ-kheo nghe những lời chê trách của họ vừa rồi đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo đã độ người xuất gia đến. Khi thấy đến rồi, Phật hỏi:

Này Tỳ-kheo! Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao ông không bạch với chúng mà độ người xuất gia? Từ nay về sau, Ta không cho phép không bạch với chúng Tăng mà độ người xuất gia. Cần phải bạch khi cho xuất gia và khi cạo đầu. Bạch nghĩa là bạch với tất cả chúng Tăng, ít nhất là bạch với 8 thượng tọa. Và Thượng Tọa nên bảo làm cho đúng pháp. Nếu bạch cạo đầu mà không bạch xuất gia thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu cả hai đều có bạch thì không có tội. Nếu không bạch xuất gia cũng không bạch cạo đầu thì phạm hai tội Việt-tỳ-ni. Nếu ra ngoài cương giới độ người thì không có tội. Đó gọi là cạo đầu.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tinh xá Trúc Viên Ca-lan-đà, thành Vương-xá, đức Như Lai độ người ở mọi nơi, nào là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, quốc vương, trưởng giả, ngoại đạo, Sa-môn, Bà-la-môn. Bấy giờ, Phật nói với các Tỳ-kheo:

Từ nay về sau, các ông cũng nên độ người xuất gia, thọ Cụ túc.

Thế rồi, các Tỳ-kheo cũng bắt chước đức Như Lai gọi “Thiện lai” khi độ người xuất gia nhưng râu tóc vẫn còn nguyên vẹn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

Đâu có phải tất cả đều được kim khẩu vô úy như Như Lai, (hễ khi gọi Thiện lai thì) râu tóc tự rụng. Từ nay về sau, phải cạo tóc.

Thế rồi, khi cạo tóc, các Tỳ-kheo cạo tóc mà không cạo râu, hoặc cạo râu mà không cạo tóc. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Phải cạo tất cả, khi cạo, trước nên cạo râu, sau cạo tóc. Nếu người được cạo khó tính thì cạo tóc trước không có tội. Đối với người mới xuất gia không nên nói với họ rằng xuất gia sướng mà nên bảo rằng xuất gia khổ, nào là: ăn ngày một bữa, ở mỗi chỗ một đêm, ngủ một giấc, ăn ít, uống ít, ngủ ít, thức nhiều. Này lão trượng! Ông có làm được không? Nếu họ đáp: “Được”, thì mới cạo tóc. Nếu đã là Tỳ-kheo thì cạo tóc trước, cạo râu sau không có tội.

Đó gọi là cạo tóc.

*

DỤNG CỤ CẠO TÓC

Khi Phật du hành nước Câu-tát-la đến thôn Bà-la-môn, (489c) lúc ấy có hai cha con ông già mang dụng cụ theo xin xuất gia, cho đến Phật dạy:

Vì sao người cạo tóc mang dụng cụ theo mà ông độ họ xuất gia? Từ nay về sau, Ta không cho phép độ người mang dụng cụ xuất

gia. Nếu người cạo tóc mang dụng cụ theo muốn xin xuất gia thì nên bảo: “Ông hãy bỏ dụng cụ cạo tóc rồi tôi mới cho xuất gia. Sau khi xuất gia rồi nếu cần thì mượn của kẻ khác mà dùng.” Ngoài thợ cạo, thì thợ rèn, thợ mộc, thợ kim hoàn, thợ da, thợ dệt và các thợ chuyên môn khác cũng thế, đều không cho phép độ họ xuất gia khi mang dụng cụ theo. Nếu ai độ trong trường hợp như vậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là dụng cụ làm việc.

*

PHÁ TĂNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy tôn giả Ưu-ba-ly đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói phá Tăng, thế nào là phá Tăng?

Này Ưu-ba-ly! Như đại đức Tỳ-kheo như pháp như luật khéo hiểu nghĩa lý sâu xa thì Tỳ-kheo ấy xứng đáng được lễ bái tôn kính tùy thuận nghe theo lời dạy. Nếu có Tỳ-kheo nào cho rằng những lời nói của Tỳ-kheo ấy là phi pháp, không tùy thuận thì đó là sự xích mích giữa chúng Tăng, chứ không phải phá Tăng, cho đến khi nào Tăng trong một trú xứ cùng tụng giới, cùng Yết-ma (thì không phải phá Tăng). Ta đã chế định rằng nếu trong một cương giới, một trú xứ mà Tăng Bố-tát, Tự tứ, làm Yết-ma riêng thì đó gọi là phá Tăng.

Bạch Thế Tôn! Phá Tăng phạm tội như thế nào?

Bị tội đọa vào địa ngục một kiếp.

Đó gọi là phá Tăng.

*

TĂNG HÒA HỢP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy tôn giả Ưu-ba-ly bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói về Tăng hòa hợp, vậy thế nào gọi là Tăng hòa hợp?

Ta đã chế định rằng nếu một đại đức Tỳ-kheo sống như pháp, như luật, khéo hiểu nghĩa lý sâu xa, thì Tỳ-kheo ấy đáng được lễ bái, tôn kính. Các Tỳ-kheo tùy thuận chấp hành các quy định, cùng sống trong một trú xứ cùng Bố-tát, Tụ tứ và thực hiện pháp Yết-ma, đó gọi là Tăng hòa hợp.

Lại nữa, tôn giả Ưu-ba-ly đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, rồi bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Tăng hòa hợp có những công đức gì?

Này Ưu-ba-ly! Được quả báo lành trong một kiếp.

Đó gọi là Tăng hòa hợp.

*

NĂM TRĂM TỶ-KHEO KẾT TẬP PHÁP TẠNG

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy, vua A-xà-thế con bà Vi-đề-hi có mối oán thù với người Tỳ-xá-ly như trong *kinh Đại bát Niết-bàn* đã nói rõ, cho đến việc đức Thế Tôn xả thọ mạng bên tháp Phóng Cung Trượng, tại Tỳ-xá-ly. Thế rồi, Ngài hướng đến thành Câu-thi-na, bên dòng sông Hi Liên Thiên, sinh quán của lực sĩ, trong rừng Kiên cố (490a) bát Nê hoàn dưới cây Song thọ. Khi sắp hỏa thiêu nơi tháp Thiên Quan thì chư Thiên làm cho lửa không cháy để chờ tôn giả Đại Ca-diếp. Lúc ấy, tôn giả Đại Ca-diếp đang ngồi thiền trong hang Tân-bát-la trên núi Kỳ-xà-quật, liền suy nghĩ: “Thế Tôn đã xả thọ mạng, không biết muốn nhập

Niết-bàn tại nơi nào? hiện giờ ở đâu? có ít bệnh, ít phiền não và sống an lạc không?” Suy nghĩ thế rồi, liền nhập định, dùng thiên nhãn quan sát tất cả thế giới thì thấy Thế Tôn đang ở thành Câu Thi Na, bên sông Hi Liên, sinh quán của lực sĩ trong rừng Kiên cố, giữa hai cây Song thọ, sắp được hỏa thiêu tại tháp Thiên Quan, (cho đến) lửa không cháy. Thấy thế, tôn giả buồn thảm không vui, lại suy nghĩ: “Ngay lúc xá-lợi của Thế Tôn chưa phân tán, ta nên đến đánh lễ.” Đoạn, tôn giả lại nghĩ: “Giờ đây ta đến để viếng thân tối hậu của Thế Tôn thì không nên dùng thần túc để đến mà nên đi bộ đến.” Nghĩ thế, tôn giả nói với các Tỳ-kheo:

Này các trưởng lão! Đức Thế Tôn đã Bát Nê hoàn, ai nấy đều mang theo y bát cùng đến Câu Thi Na Kiệt lễ viếng Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo nghe thế, đều đáp:

Lành thay!

Lúc ấy, tôn giả Đại Ca-diếp cùng với các Tỳ-kheo đi đến Câu Thi Na Kiệt. Trên đường đi, họ băng qua một thôn xóm. Trong thôn này có một Tỳ-kheo già đang sống. Tôn giả Đại Ca-diếp liền bảo Tỳ-kheo già:

Thầy hãy đem theo y bát đến đây, để chúng ta cùng đến thành Câu Thi Na Kiệt lễ viếng Thế Tôn.

Trưởng lão Đại Ca-diếp! Đợi ăn bữa trước, bữa sau xong rồi chúng ta hãy đi.

Không nên chờ ăn xong.

Tỳ-kheo già nài nỉ đến ba lần, Đại Ca-diếp đều nói: Không nên chờ.

Khi ấy, Tỳ-kheo già nổi giận, nói:

Sa-môn có việc gì mà gấp gáp, vội vàng như thế, giống như quạ chết không đáng giá một đồng tiền. Hãy đợi trong chốc lát ăn rồi mới đi.

Tôn giả Đại Ca-diếp lại nói:

Hãy để đồ ăn đó đi. Đức Thế Tôn nay đã Nê hoàn, chúng ta phải đến gấp cho kịp lúc chưa hỏa thiêu.

Tỳ-kheo già nghe tin Phật đã ban Nê hoàn, liền nói với tôn giả Đại Ca-diếp:

Nay ta vĩnh viễn được giải thoát. Vì sao thế? Vì vị A-la-hán ấy lúc còn sống thường nói: “Việc ấy nên làm, việc kia không nên làm.” Nay đã Nê hoàn việc gì nên làm hay không nên làm ta đều được tự do tùy ý.

Khi nghe lời nói ấy, Đại Ca-diếp sâu thẳm không vui, liền gảy ngón tay phải, lửa phóng ra, đồng thời chân phải mím chặt trên đất. Tỳ-kheo già thấy thế hoảng sợ, bỏ chạy. Thế rồi, Đại Ca-diếp đi đến chỗ Phật. Thế Tôn liền (490b) đưa hai chân từ trong kim quan ra ngoài. Khi tôn giả Đại Ca-diếp thấy được chân Phật, liền trật vai áo bên phải, cúi đầu đánh lễ, rồi đọc kệ:

Chân Như Lai đầy đặn,
 Hiện bánh xe ngàn căm.
 Ngón dài nhọn mềm mại,
 Hình mạng lưới cấu thành.
 Vì thế hôm nay con
 Đánh lễ chân tối thắng.
 Chân mềm mại tối thắng,
 Từng du hành thế gian.
 Đại bi cứu chúng sinh,
 Từ nay không gặp nữa.
 Vì thế hôm nay con
 Đánh lễ chân Như Lai.
 Như Lai cứu độ con,
 Đạt Ứng chân giải thoát.
 Nay con nhìn lần cuối,

Vĩnh viễn không gặp nữa.
 Đã đoạn mọi nghi hoặc,
 Bạc Ly dục Tội thượng.
 Làm lợi ích mọi loài
 Tất cả đều hoan hỷ.
 Vì thế hôm nay con
 Đánh lễ chân Tội thẳng.
 Đúc hạnh Phật như vậy,
 Khéo đáp mọi nghi ngờ.
 Ngày hôm nay đã qua
 Ánh từ quang vĩnh diệt.
 Vì thế hôm nay con,
 Đánh lễ chân Tội thẳng.
 Con chứng bốn chân lý,
 Nói công đức của Phật.
 Đọc kệ lễ kính xong,
 Hai chân liền thu vào.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bàn bạc: “Ai nên châm lửa thiêu đây?” Khi ấy, tôn giả Đại Ca-diếp nói:

Tôi là trưởng tử của Thế Tôn, nên để tôi châm lửa thiêu.

Thế là đại chúng đồng thanh nói: “Tốt lắm”, liền hỏa thiêu. Khi hỏa thiêu xong, Ca-diếp nhớ lại lời nói của vị Tỳ-kheo già ở trong thôn, cho đến: “Muốn làm thì làm, không muốn làm thì thôi”, tôn giả liền nói với các Tỳ-kheo:

Này các trưởng lão! Vấn đề xá-lợi của Thế Tôn không phải là việc của chúng ta mà quốc vương, trưởng giả, Bà-la-môn, cư sĩ, những người cầu phước tự họ sẽ lo việc cúng dường. Việc của chúng ta trước hết là phải kết tập pháp tạng chớ để pháp Phật sớm diệt.

Mọi người bàn:

Chúng ta nên kết tập Pháp tạng chỗ nào?

Lúc ấy, có người bàn: “Nên đến xá-vệ”; có người nói: “Nên đến Sa kỳ”; có người nói: “Nên đến Chiêm Bà”; có người nói: “Nên đến Tỳ-xá-ly”; có người lại nói: “Nên đến Ca-duy-la-vệ.”

Bấy giờ, Đại Ca-diếp liền đề nghị:

Nên đến thành vương-xá kết tập pháp tạng. Vì sao thế? Vì đức Thế Tôn đã di chúc rằng (490c): Vua A-xà-thế con bà Vi-đê-hi ở thành vương-xá là bậc có tín căn đệ nhất trong hàng Ưu-bà-tắc của các Thanh văn. Và lại, vị vua ấy có 500 chiếc giường nằm để cung cấp, nên đến chỗ vị ấy.

Nghe thế, tất cả đều đáp:

Vâng.

Đức Thế Tôn trước kia có dặn tôn giả A-na-luật rằng: “Khi Như Lai ban Nê hoàn ông nên giữ gìn xá-lợi đừng để Chư Thiên đem đi. Bởi vì trong thời quá khứ đức Như Lai ban Nê hoàn, Chư Thiên đem xá-lợi đi, khiến người đời không thể đến đó chiêm bái được, nên mất công đức. Chư Thiên có thể đến nhân gian cúng dường, nhưng người đời không thể đến chỗ họ, ngoại trừ người có thần túc; vì thế phải giữ gìn cẩn thận.”

Bấy giờ, thị giả A-nan vì bận việc cúng dường nên không đến được. Đại Ca-diếp cùng với 1000 Tỳ-kheo đi đến thành Vương-xá, tới trong hang núi Sát-đế, trải giường nệm, trang trí tòa của Thế Tôn. Ở phía trước, bên trái tòa Thế Tôn đặt tòa của tôn giả Xá-lợi-phất, ở bên phải đặt tòa của tôn giả Đại Mục-liên, kế đến đặt tòa của Đại Ca-diếp, cứ như vậy lần lượt theo thứ tự bài trí giường nệm rồi chuẩn bị những nhu yếu cần thiết trong bốn tháng. Vì mục đích kết tập pháp tạng cho nên cắt đứt các ngoại duyên. Khi đại chúng tập hợp xong, trong số đó có người đạt được Tam minh, Lục thông giới đức tự tại. Trong những người này, có người trực tiếp thọ giáo với Thế Tôn, đọc thuộc một bộ Luật; có người

theo chúng Thanh văn đọc thuộc một bộ Luật; có người thọ giáo trực tiếp với Thế Tôn đọc thuộc hai bộ Luật; có người theo chúng Thanh văn đọc thuộc hai bộ Luật. Thế rồi, đại chúng cùng bàn bạc:

Ở trong này nên chọn những vị đạt được Tam minh, Lục thông, có giới đức tự tại, từng thọ giáo trực tiếp với Thế Tôn tụng thuộc hai bộ Luật, từng theo chúng Thanh văn tụng thuộc hai bộ Luật.

Khi chọn lựa xong, đếm lại thì thấy thiếu hai người mới đủ số 500, đại chúng bàn tiếp:

Nên chọn đủ 500 người.

Thế rồi, trưởng lão A-na-luật đi đến bổ sung thêm nhưng vẫn thiếu một người. Khi ấy, tôn giả Đại Ca-diếp làm Thượng Tọa thứ nhất, Thượng tọa thứ hai tên Na-đầu-lô, Thượng Tọa thứ ba tên Ưu-ba Na-đầu-lô. Lúc ấy, tôn giả Đại Ca-diếp tự lên ngôi tòa của mình, để trống tòa của tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-liên và A-nan. Thế rồi, các Tỳ-kheo lần lượt ngồi theo thứ tự.

Bấy giờ, tôn giả Đại Ca-diếp bảo trưởng lão Lê-bà-đề đệ tử đồng hành của tôn giả Mục-liên:

Ông hãy lên cõi trời Ba mươi ba gọi Tỳ-kheo Tùy-đề-na đến, nói rằng: “Đức Thế Tôn đã ban Nê hoàn, Tỳ-kheo Tăng đang tập hợp định kết tập pháp tạng.”

Thầy liền vâng lệnh, đi đến cõi trời ba mươi ba, bạch:

Thưa trưởng lão! Đức Thế Tôn đã Ban Nê hoàn, Tỳ-kheo Tăng đang tập hợp định kết tập pháp tạng nên sai tôi đến gọi trưởng lão.

Vị Tỳ-kheo này nghe xong sâu thâm, không vui, bèn hỏi:

Đức Thế Tôn đã Ban Nê hoàn rồi sao?

(491a) Thưa vâng.

Nếu đức Thế Tôn còn ở cõi Diêm-phù-đề thì tôi sẽ đến, nay Thế Tôn đã ban Nê hoàn thì con mắt của thế gian đã hoại diệt.

Thấy nói xong, dùng thần túc bay lên hư không, nhập Hỏa quang tam muội tự thiêu thân. Vị sứ giả thấy vậy trở về, vào giữa Tăng thuật lại đầy đủ sự việc trên, cho đến đoạn: Nhập Hỏa quang tam muội. Thế rồi, Tăng lại sai thầy lên cung Thi lợi sa sí, cõi trời ba mươi ba gọi Kiều-phạm-ba-đề; lần lượt đến trưởng lão Thiện Kiến ở Hương Sơn; trưởng lão Phả-đầu-tỷ-na ở Du Hí sơn; trưởng lão Bạt-khư-lê ở Chiêm Ba sơn; rồi đến trưởng lão Uất-đa-la ở Tịnh Sơn; đệ tử của tôn giả Mục-liên tên Đại Quang ở Quang Sơn; đệ tử của tôn giả Xá-lợi-phất tên Ma-tẩu-lô ở Mạn Đà sơn; tôn giả La-đổ ở Ma La sơn. Các vị ấy, khi nghe gọi đều ban Nê hoàn. Đồng thời Tăng sai sứ giả đến Thiên cung Tỳ Sa-môn gọi Tu-mật-đa. Sứ giả đến nơi thưa:

Thưa trưởng lão! Đức Thế Tôn đã ban Nê hoàn, Tỳ-kheo đang tập hợp định kết tập pháp tạng, cho tôi đến gọi trưởng lão.

Vị Tỳ-kheo ấy nghe xong sầu thảm, không vui, nói:

Đức Thế Tôn đã ban Nê hoàn rồi sao?

Thưa vâng!

Nếu Thế Tôn còn ở cõi Diêm-phù-đề thì tôi sẽ đến, nay Thế Tôn đã ban Nê hoàn tức là con mắt của thế gian đã diệt mất.

Nói xong, thầy dùng thần túc bay lên hư không, nhập Hỏa quang tam muội, tự thiêu thân, nhập vào Niết-bàn. Bấy giờ, sứ giả liền trở về vào giữa Tăng thuật lại đầy đủ sự việc trên cho chư Tăng nghe. Đại Ca-diếp liền nói:

Này các trưởng lão! Hãy thôi, đừng gọi những người khác nữa. Những ai nghe gọi đều tự nhập Niết-bàn, nếu cứ gọi tiếp thì họ sẽ nhập Niết-bàn hết, như thế thì phước điền của cõi đời này sẽ thành ra trống không.

Có một Tỳ-kheo nói:

Thưa các trưởng lão! Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, từng thân cận thọ giáo. Hơn nữa đức Thế Tôn từng phú chúc rằng A-nan có ba việc đặc biệt, nên gọi thầy đến.

Đại Ca-diếp nói:

Không phải vậy! Nếu như người còn đang học này vào trong chúng Vô học có giới đức tự tại thì cũng như con chó ghê vào giữa bầy sư tử.

Lúc này tôn giả A-nan sắp xếp việc cúng dường vừa xong, đi đến một thôn, rồi thầm nhủ: “Hôm nay ta nghỉ lại đây, ngày mai sẽ đến thành Xá-vệ.” Thế rồi, có một vị trời đến nói với A-nan:

Đại Ca-diếp nói rằng tôn giả là con chó ghê.

A-nan bèn suy nghĩ: “Đức Thế Tôn đã nhập Niết-bàn, chính lúc này ta cần người để nương tựa, vì sao lại ví ta như con chó ghê?”

Nghĩ thế nên lòng không vui, rồi thầy lại nghĩ: “Tôn giả Đại Ca-diếp này biết quá rõ dòng dõi tên tuổi của ta, vì cho rằng ta chưa đoạn trừ hết kiết sử nên mới nói như vậy.”

Bấy giờ, tôn giả (491b) A-nan càng siêng năng gấp bội đi kinh hành không biếng nhác, mong hết sạch hữu lậu nên hành đạo cực khổ. Hơn nữa, vì Thế Tôn nhập Nê hoàn khiến thầy mang nỗi buồn da diết trong lòng, đồng thời những gì trước đây đã nghe và thu nhận thì chưa thấu triệt, nên lại nghĩ ngợi: “Đức Thế Tôn đã phú chúc rằng đối với giáo pháp này tâm ta không phóng dật sẽ dứt sạch hữu lậu, vậy thì phải cực khổ quá làm gì!” Thế nhưng tâm thầy vẫn không xả định, nghiêm mình định tâm xuống, đầu chưa chấm gối thì sạch hết hữu lậu, đạt được Tam minh Lục thông có sức lực tự tại. Thầy liền dùng thần túc nương theo hư không mà đi, đến ngoài cửa hang Sát đế, đọc kệ rằng:

Đa văn và biện tài,
Là thị giả Thế Tôn.

A-nan con Cù-đàm
Giờ đang đứng ngoài cửa.

Thế nhưng, đại chúng vẫn chưa mở cửa cho thầy, nên thầy lại đọc kệ tiếp:

Đa văn khéo biện tài,
Là thị giả Thế Tôn.
Đã bỏ gánh kiết sử,
Con Cù-đàm ngoài này.

Bấy giờ, Đại Ca-diếp liền đọc kệ:

Ông nói mình đã chứng,
Đã bỏ gánh phiền não.
Con Cù-đàm chưa vào,
Vào đi con Cù-đàm!

A-nan vào xong, đánh lễ tòa của Thế Tôn, rồi tuần tự đánh lễ các Thượng tọa, đoạn, đến ngôi tòa của mình. Khi ấy, Đại Ca-diếp nói với A-nan:

Tôi không tự cao cũng không khinh ông, chỉ vì ông cầu đạo không tiến bộ, muốn cho ông tinh cần diệt hết các hữu lậu cho nên mới nói lời ấy.

Tôi cũng biết! Chỉ vì tôi chưa hết kiết sử, muốn cho tôi tinh cần diệt hết các hữu lậu (nên tôn giả mới nói như vậy).

Lúc ấy, tôn giả Đại Ca-diếp liền hỏi chúng Tăng đang ngồi:

Giờ đây nên kết tập tạng nào trước?

Nên kết tập tạng Pháp (kinh) trước.

Nên cử ai kết tập?

Nên cử trưởng lão A-nan.

A-nan liền nói:

Không nên làm như vậy vì còn có nhiều trưởng lão Tỳ-kheo khác.

Đại chúng lại nói:

Tuy có nhiều trưởng lão Tỳ-kheo khác nhưng đức Thế Tôn đã phú chúc rằng thầy là người đa văn bậc nhất, do đó thầy nên kết tập.

Nếu các trưởng lão đề cử tôi kết tập thì điều gì như pháp nên hoan hỷ, điều gì không như pháp nên ngăn cản, điều gì không tương ứng cũng nên ngăn cản chứ đừng vì tôn trọng tôi mà không ngăn cản. Nói chung, điều gì đúng nghĩa, điều gì không đúng nghĩa đều xin chỉ giáo.

Trưởng lão A-nan! Thầy chỉ cần kết tập Pháp tạng, điều gì như pháp thì Tăng tùy hỉ, điều gì phi pháp (491c) thì đến lúc đó sẽ biết.

Lúc ấy, tôn giả A-nan bèn suy nghĩ: “Bây giờ ta phải kết tập pháp tạng như thế nào đây?” Suy nghĩ thế rồi, thầy liền đọc lời Kinh:

“Tôi nghe như vậy, một thời Phật ở tại Uất-tỳ-la, bên dòng sông Ni-liên, nơi Bồ đề Mạn-đà-la.” Khi tôn giả A-nan vừa nói lời ấy thì 500 vị A-la-hán có đức hạnh tự tại liền bay lên hư không đồng thanh khen ngợi:

Chúng con đã được tận mắt thấy Thế Tôn, giờ đây lại được nghe lời dạy, rồi cùng niệm: “Nam mô Phật”, đoạn trở lại chỗ ngồi.

Bây giờ, A-nan liền đọc kệ sau đây:

Siêng tu tập thiền định,
Thấy các pháp sinh diệt.
Biết pháp từ duyên khởi,
Lìa si, diệt phiền não.

Siêng tu tập thiền định,
Thấy các pháp sinh diệt.
Biết pháp từ duyên khởi,
Chứng các pháp diệt tận.

Siêng tu tập thiền định,
Thấy các pháp sinh diệt.
Biết pháp từ duyên khởi,
Nhiếp phục bọn ma quân.

Siêng tu tập thiền định,
Thấy các pháp sinh diệt.
Biết pháp từ duyên khởi
Ánh dương xua bóng đêm.

Tôn giả A-nan đọc tất cả pháp tạng như vậy. Những câu văn dài kết tập thành Trường A-hàm. Những câu văn trung bình kết tập thành Trung A-hàm. Những câu văn linh tinh kết tập thành Tạp A-hàm, chẳng hạn như Căn tạp, lực tạp, giáp tạp, đạo tạp, đại loại như thế gọi là tạp. Từ một tạng lên hai, tăng lên ba cho đến tăng lên 100, tùy theo số loại tương tự nhau kết tập thành Tăng Nhất A-hàm. Tạp tạng bao gồm Bích chi Phật, A-la-hán, tự thuyết, bản hạnh, nhân duyên, các kệ tụng, đại loại như vậy gọi là Tạp tạng.

Khi ấy, trưởng lão A-nan liền đọc kệ:

Đây chính là tám vạn pháp tạng,
Các pháp này được nghe từ Phật.
Đây chính là tám vạn pháp tạng,
Các pháp này nghe từ người khác.
Các pháp này tôi giữ vẹn toàn,
Chính Phật dạy đường đến Niết-bàn.
Đó gọi là kết tập Pháp tạng.

Tiếp đến, đại chúng hỏi:

Ai có thể kết tập Luật tạng?

Có người nói:

Trưởng lão Ưu-ba-ly.

Ưu-ba-ly liền lên tiếng:

Không thể như vậy vì còn có những trưởng lão Tỳ-kheo khác.

Có người lại nói:

Tuy có những trưởng lão Tỳ-kheo khác nhưng đức Thế Tôn đã phú chúc rằng trưởng lão thành tựu 14 pháp, trừ (492a) đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri ra thì trưởng lão là người trì Luật bậc nhất.

Ưu-ba-ly nói:

Thưa các trưởng lão! Nếu bảo tôi kết tập Luật tạng thì điều gì như pháp hãy tùy hỷ, điều gì không như pháp hãy ngăn cản; nếu điều gì không tương ứng thì nên ngăn cản chứ đừng vì tôn trọng tôi (mà bỏ qua); đồng thời điều nào đúng nghĩa, trái nghĩa cũng đều xin chỉ giáo.

Thế rồi, tất cả đều nói:

Trưởng lão Ưu-ba-ly chỉ lo việc kết tập, điều gì như pháp thì chúng tôi tùy hỷ, điều gì phi pháp thì lúc đó sẽ biết.

Tôn giả Ưu-ba-ly suy nghĩ: “Hôm nay ta kết tập Luật tạng như thế nào đây? Đối với năm pháp thanh tịnh mà như pháp, như Luật thì tùy hỷ, còn không như pháp như Luật thì nên bỏ ra ngoài. Năm pháp thanh tịnh: (1) Hạn chế tịnh; (2) Phương pháp tịnh; (3) Giới hạnh tịnh; (4) Trưởng lão tịnh; (5) Phong tục tịnh.

1- Hạn chế tịnh: Tại trú xứ của các Tỳ-kheo đặt ra các hạn chế rằng điều gì tương ứng với bốn giáo lý cơ bản thì dùng, không tương ứng thì bỏ. Đó gọi là hạn chế tịnh.

2- Phương pháp tịnh: Đối với những luật pháp của quốc gia, điều gì tương ứng với bốn giáo lý cơ bản thì dùng, không tương ứng thì bỏ. Đó gọi là phương pháp tịnh.

3- Giới hạnh tịnh: Khi ta thấy Tỳ-kheo mổ giáp trì giới làm việc đó mà tương ứng với bốn giáo lý cơ bản thì dùng, nếu không tương ứng thì bỏ. Đó gọi là giới hạnh tịnh.

4- Trưởng lão tịnh: Nếu ta thấy trưởng lão Tỳ-kheo, tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-liên làm việc đó mà tương ứng với bốn giáo lý cơ bản thì dùng, không tương ứng thì bỏ. Đó gọi là trưởng lão tịnh.

5- Phong tục tịnh: Không được làm những việc như khi còn thế tục, chẳng hạn ăn phi thời, uống rượu, hành dâm; tất cả những việc như vậy hợp pháp đối với thế tục nhưng không hợp pháp đối với người xuất gia. Đó gọi là phong tục tịnh.

Thưa các trưởng lão! Những điều như thế nếu đúng pháp thì xin tùy hỷ, nếu không đúng pháp thì xin lên tiếng.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo liền đáp:

Nếu tương ứng thì dùng, nếu không tương ứng thì lúc ấy sẽ ngăn cản.

Thế rồi, tôn giả Ưu-ba-ly nói với A-nan:

Trưởng lão có tội, phải sám hối với chúng Tăng thanh tịnh.

Tôi có những tội gì?

Đức Thế Tôn đến ba lần chế định không cho phép độ người nữ xuất gia mà thầy xin Thế Tôn đến ba lần, thế là phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi ấy, tôn giả Đại Ca-diếp bèn ném một cái thẻ xuống đất, nói:

Đây là thẻ thứ nhất.

Tức thì chấn động cả tam thiên đại thiên thế giới.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, Ngài nói:

“Này A-nan! Ta ở Ban Lạc phóng cung trượng tháp tại Tỳ-xá-ly này rất an lạc; nếu ai được bốn thân túc thì có thể kéo dài mạng sống đến một kiếp, hoặc hơn một kiếp; nếu Phật ở đời thì người đời sẽ được thấy”, thì thầy nói: “Nhu vậy đó Thế Tôn! Nhu vậy đó

Tu-già-đà”, mà không thỉnh Phật trụ thế nên phạm tội Việt-tỳ-ni. Tiếp tục ném thẻ thứ hai.

Lại nữa, khi may y Tăng-già-lê cho Thế Tôn, thầy đã dùng ngón chân phải đập trên y, (492b) há thầy không biết rằng y Tăng-già-lê này là bảo tháp mà Chư Thiên, người đời nên cúng dường hay sao? Vì thế phạm tội Việt-tỳ-ni. Tiếp tục ném thẻ thứ ba.

Lại nữa, Phật nói: “Này A-nan! Hãy đi lấy nước”, nói như vậy đến ba lần mà thầy không lấy nước cho Thế Tôn, nên phạm tội Việt-tỳ-ni. Tiếp tục bỏ xuống thẻ thứ tư.

Lại nữa, Phật nói: “A-nan, khi Ta sắp nhập Niết-bàn nên nói với Ta, Ta sẽ vì các Tỳ-kheo bỏ những giới vi tế”, nhưng thầy không bạch nên phạm tội Việt-tỳ-ni. Tiếp tục bỏ xuống thẻ thứ năm.

Lại nữa, khi Phật ban Nê hoàn, thầy để mã âm tàng của Phật cho Tỳ-kheo ni xem, nên phạm tội Việt-tỳ-ni. Tiếp tục bỏ xuống thẻ thứ sáu.

Lại nữa, khi Phật ban Nê hoàn, các lão mẫu của lực sĩ đến khóc khiến nước mắt nhỏ trên chân Thế Tôn, thầy là thị giả mà không ngăn cản nên phạm tội Việt-tỳ-ni. Tiếp tục bỏ xuống thẻ thứ bảy.

Lúc ấy, A-nan không nhận hai tội, nói như sau:

Thưa trưởng lão! Chư Phật quá khứ đều có bốn chúng, vì thế tôi thỉnh Phật độ Tỳ-kheo ni đến ba lần. Còn khi Phật ở Tỳ-xá-ly, ba lần báo cho biết mà tôi không thỉnh Phật trụ thế là vì lúc ấy tôi là người còn đang học, bị ma che mờ cho nên không thỉnh. Ở đây tôi chỉ phạm năm tội Việt-tỳ-ni.

Thế rồi, trưởng lão (sám hối) đúng như pháp.

Bấy giờ, tôn giả Ưu-ba-ly liền bạch với đại chúng:

Thưa các trưởng lão! Đây là thứ tự của chín pháp:

1. Ba-la-di.

2. Tăng-già-bà-thi-sa.
3. Hai pháp Bất định.
4. Ba mươi pháp Ni tát kỳ.
5. Chín mươi hai pháp Ba-dạ-đề.
6. Bốn Ba la đề đề xá ni.
7. Pháp chúng học.
8. Bảy pháp Diệt tránh.
9. Pháp tùy thuận.

Đức Thế Tôn tại chỗ xứ vì Tỳ-kheo mổ giáp, chế những giới này phải không?

Bấy giờ, đại chúng cùng đáp:

Đúng như vậy Ưu-ba-ly! Đúng như vậy Ưu-ba-ly.

Ưu-ba-ly tiếp:

Trong Luật có ghi lại năm việc sau đây: (1) Tu-đa-la; (2) Tỳ-ni; (3) Nghĩa; (4) Giáo; (5) Khinh trọng.

- Tu-đa-la: chỉ cho năm bộ Kinh.
- Tỳ-ni: Tức hai bộ Luật rộng và hẹp.
- Nghĩa: Ý nghĩa của từng câu.
- Giáo: Bốn giáo lý cơ bản mà đức Thế Tôn đã thuyết giảng cho Sát lợi, Bà-la-môn và cư sĩ.
- Khinh trọng: Lấy trộm đủ năm tiền là nặng, dưới năm tiền là nhẹ, phạm tội Thân-lan-giá.

Đó gọi là năm việc mà Luật đã ghi lại. Các trưởng lão nên học như vậy. Lại có năm điều luật nữa là: (1) Lược Tỳ-ni; (2) Quảng Tỳ-ni; (3) Phương diện Tỳ-ni; (4) Kiên cố Tỳ-ni; (5) Ứng pháp Tỳ-ni.

- Lược Tỳ-ni: Tức 5 thiên giới.

- Quảng Tỳ-ni: Túc 2 bộ Luật.
- Phương diện Tỳ-ni: Tại Thâu nô (492c) biên địa cho phép năm thầy được truyền giới Tỳ-kheo.
- Kiên cố Tỳ-ni: Khi thọ y Ca hi na được bỏ năm việc, từ biệt chúng thực cho đến khi đi đâu không cần thưa với người cùng ăn chung với mình.
- Ứng pháp Tỳ-ni: Trong đây Yết-ma đúng pháp và Yết-ma hòa hợp, đó gọi là làm đúng giới luật. Còn những cách khác là phi Yết-ma (Yết-ma phi pháp).

Thưa các trưởng lão, đến đây là kết tập Luật tạng hoàn tất.

Thế rồi, đại chúng bèn gọi 1.000 Tỳ-kheo ở ngoài vào, nói:

Thưa các trưởng lão! Như thế này là Tạng pháp (Kinh) đã được kết tập, như thế này là tạng Luật đã được kết tập.

Lúc ấy, có Tỳ-kheo nói:

Thưa các trưởng lão! ĐỨC THẾ TÔN trước kia đã nói với A-nan rằng Ngài muốn vì các Tỳ-kheo bỏ bớt một số giới nhỏ nhặt, vậy bỏ những giới nào?

Có Tỳ-kheo nói:

Nếu ĐỨC THẾ TÔN muốn bỏ bớt các giới nhỏ nhặt thì nên bỏ oai nghi.

Có Tỳ-kheo nói:

Không những bỏ oai nghi mà nên bỏ pháp Chúng học.

Có Tỳ-kheo nói:

Cũng nên bỏ luôn cả 4 Ba la để để xá ni.

Có Tỳ-kheo nói:

Cũng nên bỏ luôn cả 92 pháp Ba-dạ-đề.

Có Tỳ-kheo nói:

Cũng nên bỏ luôn cả 30 pháp Ni tát kì Ba-dạ-đề.

Có Tỳ-kheo nói:

Cũng nên bỏ luôn cả hai pháp Bất định.

Khi ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo liền nói:

Thưa các trưởng lão! Nếu như Thế Tôn còn tại thế thì nên bỏ hết tất cả.

Đại Ca-diếp oai nghi nghiêm chỉnh giống như Thế Tôn, liền nói như sau:

Ôi! Ôi! Đừng nói lời ấy.

Tức thời tất cả đại chúng đều im lặng. Đại Ca-diếp liền tiếp:

Này các trưởng lão! Nếu đã chế định rồi lại mở ra thì sẽ khiến cho người ngoài nói: “Khi Cù-đàm còn ở đời nghi pháp hưng thịnh, ngày nay đã Nê hoàn, giáo pháp suy đồi.” Thưa các trưởng lão! Những gì chưa chế thì đừng chế thêm nữa, những gì đã chế thì chúng ta nên tùy thuận học tập.

Thế nhưng các pháp này được nghe từ ai?

Được nghe từ tôn giả Đạo Lực về Luật, Luận, Tạp A-hàm, Tăng Nhất A-hàm, Trung A-hàm, Trường A-hàm.

Thế thì Đạo Lực nghe từ ai?

Nghe từ tôn giả Phất-sa-bà-đà-la.

Tôn giả Phất-sa-bà-đà-la nghe từ ai?

Nghe từ tôn giả Pháp Thắng.

Pháp Thắng nghe từ ai?

Nghe từ tôn giả Tăng-già-đề-bà.

Tăng-già-đề-bà nghe từ ai?

Nghe từ tôn giả Long Giác.

Long Giác nghe từ ai?

Nghe từ tôn giả Pháp Tiền.

Pháp Tiên nghe từ ai?
Nghe từ tôn giả Đê-na-già.
Đê-na-già nghe từ ai?
Nghe từ tôn giả Pháp Hộ.
Pháp Hộ nghe từ ai?
Nghe từ tôn giả Kỳ-bà-già.
Kỳ-bà-già nghe từ ai?
Nghe từ tôn giả Phát-đề-la.
Phát-đề-la nghe từ ai?
Nghe từ tôn giả Da-xá.
Da-xá nghe từ ai?
Nghe từ tôn giả Sai-đà.
Sai-đà nghe từ ai?
Nghe từ tôn giả Hộ Mạng.
Hộ Mạng nghe từ ai?
Nghe từ tôn giả Thiện Hộ.
Thiện Hộ nghe từ ai?
Nghe từ tôn giả (493a) Ngưu Hộ.
Ngưu Hộ nghe từ ai?
Nghe từ tôn giả Cự-xá-la.
Cự-xá-la nghe từ ai?
Nghe từ tôn giả Ma-câu-đa.
Ma-câu-đa nghe từ ai?
Nghe từ tôn giả Ma-ha-na.
Ma-ha-na nghe từ ai?
Nghe từ tôn giả Năng Hộ.
Năng Hộ nghe từ ai?

Nghe từ tôn giả Mục Đa.

Mục Đa nghe từ ai?

Nghe từ tôn giả Cự-hê.

Cự-hê nghe từ ai?

Nghe từ tôn giả Pháp Cao.

Pháp Cao nghe từ ai?

Nghe từ tôn giả Căn Hộ.

Căn Hộ nghe từ ai?

Nghe từ tôn giả Kỳ-đa.

Kỳ-đa nghe từ ai?

Nghe từ tôn giả Thọ-đề-đà-bà.

Thọ-đề-đà-bà nghe từ ai?

Nghe từ tôn giả Đà-bà-ba-la.

Đà-bà-ba-la nghe từ ai?

Nghe từ tôn giả Ưu-ba-ly.

Ưu-ba-ly nghe từ ai?

Nghe từ Phật.

Phật nghe từ ai?

Ngài tự giác ngộ không có thầy, cũng không nghe từ ai cả. Phật có vô lượng trí tuệ, vì lợi ích cho chúng sinh nên Ngài trao truyền cho Ưu-ba-ly. Ưu-ba-ly trao cho Đà-bà-ba-la. Đà-bà-ba-la trao cho Thọ-đề-đà-bà. Thọ-đề-đà-bà lần lượt trao xuống tôn giả Đạo Lực, rồi Đạo Lực trao cho tôi và những người khác.

Kệ tóm tắt:

Chúng ta nhờ thầy dạy,

Nghe từ đấng Vô thượng.

Giữ gìn đọc tụng Luật.

Pháp Hiền Thánh tuân hành.

Pháp tạng của Thế Tôn,

Kế thừa sau Thích ca.

Mỗi người phải tuân thủ,

Để chánh pháp còn mãi.

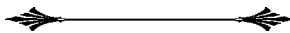
Đó gọi là 500 Tỳ-kheo kết tập pháp tạng.

*

Hết quyển thứ ba mươi hai

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 33

PHẨM TẠP TỤNG (tiếp theo)

BẢY TRĂM VỊ ĐẠI HỘI TẠP PHÁP TẠNG

Sau khi Phật Niết-bàn (khoảng 100 năm), các trưởng lão Tỳ-kheo ở Tăng-già-lam Sa-đôi, tại Tỳ-xá-ly, theo xin các đàn việt, (493b) nói những lời bi ai như sau:

“Này Lão trượng, khi đức Thế Tôn còn tại thế, chúng tôi được cúng dường bữa ăn trước, bữa ăn sau và các y phục, nay Thế Tôn đã Niết-bàn, chúng tôi trở thành cô độc, đâu có ai cho thứ gì. Các vị nên bố thí tài vật cho Tăng.”

Lúc ấy, có người cho một đồng, hai đồng, cho đến mười đồng. Thế rồi, họ đựng số tiền ấy vào trong cái thau, đến ngày Bố-tát, họ dùng cái chén nhỏ đựng số tiền ấy phân chia cho từng người theo thứ tự. Lúc ấy, vị Tỳ-kheo trì luật là Da-xá được chia đầu tiên, liền hỏi:

Đây là những thứ gì vậy?

Đó là số tiền để mua thuốc men được phân chia theo thứ tự vậy.

Đi qua đi.

Vì sao bảo đi qua? Trưởng lão định cúng dường cho Tăng sao?

Đó là những vật bất tịnh.

Thầy đã hủy báng Tăng, nói là vật bất tịnh, thế thì phải làm Yết-ma cử tội.

Đoạn, chư Tăng làm Yết-ma cử tội Da-xá. Thế rồi, Da-xá bèn đi đến chỗ tôn giả Đà-ta-bà-la đang ở nước Ma-thâu-la, nói với tôn giả như sau:

Thưa trưởng lão, tôi bị Tăng cử tội bắt thi hành pháp tùy thuận.

Thầy vì có gì mà bị cử tội?

Thưa trưởng lão, sự việc xảy ra như vậy, như vậy.

Thầy không có tội gì mà bị cử tội. Vậy, tôi sẽ san sẻ pháp thực, vì thực cùng với thầy.

Da-xá nghe dạy như thế, liền thưa với chúng tăng:

Thưa các trưởng lão, chúng ta phải kết tập lại Tạng luật, đừng để Phật pháp bị suy đồi.

Thầy định kết tập tại đâu?

Hãy trở lại nơi đã xảy ra sự việc mà kết tập.

Bấy giờ, chư Tăng tại nước Ma-thâu-la kết hợp với chư Tăng thành Xá-vệ gồm có bảy trăm người, tập trung về một nơi. Trong số đó, có người trì một bộ Luật, có người trì hai bộ Luật, lại có người trực tiếp thọ lãnh từ Thế Tôn, có người thọ lãnh từ hàng Thanh văn. Thế là, khi ấy tại Tăng-già-lam Sa-đôi, thành Tỳ-xá-ly, các giường nệm đều được chuẩn bị tươm tất để bảy trăm vị Tăng mở đại hội. Trong số này, có người là phạm phu, có người đang học, có người vô học, có vị chứng tam minh, lục thông được tự tại vô ngại. Lúc này, các vị Đại Ca-diếp-đạt-đầu-lộ, Ưu-ba-đạt-đầu-lộ, tôn giả A-nan -đều đã nhập Niết-bàn cả.

Bấy giờ, vị Thượng tọa của chúng Tăng là tôn giả Du-thâu-đà cất tiếng hỏi: “Ai nên kết tập Luật tạng?” Các Tỳ-kheo đáp: “Tôn giả Đà-ta-bà-la nên kết tập.”

Đà-ta-bà-la thưa: “Thưa các trưởng lão, còn có các trưởng lão Tỳ-kheo khác, nên mời các vị ấy kết tập.”

Các Tỳ-kheo nói: “Tuy có các Thượng tọa khác, nhưng đức Thế Tôn đã tuyên bố rằng Hòa thượng bốn sư của trưởng lão đã thành tựu 14 pháp, trì luật đệ nhất, mà trưởng lão từng thọ giáo trực tiếp, vậy nên kết tập.”

Đà-ta-bà-la nói: “Nếu bảo tôi kết tập, thì những gì như pháp xin tùy hỷ, những gì không như pháp xin ngăn lại, những gì không tương ưng cũng xin ngăn lại, đừng vì tôn trọng tôi mà để yên. Nói chung, (493c) những gì đúng nghĩa, không đúng nghĩa đều xin chỉ bảo cho biết.”

Mọi người đều đáp: “Vâng.”

Bấy giờ, tôn giả Đà-ta-bà-la suy nghĩ: “Nay ta kết tập Luật Tạng như thế nào đây? Có năm pháp thanh tịnh, những gì như Pháp, như Luật thì Tăng sẽ tùy hỷ, những gì không như Pháp, như Luật thì Tăng sẽ ngăn cản. Năm pháp đó là gì? Đó là: Một là chế hạn tịnh, cho đến phong tục tịnh.” Thế rồi, thầy nói với chúng Tăng:

Thưa các trưởng lão, đây là thứ tự của chín pháp: Từ 4 Ba-la-di cho đến pháp, tùy thuộc pháp, tôi đã được nghe từ Hòa thượng rằng đức Thế Tôn tại mỗ xứ, mỗ xứ, vì Tỳ-kheo mỗ giáp, mỗ giáp mà chế giới này, thưa có phải vậy không?

Đúng như vậy, như vậy.

Thưa các trưởng lão, về năm việc thuộc giới luật như trên đã đề cập, trong đó nói rằng ai cần bát thì tìm bát, cần y thì tìm y, cần thuốc thì tìm thuốc, còn ai không có phương tiện thì được xin vàng bạc và tiền mặt. Như vậy đó, mong các trưởng lão hãy tùy thuận học tập.

Đó gọi là trình bày tóm lược về việc bảy trăm người kết tập Luật tạng.

*

GIỚI LUẬT

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích bên cây Ni-câu-luật thuộc thành Ca-duy-la-vệ; lúc ấy có hai Tỳ-kheo ni, người thứ nhất tên Nan-đà, người thứ hai tên Uất-đa-la, theo Phật xin sáu tháng giáo giới như sau: “Lành thay Thế Tôn, xin Thế Tôn hãy nói sơ lược về Giới luật để chúng con được rõ.”

Phật nói với các Tỳ-kheo ni: “Này các Tỳ-kheo ni, tham dục, không hiểu nhân duyên, cùng nhau tập theo thói quen, luận bàn về việc thế tục, làm tăng trưởng thọ ấm, đa dục, không biết dừng lại, làm tăng trưởng tham dục, sân hận, ngu si, tranh tụng không hòa hợp, chẳng tịch tịnh, chẳng tỉnh giác, chẳng có Niết-bàn. Các người phải biết rằng đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy. Trái lại, các người phải biết rằng không ham muốn, hiểu rõ nhân duyên, không tập theo thói quen, không bàn luận việc thế tục, không làm tăng trưởng thọ ấm, ít muốn, biết đủ, không tham dục, sân hận và ngu si, lìa xa việc tranh tụng, sống hòa hợp, tịch tịnh, tỉnh giác, sẽ đạt Niết-bàn. Các người phải biết rằng, đó là pháp, là Luật, là điều ta dạy. Và đây chính là nói tóm tắt về Giới Luật.

Kệ tóm tắt:

Dùng dao trị, bình tưới,
 Cạo tóc và dao cạo.
 Hòa hợp, không hòa hợp,
 Năm trăm và bảy trăm.
 Nói tóm tắt Giới Luật,
 Kết thúc phần thứ mười

HỦY BÁNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo hủy báng các Tỳ-kheo khác về thành phần chủng loại. Các Tỳ-kheo

bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Này các Tỳ-kheo, các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc ác. Từ nay về sau, Ta không cho phép hủy báng người khác.

(494a) Hủy báng: bao gồm các phương diện: nghiệp, địa vị, dòng họ, tướng mạo, bệnh, tội lỗi, mắng mỏ, kết sử.

Nghiệp: gồm có: nói, tự biện hộ, có người.

Nói: chẳng hạn nói: “Này trưởng lão, trong đây có kẻ Chiên-đà-la, thợ đan giỏ, thợ làm da, thợ gốm, cho đến cai ngục, kẻ hàng thịt, v.v...” Đó gọi là nói.

Tự biện hộ: chẳng hạn nói: “Thưa trưởng lão, tôi không phải là Chiên-đà-la, cho đến không phải là cai ngục, là kẻ hàng thịt, v.v...” Đó gọi là tự biện hộ.

Có người: như trong đây có người là Chiên-đà-la, cho đến kẻ cai ngục, v.v... Đó gọi là có người.

Các vấn đề khác như địa vị, dòng họ, tướng mạo, bệnh, tội lỗi, kết sử cũng như thế. Nếu ai đem các vấn đề trên ra hủy báng người khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là hủy báng.

*

KỶ NHẠC

Khi Phật an trú tại vườn trúc Ca-lan-đà, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo đi đến tụ điểm ca nhạc sớm nhất để xem, như là Tỳ-kheo đến chỗ ngồi thiền. Các nhạc công tụ họp xong bèn hòa nhạc. Trong lúc mọi người đều vui vẻ, cười nói, thì các Tỳ-kheo ngồi im lặng. Đến

khi họ dứt cười, các Tỳ-kheo bèn vỗ tay cười âm lên. Mọi người liền tranh nhau nhìn xem. Do thế, các nhạc công không thu được tiền, liền nổi sùng, nói: “Các Tỳ-kheo này cà chớn, làm cho chúng ta không thu được tiền bạc gì cả. Đây là hạng người bại hoại, có đạo nào mà như thế!”

Các Tỳ-kheo nghe như vậy, liền đem việc đó đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Từ nay về sau Ta không cho phép các Tỳ-kheo đi xem nhạc công hòa nhạc.

Nhạc công: chẳng hạn những người đánh trống, ca múa, đánh đàn Tì-bà, đánh xập xĩa, đại khái chơi các loại nhạc cụ như thế, thậm chí dù chỉ bốn người họp lại vui chơi, Ta cũng không cho phép đến xem.

Nếu Tỳ-kheo vào xóm làng, thành phố mà gặp Thiên tượng xuất hiện, hay vua xuất hiện, có các nhạc công thổi các thứ nhạc, mình đi qua đường nhìn thấy thì không có tội. Nhưng nếu tạo phương tiện để xem thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vào các ngày đại hội sinh nhật của Phật, ngày kỷ niệm Phật thành đạo, kỷ niệm ngày chuyển pháp luân, năm năm đại hội một lần, có sử dụng các nhạc phẩm để cúng dường đức Phật, rồi đàn việt nói: “Xin các tôn giả hãy hòa mình với chúng con để cúng dường đức Thế Tôn”, thì khi ấy được hòa mình chung vui với họ. Nhưng nếu tại nơi đại hội có thổi các nhạc phẩm mà mình sinh tâm nhiễm trước, thì nên đứng dậy bỏ đi. Đó gọi là kỹ nhạc.

*

HƯƠNG HOA

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy nhằm ngày lễ hội, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuộc nhóm sáu Tỳ-kheo dùng hương thơm thoa vào mình, mang các vòng hoa Ưu-bát-la, hoa Chiêm-bạc, có người còn mang cả vòng hoa cỏ mà đi, nên bị người đời chê cười rằng: “Vì sao Sa-môn Thích tử mà mang những vòng hoa Ưu-bát-la, hoa Chiêm-bạc, giống như vương tử, đại thần? Thậm chí có người còn mang cả vòng hoa cỏ giống như kẻ tôi đòi hạ tiện. Đây là hạng người bại hoại, nào có (494b) đạo hạnh gì!”

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo đi gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ tới rồi, Phật liền hỏi:

Này các Tỳ-kheo, các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, Ta không cho phép thoa hương, mang vòng hoa.

Hương: Như loại hương chiên đàn trầm thủy, và các loại hương tương tự như thế đều không được dùng. Nhưng nếu mắc bệnh nhiệt, mà thầy thuốc bảo: “Cần phải dùng hương chiên đàn để thoa” thì khi ấy được dùng để thoa. Nhưng trước khi thoa, phải cúng dường tháp Phật rồi mới đem thoa vào mình. Khi thoa vào mình không được ở trong chúng mà phải ở tại chỗ vắng vẻ. Đến khi lành bệnh, phải tắm rửa thân thể sạch sẽ rồi mới vào trong chúng.

Hoa: Như hoa Ưu-bát-la, hoa Chiêm-bạc, hoa Tu-ma-đầu, tất cả các loại hoa như thế không nên mang.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh đau mắt, đau đầu, rồi thầy thuốc bảo phải mang vòng hoa trên đầu bệnh mới lành, thì được phép mang. Nhưng khi muốn mang thì nên đem cúng tháp Phật trước rồi mới mang. Khi đã mang thì không được tới chỗ đông người mà phải ở chỗ thanh vắng, và khi bệnh lành thì phải bỏ.

Nếu thoa hương mà không mang hoa thì phạm một tội Việt-tỳ-ni.
 Nếu mang hoa mà không thoa hương thì phạm một tội Việt-Tỳ-ni.
 Nếu dùng cả hai thì phạm hai tội,
 Nếu cả hai đều không dùng thì không có tội.
 Đó gọi là thoa hương, mang hoa.

*

SOI GƯƠNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, ở Tinh xá Kỳ-hoàn, có đàn việt đến cúng dường trai phạn cho chúng tăng. Khi đánh kiền chùy thì Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đang soi gương, hồi lâu không đến, nên bị đàn việt chê trách rằng: “Ta bỏ cả việc nhà, đến đây cúng dường trai phạn cho Tăng, mà đến giờ ăn, các Tỳ-kheo không chịu tập họp.”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, Ta không cho phép soi gương. Gương chỉ cho các loại như dầu, nước, kính; không được vì thích đẹp mà đến soi mặt vào các thứ đó.

Nếu vừa bớt bệnh, đến gương soi mặt xem bệnh đã bớt hay chưa, hoặc vừa mới cạo đầu đến soi xem có sạch hay không sạch, hoặc đầu mặt bị ghê góc, đến soi xem, thì không có tội.

Nếu vì thích đẹp mà soi gương thì phạm tội Việt-Tỳ-ni.

Đó gọi là soi gương.

*

GÁNH VÁC

Khi Phật an trú tại Tinh xá Khoáng-dã, bấy giờ thầy Tỳ-kheo doanh sự gánh vác gạch ngói, đất cát, bị người đời đàm tiếu rằng: “Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như kẻ nô bộc, người làm công, gánh vác đất cát? Đây là hạng người bại hoại, có đạo nào như thế!”

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo doanh sự đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

Này Tỳ-kheo, ông có việc đó thật không?

Có thật (494c) như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, Ta không cho phép gánh vác.

Gánh vác: Như gánh vác các thứ giỏ dây, lồng.

Nếu vác đòn gánh mà không có giỏ thì phạm tội Việt-Tỳ-ni tâm hối.

Nếu vác giỏ, không có đòn gánh thì phạm tội Việt-Tỳ-ni tâm hối.

Nếu gánh vác cả hai thì phạm tội Việt-Tỳ-ni.

Nếu tại Tinh xá, Thiền viện có đá, tre, gỗ nặng thì được gánh vác.

Nếu được tăng phân công làm công việc phải dùng bình, lu lấy nước, thì được dùng dây buộc lại rồi gánh.

Nếu gánh túi xách y ở đằng trước, đằng sau, hay gánh túi đựng bát ở đằng trước đằng sau, đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu túi y dài lòng thông nên phải cuộn lên vai rồi đặt bát lên trên thì không có tội,

Đó gọi là gánh vác.

*

XĂN QUẦN ÁO

Khi Phật an trú tại Tinh xá Khoáng-dã, lúc ấy thầy Tỳ-kheo doanh sự xắn y áo để chuyên chở gạch đá, đất cát, bị người đời đàm tiếu rằng: “Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như kẻ nô bộc người ta, xắn áo để làm việc? Đây là hạng người bại hoại, có đạo nào như thế?”

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo doanh sự đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

Này Tỳ-kheo, ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, Ta không cho phép xắn y áo.

Xăn: Nghĩa là xắn một bên, hai bên, đều không được phép. Nếu nhồi đất để đổ trên mái nhà hoặc tô tường thì được xắn nội y. Đó gọi là xắn quần áo.



LEO CÂY

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, đức Thế Tôn đến xứ Uất-đơn-việt khát thực. Lúc ấy, các Tỳ-kheo suy nghĩ: “Khi Thế Tôn trở về chắc chắn sẽ dùng thần túc mà đi.” Thế nên, có người leo lên cây, người leo lên tường để trông ngóng Thế Tôn. Thế Tôn biết tâm niệm các Tỳ-kheo như vậy nên ẩn thân, trở về ngồi an ổn trong phòng. Rồi Phật hỏi: “Các Tỳ-kheo đi đâu cả?” Một Tỳ-kheo bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy: “Từ nay về sau, Ta không cho phép leo cây.”

Cây: Nếu cây cao ngang đầu người thì không được leo.

Nếu làm lễ kỷ niệm cây Bồ đề mà một chân trèo lên cây, một chân trèo lên tường, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối.

Nếu cả hai chân đều leo lên cây thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu cả hai chân đều leo lên tường thì không có tội.

Trường hợp leo lên thang cũng như thế.

Nếu đang đi bị lạc đường không rõ phương hướng, phải leo lên cây nhìn phương hướng thì không có tội.

Nếu bị cọp, sói, sư tử v.v..., các loại tương tự như thế uy hiếp, thì được trèo lên cây, không có tội.

Đó gọi là leo cây.

*

NHÓM LỬA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, đến giờ khát thực, Thế Tôn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khát thực. Sau khi khát thực trở về, Thế Tôn thu dọn giường nệm, không nói với thị giả và Tỳ-kheo tăng, Ngài đi đến nước Câu-tát-la, vào rừng Ba-lợi-da-bà-la, an trú dưới cây Hiền thiện, (495a) nhận sự cúng dường của con voi chúa trong ba tháng. Đoạn nói về việc trời lạnh, tuyết rơi lúc phi thời, các Tỳ-kheo nhóm lửa để sưởi, bị người đời dị nghị rằng: “Sa-môn Cù-Đàm dùng vô lượng phương tiện khiển trách sự sát sinh, khen ngợi không sát sinh, thế mà giờ đây, Tỳ-kheo đốt lửa làm cháy đất, hại đến gốc cây.”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: “Từ nay về sau, Ta không cho phép nhóm lửa.” Lửa gồm có các thứ như: lửa củi, lửa cỏ, lửa phân bò, lửa trấu, lửa dăm bào. Không được đốt chỗ đất chưa bị cháy. Nếu đến phiên mình coi sóc nhà sưởi, hoặc đến phiên trực nguyệt, phiên hun bát, thì nên

sai tịnh nhân nhóm lửa trước, rồi mình mới chụm lửa thì không có tội.

Khi cầm đuốc đi, muốn dụi tắt đuốc, thì không được dụi ở chỗ đất sống mà nên dụi trên đồng tro, hoặc trên ngói gạch. Nếu tàn đuốc rơi xuống đất, rồi mình đập cho tắt, thì không có tội.

Nếu nhóm lửa ở chỗ đất chưa bị cháy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là nhóm lửa.

*

CHÉN ĐỒNG

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, bấy giờ cư sĩ Uất-Kiệt mở cuộc đại thí, bố thí 500 con voi, 500 con ngựa, 500 con bò, 500 con trâu, 500 tì nữ, 500 nô bộc, trong các thứ bố thí có cả chén đồng. Các Tỳ-kheo tâm sinh nghi, liền đến hỏi Thế Tôn rằng đó là vật thanh tịnh (hợp pháp), hay không thanh tịnh, nên nhận hay không nên nhận. Phật dạy: “Tất cả chén đồng Ta đều không cho phép nhận. Nếu đàn việt cúng dường Tăng vật thanh tịnh thì nên chú nguyện rồi mới nhận. Nếu ai cất riêng chén đồng thì phạm tội Việt-tỳ-ni, nhưng được đem nó cho tịnh nhân, rồi mượn sử dụng thì không có tội.”

Đó gọi là chén đồng.

*

CHUYỂN HƯỚNG VẬT CÚNG DƯỜNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, được chư thiên, người đời có lòng tin tôn trọng, đem các thực phẩm đến cúng dường Phật, Tỳ-kheo Tăng, tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-liên và các Tỳ-kheo khác. Lúc

ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo sáng sớm ra đứng trước cổng Tinh xá, thấy người ta mang thức ăn đến, liền hỏi:

Thức ăn này cúng dường cho ai vậy?

Cúng dường cho Thế Tôn.

Thế Tôn nên cúng dường. Thế còn thức ăn này cúng dường cho ai?

Cúng dường cho chúng Tăng.

Chúng Tăng nên cúng dường. Thế còn thức ăn này cúng dường cho ai?

Cúng dường cho tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-liên.

Những người này nên cúng dường. Còn thức ăn này cúng dường cho ai?

Cúng dường cho Tỳ-kheo mổ giáp.

Mổ giáp già bệnh, không thể ăn được, chỉ phí đồ cúng dường của người thôi; nên cúng dường cho ta, ta sẽ chú nguyện cho người để người được công đức cúng dường.

Khi ấy, người kia vì có niềm tin liền cúng dường. Thế nhưng, gặp kẻ có trí không chịu cúng, mà nói: “Vì sao ta lại cúng dường cho kẻ không biết hổ thẹn này?”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, (495b) cho đến Phật hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc ác. Vì sao các ông biết phẩm vật đó thí chủ định cúng dường cho người khác mà bảo họ cúng dường cho mình? Từ nay về sau, Ta không cho phép khi biết vật thí chủ định cúng dường cho người khác mà bảo cúng cho mình.

Vật: Gồm có tám thứ: thức ăn đúng giờ, cho đến các vật hợp lệ không hợp lệ, như trên đã nói rõ.

Nếu người ta hỏi: “Thưa tôn giả, con muốn cúng dường, vậy nên cúng dường nơi nào?”, thì nên đáp: “Cúng dường cho chúng Tăng.”

Nếu thí chủ hỏi: “Nơi nào có chư Tăng trì giới?”, thì nên nói: “Không có vị Tăng nào lại phạm giới; người chỉ lo việc cúng dường mà thôi.”

Nếu thí chủ hỏi: “Nơi nào có Tỳ-kheo thường ở yên một chỗ tu tập hạnh nghiệp, để vật cúng dường còn mãi tại đó con được thấy luôn?”, thì khi ấy hãy nói: “Nên cúng dường cho Tỳ-kheo mỗ giáp.”

Nếu biết vật đó thí chủ định cúng cho Tăng mà bảo họ cúng cho mình, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu biết vật đó họ định cúng cho Tăng, mà bảo họ cúng cho người khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu biết vật đó họ định cúng cho nhóm người này mà bảo họ cúng cho nhóm người khác, hoặc biết họ định cúng cho một người này mà bảo họ cúng cho một người khác, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Cuối cùng, nếu biết vật đó họ bố thí cho súc sinh này mà bảo họ bố thí cho súc sinh khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối.

Đó gọi là chuyển hướng vật cúng dường.

Kệ tóm tắt:

“Hủy báng, xem tấu nhạc,
Mang vòng hoa, soi gương.
Gánh vác, xắn áo quần,
Trèo cây, tụi nhóm lửa.
Chén đồng, chuyển hướng vật,
Hết phần thứ mười một.”

*

CHÚNG SINH

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, bảy giờ cư sĩ Uất-kiệt mở hội đại thí 500 con voi, cho đến 500 nô tì. Các Tỳ-kheo tâm sinh nghi, đi đến hỏi Phật xem thanh tịnh hay không thanh tịnh, nên nhận hay không nên nhận. Phật dạy: “Tất cả chúng sinh đều không cho phép nhận.

Chúng sinh như: voi, ngựa, bò, trâu, lừa, dê, chươg, nai, heo, nô tì và tất cả chúng sinh khác đều không nên nhận.

Nếu người ta nói: “Con cúng tì nữ này cho chúng Tăng”, thì không được nhận.

Nếu họ nói: “Con cúng cho chúng Tăng người đàn bà làm vườn này”, thì không được nhận.

Nếu họ nói: “Con cúng cho chúng Tăng tên nô bộc này”, thì không được phép nhận.

Nếu họ nói: “Con cúng cho chúng Tăng người giúp việc này”, thì không nên nhận.

Nếu họ nói: “Con cung cấp cho Tăng nam tịnh nhân này”, thì được phép nhận.

Nếu họ đem một tì nữ cho một Tỳ-kheo, thì không được phép nhận. Hoặc họ cho một người nô bộc, một người giúp việc, một người làm vườn đều không được phép nhận.

Nếu họ cho tịnh nhân để giúp việc cho chư Tăng thì được nhận.

Nếu họ cho nô bộc cho Ni tăng thì không được phép nhận.

Nếu họ cho người làm vườn cũng không được phép nhận. Hoặc họ cho tì nữ cũng không được phép nhận.

Nếu họ nói: “Con cung cấp cho Ni tăng nữ tịnh nhân này”, thì được phép nhận.

Nếu họ cho riêng một Tỳ-kheo-ni một người nô bộc, thì không được phép nhận. Hoặc họ cho người làm vườn cũng không được phép nhận.

Nếu họ cho nữ tịnh nhân để giúp việc cho Tăng, thì được phép nhận.

(495c) Nếu đàn việt tổ chức lễ Đản sinh của Phật, lễ Phật thành đạo, lễ kỷ niệm Chuyển pháp luân, lễ kỷ niệm La-hầu-la, lễ kỷ niệm A-nan hay đại hội 5 năm một lần, rồi đàn việt có lòng tin hoan hỷ trang sức voi, ngựa đem cúng dường cho chúng Tăng, thì không được phép nhận.

Nếu đàn việt đem chim oanh vũ, chim công, gà, dê, chương, nai đến cúng dường, thì không được nhận.

Nếu họ nói: “Thầy không nhận thì con sẽ giết nó”, thì nên bảo: “Ông nên tự tay thả nó đi.” Khi họ thả rồi, thì nên cung cấp thức ăn, nước uống, giữ gìn, đừng để chúng bị thương tổn. Không được cắt lông cánh rồi nhốt nó trong lồng. Nếu nó có thể bay, đi tự nuôi sống được, thì nên thả nó đi, không nên nhốt lại.

Nếu nhận chúng sinh thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là chúng sinh.

*

CÂY

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ có đàn việt trồng xoài trong vườn của chư Tăng, rồi một Tỳ-kheo chặt cây ấy để làm phòng cho một cư sĩ. Khi làm phòng xong, họ tổ chức bố thí giường nệm, mời chư Tăng đến cúng dường. Lúc ấy, người đàn việt trồng xoài trước kia cũng có mặt nơi đây. Ông ta thấy thế, liền hỏi Tỳ-kheo đốn cây:

Thưa tôn giả, đây là phòng của ai thế?

Đây là phòng của cư sĩ mô giáp.

Thưa tôn giả, vì sao lại lấy cây của con trồng đem làm phòng cho người khác? Phòng này phải là phòng của con.

Do thế, lòng ông không vui, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân rồi đứng qua một bên, đem sự việc trên trình bày lại đầy đủ với Thế Tôn. Phật bèn thuyết pháp dạy bảo, khiến ông được lợi ích, hoan hỷ, bèn đánh lễ chân Phật rồi ra đi trong niềm hân hoan. Đoạn, Phật bảo gọi Tỳ-kheo kia đến. Khi thấy tới rồi, Phật liền hỏi:

Này Tỳ-kheo, ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao ông đốn cây có hoa trái để làm phòng? Từ nay về sau, Ta không cho phép chặt cây có hoa trái. Cây có hoa trái như các loại: cây xoài, cây dâm bụt, cây tì-la, cây ca-tì-đà, cây phả-na-ta, cây dừa, cây vô ưu, cây chiêm bà, cây chỉ-tát-la, cây a-đề-mục-đa, đại loại tất cả các cây có hoa quả tương tự như vậy đều không được chặt để làm phòng.

Nếu cây già, không có hoa trái thì nên nói với đàn việt rằng: “Này lão trượng, cây này đã già rồi, nên dùng làm phòng cho Tăng ở sẽ được phước đức.” Nếu chủ nhân đồng ý thì được lấy. Nếu họ không đồng ý thì không được lấy. Nếu cần dùng cây mà làm phương hại đến đất, thì nên bảo tịnh nhân lấy xương cá trám xuống, hoặc dùng nước tro rưới xuống.

Nếu cây đã chết thì nên nói với đàn việt: “Cây này đã khô rồi, tôi cần dùng đến nó.” Nếu họ đồng ý thì được phép lấy dùng.

Nếu Tỳ-kheo chặt cây có hoa trái thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là cây.

*

VẤN ĐỀ ĐỐT CỦI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có một Tinh xá ở ven thôn, (496a) rồi một Tỳ-kheo khách đến đó chặt củi. Cฤu Tỳ-kheo thấy thế, nói: “Vì sao thầy chặt phá cây cối mà chúng tôi đã trồng một cách khó nhọc? Thầy là khách, khi đến đây chỉ nên tìm chỗ bóng râm mát mẻ mà ngồi; thầy đã không biết thương tiếc giữ gìn mà còn chặt phá bừa bãi, không biết nỗi khổ của tôi, ngày mai hãy đi đi.” Nói thế rồi, thầy đi khát thực. Sau khi thầy đi rồi, Tỳ-kheo khách bèn chặt cả củi khô, củi tươi chất một đống trước phòng rồi đốt. Cฤu Tỳ-kheo sau khi khát thực trở về, thấy thế liền nói: “Vì sao thầy chặt cả củi khô, củi tươi chất đống rồi đốt?.” Khách Tỳ-kheo nói: “Vì sao thầy tự lấy củi đốt được mà lại ngăn cản tôi?.” Hai Tỳ-kheo tranh cãi nhau như thế. Đoạn, họ dẫn nhau đến chỗ Phật, cúi đầu, đánh lễ chân Phật, rồi trình bày đầy đủ sự việc trên. Phật liền nói với hai Tỳ-kheo: “Các ông không nên tự cho phép mình lấy mà ngăn cản người khác, đồng thời cũng không được chặt cả củi khô, củi tươi chất đống trước phòng rồi đốt mà phải biết giữ gìn chung. Phép đốt củi phải có chuẩn mực: chùng ấy để đốt trong phòng sưởi, chùng ấy để chụm dưới bếp, chùng ấy để dùng trong phòng tắm, chùng ấy để dùng trong phòng riêng, phải chia ra có chùng mực, không được lấy quá mức. Nếu không phân chia trước thì đốt nhiều không có tội. Ta không cho phép chặt cây ướt mà phải chặt cây khô. Không được đốn những cây trông đẹp mắt ở xung quanh tăng viện. Còn những cây trong rừng núi không có người giữ gìn thì chặt không có tội. Đó gọi là vấn đề đốt củi.



VẤN ĐỀ HOA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có một Tỳ-kheo khách đến một tăng-già-lam ở bên thôn hái hoa. Cฤu Tỳ-kheo nói: “Vì sao

thấy hái hoa? Tôi đã nhọc nhằn trồng nó, rồi chăm sóc tưới bón. Thấy là khách tới đây chỉ cần tìm bóng mát mà ngồi, không nên tùy tiện bẻ phá làm theo ý mình, rồi ngày mai ra đi không hiểu đến nỗi khổ của tôi.” Cựu Tỳ-kheo nói như vậy rồi đi khát thực. Sau khi thấy đi, khách Tỳ-kheo bèn bẻ những cành đã ra hoa và những cành chưa ra hoa một cách bừa bãi, rồi đem chất thành đống trước phòng. Khi khát thực trở về, cựu Tỳ-kheo thấy đống hoa liền nói: “Vì sao thấy bẻ hoa?”

Tỳ-kheo khách hỏi lại: “Vì sao thấy có thể bẻ được mà lại ngăn cản tôi?”

Hai người cãi nhau xong rồi cùng nhau đi đến chỗ Phật bạch đầy đủ sự việc trên. Phật liền nói với cựu Tỳ-kheo: “Ông không nên tự bẻ hoa mà lại ngăn cản người khác, mà cần phải thương tiếc giữ gìn. Còn khách Tỳ-kheo cũng không được tùy tiện bẻ cả những cành đã ra hoa và những cành chưa ra hoa rồi đem chất đống trước phòng. Người nào hội đủ 5 điều kiện sau đây thì nên cử họ chia hoa. Năm điều đó là: không thiên vị, không giận giữ, không ngu si, không sợ hãi và biết ai đã được hoa rồi, ai chưa được. Đó gọi là 5 điều kiện. Đoạn, người làm Yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mổ giáp thành tựu năm pháp, nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cử Tỳ-kheo mổ giáp làm người chia hoa. Đây là lời tác bạch.

(496b) Bạch xong, làm một lần Yết-ma, cho đến “*Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Việc này cứ như thế mà thi hành.*”

Vị Tỳ-kheo nhận pháp Yết-ma rồi nên bảo tịnh nhân chăm sóc hoa. Nếu hoa nhỏ thì nên dùng chén đong để chia, hoặc dùng tay ước lượng để chia. Nếu các loại hoa lớn như hoa Ưu-bát-la, hoa Chiêm-bạc, hoa Bát-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi thì nên đếm mà chia. Nếu phần hoa của Phật thì nên dâng lên Phật. Nếu hoa của Tăng thì tùy ý cúng dường, hoặc trao đổi nhau. Nếu hoa quá nhiều thì nên đưa cho cửa hàng bán hoa và bảo họ: “Mỗi ngày

bà phải đưa cho tôi chùng ấy vòng hoa, số còn lại bà hãy trả cho tôi chùng ấy tiền.” Khi được tiền bán hoa có thể dùng sắm y cho phòng riêng, hoặc sắm thức ăn trước, thức ăn sau. Nếu số tiền lớn thì nên bỏ vào ngân quỹ của chùa.

Đó gọi là nguyên tắc sử dụng hoa.

*

VẤN ĐỀ TRÁI

Vấn đề trái tương tự như cách sử dụng hoa đã nói ở trên, cho đến sau khi làm Yết-ma xong phải bảo tịnh nhân chăm sóc. Nếu trái nhỏ thì nên dùng vật gì đóng để chia, hoặc dùng tay ước lượng để chia. Nếu trái lớn như các loại trái đa-la, trái tì-la, trái dừa, trái ta-na-sa, trái xoài thì nên đếm mà chia. Nếu trái nhiều thì nên đưa cho người bán trái cây rồi bảo họ hằng ngày phải đưa cho mình chùng ấy trái, số còn lại thì phải trả chùng ấy tiền. Số tiền ấy nên sắm thức ăn trước, thức ăn sau. Nếu còn dư thì nên bỏ vào ngân quỹ của chùa. Đó gọi là phép sử dụng trái.

*

VẤN ĐỀ TRỒNG CÂY

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có một Tỳ-kheo trồng xoài trong đất của Tăng, rồi chăm sóc cho lớn, tự hái trái mà không cho người khác hái. Các Tỳ-kheo nói: “Vì sao thầy tự hái được mà ngăn cản người khác?” Thầy đáp: “Vì cây này tôi trồng và chăm sóc cho đến khi lớn.”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Người trồng cây này có công đức, nên cho họ hưởng một năm. Phép hưởng một năm là: Nếu Tỳ-kheo trồng các loại cây ăn quả như xoài, Diêm-phù-đề và các loại tương tự như thế thì cho

hái trái một cây trong một năm. Nhưng nếu cây lớn không muốn cho hái quả một cây cả năm thì nên cho hằng năm hái quả một cành. Nếu cành cây ấy bị gãy hoặc khô thì chấm dứt. Nếu vị ấy trồng cả vườn cây thì nên cho hưởng trọn một năm. Nếu vị ấy muốn hái quả hằng năm của một cây thì cũng chuẩn thuận.

Nếu ai trồng cải, hành, hoặc các loại rau tương tự như thế thì cho họ được cắt một bó. Nếu trồng dưa, bầu thì cho hưởng một kỳ ra trái.

Đó gọi là phép tắc trồng cây.

*

PHÉP TRỊ TỘI

Có người do thân hành động, miệng nói năng, thân miệng hành động; hoặc do thân không thu nhiếp, miệng không thu nhiếp, thân miệng không thu nhiếp nên phạm tội; nói chung, do thân gây ra, miệng gây ra và cả thân miệng cùng gây ra tội lỗi. Trái lại, trường hợp không có tội là: Thân không hành động, miệng không nói năng, thân miệng không hành động. Hoặc thân được thu nhiếp nên không phạm tội, miệng được thu nhiếp nên không phạm tội, thân miệng được thu nhiếp nên không phạm tội. Nói chung, thân không (496c) gây ra, miệng không gây ra, thân miệng không gây ra các hành vi sai trái, nên không có tội.

Hỏi: Nếu có người phạm tội Ba-la-di thì phải trị phạt bằng cách nào?

Đáp: Hoặc cho họ trở về làm người thế tục; hoặc cho họ học làm Sa-di; hoặc trục xuất ra khỏi Tăng đoàn.

Hỏi: Nếu có người phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa thì phải trị phạt bằng cách nào?

Đáp: Nếu không che giấu thì cho hành pháp Ma-na-đỏa, rồi cho xuất tội. Nếu có che giấu thì cho hành Biệt trú, Ma-na-đỏa, rồi cho xuất tội.

Hỏi: Nếu có người phạm tội Ni-tát-kỳ thì phải trị phạt bằng cách nào?

Đáp: Nên đem vật đã vi phạm đến xả giữa Tăng – nếu là Thượng tọa – rồi cúi đầu, đánh lễ ôm chân vị chủ sám. Nếu là Hạ tọa thì nên quì gối chấp tay, nói như sau: “Thưa trưởng lão, tôi phạm giới cấ y lâu ngày, đã đem xả giữa chúng Tăng, nay xin sám hối tội Ba-dạ-đề.” Vị chủ sám nên hỏi:

Thầy có thấy tội ấy không?

Dạ thưa thầy.

Đừng tái phạm nhé!

Xin cúi đầu vâng giữ.

Ngoài ra, phạm các tội Ba-dạ-đề, Ba-la-đề Đề-xá-ni, Việt-tỳ-ni, thì chỉ có tên tội sai khác, nhưng cách trị phạt cũng thế.

Đó gọi là phép trị tội.

Kệ tóm tắt:

“Chúng sinh và trồng cây,
Đốn củi cùng hoa trái.
Người trồng hưởng một năm,
Phép trị phạt các tội.
Hết phần thứ mười hai.”

*

PHÁP DIỆT TRÁNH

Pháp này gồm có bảy, đó là: (1) Hiện tiền Tỳ-ni; (2) Ưc niệm Tỳ-ni; (3) Bất si Tỳ-ni; (4) Tự ngôn Tỳ-ni; (5) Mịch tội tướng Tỳ-ni; (6) Đa mịch Tỳ-ni; (7) Thảo bố địa Tỳ-ni.

Đó gọi là pháp diệt tránh, tức những nguyên tắc dùng để dập tắt sự tranh cãi.

*

SỰ TRANH CÃI

Gồm có bốn trường hợp, đó là: (1) Tướng ngôn tránh; (2) Phi báng tránh; (3) Tội tránh; (4) Thường sở hành sự tránh. Đó là 4 trường hợp nảy sinh tranh cãi.

*

ĐIỀU PHỤC

Gồm có: (1) Yết-ma chiết phục; (2) Yết-ma bất ngữ; (3) Yết-ma khu xuất; (4) Yết-ma phát hỉ; (5) Yết-ma cử (tội); (6) Yết-ma biệt trú. Đó gọi là điều phục.

Các việc cần điều phục: Thuộc về năm nhóm tội: (1) Ba-la-di; (2) Tăng-già-bà-thi-sa; (3) Ba-dạ-đề; (4) Ba-la-đề Đề-xá-ni; (5) Việt-tỳ-ni. Đó gọi là các việc cần điều phục.

*

NGHE PHÁP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo bạch với Phật: Bạch Thế Tôn! Có cho phép chúng con làm nhà tranh không?

Cho phép.

Bạch Thế Tôn! Có cho phép xây vách, làm cánh cửa, làm ngưỡng cửa, trét đất, vẽ năm loại hình ảnh không?

Cho phép. Nay các Tỳ-kheo! Như trong thời quá khứ có vị vua tên là Cát-lợi làm Tinh xá cho Phật Ca-diếp một tầng, hai tầng cho đến bảy tầng. Thế rồi, ông cho chạm khắc các hình tượng và cho vẽ các thứ chỉ trừ hình tượng nam nữ giao hợp. Các loại hình tượng (497a) đó là: Tượng Tỳ-kheo trưởng lão; chùm trái nho; hình cá ma-kiệt hoặc hình con ngỗng; tượng tử thi; hình núi rừng. Các loại tượng tự như thế gọi là năm loại hình vẽ.

Khi Phật ở tại thành Xá-vệ cho phép làm phòng; lúc ở thành Tỳ-xá-ly cho phép dùng sữa, sữa chua, sữa đóng váng; lúc ở Tinh xá Khoáng Dã cho phép dùng cá, thịt. Ngài cho phép dùng các thứ như thế, chế định các thứ như thế đều tại 8 thành phố lớn sau đây: (1) Thành Xá-vệ; (2) Sa-kỳ; (3) Chiêm-bà; (4) Ba-la-nại; (5) Câu-diệm-di; (6) Tỳ-xá-ly; (7) Vương-xá; (8) Ca-tỳ-la-vệ.

Đối với chín bộ kinh, nếu có quên nơi thuyết giảng thì có thể kể tên một trong tám thành phố lớn ở trên, chính là nơi mà Thế Tôn đã tuyên thuyết.

Đó gọi là nghe pháp.

*

DẤU THOA MẶT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ có đàn việt đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng; lúc nghe tiếng kiền chùy đánh thì Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà còn đang thoa dầu vào mặt, không đến đúng giờ, nên bị đàn việt chê trách. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi hai Tỳ-kheo ấy đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép bôi dầu vào mặt. Dầu gồm có các loại: dầu mè; dầu đại ma; dầu hoa a-đề-mục-đa; dầu hoa chiêm-bà... Nếu ai vì trang sức mà thoa các loại dầu thơm như thế lên mặt thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng khi tắm rửa thì được dùng dầu, hoặc khi gội đầu thì được dùng bột, dầu thoa chân đổ trong bàn tay rồi xoa lên mặt thì không có tội.

Đó gọi là phép dùng dầu thoa mặt.

*

PHÉP DÙNG PHẤN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ có đàn việt đến Tinh xá Kỳ-hoàn cúng dường trai phạn cho chúng Tăng. Lúc nghe tiếng bồng đánh thì nhóm sáu Tỳ-kheo còn đang thoa phấn lên mặt không đến đúng giờ nên bị đàn việt chê trách. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn, cho đến câu Phật dạy: Từ nay về sau, Ta không cho phép các Tỳ-kheo dùng phấn bôi lên mặt. Phấn có các thứ như phấn ma-na-thạch, phấn diên tích, đại loại các thứ như thế. Nếu Tỳ-kheo vì thích đẹp, thậm chí bôi đất đỏ lên mặt, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu trên mặt bị mọc mụn nhọt, sảy thì bôi phấn không có tội, khi thoa không được ở giữa mọi người, mà nên ở chỗ vắng. Đó gọi là phép dùng phấn.

*

PHÉP DÙNG BÀN CHẢI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, cho đến nhóm sáu Tỳ-kheo đang bận chải đầu không đến đúng giờ nên bị đàn việt chê trách. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật nói: “Ta không cho phép Tỳ-kheo dùng bàn chải chải đầu. Bàn

chải gồm các thứ như bàn chải bằng lông, bằng rễ cỏ, đại loại các thứ tương tự như thế. Thậm chí nếu vì thích đẹp mà dùng tay vuốt đầu thì phạm tội Việt-tỳ-ni. (497b) Nhưng khi cạo đầu xong, dùng tay xoa trên đầu thì không có tội. Đó gọi là phép dùng bàn chải.”

*

PHÉP DÙNG LƯỢC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Ngài chế giới không cho phép dùng bàn chải, rồi một hôm đàn việt cúng dường cơm cho chúng Tăng; đến lúc nghe bồng đánh thì Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà còn dùng lược chải đầu, không tới đúng giờ nên bị đàn việt chê trách. Thế rồi, Phật dạy: “Ta không cho phép dùng lược. Lược gồm có các loại như lược bằng răng, lược bằng xương, lược bằng sừng, lược bằng cây. Đại loại tất cả các thứ lược tương tự như thế đều không được phép dùng; thậm chí nếu vì thích đẹp mà dùng tay vuốt đầu thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là phép dùng lược.”

*

PHÉP DÙNG TRÂM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Thế Tôn chế giới không cho phép dùng lược, cho đến nhóm sáu Tỳ-kheo dùng trâm cài lên đầu, không đến đúng giờ, nên bị đàn việt chê trách, và cuối cùng Phật dạy: “Ta không cho phép dùng trâm. Trâm có các loại như: vàng, bạc, đồng, sắt, kim cương, đá, răng, xương, sừng, tre, gỗ. Nói chung, tất cả các loại tương tự như thế đều không được phép dùng. Thậm chí, nếu vì thích đẹp mà dùng nanh heo chải đầu thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu khi đầu ngứa thì được dùng tay sạch cầm một vật gì đó cào lên đầu. Đó gọi là pháp dùng trâm.”

Kệ tóm tắt:

“Tranh cãi và đập tắt,
Điều phục, việc điều phục.
Nghe pháp, dầu thoa mặt,
Phấn, lược, trâm, bàn chải.
Hết phần thứ mười ba.”

*

PHÉP XÂY THÁP

Khi Phật du hành đến nước Câu-tát-la, có người Bà-la-môn đang cày đất, trông thấy Thế Tôn đi qua, ông ta bèn dừng cày đến lễ Phật. Thế Tôn thấy vậy liền mỉm cười. Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà Thế Tôn cười? Chúng con muốn được biết.

Hôm nay ông Bà-la-môn này đánh lễ hai đức Phật.

Thế nào là hai đức Phật, bạch Thế Tôn!

Đó là đánh lễ Ta và đánh lễ tháp Phật Ca-diếp dưới chỗ bấp cày kia.

Chúng con muốn được thấy tháp Phật Ca-diếp, bạch Thế Tôn!

Các ông hãy đến xin ông Bà-la-môn này một nắm đất tại chỗ ấy.

Thế rồi, các Tỳ-kheo bèn đến hỏi xin, ông Bà-la-môn liền cho nắm đất. Khi ấy, Thế Tôn bèn làm ngôi tháp thất bảo của Phật Ca-diếp xuất hiện, cao một do-diên, bề mặt rộng nửa do-diên. Ông Bà-la-môn thấy thế liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Họ của con là Ca-diếp, và đây là ngôi tháp của đức Phật Ca-diếp.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn bèn xây ngôi tháp của đức Phật Ca-diếp tại nơi ấy. Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Chúng con được đắp đất vào không?

(497c) Được.

Đoạn, Phật đọc kệ:

“Dùng trăm ngàn gánh vàng,
 Dem làm việc bố thí,
 Không bằng dùng tâm lành,
 Cung kính lễ tháp Phật.”

Khi ấy, đức Thế Tôn bèn xây tháp Phật Ca-diếp, dưới nền làm thành hình vuông, xung quanh đặt lan can, rồi xây lên hai tầng hình tròn, dựng bốn trụ ở bốn góc, bên trên trang trí bảo cái, để biểu hiện tướng bánh xe. Rồi Phật dạy: “Nguyên tắc làm tháp phải như thế.” Khi tháp hoàn thành, vì tôn kính Phật quá khú nên Thế Tôn tự đánh lễ. Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Chúng con được phép đánh lễ không?” Phật dạy: “Được.” Đoạn, Ngài đọc kệ:

“Ai dùng trăm ngàn vàng,
 Dem làm việc bố thí,
 Không bằng dùng tâm lành,
 Cung kính lễ tháp Phật.”

Bấy giờ người đời nghe Thế Tôn xây tháp liền mang hương hoa đến dâng cho Thế Tôn. Vì lòng tôn kính Phật quá khú nên Thế Tôn nhận hương hoa ấy rồi đem cúng dường tháp. Các Tỳ-kheo liền bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, chúng con được cúng dường tháp hay không?” Phật dạy: “Được.” Thế rồi, Phật đọc kệ:

“Dùng trăm ngàn xe vàng,
 Dem làm việc bố thí,
 Không bằng dùng tâm lành,
 Dem hương hoa cúng tháp.”

Khi ấy, đại chúng vân tập, Phật liền bảo Xá-lợi-phất thuyết pháp cho mọi người nghe, rồi Phật đọc kệ:

“Trăm ngàn côi Diêm-phù,
 Chứa đầy vàng bố thí,
 Không bằng bố thí pháp,
 Tùy nguyện khiến tu hành.”

Lúc bấy giờ, trong số cử tọa có người đặc đạo, nên Phật liền đọc kệ:

“Dem vàng rỗng chứa đầy,
 Trăm ngàn thế giới thí,
 Không bằng bố thí pháp,
 Tùy nguyện thấy chân đế.”

Khi ấy, Bà-la-môn đạt được niềm tin bất hoại, liền cúng dường trai phạn cho Phật và chúng Tăng ngay trước tháp. Đồng thời, vua Ba-tư-nặc nghe đức Thế Tôn xây tháp cho Phật Ca-diếp, bèn truyền lệnh quân sĩ chở 700 xe gạch đến chỗ Phật, và vua đi đến nơi, cúi đầu đánh lễ chân Phật rồi bạch rằng:

Bạch Thế Tôn! Con muốn mở rộng thêm ngôi tháp này có được không?

Được, thưa Đại vương. Nay Đại vương, trong thời quá khứ khi Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn, có vị vua tên Cát-lợi muốn xây tháp thất bảo, rồi có viên quan tâu với vua: “Trong đời vị lai sẽ có kẻ phi pháp xuất hiện, rồi hắn sẽ phá ngôi tháp này, vì thế mà mang trọng tội. Xin Đại vương hãy dùng gạch xây tháp, rồi dùng vàng bạc mà lợp lên trên. (498a) Nếu kẻ ấy gỡ lấy thứ vàng bạc đó thì ngôi tháp sẽ còn nguyên vẹn.” Nhà vua nghe theo lời viên quan nói, bèn dùng gạch xây tháp, rồi dùng vàng, lợp một lớp mỏng lên trên, cao một do-diên, bề mặt rộng nửa do-diên, lại dùng đồng làm lan can, trải qua 7 năm, 7 tháng, bảy ngày tháp mới hoàn thành. Khi tháp hoàn thành, vua bèn dùng hương hoa cúng dường tháp, đồng thời cúng dường chư Tăng.”

Vua Ba-tư-nặc liền bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn, vị vua ấy có phước đức nên được nhiều châu báu, nay con làm tháp đương nhiên không bằng vị ấy.

Đoạn, vua cho kiến tạo, trải qua 7 tháng, bảy ngày thì ngôi tháp hoàn thành. Sau khi ngôi tháp hoàn thành, vua bèn cúng dường Phật và Tỳ-kheo tăng.

Phương pháp làm tháp thì ở dưới chân xây hình vuông, xung quanh làm lan can, xây lên hai tầng hình tròn, dựng bốn trụ ở bốn góc, bên trên trang trí bảo cái để biểu tượng cho tướng pháp luân.

Nếu ai nói: “Đức Thế Tôn đã đoạn trừ tham dục, sân hận, ngu si, vậy thì còn xây tháp để làm gì nữa?”, thì phạm tội Việt-Tỳ-ni, phải chịu quả báo nặng nề.

Đó gọi là phương pháp xây tháp.

*

SỰ VIỆC LIÊN QUAN ĐẾN THÁP

Khi cất Thiền viện, trước hết phải quy định một chỗ đất tốt để làm tháp. Tháp không được xây ở phía Nam, không được xây ở phía Tây (Thiền viện) mà nên xây ở hướng Đông và hướng Bắc. Không được để cho đất của tăng xâm lấn đất của Phật, đất của Phật cũng không được xâm lấn đất của Tăng. Nếu tháp ở gần rừng tử thi, rồi chó ăn đồ thừa tha đến bỏ làm dơ đất tháp, thì nên xây tường chung quanh. Đồng thời nên xây Tăng phòng ở phía Tây hoặc phía Nam. Không được để cho nước ở chỗ đất của Tăng chảy vào chỗ đất của Phật, nhưng nước ở chỗ đất của Phật có thể chảy vào đất của Tăng. Tháp nên xây ở chỗ cao ráo. Không được giặt, nhuộm, phơi y phục, treo giày dép, vắt khăn trùm đầu, khăn choàng vai, hoặc khắc nhỏ trong tháp viện.

Nếu ai nói: “Đức Thế Tôn đã đoạn trừ tham dục, sân hận, ngu si mà còn xây tháp để làm gì?”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Người ấy sẽ mắc tội báo nặng nề.

Đó gọi là sự việc liên quan đến tháp.

*

LÀM TRANG THỜ NƠI THÁP

Khi ấy, vua Ba-tư-nặc đi đến chỗ Phật cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn, chúng con đã xây tháp cho Phật Ca-diếp, vậy có được làm trang thờ hay không?”

Phật dạy: “Được.” Rồi Ngài tiếp: “Trong thời quá khứ, sau khi đức Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn, vua Cát-lợi bèn xây tháp cho Phật, rồi làm trang thờ ở bốn phía, bên trên đặt hình sư tử và vẽ các thứ khác, ở đằng trước đặt lan can để trang trí hoa, còn trong trang thờ treo các bức họa và tràng phan, bảo cái.

Nếu ai nói: “Đức Thế Tôn đã đoạn trừ tham dục, sân hận, ngu si, chỉ cần lấy đó làm vật trang sức để mà thọ lạc”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Người ấy sẽ chuốc lấy nghiệp báo nặng nề. Đó gọi là cách làm trang thờ ở nơi tháp.

*

TRỒNG VƯỜN HOA XUNG QUANH THÁP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn, con được mở khu vườn ở nơi tháp Phật Ca-diếp hay không?”

Phật dạy: “Được mở.” Rồi Ngài tiếp: “Trong thời quá khứ, có vị vua tên Cát-lợi, sau khi Phật Ca-diếp Niết-bàn, vua đã xây tháp, rồi mở các hoa viên ở bốn phía. (498c) Hoa viên nơi tháp trồng

các loại cây hoa như cây Am-bà-la, cây Diêm-phù, cây Phả-na-ta, cây Chiêm-bà, cây A-đề-mục-đa, cây Tư-ma-na, cây Long-hoa, cây Vô-ưu, chúng ra hoa tất cả mọi lúc.

Trong vườn này, khi cây ra hoa thì nên hái cúng dường tháp. Nếu đàn-việt nói: “Thưa tôn giả, trong đây hoa thì để cúng dường Phật, còn trái thì cúng dường cho Tăng”, thì nên theo lời đề nghị của đàn-việt. Nếu hoa nhiều thì nên đem đưa cho nhà khâu hoa, nói: “Bà khâu chùng này hoa thành vòng đưa cho tôi, số còn lại bà hãy đưa cho tôi chùng ấy tiền.”

Nếu được tiền thì nên dùng để mua dầu thắp đèn, hương cúng dường Phật và dùng để sửa chữa tháp. Nếu số tiền nhiều thì nên nhập vào ngân khoản dùng để làm việc Phật.

Nếu ai nói: “Phật không còn dâm, nộ, si mà dùng vườn hoa trái này để làm gì?”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni, sẽ chuốc lấy quả báo nặng nề.

Đó gọi là phép trồng vườn hoa xung quanh tháp.

*

ĐÀO AO BÊN THÁP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, cho đến Phật nói: “Này Đại vương, trong thời quá khứ, sau khi Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn, vua Cát-lợi xây tháp cho Phật, bốn phía đào ao, trồng các loại hoa như hoa Ưu-bát-la, hoa Ba-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi. Nay Đại vương cũng nên đào ao. Ao được đào ở bốn phía tháp, trong ao nên trồng các loại tạp hoa để cúng dường tháp Phật. Nếu còn dư thì nên đem bán cho người khâu hoa, rồi lấy tiền. Nếu số tiền ấy dùng không hết thì nên bỏ vào ngân quỹ của Tam-bảo. Không được giặt y, rửa tay, rửa mặt, rửa bát trong ao. Nhưng ở cuối đường nước từ ao chảy ra thì tùy ý dùng, không có tội. Đó gọi là phép đào ao ở cạnh tháp.

*

LÀM CHI-ĐỀ Ở CẠNH THÁP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, cho đến Phật nói: “Này Đại vương, Đại vương được làm chi-đề. Trong thời quá khứ, sau khi Phật Ca-diếp Niết-bàn, vua Cát-lợi bèn xây tháp cho Phật, rồi kiến lập chi-đề ở bốn phía tháp, đồng thời cho chạm khắc và vẽ các hình ảnh. Nay Đại vương cũng nên làm chi-đề. Nơi nào có thờ xá-lợi thì gọi là tháp; nơi nào không có xá-lợi thì chỉ gọi là chi-đề. Các chi-đề (tháp) ở những nơi Phật đản sinh, thành đạo, chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn, hoặc tượng Bồ-tát, hang Phật Bích-chi, dấu chân Phật, nên dâng hoa và các phẩm vật cúng dường.

Nếu có ai nói: “Phật đã đoạn trừ hết tham dục, sân hận, ngu si mà còn xây chi-đề để cúng dường làm chi”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni, sẽ chuốc lấy nghiệp báo nặng nề. Đó gọi là làm chi-đề ở cạnh tháp.

*

PHẨM VẬT CÚNG DƯỜNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, cho đến các Tỳ-kheo bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn, có được dùng phẩm vật cúng dường tháp để cúng dường chi-đề không?”

Phật dạy: “Được. Nếu vào các ngày Phật đản sinh, thành đạo, chuyển pháp luân, năm năm đại hội một lần, mà nhận được các phẩm vật cúng dường, thì nên chọn những thứ tốt nhất đem cúng dường tháp Phật, còn những thứ kém hơn đem cúng dường chi-đề.”

(498c) Nếu có người nói: “Phật đã dứt sạch dâm, nộ, si mà còn dùng tràng phan, bảo cái cúng dường làm gì”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni, sẽ chuốc lấy nghiệp báo nặng nề. Đó gọi là phẩm vật cúng dường.

*

DÙNG KỸ NHẠC CÚNG DƯỜNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy vua Ba-tư-nặc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, đứng sang một bên, rồi bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn, có thể dùng kỹ nhạc để cúng dường tháp Phật được không?”

Phật đáp: “Được. Sau khi Phật Ca-diếp Niết-bàn, vua Cát-lợi dùng ca múa, kỹ nhạc cúng dường tháp Phật, nay Đại vương cũng nên cúng dường. Khi Như Lai tại thế, hoặc sau khi nhập Niết-bàn đều có thể dùng hương hoa, kỹ nhạc, các thứ y phục, ẩm thực để cúng dường, vì lợi ích cho cuộc đời, khiến cho tất cả chúng sinh được an lạc lâu dài.”

Nếu ai nói: “Đức Thế Tôn không còn dâm, nộ, si mà dùng các thứ kỹ nhạc này cúng dường làm chi nữa”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni, sẽ chuốc lấy quả báo nặng nề. Đó gọi là cách dùng kỹ nhạc để cúng dường.



THU DỌNG CỤ CÚNG DƯỜNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ các Tỳ-kheo bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn, chúng con được phép thu vật dụng cúng dường chi-để hay không?”

Phật đáp: “Được. Thu dọn trong các dịp: ngày Phật đản sinh, thành đạo, chuyển pháp luân, năm năm đại hội một lần. Khi đem tràng phan, bảo cái ra cúng dường chi-để trong các dịp ấy mà gặp mưa gió bất ngờ ập đến, thì tất cả Tăng chúng phải cùng nhau thu dọn. Không ai được nói: “Tôi là Thượng tọa, là người sống ở A-luyện-nhã, là người khát thực, là người mặc y phần tảo, là người có đức lớn, còn các ông nhờ vào đó mà sống thì phải tự thu lấy.” Nếu mưa gió xảy đến bất ngờ thì phải cùng nhau thu dọn, tùy theo phòng nào ở gần thì cất tạm nơi ấy. Không ai được phép, vì giữ

phòng mình mà nói: “Để ở phía trước đó.” Nếu bị ướt thì nên đem phơi khô, hoặc bị bụi bặm thì nên đập giũ cho sạch rồi chất đống lại. Nếu ai nói: “Tôi là thượng tọa, là người sống ở A-luyện-nhã, là người khát thực, là người mặc y phấn tảo, là người có đức lớn”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là thu dọn dụng cụ cúng dường.

*

TRƯỜNG HỢP GẶP TAI NẠN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, tôn giả Ưu-ba-ly đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn, nếu gặp tai nạn bất ngờ xảy đến thì đối với vật của tháp, của Tăng phải làm sao?”

Phật dạy: “Nếu bọn giặc yếu thế, thì nên đến xin vua che chở. Nếu vua nói: “Tôn giả cứ ở yên đó, đừng sợ, khi nào tôi không tảo trừ được bọn chúng thì tùy ý tôn giả”, thì khi ấy nên cân nhắc xem thế lực của vua mạnh hay yếu, nếu thấy thế lực của giặc mạnh hơn, thì nên ngấm sai người tín cẩn đến chỗ lãnh tụ của giặc xin chúng bảo vệ. Còn nếu như vua nói: “Nay tôi còn phải sợ giặc, thì làm sao che chở cho các vị được. Tôn giả hãy đến bọn giặc mà xin chúng bảo vệ”, thì nên xem xét bọn giặc (499a) Nếu chúng có tà kiến không tin Phật pháp, không thể theo đường chính, thì không được bỏ vật đó rồi đi, mà nên sai người tín cẩn đem giấu vật của Phật, của Tăng, rồi để ý theo dõi bọn giặc, đừng để chúng đến bất ngờ. Nếu bọn giặc đến gấp, chưa cất giấu kịp, thì vật của Phật nên đem trang hoàng tượng Phật, còn tọa cụ của tăng thì nên đem trải ra, dọn các thức ăn lên đó, để cho bọn giặc thấy rõ. Đoạn, sai một Tỳ-kheo trẻ tuổi núp ở chỗ khuất trông chừng bọn giặc. Nếu bọn giặc đến, thấy các dụng cụ cúng dường rồi, chúng khởi từ tâm hỏi như sau: “Có Tỳ-kheo trong đó hay không? Đừng sợ, hãy ra cả đây.” Khi ấy, Tỳ-kheo trẻ tuổi nên xem xét, nếu trường hợp bọn

giặc đến đột ngột chưa cất giấu các vật được, thì nên nói: “Tất cả các hành đều vô thường”, rồi bỏ đi. Đó gọi là trường hợp gặp nạn.”

Kệ tóm tắt:

“Xây tháp, việc của tháp
 Trang thờ tháp, vườn tháp.
 Ao tháp và chi-đề,
 Kỹ nhạc, vật cúng dường.
 Thu dọn, hương hoa, nạn,
 Hết phần thứ mười bốn.

(Tóm tắt toàn bộ phần tạp tụng):

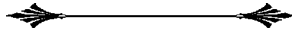
Thọ cụ túc, Yết-ma,
 Cử tội và Bồ-tát.
 Bị bệnh, việc Tỳ-ni,
 Vật nặng và ăn tội.
 Giết vật cúng, đao trị,
 Phương tiện thọ chúng sinh.
 Diệt trâu-bà cuối cùng.”

*

Hết quyển thứ ba mươi ba

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 34

PHÉP TÁC UY NGHI

TÁC PHONG CỦA THƯỢNG TỌA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ Tỳ-kheo Tăng tập hợp để Bố-tát; trong lúc mọi người tập trung đông đủ, thì vị Thượng tọa của Tăng là Nan-đà không đến. Khi ấy có đàn việt đem phẩm vật đến chờ chư Tăng tập hợp đông đủ để cúng dường, liền hỏi các Tỳ-kheo:

Dạ thưa Tăng đã tập hợp đông đủ chưa?

Tập hợp chưa đông đủ.

Ai không đến vậy?

Vị Thượng tọa của Tăng không đến.

Đàn việt liền chê trách: “Ta chờ Tăng tập hợp đông đủ để cúng dường nhưng Thượng tọa lại không đến.” Vì đã chờ đợi lâu, nên thí chủ đem phẩm vật cúng dường, rồi ra về.

(499b) Đến lúc chiều tối, Thượng tọa mới tới, nên không phát thẻ, không hỏi việc các Tỳ-kheo không đến hãy thuyết dục thanh tịnh, liền nói tóm tắt bốn việc (4 Ba-la-di) rồi giải tán.

Bấy giờ vị Tỳ-kheo trẻ tuổi bèn hỏi chư Tăng:

Thưa, Thượng tọa đã đến chưa?

Thượng tọa đến rồi lại về.

Tỳ-kheo trẻ tuổi liền trách móc: “Vì sao Thượng tọa đến cũng không cho ai biết, đi cũng chẳng nói ai hay?”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, vị Thượng tọa của chúng Tăng phải biết các việc sau đây: Phải biết về phép tắc của Thượng tọa, kỳ này Bố-tát vào ngày 14 hay ngày 15, hay trung gian Bố-tát, Bố-tát ban ngày hay ban đêm; đồng thời phải biết nơi chốn, hoặc tại phòng suối, giảng đường hay trong rừng. Phải tụng đầy đủ 5 thiên giới bốn, tối thiểu là tụng 4 Ba-la-di và các bài kệ, rồi tuyên bố: “Ngoài ra các giới khác chư Tăng đã thường nghe.” Nếu trong thành ấp xóm làng có Tỳ-kheo thì Thượng tọa nên sai người loan báo: Kỳ này Tăng Bố-tát vào ngày 14, hoặc ngày 15, hoặc trước bữa ăn, sau bữa ăn, vào lúc bóng người ngang chùng ấy sẽ Bố-tát tại chỗ. Trước hết nên sai người quét tước giới trường, rải đất bằng phẳng, rải các loại hoa. Thượng tọa còn phải dự liệu xem ai nên chú nguyện, tụng giới, ai phát thẻ. Nếu lúc tụng giới Tăng chưa tập hợp mà có đàn việt đến thì Thượng tọa nên thuyết pháp rồi ủy lạo họ. Nếu Thượng tọa không thể làm được, thì nên mời Thượng tọa thứ hai, hoặc pháp sư thuyết pháp. Khi đến giờ Bố-tát nên hỏi đàn việt muốn ở lại hay đi về. Nếu họ nói rằng đi về, thì nên chú nguyện rồi tiễn họ ra đi. Nếu họ nói “ở lại” thì nên bảo họ rời khỏi giới trường rồi mới Bố-tát. Nếu có khả năng thì nên dùng nước thơm nấu nóng rửa thẻ rồi mới phát. Nếu đại chúng ngồi trong giới trường thưa thớt thì nên một người phát thẻ, rồi một người thâm lại. Khi đưa thẻ không được trùm đầu, choàng khăn trên vai, đồng thời phải bỏ giày dép, trật vai áo phải mà phát thẻ. Người nhận thẻ cũng phải làm như thế. Khi phát thẻ phải phát cho người thọ Cụ túc trước rồi mới phát cho sa-di. Khi phát xong phải bạch: Chùng ấy người thọ Cụ túc, chùng ấy sa-di, cộng tất cả được chùng ấy người. Vị

Thượng tọa của Tăng phải tụng giới; nếu không thể tụng, thì vị Thượng tọa thứ hai phải tụng; nếu cũng không tụng được thì lần lượt đến người nào tụng được, phải tụng. Khi tụng, nếu trời sắp tối, mưa gió xảy đến, hoặc có người già bệnh không thể ngồi lâu, trú xứ ở xa, hoặc có nạn vua, nạn giặc, thì bấy giờ được phép tụng tóm lược. Nếu thời giờ còn sớm không có các nạn kể trên thì phải tụng đầy đủ, hoặc Thượng tọa tự tụng, hoặc người khác tụng, hoặc hòa hợp thuyết pháp, bàn luận, hỏi đáp, chú nguyện cả đêm. Phép tắc Bố-tát của Thượng tọa phải như thế. Nếu không làm như vậy (499c) thì vượt pháp oai nghi.

*

TÁC PHONG CỦA THƯỢNG TỌA (tiếp theo)

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ Tỳ-kheo tập hợp để Bố-tát, thì Thượng tọa thứ nhất đến, nhưng Thượng tọa thứ hai không đến; lúc ấy, có đàn việt đem phẩm vật đến định cúng dường, bèn hỏi các Tỳ-kheo:

Dạ thưa chúng Tăng đã tập hợp đầy đủ chưa?

Tập hợp chưa đầy đủ.

Vị nào không đến vậy?

Thượng tọa thứ hai không đến.

Đàn việt liền trách móc: “Ta định cúng dường ít phẩm vật, nhưng Thượng tọa thứ hai lại không đến.”

Đội hỏi lâu không thấy đến, đàn việt bèn đem phẩm vật cúng dường, rồi ra về. Đến chiều tối, Thượng tọa thứ hai mới tới, Thượng tọa thứ nhất bèn chê trách: “Thế Tôn chỉ chế định riêng tôi còn Thượng tọa thứ hai không hỏi đến chẳng?”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, khi Bố-tát thì Thượng tọa thứ hai cũng phải biết tất cả mọi việc như Thượng tọa thứ nhất đã được nói rõ ở trên chỉ có tên gọi Thượng tọa thứ hai là khác mà thôi. Nếu Thượng tọa thứ nhất của Tăng không thể chu toàn, thì Thượng tọa thứ hai phải đảm trách. Nếu không làm được như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

TÁC PHONG CỦA TĂNG CHÚNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bảy giờ Tỳ-kheo Tăng tập hợp để Bố-tát, thì đệ nhất Thượng tọa, đệ nhị Thượng tọa đến, nhưng các người khác thì lễ mễ không tập hợp đúng giờ. Đệ nhất và đệ nhị Thượng tọa liền chê trách: “Phải chăng đức Thế Tôn chỉ chế định riêng chúng tôi, không chế định cho những người khác?”

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi các Tỳ-kheo ấy đến. Khi họ tới rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, việc Bố-tát tất cả chúng Tăng đều phải biết. Đó là các việc như sau: Hôm nay là ngày mồng một, mồng hai trong tháng cho đến ngày 14, ngày 15 Bố-tát đều phải biết, hoặc Bố-tát chính thức, Bố-tát trung gian, Bố-tát tại nơi nào đều phải biết. Nếu có người hỏi “Hôm nay là ngày thứ mấy”, thì không được hỏi ngược lại “Hôm qua là ngày thứ mấy” mà cần phải biết. Nếu sợ quên thì phải làm thẻ xâu lại, treo trước giảng đường, hay trước

nhà bếp. Người trực nguyệt, tri sự cứ mỗi ngày qua đếm một thẻ. Ngày BỐ-tát phải tụng đầy đủ 5 thiên giới; nếu có nạn tai thì tụng 4 Ba-la-di và các bài kệ, rồi nói: “Ngoài ra các giới khác như Tăng đã thường nghe.” Tất cả mọi việc trong phần Thượng tọa ở trên đã nói rõ chỉ khác là chữ tất cả mà thôi. Nếu đệ nhất, đệ nhị Thượng tọa không biết thì tất cả những người khác đều phải biết. Nếu không biết như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

CÁCH THỨC CHÚ NGUYỆN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ có đàn việt đến Tinh xá Kỳ-hoàn cúng dường trai phạn cho Tỳ-kheo Tăng, thì vị Thượng tọa thứ nhất (là Nan-đà) không đến, khiến cho cơm canh nguội lạnh, đàn việt bèn hỏi các Tỳ-kheo:

(500a) Tỳ-kheo Tăng đã tập hợp chưa?

Chưa tập hợp.

Ai không đến.

Thượng tọa đệ nhất không đến.

Đàn việt bèn than phiền: “Ta bỏ cả việc nhà đến đây để cúng dường trai phạn cho chư Tăng, thế mà Tỳ-kheo không tập trung.” Đến giờ Thượng tọa mới tới không tán thán thức ăn, cũng không chú nguyện, vội vã ăn xong rồi bỏ đi. Vị trẻ tuổi hỏi: – Thượng tọa đến chưa?

Đã đến, nhưng ăn rồi bỏ đi.

Lúc ấy, vị trẻ tuổi liền trách móc: “Thượng tọa đến cũng không cho ai biết, đi cũng chẳng nói ai hay.”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà đến. Khi thấy tới rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, vị Thượng tọa của Tăng phải biết các việc sau đây: Hôm nay ai cúng dường thức ăn, cúng cho hai bộ chúng hay một bộ chúng, hay mời từng phòng riêng, tại thôn xóm hay tại Tinh xá, đều phải biết. Nếu có người mời ngày mai cúng dường cơm cho chúng Tăng, thì vị Thượng tọa trong Tăng không nên nhận liền mà phải biết người đến mời đó tên họ là gì, người quen hay lạ, nhà ở con đường nào. Vì e có kẻ đùa bỡn Tỳ-kheo cho nên không được nhận liền. Nếu có người biết rõ người đàn ông, đàn bà mời kia là ai thì được nhận lời mời. Sau khi nhận lời mời, không được tùy tiện đi đến, mà sáng sớm hôm sau nên sai người trực nguyệt, hoặc người làm vườn, hoặc Sa-di đến đó xem, xem họ có bị quan huyện, nước lửa, trộm cướp, sinh đẻ, tử vong mà không chuẩn bị được chăng. Nếu có các tai nạn như thế thì Tăng nên tự lo việc ăn uống. Nếu không thể lo được thì nên bảo mọi người đi khát thực. Khi sứ giả đến hỏi chủ nhân đã chuẩn bị thức ăn xong chưa, nếu họ hỏi: “Người nào? Thức ăn gì?”, thì biết đó là kẻ điên cuồng. Bấy giờ, nếu tăng-già-lam có thức ăn thì nên sửa soạn để ăn. Còn nếu như không có thì nên tuyên bố rằng Tỳ-kheo Tăng bị kẻ điên cuồng lừa gạt, mỗi người nên tự đi khát thực lấy. Trái lại, nếu người chủ mời nói: “Thưa tôn giả, con đang sửa soạn đây”, thì lúc ấy, Thượng tọa phải biết thời giờ. Nếu vào mùa Đông thì mọi người nên tập hợp đông đủ rồi cùng đi. Nếu vào mùa Xuân, mùa Hạ thì nên kẻ trước, người sau mà đi. Nếu đến nhà người đã mời mà còn sớm, cơm chưa dọn, muốn đi tới chỗ nào thì phải thưa với Tỳ-kheo khác rằng: “Tôi muốn đến nhà mỗ giáp, khi cơm dọn xong đừng đợi tôi.” Đi rồi, phải trở về sớm. Khi vào nhà đàn việt, Thượng tọa phải biết ngồi ở bên phải hay bên trái. Nếu đàn việt tổ chức ngày lễ Khánh tiết, đặt ghế ngồi ở bên phải thì nên ngồi. Nếu họ mở hội cúng thí thực ngạ quỷ, đặt ghế ngồi ở bên trái thì cũng nên ngồi. Nếu họ trải tọa cụ dài còn mới, có vẻ gấp gáp, thì

nên dùng tay ra hiệu bảo phải từ từ, rồi ngồi xuống chậm chậm kéo bị hư hỏng. Nếu không có việc gì gấp thì không được ngồi xuống liền, vì e ở dưới có khí cụ gì khác, hoặc là trẻ con đang ngủ. Cho nên trước hết nên dùng một bàn tay sờ vào chỗ ngồi. Không được đem bình bát cấu bản và bánh trái đặt lên trên đó. Không được dùng tay mà chùi. Thượng tọa phải biết ai coi chừng phòng, ai bệnh, để bảo (500b) đàn việt đưa thức ăn. Nếu đàn việt tiếc của thì nên bảo: “Này lão trượng, theo phép thì phải cho, không được không cho.” Nếu ngày còn sớm thì nên xếp hàng mà nhận lấy vật cúng dường. Nếu ngày giờ đã trễ mà họ đưa ai trước thì nhận trước rồi bảo họ đi tiếp. Vị Thượng tọa của Tăng phải biết thí chủ cúng dường vì mục đích gì mà chú nguyện đúng chuyện. Khi đàn việt dọn thức ăn, nếu dọn cho Thượng tọa nhiều, thì Thượng tọa nên hỏi: “Tất cả chúng Tăng đều được như thế chăng?” Nếu đáp: “Chỉ có Thượng tọa được như vậy”, thì nên bảo họ cúng dường tất cả bình đẳng. Nếu họ nói: “Tất cả đều được như vậy”, thì nên nhận. Nếu cần ít thì lấy ít, những người ngồi dưới thì nên bảo đưa nhiều hơn. Nếu có các món ăn ngon như sữa, sữa chua, bánh, thịt, sữa đóng váng, thì nên bảo thí chủ dọn bình đẳng cho tất cả. Phép tắc của vị Thượng tọa trong chúng Tăng là không được nhận xong liền ăn, mà phải đợi dọn đủ tất cả, rồi tuyên bố rằng “cúng dường bình đẳng”, bấy giờ mới được ăn. Cách ăn của Thượng tọa là phải ăn từ từ, không được ăn vội vàng cho xong rồi ngồi nhìn, khiến những người trẻ phải vội vã ăn không no, nên trông chừng nhau mà ăn. Không được ăn xong rồi bỏ đứng dậy trước, mà nên đợi họ đưa nước uống, tùy thuận chú nguyện xong rồi mới đứng dậy. Nếu thí chủ cúng dường cầu phúc cho người chết, thì không nên chúc lành bằng câu:

“Lành thay đã vô thường,
 Hôm nay ngày tốt lành.
 Bày các thức trân quý,
 Cúng dường hàng phước điền.”

Mà nên chú nguyện như sau:

“Tất cả mọi chúng sinh
Có sinh mạng đều chết.
Tùy theo nghiệp dữ lành,
Tự chuốc lấy quả báo.
Làm ác xuống địa ngục,
Tạo thiện lên cõi trời.
Nếu có thể tu hành,
Hết lậu, được Niết-bàn.”

Nếu họ sinh con, thiết lễ ăn mừng thì không nên chú nguyện như sau:

“Đồng tử bỏ nghĩa địa,
Mút tay, bảy ngày sống,
Không bị ruồi nhặng hại,
Do công đức đồng tử.”

mà nên chú nguyện như sau:

“Đồng tử qui y Phật,
Như Lai Tì-bà-thi,
Thi-khí, Tì-diệp-bà,
Câu-lâu, Câu-na-hàm,
Ca-diếp và Thích-ca.
Bảy đời các Thế Tôn.
Ví như bậc cha mẹ,
Luôn thương nhớ con mình.
Các niềm vui trên đời,
Đều mong con mình được
(500c) Muốn con hưởng phước đức,
Hơn tất cả kẻ khác,
Thân quyến khắp cả nhà
Đều chung vui bất tận.”

Nếu thí chủ về nhà mới, thiết trai cúng dường, thì không nên chú nguyện rằng:

“Khi nhà bị lửa thiêu,
Của cải đem ra đượ.
Tất cả tài sản mình
Đều không bị thiêu rụi”

mà nên chú nguyện như sau:

“Cửa nhà che nắng mưa,
Muốn Chi-đều toại ý.
Các hiền thánh cao quý,
Đều trú ở trong này.
Kẻ thông minh trên đời,
Hẳn biết rõ nơi đây.
Mời bậc gìn giới hạnh,
Bày ẩm thực, làm phước.
Tặng dùng lời chú nguyện,
Thần nhà ắt hân hoan.
Sinh thiện tâm gìn giữ,
Trọn đời được an trụ.
Nếu đi vào xóm làng,
Hay đến nơi hoang dã.
Ban ngày hay ban đêm,
Thiên thần đều bảo hộ.”

Nếu thương khách sắp khởi hành, thiết lễ cúng dường cầu phước, thì không nên chú nguyện thế này:

“Tất cả mọi phương diện,
Nạn giặc không nên đi.
Giờ đây thật đúng lúc,
Xuất gia tu phạm hạnh.”

mà nên chú nguyện như sau:

Mọi nơi đều an ổn,
 Chư thiên ban điểm lành.
 Nghe rồi tâm hoan hỷ,
 Mong Chi-đều được cả.
 Loài hai chân an ổn,
 Loài bốn chân cũng an.
 Lúc ra đi an lạc,
 Khi trở về bình yên.
 Ngày yên, đêm cũng yên,
 Chư thiên thường bảo hộ.
 Bạn bè đều hiền lành,
 Tất cả thầy an ổn
 Khang kiện và tốt đẹp,
 Tay chân đều vô bệnh.
 Thân thể được bảo toàn,
 Chẳng bệnh, chẳng khổ đau.
 Tất cả mọi mong cầu,
 Đều toại tâm mãn nguyện.

Ở phương Đông có bảy ngôi sao thường bảo hộ thế gian, làm cho họ được như nguyện, đó là: Ngôi thứ nhất tên Cát-lợi-đế; ngôi thứ hai tên Lộ-ha-ni; ngôi thứ ba tên Tăng-đà-na; ngôi thứ tư tên Phân-bà-tủy; (501a) ngôi thứ năm tên Phất-thi; ngôi thứ sáu tên Bà-la-na; ngôi thứ bảy tên A-xá-lợi. Đó gọi là bảy ngôi sao ở phương Đông thường bảo hộ thế gian. Nay chúng sẽ bảo hộ ông khiến cho an ổn, được lợi ích và trở về sớm; tất cả tinh tú đều góp phần bảo hộ ông.

Lại nữa, phương Đông có tám Thiên nữ: Người thứ nhất tên Lại-xa-ma-đế; người thứ hai tên Thi-sa-ma-đế; người thứ ba tên Danh Xung; người thứ tư tên Da-thâu-đà-la; người thứ năm tên Hào

Giác; người thứ sáu tên Bà-la-thấp-ma; người thứ bảy tên Bà-la-phù-đà; người thứ tám tên A-tì-ha-la. Đó là tám Thiên nữ ở phương Đông thường bảo hộ thế gian. Lại có Thiên Vương tên Đề-đầu-lại-tra vua của Kiến-thát-bà và tất cả Chư Thiên thường hộ trì các người, khiến tất cả đều được an ổn, lợi ích mà trở về sớm.

Phương Đông có Chi-đề tên Cung trượng thường tỏa ánh sáng, chư thiên cung kính cúng dường. Tất cả các vị Thiên cúng dường ấy sẽ hộ trì người khiến được tài lợi, an ổn mà trở về sớm.

Phương Nam có bảy ngôi sao thường hộ trì thế gian: Ngôi thứ nhất tên Ma-già; ngôi thứ hai và thứ ba cùng tên là Phả-câu-ni; ngôi thứ tư tên Dung-đế; ngôi thứ năm tên Chấ-đa-la; ngôi thứ sáu tên Tư-bà-đế; ngôi thứ bảy tên Tì-xá-khư. Đó là bảy ngôi sao ở phương Nam thường bảo hộ thế gian, nay sẽ bảo hộ người khiến được an ổn, lợi ích mà trở về sớm. Đồng thời tất cả tinh tú đều sẽ hộ trì người.

Ở phương Nam có tám thiên nữ: Người thứ nhất tên Lại-xa-ma-đế; người thứ hai tên Thi-sư-ma-đế; người thứ ba tên Danh Xưng; người thứ tư tên Danh Xưng Trì; người thứ năm tên Hảo Giác; người thứ sáu Hảo Gia; người thứ bảy tên Hảo Lực; người thứ tám tên Phi Đoạn, thường bảo hộ thế gian. Đồng thời, có Thiên Vương tên Tì-lưu-đồ vua của Quỷ Thần Câu-ma-đồ, cùng bảo hộ người được lợi ích mà trở về sớm.

Phương Nam có Chi-đề tên A-tì-bát-thi thường phóng ra ánh sáng, chư Thiên cung kính cúng dường. Tất cả chư Thiên cúng dường Chi-đề sẽ hộ trì người được an ổn, lợi ích mà trở về sớm.

Ở phương Tây có bảy ngôi sao thường bảo hộ thế gian: Ngôi thứ nhất tên Bất diệt; ngôi thứ hai tên Thệ-tra; ngôi thứ ba tên Mâu-ra; ngôi thứ tư tên Kiên Cường tinh tẩn; ngôi thứ năm và thứ sáu cùng tên là A-sa-đô; ngôi thứ bảy tên A-tì-xà-ma, bảy ngôi sao này thường bảo hộ thế gian, sẽ bảo hộ người được lợi ích mà trở về sớm. Đồng thời tất cả tinh tú cũng đều bảo hộ người.

Ở phương Tây có tám Thiên nữ: Người thứ nhất tên A-lam-phù-bà; người thứ hai tên Tạp-phát; người thứ ba tên A-lợi-tra; người thứ tư tên Hảo-quang; người thứ năm tên Y-ca-đề-xá; người thứ sáu tên Na-bà-tư-ca; người thứ bảy tên Ký-sắc-ni; người thứ tám tên Sa-đà-la. Đó gọi là tám Thiên nữ. Đồng thời có Thiên Vương tên Tì-lưu-bác-xoa thường hộ trì thế gian. Lại có Long Vương tên Bà-lưu-ni và tất cả loài rồng (501b) sẽ hộ trì người được lợi ích mà trở về sớm.

Phương Tây có núi tên Nhiêu Ích, nhật, nguyệt ở trong đó. Nếu ai có mong cầu điều chi thì sẽ được mãn nguyện.

Ở phương Bắc có bảy ngôi sao thường bảo hộ thế gian: Ngôi thứ nhất tên Đàn-ni-tra; ngôi thứ hai và thứ ba cùng tên là Thế-đà-đế; ngôi thứ tư tên Bất-lỗ-cụ-đà-ni; ngôi thứ năm tên Li-bà-đế; ngôi thứ sáu tên A-thấp-ni; ngôi thứ bảy tên Bà-la-ni; bảy ngôi sao này thường bảo hộ thế gian, sẽ bảo hộ người được lợi ích và trở về sớm. Nói chung, tất cả tinh tú đều bảo hộ người.

Phương Bắc có tám Thiên nữ: Người thứ nhất tên Ni-la-đề-tì; người thứ hai tên Tu-la-đề-tì; người thứ ba tên Câu-tra-tì; người thứ tư tên Ba-đầu-ma; người thứ năm tên Ha-ni; người thứ sáu tên Ba-lợi; người thứ bảy tên Già-la-ni; người thứ tám tên Ca-ma. Đó gọi là tám Thiên nữ. Đồng thời có Thiên vương tên Bà-lưu-na, thường bảo hộ thế gian, sẽ bảo hộ người được lợi ích mà trở về sớm.

Phương Bắc có núi tên Chỉ-la-tô, quỷ thần ở trong đó. Tất cả các quỷ thần sẽ bảo hộ người được lợi ích mà trở về sớm.

Hai mươi tám ngôi sao cùng nhật nguyệt, ba mươi hai Thiên nữ và Tứ Đại Thiên vương thống trị thế gian đều có danh tiếng. Ở phương Đông có Đê-đầu-la-tra Vương, ở phương Tây có Tì-lưu-bác-xoa Vương, ở phương Nam có Tỳ-lưu-đô-vương, ở phương Bắc có Bà-lưu-na Vương, tám Sa-môn, tám Bà-la-môn, tám vị Sát-lợi của tám nước lớn, tám con gái của Đế thích sẽ hộ trì người khiến được lợi ích mà trở về sớm.”

Nếu thí chủ cưới vợ mở hội cúng dường, thì không nên chú nguyện thế này:

“Sông khô không có nước,
Nước không vua không họ.
Gái có mười anh em,
Cũng gọi không che chở.”

Mà nên chú nguyện như sau:

“Tín nữ chăm trì giới,
Người chồng cũng như thế.
Vì nhờ có niềm tin,
Nên tu hành bố thí.
Hai người đều trì giới,
Tu tập về chánh kiến.
Hân hoan cùng làm phước,
Chư Thiên thường tùy hỉ.
Kết quả của nghiệp này,
Như đi không mang lương.”

Nếu người xuất gia cúng dường thì không nên chú nguyện thế này:

“Mong cháu con đông đúc
Nô tì và tiền tài,
Bò dê cùng lục súc
Tất cả đều sung túc.”

mà nên chú nguyện như sau:

“(501c) Cấm bát xin nhà nhà,
Gặp sân hay hoan hỷ.
Đều giữ gìn tâm ý,
Xuất gia bố thí nan.”

Vị Thượng tọa của Tăng phải biết các việc như vậy. Nếu không biết như vậy thì vượt pháp oai nghi.

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bảy giờ, đàn việt đến cúng dường trai phạn, Nan-đà là hàng Thượng tọa đến ngồi trước. Thế nhưng, Ưu-ba-nan-đà và các Tỳ-kheo khác không đến đúng giờ. Thượng tọa bèn khiển trách: “Đức Thế Tôn chỉ chế định riêng tôi, không chế định cho những người khác chăng?”. Cho đến Phật nói: “Từ nay về sau, tất cả phải tập trung đầy đủ rồi thọ trai. Thượng tọa phải biết các việc như trên đã nói. Ở trong đây chỉ có tên gọi Thượng tọa thứ hai và tất cả là khác thôi. Cuối cùng nên để dành chỗ ngồi ở kề bên. Nếu thấy người dọn cơm đi qua, không được im lặng ngồi nhìn, mà người ngồi chỗ ấy nên nói: “Để xuống chỗ này.” Khi được thức ăn, không được ăn liền mà phải chờ dọn đủ tất cả rồi mới ăn. Nếu thì giờ đã trễ thì dọn tới đâu ăn tới đó không có tội.

Thượng tọa nên chú nguyện, nếu không thể chú nguyện được thì vị Thượng tọa thứ hai nên chú nguyện. Nếu Thượng tọa thứ hai cũng không chú nguyện được thì các vị ngồi dưới ai chú nguyện được nên chú nguyện. Như vậy tất cả vấn đề ăn uống Thượng tọa cần phải biết. Nếu không biết như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

BỐN PHẬN CỦA ĐỆ TỬ ĐỒNG HÀNH

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy Ưu-ba-nan-đà độ người xuất gia cho thọ Cụ túc rồi không dạy dỗ để nghinh ngang như trâu trời, dê trời, không đủ oai nghi, không biết phép phụng sự Hòa thượng, A-xà-lê và các trưởng lão Tỳ-kheo, lại không biết phép tắc vào xóm làng, vào nơi rừng vắng, nhập chúng, mặc y, cầm bát.

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Khi thấy tới rồi, Phật liền hỏi:

Này Tỳ-kheo! Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Hòa thượng phải dạy đệ tử đồng hành như sau: Khi thọ Cụ túc rồi phải dạy đọc hai bộ Luật. Nếu không thể dạy đọc hai bộ thì dạy đọc một bộ. Nếu một bộ cũng không thể dạy được thì nên dạy đọc kỹ năm thiên giới. Nếu cũng không thể dạy được, thì nên dạy đọc bốn thiên, ba thiên, hai thiên, ít nhất là dạy đọc bốn việc (Ba-la-di). Mỗi ngày dạy ba lần: sáng sớm, buổi trưa và buổi chiều. Những vấn đề cần phải dạy là A-tì-đàm, Tỳ-ni. A-tì-đàm tức là chín bộ Kinh, Tỳ-ni tức là giới bốn, hoặc dạy đầy đủ, hoặc tóm lược. Nếu không thể dạy được, thì nên dạy họ biết tội nặng nhẹ, biết ý nghĩa của Kinh, của Luật, của ẩm, giới, nhập, của nhân duyên, dạy về oai nghi, nếu trái oai nghi thì nên ngăn cản, đồng thời nên dạy giờ nào đọc kinh, giờ nào tụng chung, giờ nào ngồi thiền. Đó gọi là dạy. Nếu không đọc kinh, tụng kinh, ngồi thiền thì ít nhất cũng nên dạy họ đừng phóng dật. Nếu Hòa thượng không thể dạy (502a) đệ tử đồng hành như vậy thì vượt pháp oai nghi.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, đệ tử đồng hành của Ưu-ba-nan-đà ít khi đến chỗ Hòa thượng, do đó Ưu-ba-nan-đà than phiền: “Đức Thế Tôn chỉ chế định cho riêng ta mà không chế định cho đệ tử. Đệ tử có đến thì ta mới dạy, còn đệ tử không đến thì ta dạy ai đây?”

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo đệ tử ấy đến. Khi thấy đến rồi, Phật liền hỏi:

Này Tỳ-kheo! Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, đệ tử đồng hành phải phụng sự Hòa thượng như thế này: Buổi sáng phải dậy sớm, trước hết bước chân phải vào cửa phòng của Hòa thượng. Khi vào xong, cúi đầu, đánh lễ dưới

chân, hỏi xem Hòa thượng ngủ có ngon giấc không. Rồi nhận Kinh, hỏi han công việc, đem đồ bỏ tiểu tiện, ống nhổ, xong rồi để lại chỗ cũ. Tiếp đến, lấy nước rảy trên nền nhà, rồi quét, lau nền nhà. Đoạn, rửa tay sạch, rồi trao nước, bàn chải đánh răng, cầm bát đi lấy cháo cho thầy. Khi thầy ăn xong, rửa bát, cất lại chỗ cũ. Nếu có nhà nào mời thầy thọ trai, thì đến đó lấy thức ăn. Khi thầy muốn vào thôn xóm, thì trao y thường mặc vào thôn xóm, rồi xếp y thầy mặc trong viện lại, treo vào chỗ cũ. Lúc vào thôn xóm, nên đi theo sau thầy. Nếu muốn khát thực, nên bạch với Hòa thượng. Hòa thượng nên nhắc nhở đệ tử phải làm đúng pháp, đừng có phóng dật. Nếu mình về trước, nên trải giường ngồi cho Hòa thượng, rồi lấy nước sạch, rải cỏ lá đợi Hòa thượng về. Khi Hòa thượng về, nên đưa y mặc trong Thiền viện cho Hòa thượng, rồi lấy chiếc y mặc vào thôn xóm đập giũ, xếp lại, treo vào chỗ cũ. Nếu trời nóng thì nên đưa nước tắm cho thầy. Nếu trời lạnh, thì nên đốt lò lửa. Nếu được thức ăn ngon thì nên dâng cho Hòa thượng. Hòa thượng xem xong nên hỏi: “Ông được thức ăn ngon này ở đâu vậy?” Nếu đáp: “Con được tại nhà dâm nữ mỡ giáp, nhà quả phụ, nhà đại đồng nữ, nhà người bất năng nam, tại chỗ Tỳ-kheo ni, Sa-di-ni mang tiếng xấu”, thì Hòa thượng nên nói: “Đấy là những nơi không nên đến, chẳng nên lấy thức ăn của họ.” Nếu nói: “Do thuyết pháp mà được”, thì Hòa thượng nên nói: “Không được lấy thức ăn của người ta bằng việc tà mạng.”

Khi Hòa thượng ăn, nên đưa nước rửa tay rồi đưa thức ăn. Nếu thời tiết nóng thì nên đưa nước lạnh, rồi cầm quạt quạt cho thầy. Khi Hòa thượng ăn xong, dọn bát, nhặt cỏ lá, rửa bát rồi cất lại chỗ cũ.

Nếu Hòa thượng muốn vào rừng ngồi thiền thì nên lấy tọa cụ vác lên vai, mang bình nước rửa đi theo Hòa thượng. Đến nơi rồi, hoặc học kinh, hoặc hỏi nghĩa. Khi đã được chỉ dạy, nên tìm một chỗ ngồi tu tập. Nếu muốn tụng đọc với người khác thì nên bạch với Hòa thượng. Hòa thượng nên hỏi: “Ông tụng đọc với ai? Nếu đáp: “Tụng đọc với mỡ giáp”, thì Hòa thượng nên xem xét,

nếu thấy người ấy giữ luật lỏng lẻo thì nên nói: “Đừng đi, không (502b) nên giao du với kẻ ấy.” Nếu thấy người ấy giữ luật nghiêm chỉnh thì nên cho phép cùng tụng đọc chung. Khi về nên mang tọa cụ trên vai, cầm bình nước theo Hòa thượng trở về.

Khi Hòa thượng muốn lễ tháp, nên đưa nước rửa tay, đưa hoa. Khi lễ tháp xong, nên trải giường ngồi, đưa nước rửa chân và dầu thoa chân. Khi Hòa thượng muốn ngủ thì nên lau chùi giường nệm, trải gối, đốt đèn, đem ống nhỏ, bỏ đựng nước tiểu vào để dưới giường. Khi Hòa thượng đã yên ổn thì mới học kinh, hỏi nghĩa. Khi được chia phòng theo thứ tự, nên hỏi trước Hòa thượng, rồi mới nhận.

Nếu hai người cùng nhận một phòng thì Hòa thượng nên hỏi: “Ông được ở chung phòng với ai?” Nếu đáp: “Cùng ở với mõ giáp”, thì Hòa thượng nên xem xét người ấy, nếu thấy giữ giới lỏng lẻo, thì nên bảo đừng ở chung mà sinh ra rắc rối. Nếu thấy người ấy hiền thiện thì nên bảo cứ ở chung. Sau đó, nếu có Thượng tọa nào đến, rồi ra đi, thì nên bạch với Hòa thượng.

Đối với Hòa thượng, đệ tử đồng hành phải thực hiện những việc kể trên. Nếu không làm thì vượt pháp oai nghi. Nếu Hòa thượng có nhiều đệ tử, thì mỗi người tối thiểu cũng phải lau giường Hòa thượng một lần. Đó gọi là phạm sự của đệ tử.

*

BỐN PHẬN CỦA ĐỆ TỬ Y CHỈ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà nhận đệ tử y chỉ mà không dạy bảo, để họ buông lung như trâu hoang, dê hoang. Phạm sự đệ tử phải làm các việc như ở phần Hòa thượng trên đây đã nói rõ, chỉ có tiếng gọi thầy y chỉ là khác thôi.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà nhận đệ tử y chỉ mà đệ tử không đến, họ bèn than phiền: “Đức

Thế Tôn chỉ chế định cho riêng ta mà không chế định cho đệ tử. Đệ tử không đến thì ta biết dạy ai đây?” Như trường hợp đệ tử đồng hành ở trên đã nói rõ, ở đây chỉ có đệ tử y chỉ là khác mà thôi.

Kệ tóm tắt:

“Việc Bố-tát, ẩm thực,
Thượng tọa cần phải làm.
Vị đệ nhị Thượng tọa,
Và mọi người cũng thế.
Hòa thượng dạy điều chi,
Người đồng hành phải nghe.
Thầy y chỉ dạy bảo,
Đệ tử phải phụng hành
Kết thúc phần thứ nhất.”

*

VẤN ĐỀ BẢO QUẢN GIƯỜNG NỆM

Khi Phật an trú tại Tinh xá Kỳ hoàn ở thành Xá-vệ; lúc ấy, đức Như Lai cứ năm hôm đi quan sát phòng của các Tỳ-kheo một lần, thấy giường bỏ gối ngang trên đất, bị gió thổi xiêu vẹo, nắng tấp mưa sa, mối mọt gặm nhấm và chim chóc ỉa lên trên, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo: “Đây là giường của ai mà để gối ngang trên đất, khiến chim chóc ỉa lên trên thế này?” Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo: “Kể từ hôm nay, vấn đề giường nệm cần phải biết như thế này: Không được thấy giường chõng bỏ gối ngang dưới đất, (502c) bị mối mọt ăn, nắng tấp mưa sa, gió thổi xiêu vẹo, chim chóc ỉa lên trên mà cứ để mặc như thế. Nếu thấy bỏ gối ngang đây đó thì nên đem chất lại một chỗ. Nếu nghiêng thì sửa cho ngay lại. Nếu bị nắng tấp, mưa gió xiêu vẹo thì phải đem cát vào trong phòng. Nếu bị mối mọt ăn thì phải tra chặn

lại cho vững. Nếu bị chim chóc ỉa trên đó thì phải đập giũ rồi cất vào trong phòng. Không được thấy phòng ốc bị dột mà không sửa chữa. Nếu phòng được lợp bằng cỏ thì nên dùng cỏ giội (lợp) lại. Nếu được lợp bằng ngói, thì nên dùng ngói giội lại. Nếu được lợp bằng xi-măng thì nên dùng xi-măng giội lại. Nếu được phủ bằng đất, thì nên dùng đất phủ lên. Nếu tường vách bị hỏng hóc thì nên sửa chữa rồi tô đất lại. Giường nệm của chúng Tăng không được để yên như thế mà sử dụng, vì chúng chỉ được bọc có một lớp mỏng, cho nên phải dùng hai lớp tọa cụ phủ lên trên. Khi ngủ, nên dùng vật gì lót ngọa cụ, đừng để nó chạm vào thân mình. Nếu tấm nệm dày thì không được gấp lại, khiến hư hỏng vật của chúng Tăng. Nệm gối được xếp lại, nếu có dơ bẩn thì nên đem giặt. Nếu nó bị rách thì nên vá lại cho lành. Cần phải giữ gìn, bảo quản giường nệm, ngọa cụ của chúng Tăng như vậy. Nếu không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

VẤN ĐỀ BẢO QUẢN TRÚ XỨ

Khi Phật an trú tại Tinh xá Kỳ hoàn ở thành Xá-vệ, bảy giờ vào tháng cuối mùa Xuân mà các Tỳ-kheo không sửa chữa phòng ốc. Đức Như Lai vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần. Năm việc lợi ích đó là:

1. Xem các đệ tử Thanh văn có tham luyện các việc hữu vi hay không;
2. Xem họ có bàn phiếm chuyện đời hay không;
3. Xem họ có ham mê ngủ nghỉ hay không;
4. Vì để thăm viếng các Tỳ-kheo bệnh;
5. Để cho các Tỳ-kheo trẻ tuổi có niềm tin trông thấy oai nghi đĩnh đạc của đức Như Lai mà phát tâm hoan hỷ.

Đó gọi là vì năm việc mà đi tuần hành các phòng. Khi thấy các phòng xá bị hỏng hóc mà không sửa chữa, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Phòng này của ai bị hư hỏng mà không sửa chữa?

Bạch Thế Tôn! Đến lúc an cư Tỳ-kheo nhận phòng sẽ tự sửa chữa lấy.

Từ nay về sau, đến lúc an cư phải sửa chữa phòng ốc bằng cách: Sắp xếp mùa an cư không được thấy phòng ốc bị hư hại không sửa chữa mà nói: “Người nào an cư nhận phòng sẽ tự sửa chữa lấy.” Nếu phòng lợp bằng cỏ thì dùng cỏ để giội lại, cho đến, nếu phòng trét đất thì nên dùng đất để sửa chữa, hoặc bức tường bị trống thì nên dùng đất tô lại các lỗ chuột đục, lấp kín dưới nền. Các vật dụng trong phòng nên cất dọn lại một chỗ. Người nào hội đủ năm điều kiện sau đây thì cử làm người chia phòng: (1) Không thiên vị; (2) Không giận dữ; (3) Không sợ sệt; (4) Không ngu si; (5) Biết ai được phòng, ai chưa được. Đó gọi là năm điều kiện. Người làm Yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo mỗi giáp thành tựu năm pháp, nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cử mỗi giáp làm người chia phòng. Đây là lời tác bạch.

(503a) Một lần bạch, một lần Yết-ma cho đến “Tăng bằng lòng cho nên im lặng. Việc này cứ như thế mà thi hành.”

Vị Tỳ-kheo đã được pháp Yết-ma rồi phải sửa chữa phòng sưởi, phòng ăn, giảng đường, phòng tắm, nhà che giếng, nhà vệ sinh, nhà ngõ, chỗ đi kinh hành dưới gốc cây; đồng thời phải ghi chép tất cả xem nhiều hay ít. Nếu những trú xứ ở A-luyện-nhã cách xa nhau thì nên chia phòng vào ngày 12, 13 tháng tư. Nếu ai không nhận thì nên đi đến nơi khác. Nếu phần lớn đều ở gần nhau thì đợi đến ngày 14, 15 chia phòng và đọc biên bản ở giữa chúng Tăng như sau: “Xin đại đức Tăng lắng nghe, Tinh xá mỗi giáp có

chùng ấy phòng, chùng ấy giường nệm, chùng ấy thức ăn, ăn đến ngày ấy, có chùng ấy y an cư.”

Thượng tọa nên bảo người chia phòng tổ chúc một bữa cúng dường. Khi chia phòng nên chia từ Thượng tọa cho đến Tỳ-kheo chưa có tuổi hạ, nhưng không được chia phòng cho Sa-di. Nếu Hòa thượng, A-xà-lê bảo cứ chia để tôi sẽ chăm sóc cho, thì hãy chia. Nếu có nhiều phòng thì nên chia mỗi người hai phòng. Nếu người ấy nói: “Tôi không cần hai phòng, chỉ cần một phòng là đủ”, thì nên bảo: “Không phải chia để ở mà là chia để trông nom.” Nếu phòng ít thì chia hai người, ba người một phòng. Nếu chia như vậy mà không đủ, thì chia năm người, sáu người một phòng. Nếu cũng không đủ mà có giảng đường rộng, thì tất cả mọi người nên vào ở trong giảng đường. Nếu cũng không đủ, thì Thượng tọa kê giường lớn, Hạ tọa kê giường nhỏ. Nếu cũng không đủ, thì Thượng tọa kê giường nhỏ, Hạ tọa ngồi nệm cỏ. Nếu cũng không đủ thì Thượng tọa nên ngồi kiết già, Hạ tọa nên đứng, hoặc ra ngoài gốc cây. Chia phòng vào mùa Đông thì vừa để ở mà vừa để coi sóc. Nếu có Thượng tọa đến bảo giao phòng lại thì phải ra đi. Nếu chia phòng vào mùa Xuân thì cũng như vậy. Còn chia phòng vào mùa Hạ thì vừa để trông coi mà vừa để ở. Nếu Thượng tọa đến bảo phải ra đi, thì không nên đi.

Vào tháng cuối mùa Xuân, các Tỳ-kheo nên sửa chữa phòng ốc như trên đã nói. Nếu không sửa chữa như thế thì vượt pháp oai nghi.

Khi Phật an trú tại Tinh xá Kỳ hoàn, nơi thành Xá-vệ, vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đức Thế Tôn đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần, Ngài thấy phòng ốc bị dột nát, hỏng hóc mà không sửa chữa, nước mưa đọng lại từng vũng trong phòng, cửa ngõ bị mối mọt ăn, giường nệm thì lên mốc xanh, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo: “Đây là những phòng của ai, bị dột nát, hư hỏng thế này mà không sửa chữa?” Thế rồi, Phật dạy: “Từ nay về sau, trong mùa Hạ an cư nên sửa chữa phòng ốc, giường nệm,

không được thấy phòng ốc giường nệm bị hư hỏng (503b) mà không sửa chữa. Nếu phòng được lợp bằng cỏ thì nên dùng cỏ để gội, cho đến nếu được phủ bằng đất thì dùng đất để đắp lại, đồng thời khai thông các vũng nước đọng ra đến dòng nước. Nếu gối nệm của giường nằm, giường ngồi lên mốc thì phải đem phơi nắng cho khô. Nếu trong phòng ẩm thấp thì nên kê giường cách bức tường, tra chân giường cho chắc, dùng để mỗi một ăn. Đồng thời phải quét sạch bồ hóng và lười nhện. Mỗi nửa tháng nên dùng khăn lau nhà một lần. Nếu sàn nhà khô thì nên rắc nước rồi lau. Nếu sàn nhà ẩm ướt thì nên lau không mà thôi. Nếu trong phòng ẩm ướt thì không được rửa tay, rửa chân, rửa bát trong đó, cũng không được đóng kín cửa mà phải thường thường mở cửa cho gió lọt vào. Không được đun khói trong phòng. Vào dịp Hạ an cư, Tỳ-kheo nên sửa chữa phòng ốc như vậy. Nếu không sửa chữa như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

TRÚ XỨ A-LUYỆN-NHÃ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy, các Tỳ-kheo an cư tại A-luyện-nhã xong, không gởi gắm trú xứ cho ai mà bỏ đi hết. Sau đó bị lửa tự nhiên thiêu cháy hết phòng ốc. Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Tỳ-kheo an cư xong nên bảo quản phòng ốc bằng cách: Nếu an cư tại A-luyện-nhã xong, đến mùa Đông muốn dời đến nơi ẩm áp thì không nên đi tất cả, mà nên yêu cầu vài ba người có thể kham nhẫn ở lại trông coi, và nên để lại thức ăn dùng để bị thiếu thốn. Nếu họ nói: “Không được; vì sao tôi phải ở lại nơi hoang vắng này để làm gì?”, nếu không một ai ở lại cả, thì phải đem tất cả các thứ giường nệm, mền gối, đồ đồng, đồ sắt vào trong Tinh xá ở thôn xóm mà gởi. Giường ngồi, giường nằm nên kê cách vách, và dùng vật gì lót dưới chân để mỗi khỏi ăn. Khi an cư xong, không được thấy phòng ốc dột nát, hư hại, không sửa chữa mà ra đi. Nếu phòng

lọp bằng cỏ, thì dùng cỏ giọi lại cho đến nếu phủ bằng đất thì dùng đất để đắp lại. Đồng thời tô lại phòng và quét vôi vào vách. Nếu xung quanh đó thỉnh thoảng có đốt lửa thì nên gói gắm với các mục đồng rằng: “Ông thường thường trông chừng phòng ốc giùm tôi.” Các trú xứ nơi thôn xóm cũng phải bảo quản như thế. Nếu phòng sưởi, giảng đường, nhà ăn có hư hao cũng phải sửa chữa như vậy. Nếu tại Tinh xá có đàn việt đang ở thì nên bảo họ sửa chữa; hoặc sai người khác sửa chữa. Nếu trú xứ không có chủ, cũng không sai ai được, thì tất cả Tăng chúng phải sửa chữa. Nên chia đồng đều mỗi người một khuỷu tay, hai, ba khuỷu tay để cùng làm cho chu đáo. Nếu giường nằm, giường ngồi sút sỏ thì nên đóng lại, buộc lại cho chắc chắn. Nếu nệm, gối xếp dơ bẩn thì nên đem giặt cho sạch, nếu có bị rách thì nên vá lại. Các vật dùng trong phòng nên xếp đóng lại một chỗ.

Tỳ-kheo an cư xong, nên sửa chữa bảo quản phòng ốc, giường nệm như vậy. Nếu không sửa chữa như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

BỐN PHẬN CỦA TỖ-KHEO KHÁCH

(503c) Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ đức Thế Tôn vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần, trông thấy giường ghế bỏ ngổn ngang chỗ này chỗ kia trên đất, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi một Tỳ-kheo:

Giường chõng của ai mà bỏ ngổn ngang không cất thế này?

Bạch Thế Tôn! Đó là chỗ ở của cựu Tỳ-kheo, còn con là khách.

Từ nay về sau, khách Tỳ-kheo phải biết như thế này: Không được thấy giường ghế bỏ ngổn ngang bị mỗi một ăn mà cứ để yên. Nếu thấy bỏ ngổn ngang thì phải thu lại cất vào một chỗ. Nếu thấy ngã nghiêng thì phải sắp lại cho ngay ngắn, rồi dùng vật gì kê dưới chân để mới khỏi ăn. Khi khách Tỳ-kheo đến nơi nào thì không được đột

nhiên đem đồ đạc mình vào trong phòng mà phải để đồ vật lại một chỗ, đi tìm cụ Tỳ-kheo để xin phòng. Khi được phòng rồi, nếu mặt đất không bằng phẳng thì nên lấp cho bằng. Nếu có hang chuột thì nên lấy đất lấp lại. Nếu có bồ hóng, mạng nhện thì nên quét dọn. Giường ghế nếu sút sổ thì nên nệm lại, buộc lại cho chặt chẽ. Đồng thời phải đập giũ gối nệm rồi lấy nước rưới lên sàn nhà, lau quét sạch sẽ. Nếu cái giá móc y bằng gỗ thì nên dùng vật gì lau cho sạch. Nếu nó bằng tre, trơn tru thì nên dùng tay mà chùi, nên xem nếu nó vững chắc thì nên treo bát lên trên. Nếu chỉ ở lại có nửa đêm thì cũng phải làm các việc như thế xong rồi mới đi.

Nếu khách Tỳ-kheo không bảo quản như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

BỐN PHẬN CỦA CỤU TỖ-KHEO

Khi Phật an trú tại Tinh xá Kỳ hoàn nơi thành Xá-vệ, vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đức Như Lai đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần; cho đến, vị Tỳ-kheo ấy nói: “Bạch Thế Tôn! Đó là vị khách Tỳ-kheo bày biện ra chứ chẳng phải con, cụu Tỳ-kheo.” Phật dạy: “Từ nay về sau, cụu Tỳ-kheo phải biết các việc như sau: Cụu Tỳ-kheo không được thấy giường chõng bỏ lổn ngổn chỗ này chỗ kia bị mối mọt ăn mà cứ để yên như vậy. Nếu thấy bỏ ngổn ngang nơi này nơi kia thì phải đem chất đóng lại một chỗ. Nếu thấy bị mối mọt ăn thì phải dùng vật gì kê dưới chân cho chắc. Phép của cụu Tỳ-kheo là không được chon ở căn phòng tốt, còn giường nệm mền gối bị hư rách, bụi bặm thì đợi khách Tỳ-kheo đến tự lo liệu sửa chữa lấy, mà chính mình phải tu bổ, sửa chữa cho tốt rồi đợi khách Tỳ-kheo.

Cựu Tỳ-kheo phải biết các việc như thế. Nếu không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

BỐN PHẬN SỬA CHỮA VẬT DỤNG

Khi Phật an trú tại Tinh xá Kỳ hoàn, vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đức Như Lai đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần. Cho đến, Phật thấy thế, tuy biết nhưng vẫn hỏi một Tỳ-kheo:

Này Tỳ-kheo! Cái giường này ai trải ra vậy?

Bạch Thế Tôn! Đó là vị cựu Tỳ-kheo trải ra, còn con mới đến ở.

Từ nay về sau, khi thấy giường chõng trải ra, thì tất cả Tỳ-kheo đều phải biết như sau: Tất cả Tỳ-kheo không được để giường nệm bừa bãi chỗ này chỗ kia (504a) bị mưa nắng và mối mọt ăn hỏng. Nếu thấy bỏ rải rác trên đất thì phải đem chắt lại một chỗ. Nếu thấy bị mưa sa nắng tấp thì phải đem cất vào trong chỗ che khuất. Nếu bị mối ăn thì phải kê ở dưới chân. Nếu phòng ốc bị dột thì phải lợp lại. Nếu phòng được lợp bằng cỏ thì dùng cỏ giội lại, cho đến, nếu được phủ bằng đất, thì dùng đất đắp vào. Nếu bức vách bị nứt vỡ thì nên dùng đất tô trét lại. Nếu giường nệm mền gối dơ bẩn, rách nát thì không được để yên như vậy xem mà phải đem giặt giũ may vá lại. Nếu lông bông trong gối nệm lòi ra thì phải nhồi lại, ghế dây bị giãn thưa ra thì phải ken lại cho chặt. Khi đánh kiến chùy tập trung để sửa chữa giường nệm thì không được từ từ đi đến mà phải tập hợp nhanh chóng. Sau khi tập hợp, phải cùng nhau sửa chữa, người thì se dây, kẻ thì đan, buộc, phải hợp sức cùng làm. Nếu chia công việc, thì mỗi người nên tự đem về làm. Nếu đánh kiến chùy để tập trung sửa chữa giường nệm như vậy thì không được nói tôi là người ở A-luyện-nhã, tôi khát thực, tôi là đại đức, tôi là Thượng tọa không thể làm, ở trong đây, ai sử dụng thì phải tự sửa chữa lấy, mà tất cả đều phải tập trung, cùng nhau sửa chữa, người thì se dây, kẻ thì đan dệt, người thì sơn màu. Tất cả Tỳ-kheo đều phải tập hợp cùng nhau sửa chữa như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

VẤN ĐỀ ĐẠI TIỆN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, các Tỳ-kheo đi đại tiện khắp nơi, bị người đời chê trách rằng: “Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như bò, như lừa, đi đại tiện không có chỗ nhất định?”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Từ nay về sau nên làm nhà vệ sinh. Nhà vệ sinh không nên làm hướng Đông, hướng Bắc mà nên làm ở hướng Tây, hướng Nam, chỗ có gió thoáng. Cách làm là: hoặc đào hầm, hoặc làm trên bờ cao. Nếu dưới đáy hầm có mạch nước thì trước hết phải bảo tịnh nhân lấp kín, rồi Tỳ-kheo mới làm. Nếu ở dưới bờ cao có dòng nước chảy, thì đặt một tấm ván, để khi đi cầu phân rơi xuống tấm ván trước rồi mới rơi xuống nước sau. Nên làm hai lỗ, ba lỗ, chiều rộng của lỗ cầu một khuỷu tay, chiều dài một khuỷu tay rưỡi. Trong nhà cầu nên ngăn cách ra, để hai người ngồi hai bên không thấy nhau. Ở bên cạnh nhà cầu để một thanh tre, trong nhà cầu nên để một cái giá treo áo.”

Bấy giờ có một Tỳ-kheo đã ngồi trước trên cầu rồi, sau đó có một Tỳ-kheo khác, vì bắt đi cầu gấp liền vào trong cầu, định đi cầu ngay chỗ vị Tỳ-kheo trước đang đi. Tỳ-kheo ấy bèn kêu lên: “Trưởng lão chớ làm bẩn tôi.”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Từ nay về sau, cần phải biết phép đi cầu như sau: Không được để cho đau bụng quá gấp rồi mới đi cầu, mà khi mới bắt đi cầu thì nên đi liền. Khi tới đó, không được làm thỉnh bước vào mà nên khảy móng tay. Nếu bên trong cầu có người cũng phải gảy móng tay đáp lại. Nếu bị đau bụng quá gấp, thì nên ngồi chầu đít lại với người ngồi trước mà cùng đi. (504b) Khi chưa đến cầu, không được vén y phục trước mà đi, nên ngồi trên cầu rồi, vừa vén, vừa đi cầu. Không được mang ngọa cụ của Tăng vào cầu tiêu. Khi ngồi vào cầu không được xĩa răng, trùm đầu, che vai áo bên phải, mà nên trật vai áo, cũng không được đọc Kinh, thiền định, quán bất tịnh và ngồi ngủ, khiến làm trở ngại người khác. Khi

đứng dậy, không được xắn y quá cao đứng dậy, mà phải vừa đứng dậy, vừa buông y xuống.”

Lại nữa, lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo dùng thẻ tre làm vật chùi dít, khiến hậu môn bị thương tổn. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng thẻ tre, thẻ cây lau, thẻ gỗ và xương mà nên dùng vật mềm, vật tròn, đồng thời không được dùng xong rồi bỏ vào trong cầu, mà nên bỏ vào trong sọt đặt tại một chỗ. Nhưng nếu hầm cầu sâu ở trên bờ cao thì bỏ xuống đó không có tội. Khi đại, tiểu tiện và khạc nhổ nên nhắm ngay giữa lỗ, không được làm bắn hai bên mép. Nếu người trước làm bắn thì nên dùng thẻ gỗ gạt bỏ cho sạch. Không được đi đại, tiểu tiện xong không dùng nước rửa sạch mà sử dụng tọa cụ, giường nệm của Tăng chúng. Bên cầu nên đặt một thùng nước; nếu hầm cầu đào chỗ đất bằng thì không được đổ nước chảy xuống hầm cầu; nếu cầu làm ở bờ sông thì được dùng. Nên dùng gỗ, đá, ngói làm nắp thùng. Tỳ-kheo trẻ nên theo thứ tự đổ nước cho đầy thùng và phải súc thùng thường xuyên. Nếu nắp bằng ván thì không được để ngoài nắng khiến nó bị hư. Nếu nắp bằng sành, đá thì được để ngoài nắng. Bên cạnh cầu tiêu nên để tro, giẻ lau. Nếu trong thùng nước có sinh trùng thì không được nói: “Trong này có sinh trùng”, mà nên bỏ một nắm cỏ ở trên để kẻ khác biết là trong nước có trùng. Không được dùng nhiều nước mà phải dùng có chừng mực. Nếu thùng nước hết nên báo người phụ trách biết, để sai người đổ vào cho đầy, hoặc tự mình đổ vào, ít nhất là một ca đủ cho một người sử dụng. Nếu bộ phận dưới bị bệnh trĩ thì không được rửa mà nên dùng vật mềm để lau, hoặc là vải, hoặc lá cây. Nếu không có nhà vệ sinh thì nên lau ở phía sau phòng. Nếu ngồi đại tiện nơi triền núi thì không được xia răng và trùm đầu, trùm vai mà nên trật vai áo. Nếu bắt đi cầu vào ban đêm thì nên dùng chậu, âu đựng rồi đem đổ. Nếu không có đồ đựng thì nên đi cầu chỗ đường nước chảy rồi sáng sớm dọn sạch. Nếu đang ở tại nhà suối, giảng đường mà muốn đi cầu thì phải ra ngoài. Nếu bắt đi cầu quá gấp không

thể đi kịp thì phải đi cầu tại một chỗ, chứ không được làm như bò vừa đi vừa phóng uế, rồi sáng sớm dọn dẹp, dùng nước rửa sạch, dùng dầu để lau, ít nhất là dùng giẻ lau mà lau. Khi đang nhiều tháp mà thấy đau bụng thì nên đi cầu. Nếu quá bức bách thì nên đi tại một chỗ, chứ không được vừa đi vừa phóng uế dơ bẩn cả chân như loài bò. Khi đi xong phải dọn dẹp, lấy nước rửa, rắc bột hương, rồi lau chùi. Nếu tại A-luyện-nhã không có bột hương thì nên dùng dầu mà lau.

Khi muốn vào thôn xóm (504c) nên đại tiện trước rồi mới đi. Khi vào thôn xóm rồi mà bắt đi cầu thì nên đến cầu tiêu dành cho đàn ông, không nên vào cầu tiêu của phụ nữ. Nếu không có thì nên hỏi người ta nơi nào có thể đi cầu được. Khi hỏi, không nên hỏi những cô gái trẻ, vì khi nghe vậy họ sẽ cười, mà nên hỏi người lớn tuổi đứng đắn. Nếu cũng không có thì nên vào những ngôi nhà trống. Khi vào rồi, không được ngồi ở chỗ quá trống trải, cũng không nên ngồi chỗ quá kín đáo khiến người ta nghi mình là kẻ trộm. Nếu cũng không có ngôi nhà trống thì nên đi cầu ở bên bờ tường nơi mé đường. Nếu có bạn thì bảo họ ngồi châu lưng lại để che khuất.

Nếu khi đi đường cùng với khách buôn mà muốn đại tiện thì nên đi ở mé đường cuối hướng gió, đừng đi ở đầu gió khiến mùi hôi bay đến người khác. Nếu ban đêm muốn đi cầu thì không được lặng thinh mà đi, mà phải nói cho khách buôn biết, để họ không nghi mình là kẻ trộm, đồng thời cũng phải đại tiện ở dưới hướng gió, chứ không được đại tiện ở trên hướng gió.

Khi đi thuyền với khách buôn mà muốn đi cầu thì nên đến chỗ đại tiện mà đi, đồng thời nên dùng một miếng gỗ gạt xuống để cho phân rơi trên miếng ván trước rồi mới rơi xuống nước sau. Nếu không có miếng gỗ thì ít nhất đi trên nùi cỏ; nếu cũng không có nùi cỏ, thì nên dùng cái bô đựng rồi đem đổ.

Nếu thấy phân uế nơi tháp, nơi Tăng viện thì nên dọn sạch. Nếu hai người cùng đi mà thấy thế, thì Hạ tọa nên dọn dẹp. Nếu Hạ

tọa giữ giới lỏng lẻo thì bản thân mình phải dọn. Nếu bị trúng độc mà thầy thuốc bảo phải uống nước phân, thì không nên uống nước phân của chính mình mà nên dùng nước phân của kẻ khác.

Tỳ-kheo phải biết các phép vệ sinh kể trên. Nếu không biết những việc như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

VẤN ĐỀ TIỂU TIỆN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo tiểu tiện khắp nơi, bị người đời chê trách rằng: “Vi sao Sa-môn Thích tử mà giống như bò, lừa tiểu tiện khắp nơi? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!” Cho đến, Phật dạy: “Từ nay về sau nên làm chỗ đi tiểu. Cách làm như sau: Không được làm ở hướng Bắc, hướng Đông mà nên làm ở hướng Tây, hướng Nam, chỗ thoáng gió.”

Lúc ấy có Tỳ-kheo đi tiểu, rồi Tỳ-kheo khác cũng đến đó để tiểu. Vị Tỳ-kheo trước nói: “Trưởng lão chớ làm bẩn tôi.”

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Từ nay về sau, phép tiểu tiện phải biết như sau: Không được để cho bức bách rồi mới đi mà khi muốn đi tiểu thì phải đi liền. Trước khi vào cầu tiểu phải khảy móng tay; nếu trong đó đã có người thì cũng phải khảy móng tay đáp lại. Nếu quá gấp thì nên đứng quay lưng với người trước, và người trước nên nhường chỗ cho nhau. Khi tiểu tiện không được trùm đầu, che vai và xỉa răng, mà nên vén áo bên phải mà tiểu. Lúc đang tiểu không được thiên định, ngủ, tụng kinh và quán bất tịnh làm trở ngại người đi sau. Khi tiểu xong phải ra ngay. (505a) Nếu không có chỗ tiểu tiện thì nên dùng cái bình để đựng; trên bình nên để một cái âu có lỗ thông dưới đáy, tiểu tiện vào trong cái âu đó rồi mở nút cho chảy vào trong bình. Nếu không có âu thì nên dùng cái muống để rót vào bình. Không được đại tiện và khạc nhổ vào trong bình. Tỳ-

kheo trẻ phải theo thứ tự đổ cái bình ấy. Khi đổ, phải đổ ở chỗ khuất, không được đổ trên thượng lưu của tháp, viện. Sau khi đổ phải dùng nước rửa sạch rồi úp xuống đất. Nếu không có bình thì mỗi người nên tìm đồ đựng riêng. Nếu đồ đựng bằng đất thì khi rửa xong đem úp xuống đất. Nếu đồ đựng bằng gỗ thì khi đổ xong nên để trong mát cho khỏi bị hư; đồng thời nên buộc dây mà xách. Ban đêm nên đem nó đặt dưới giường. Nếu không có đồ chứa thì (ban đêm) nên đi tiểu ở chỗ rãnh nước. Nhưng rãnh nước đó không được chảy về hướng tháp, phòng suối và giảng đường.

Khi muốn đi tiểu thì nên đi ngay. Nếu cấp bách quá không đi kịp, thì nên tiểu tiện tại một chỗ. Khi tiểu xong, dùng nước rửa, dầu bôi, rồi lau chùi sạch.

Nếu đang nhiều tháp mà bắt đi tiểu thì phải đi ngay. Nếu cấp bách quá, cũng không được vừa đi, vừa tiểu mà nên tiểu tại một chỗ. Khi tiểu xong, dùng nước rửa rồi bôi hương thơm. Nếu ở nơi hoang vắng không có hương thơm, thì nên dùng dầu bôi lên.

Nếu muốn đi vào thôn xóm thì nên tiểu tiện trước rồi mới đi. Khi đang ở nơi thôn xóm mà muốn tiểu tiện thì nên tiểu tiện ở chỗ khuất. Nếu cấp bách quá không đến chỗ khuất kịp thì hướng vào bờ tường mà tiểu. Nếu có đồng bạn thì nên bảo họ xoay lưng lại để che mình.

Nếu đi đường với khách buôn mà muốn tiểu tiện thì nên đi ở hướng cuối gió, không được đi ở đầu gió. Nếu nghỉ lại ban đêm, khi đi tiểu tiện cũng phải đi ở hướng cuối gió. Lúc muốn đi phải nói cho họ biết, để họ khỏi ngờ mình là kẻ trộm.

Nếu đi thuyền thì nên đến chỗ tiểu tiện mà tiểu. Nếu không có chỗ đi tiểu thì nên tiểu vào trong đồ đựng rồi đem đổ.

Tỳ-kheo bệnh, nếu thầy thuốc bảo phải uống nước tiểu thì không được lấy nước tiểu lúc đầu và lúc cuối mà nên lấy nước tiểu ở khoảng giữa, hoặc lấy nước tiểu của chính mình, hoặc xin nước tiểu của người khác mà uống.

Phép tiểu tiện phải làm như trên; nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

VẤN ĐỀ TẮM XỈA RĂNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo dùng cây xỉa răng chưa chuốt vót, bị người đời chê bai rằng: “Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như kẻ hung ác, cầm nguyên cả cành cây mà xỉa răng?” Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng cây xỉa răng.”

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhân dịp đại hội, đức Thế Tôn thuyết pháp, thì có Tỳ-kheo hôi miệng nên ngồi ở phía cuối hướng gió. Phật tuy biết nhưng vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Tỳ-kheo nào mà ngồi riêng một chỗ như người có điều chi oán hận vậy?

Bạch Thế Tôn! Vì Thế Tôn chế giới không cho phép xỉa răng, vị này bị hôi miệng sợ ảnh hưởng (505b) đến các bậc phạm hạnh nên phải ngồi ở cuối gió.

Ta cho phép dùng tăm xỉa răng nhưng phải ước lượng mà dùng, dài nhất là 16 lóng tay.

Lại nữa, lúc ấy có đàn việt trồng cây tại nơi hoang vắng, rồi Tỳ-kheo nhổ cây ấy làm cây xỉa răng. Chủ nhân thấy thế lòng không vui bèn đi đến chỗ Phật trình bày việc ấy lên Thế Tôn. Phật tùy thuận thuyết pháp khiến tâm ông ta hoan hỷ, rồi ông lễ Phật mà cáo lui. Đoạn Phật bảo gọi vị Tỳ-kheo kia đến. Khi thấy tới rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao ông dùng cây có hoa trái làm tắm xỉa răng? Từ nay về sau, Ta không cho phép ông dùng cây có hoa trái làm tắm xỉa răng. Hơn nữa, khi xỉa răng không được ở tại phòng sưởi, giảng đường, phòng ăn và ở trước chư Tăng, trước Hòa thượng, A-xà-lê, trước tháp, trước tượng. Khi xỉa cũng không được trùm đầu, che vai mà phải vén áo phải, ở tại chỗ khuất. Nếu ở phòng Tăng thì nên dùng ve, hộp mà đựng tắm. Khi tắm xỉa rồi không được bỏ lại vào trong hộp, không được vứt nơi chùa, tháp và nơi thường đi lại. Khi nạo lưỡi không được làm như kẻ dâm dật. Nạo xong, phải rửa cây nạo rồi cất vào một chỗ. Nếu cây xỉa răng khó tìm, thì khi xỉa xong, cắt bỏ chỗ đã xỉa, đem rửa rồi cất để ngày mai dùng lại.

Lại nữa, bấy giờ có một Tỳ-kheo đang xỉa cây tắm đã cùn, trông thấy đức Thế Tôn đi đến, vì lòng kính trọng nên thấy nuốt khúc tắm vào, khiến khúc tắm mắc nơi cổ, làm cho thấy ảo não. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng cây xỉa răng quá cùn; dài nhất là 16 lóng tay, và ngắn nhất là 4 lóng tay trở lên. Khi xỉa nên ở nơi vắng vẻ, rửa tay sạch rồi mới xỉa răng. Khi xỉa xong, đem rửa cây tắm rồi mới vứt. Khi dùng không được làm như bọn phóng đãng, vì xỉa răng là để trừ bỏ hôi miệng mà thôi. Khi xỉa răng không được nuốt nước xỉa răng, nhưng nếu lỡ nuốt phải thì không có tội.

Khi Tỳ-kheo bị bệnh nếu thấy thuốc bảo phải nuốt nước xỉa răng (nước nhấm cây tắm) mới lành bệnh thì nên vâng lời mà nuốt. Nếu không có cây xỉa răng thì nên dùng tro, muối, đất, gạch, gừng, đá, cỏ, cây làm cho sạch miệng rồi mới ăn.

Nếu tại nơi chùa, tháp, thấy có tắm xỉa răng thì nên lượm vứt đi. Nếu cả hai người cùng thấy, thì người nhỏ nên lượm vứt. Nếu thấy Hạ tọa giữ giới lơ mơ thì tự mình nên lượm vứt đi. Phép dùng tắm xỉa răng phải như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

Kệ tóm tắt:

“Trái giường, cuối tháng Xuân,
An cư, sắp chỗ ngồi.
Tỳ-kheo khách và cụu,
Tất cả đều như vậy.
Cầu tiêu, đại tiểu tiện
Dùng tăm, hết phẩm hai.”

*

VẤN ĐỀ VÁ Y

(505c) Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đức Như Lai đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần, trông thấy vị Tỳ-kheo đang trải y trên đất để vá, Phật liền dạy: “Từ nay trở đi nên sắm chiếu. Cách làm chiếu là dùng tre, sậy dài chừng 10 khuỷu tay, bề ngang chừng 6 khuỷu tay mà làm. Khi muốn vá y thì nên đem chiếu trải ở giảng đường hoặc phòng sưởi, phòng ngồi thiền, rồi xỏ y ra trên đó mà vá, đồng thời phải rửa chân rồi mới ngồi. Nếu không rửa chân thì phải xếp chân lại mà ngồi lên trên, đừng để bàn chân chạm vào chiếu. Không được phơi ngũ cốc, phơi y, nhuộm y trên chiếu; cũng không được để cho nắng tấp, mưa sa, hoặc chim muông làm dơ bẩn chiếu. Khi vá y xong phải cuốn lại đem cất vào chỗ che khuất. Nếu không có chiếu thì nên vá y trên giường. Nếu cũng không có giường, thì nên dùng khăn lau sạch phòng sưởi, giảng đường, rồi đem y ra vá. Khi vá y phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

VẤN ĐỀ NGĂN CHỖ NẪM

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo ngồi thiền xong trở về, đập nhằm bàn chân lạnh của thầy vào người khác khiến

vị Tỳ-kheo ấy cảm thấy giạt mình, không an. Do thế, các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy: “Từ nay về sau nên dùng vật gì để ngăn chỗ nằm ra. Phương pháp làm bằng cách dùng tre, nứa, lau dựng đứng bốn góc rồi dùng dây buộc lại. Khi ngồi thiền trở về thì mở ra, lúc vào trong rồi thì đóng lại. Ban ngày nên mở ra, không nên đóng lại, còn ban đêm thì nên buông xuống. Phương pháp ngăn chỗ nằm phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

VẤN ĐỀ LAU PHÒNG

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, vì năm việc lợi ích nên đức Thế Tôn cứ năm hôm đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần, trông thấy phòng ốc bị dột nát mà không sửa chữa, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo: “Phòng này của ai mà để dột nát như thế này? Từ nay về sau, việc phòng ốc phải xử trí như thế này: Không được thấy phòng ốc bị dột nát mà không sửa chữa. Nếu phòng được lợp bằng cỏ thì dùng cỏ giội lại, cho đến nếu được phủ bằng đất thì dùng đất đắp lên. Đồng thời nên thường thường quét mạng nhện và bụi bặm, nên lấp bằng những chỗ lồi lõm, dùng đất bịt kín các hang chuột, và mỗi nửa tháng nên dùng giẻ lau nhà một lần. Nếu nền nhà khô thì nên tắm khăn lau cho ướt để lau; còn nền nhà ướt thì chỉ nên lau bằng khăn khô. Nếu nền nhà được sơn xanh thì nên dùng vật gì bọc chân giường lại đồng thời không được đốt đèn, đi kinh hành hay bỏ giày dép trên đó, cũng không được khắc nhổ mà nên dùng ống nhổ để đựng. Nếu ngôi nhà giữa thì được rửa chân, rửa tay, rửa mặt hoặc rửa bát tại đó. Nếu ngôi nhà dưới thì được đốt đèn, đi kinh hành, rửa tay, chân, rửa mặt và rửa bát tại đó. Về vấn đề phòng ốc phải sử dụng như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

VẤN ĐỀ KHẠC NHỎ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đức Thế Tôn đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần, (506a) thấy trên các bức tường của phòng ốc, giảng đường có những bãi nước miếng chảy nhiều xuống đất, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo: “Kẻ nào nhỏ nước miếng bắn thủ như thế này? Từ nay về sau, khi khạc nhổ phải làm thế này: Bức tường có được tô hay không tô đều không được nhổ trên đó. Nếu dưới nền nhà không tô thì được nhổ tại một chỗ rồi dùng bàn chân chà đi chứ không được nhổ lung tung dơ bẩn. Nơi nền nhà nên đặt một ống nhỏ, trong ống nhỏ nên bỏ cát hoặc tro, dưới ống nhỏ kê một hòn đá cứng, thỉnh thoảng phải đem đổ, dùng để hôi thối, trùng sinh, nên dùng nước trong rửa sạch rồi úp xuống cho khô. Không được vứt tăm xỉa răng vào trong đó. Ở trong khuôn viên chùa, khi muốn nhổ thì nhổ xong phải dùng gót giày chà đi. Nếu nền nhà có lót thảm thì nên dùng ống nhỏ. Nếu đang ăn mà muốn nhổ thì không được nhổ toẹt xuống đất khiến cho Tỳ-kheo ngồi bên cạnh nhòm góm, mà nên nhổ ở giữa hai chân mình, rồi dùng gót chân chà đi. Nếu đàm ra liên tục nhiều quá thì nên ra ngoài nhổ xong rồi vào ngồi lại. Nếu đang ở trước Hòa thượng, A-xà-lê mà muốn nhổ, thì nên đến chỗ kín đáo mà nhổ. Nếu đang ở nơi thôn xóm mà muốn khạc nhổ, thì nên nhổ ở cạnh chân mình, rồi dùng chân chà đi. Nếu chỗ đó là đất bùn (mịn) thì nhổ xuống đó không có tội. Nếu thấy những bãi nước bọt ở nơi tháp, nơi tăng viện thì nên dùng chân chà đi. Nếu hai người cùng thấy một lúc, thì người nhỏ hơn nên làm. Nếu người nhỏ giữ giới hời hợt thì tự mình nên chà. Tỳ-kheo khi khạc nhổ phải biết như thế. Nếu ai không biết như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

VẤN ĐỀ SỬ DỤNG BÁT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có vị Tỳ-kheo để cái bát tại chỗ lỗ trống, bị cơn gió lốc thổi làm rơi xuống đất vỡ bể, đến lúc

nghe tiếng bảng đánh báo hiệu dùng cháo, thầy đi lấy bát thì than ôi chỉ còn một đồng mẻ sành. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi thầy Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay trở đi, vấn đề bát phải biết như sau: Không được đem bát để ở chỗ lỗ hổng, bên cạnh bờ, chỗ nguy hiểm; không được để ở chỗ cánh cửa mở và nơi thường đi lại; không được dùng tro chùi bát khiến nó phai màu, mà nên dùng nước lá cây, nếu không có cát thì nên dùng khăn mà lau. Khi rửa, không được ngồi ở triền bờ, chỗ nguy hiểm, trên tảng đá, trên đồng gạch. Không được ngồi dưới cây đa-la, dưới cây Ca-tì-đà, dưới cây na-lê. Rửa bát nên ngồi chồm hóm, hoặc quì gối cách đất chừng một gang tay. Nên rửa bát Hòa thượng, A-xà-lê trước rồi mới rửa bát mình sau. Không được đem nước thừa trong bát của mình đổ vào bát của Hòa thượng, A-xà-lê mà nên dùng nước thừa trong bát của Hòa thượng, A-xà-lê để rửa bát mình. Khi bát khô, dọn cất thì cũng phải dọn bát của Hòa thượng, A-xà-lê trước. (506b) Khi cất bát vào túi xách phải cất bát của Hòa thượng, A-xà-lê trước. Đồng thời nên ngồi chồm hóm, lấy cái đai túi xỏ qua cánh tay, đặt trên đầu gối, rồi cất bát vào, đoạn, đem để trên giường hoặc trên ghế. Túi đựng bát nên may hai hay ba lớp. Khi muốn treo bát nên lay cây trụ xem có vững chắc hay không rồi mới treo. Nếu không có chỗ treo thì nên để bát trên giường, nếu nơi ấy có rổ đựng rau che chở thì được để, hoặc có sóng bát thì được để, nhưng đừng để chúng úp ngược lại nhau. Sóng bát nên làm vành. Không được lấy bát trong bóng tối; không được lấy bát khi tay bẩn, mà phải rửa tay sạch rồi mới lấy. Khi lấy bát, một tay cầm hai cái, một tay cầm một cái, không được cầm tới bốn cái. Khi trao bát không được đưa đột ngột mà nên hỏi: “Thầy lấy bát chưa?”, nếu đáp: “Lấy”, thì mới đặt bát xuống. Không được đem bát đựng những vật ô uế cũng không được dùng

đựng nước để cạo đầu, rửa tay chân, rửa mặt, hay dùng trong nhà tắm và dùng múc nước rửa tiểu tiện. Phải giữ gìn bát như giữ gìn đôi mắt. Nếu không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

VẤN ĐỀ DÙNG CHÁO

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo chề bai cháo, nếu thấy cháo lỏng liền nói: “Đây không phải là cháo mà là sông Diêu-phù-na.” Nếu thấy cháo đặc, liền nói: “Đây không phải là cháo mà là cơm cứng làm gãy răng người ta.”

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay trở đi, vấn đề cháo nên biết như thế này: Khi nghe tiếng bồng đánh báo hiệu ăn cháo thì phải biết đó là cháo đãi cho hai bộ Tăng hay cho một bộ Tăng, hay cho thầy trò quyến thuộc. Khi biết rồi thì nên đi, đến nơi rồi thì không được nhìn vào hình thức để khen chê đặc lỏng mà có sao thì nhận vậy; cũng không được lấy vượt thứ tự của mình. Khi lấy không được trùm đầu, trùm vai, mang giày dép mà nên cởi giày, vén vai áo bên phải để lấy. Nếu người đưa cháo đi qua nhanh thì ít nhất nên tháo gót giày để lấy. Nếu không kịp tháo giày thì đợi họ đi trở lại rồi lấy, hoặc nhờ người khác lấy. Nếu ngồi thì lấy theo thứ tự. Nếu thấy cháo lỏng thì không được nói: “Trong quá, giống như sông Diêu-phù-na, thấy cả bóng trăng.” Nếu thấy cháo đặc thì không được nói: “Đây là cơm cứng, làm gãy răng người ta”, mà hễ cho sao thì nên nhận vậy. Vấn đề cháo nên xử trí như vậy. Nếu ai không làm như vậy, thì vượt pháp oai nghi.

*

OAI NGHI KHI ĐỨNG

Khi Phật an trú tại vườn trúc Ca-lan-đà nơi thành Vương-xá, lúc ấy có một Tỳ-kheo đang ngồi thiền trong hang đá Đế-thích bên triền núi, rồi một Tỳ-kheo khác đến đứng trước cửa hang (506c) khiến cho tâm vị Tỳ-kheo ngồi thiền không được định. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

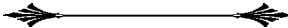
Từ nay trở đi khi đứng phải làm như sau: Không được đứng trước vị Tỳ-kheo đang ngồi thiền; không được đứng trước chúng Tăng; không được đứng trước chỗ mọi người đang ngồi; không được đứng trước Hòa thượng, A-xà-lê và các trưởng lão Tỳ-kheo; cũng không được mang giày, đeo đai, trùm đầu hoặc buông thông hai tay đứng bên cạnh các ngài. Nhưng nếu bị bệnh thì không có tội, không được đứng trước dâm nữ, trước kẻ đánh bạc, trước quán rượu, trước kẻ đồ tể, trước nhà lao và trước kẻ sát nhân. Không được đứng chỗ che khuất kín đáo. Vấn đề đứng phải biết xử trí như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

Hết quyển thứ ba mươi bốn

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 35

PHÉP TẮC UY NGH

(tiếp theo)

CÁCH THỨC ĐI KINH HÀNH

Khi Phật an trú tại vườn trúc Ca-lan-đà nơi thành Vương-xá, lúc ấy có một Tỳ-kheo mang guốc gỗ đi kinh hành trước một Tỳ-kheo khác đang ngồi thiền, khiến Tỳ-kheo này tâm không được định. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay trở đi phải đi kinh hành như sau: Không được đi kinh hành trước Tỳ-kheo đang ngồi thiền, trước chúng Tăng, trước đồ chúng, trước Hòa thượng, A-xà-lê và trước Tỳ-kheo trưởng lão. Nhưng nếu có bệnh uống sữa, thuốc xổ thì được đi kinh hành trước họ. Khi đi không được quay lưng mà nên quay mặt, quay tay phải về phía họ. Nếu cùng đi kinh hành với Hòa thượng, A-xà-lê thì không được đi trước, không được đi ngang hàng mà phải đi sau. Khi trở về, không được đi trước mà phải đi sau, hướng mặt và tay phải về phía các ngài. Không được đi kinh hành trước dâm nữ, trước kẻ đánh bạc, trước quán rượu, trước lò mổ thịt, (507a) trước tù nhân, trước kẻ giết người. Không được đi kinh hành những nơi

âm u, mà nên đi kinh hành những nơi không âm u, không trống trải quá. Phép đi kinh hành phải như thế. Nếu không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

CÁCH THỨC NGÔI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo ngồi theo thế ngồi của lạc đà. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ tới rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau không được ngồi theo kiểu lạc đà mà nên ngồi kiết già. Nếu ngồi lâu mỗi mệt thì nên duỗi từng chân một ra để thư giãn, chứ không được duỗi cả hai chân cùng một lúc, hoặc là đứng dậy đi kinh hành. Khi ngồi trong phòng thiền không được trùm đầu, nhưng nếu vì già bệnh thì được trùm một nửa đầu và một bên tai. Nếu ở nơi vắng vẻ, dưới gốc cây thì trùm đầu không có tội. Khi ở trước Hòa thượng, A-xà-lê, Thượng tọa, Tỳ-kheo trưởng lão đang ngồi hoặc đứng thì mình không được ngồi. Không được ngồi trước dân nữ cho đến ngồi nơi âm u mà nên ngồi những nơi không âm u, không trống trải quá. Tỳ-kheo nên ngồi như vậy. Nếu ai không ngồi như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

CÁCH THỨC NẪM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo nằm sắp, nằm ngửa, nằm nghiêng bên trái. Các Tỳ-kheo bèn đem việc

ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo. Khi họ tới rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, phải nằm như thế này: Không được nằm như ngựa quỳ, không nằm như a-tu-la, không được nằm như kẻ tham dục. Nếu nằm ngửa tức là nằm như a-tu-la, nằm sấp là nằm như ngựa quỳ, nằm nghiêng bên trái là nằm như kẻ tham dục. Tỳ-kheo phải nằm như sư tử vua của loài thú, quay đầu về hướng mình. Khi duỗi chân tay không được duỗi về phía bên trái mà nên duỗi về phía bên phải, đầu hướng về phía giá y. Không được hướng chân về phía Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo trưởng lão. Đầu đêm không được kêu lên: “Mỏi mệt quá”, rồi nằm, mà phải tư duy chân chánh về đạo nghiệp của mình, đến lúc nửa đêm mới nằm. Khi nằm nên nằm nghiêng về bên phải như sư tử chúa, đặt chồng hai chân lên nhau, ngậm miệng lại, đặt lưỡi trên nóc họng, gối đầu lên tay phải, tay trái để dọc theo thân mình, không bỏ niệm tưởng tư duy hành đạo. Không được ngủ cho tới lúc mặt trời mọc mà đến cuối đêm nên thức dậy ngồi tư duy về đạo nghiệp của mình. Nếu trong đêm ngủ say không trở mình thì không có tội. Nếu vì già yếu hay bên phải có mụn nhọt nên không nằm nghiêng về bên phải được thì không có tội. Cách thức nằm của Tỳ-kheo phải như thế. Nếu ai không nằm như thế thì vượt pháp oai nghi. (507b) Kệ tóm tắt:

“Vá y, rèm ngăn cách,
 Phòng xá và khạc nhổ,
 Sóng bát, cháo, đi, đứng,
 Ngồi, nằm, phần thứ ba.”

*

CÁCH CƯ XỬ GIỮA CỰU VÀ KHÁCH TỖ-KHEO

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo đóng cổng Tinh xá, ngồi nói chuyện phiếm. Khách Tỳ-kheo đến gõ cửa, gọi mà họ không nghe. Khách Tỳ-kheo bèn leo tường vào. Cựu Tỳ-kheo liền hỏi khách Tỳ-kheo:

Trưởng lão đi vào từ lối nào vậy?

Leo tường vào.

Vì sao thầy lại leo tường vào?

Thế thì vì sao các vị đóng cửa, tôi gọi mà không trả lời?

Do vậy, hai đảng cãi nhau, rồi họ cùng nhau đi đến bạch với Thế Tôn. Phật liền dạy: “Từ nay về sau không được đóng cổng ngồi nói chuyện phiếm, cũng không được leo tường mà vào. Khách và cựu Tỳ-kheo nên xử sự như sau: Khách Tỳ-kheo khi ra đi phải đem theo chìa khóa cửa, dây lọc nước, ống đựng kim, trong đoàn lữ hành có một người đem theo thì tất cả không có tội. Trái lại, nếu không có ai đem theo cả thì mọi người đều có tội. Trên đường đi, nếu có người bệnh thì phải thay họ gánh giúp y bát, không được bỏ đi trước mà phải giúp đỡ nhau cùng đi. Nếu người bệnh không thể đi được thì nên thuê mướn xe cộ chở đi. Nếu ở giữa đường có chỗ ẩm thấp thì người trẻ nên đi trước. Nếu sợ quân giặc, cọp, sói thì nên để người già ở giữa. Nếu muốn cho quân giặc sinh từ tâm thì nên để người già đi trước. Khi đi ngang qua xóm làng, nếu thấy có chùa tháp thì nên đi theo con đường mòn, không được đi theo con đường tắt ngang qua bên trái, bên phải. Nếu muốn nghỉ lại thì trước hết nên sai hai Tỳ-kheo trẻ đi vào thôn xóm xin chỗ tạm trú, xin nước giải khát, dầu thoa chân, bữa ăn trước, bữa ăn sau. Khi ra đi các Tỳ-kheo ấy phải buộc lại đai y, bạch về việc mình đi vào thôn xóm phi thời. Khi đã xin được chỗ trú phải trở về báo lại rằng: “Đã xin được chỗ trú.” Nếu có ao nước, giếng nước thì nên tắm rửa, buộc lại đai y, thưa hỏi lẫn nhau rồi mới vào. Nếu muốn uống nước đường phèn thì nên uống ở ngoài thôn

xóm, đừng để người ta trông thấy, họ sẽ nghi ngờ người xuất gia mà ăn phi thời. Không được gồng gánh đi vào mà nên chia y vật ra cùng cầm đi vào. Nếu được người ta tuyên bố rằng: “Tùy ý mà an trú”, thì người đi sau không bạch, vào không có tội. Khi vào không được đi con đường khác. Nhưng nếu con đường trước bị trở ngại thì đi con đường khác không có tội. Nếu trong xóm làng có Tinh xá thì nên đến đó trú. Nếu tại A-luyện-nhã có ao nước, giếng nước thì cũng nên tắm rửa rồi mới vào. Không được gồng gánh cổng kênh mà nên chia y vật giày dép, tháo đòn gánh cùng nhau cầm đi. Nếu thấy có chùa tháp thì nên đi vòng bên phải, không được nói năng lớn tiếng khi đi vào. (507c) Nếu thấy Tỳ-kheo quen biết từ trước thì không được la lên: “Ôi chao, thầy vẫn còn ở đây ư? Thầy sống nơi đây rồi chết nơi đây, mà không rời khỏi thức ăn của dã can này.”

Cụu Tỳ-kheo cũng không được nói: “Ôi chao, giống như tù nhân vừa thoát khỏi gông cùm, đã 4, 5 năm rồi chúng ta không gặp nhau.”

Khách Tỳ-kheo cũng không được hỏi: “Thầy bao nhiêu tuổi? Tôi phải ở phòng này”, cũng không được hỏi: “Ngày mai ai làm bữa ăn trước, bữa ăn sau? Có thức ăn gì ngon không?”

Cụu Tỳ-kheo không được đóng cổng ngồi nói chuyện. Nếu muốn tô tường ở sau nhà hay làm các việc khác thì nên sai người làm vườn, Sadi hay Duy na giữ cửa. Nếu cửa đóng thì khách Tỳ-kheo không được leo tường vào mà nên cầm chìa khóa mở cửa vào. Nếu đã gọi mở cửa vào rồi thì cụu Tỳ-kheo nên hỏi: “Thầy bao nhiêu tuổi?” Nên đáp: “Tôi chừng ấy tuổi.” Cụu Tỳ-kheo nên nói: “Nếu chừng ấy tuổi thì được giường nệm như vậy.”

Thế rồi, khách Tỳ-kheo nên hỏi chỗ đại tiểu tiện, không nên để đến khi bức bách rồi mới hỏi. Tiếp đến nên hỏi xem chúng Tăng có những hạn chế gì. Cụu Tỳ-kheo nên trình bày tất cả những hạn chế của chúng tăng như: “Nhà mổ giáp kia Tăng đã làm Yết-ma

phú bát chớ nên đến. Nhà mổ giáp có chó dữ. Nhà mổ giáp không có niềm tin.”

Khách Tỳ-kheo sáng thức dậy không nên đi khát thực liền mà nên hỏi xem trú xứ ấy có bữa ăn trước, bữa ăn sau hay không, Cựu Tỳ-kheo nên nói: “Trưởng lão chớ đi khát thực, khát thực vất vả, hoặc không vừa ý, ở đây có bữa ăn trước, bữa ăn sau.” Nếu thấy bạn mình muốn ra đi thì không nên nói: “Trưởng lão, những người khách buôn đã đi rồi, đi theo vẫn còn kịp”, mà nên nói: “Trưởng lão hãy nghỉ lại ít lâu rồi sẽ có bạn.” Nếu bạn có việc gấp phải ra đi thì nên cung cấp lương thực, chúc bạn lên đường.

Khách Tỳ-kheo, cựu Tỳ-kheo phải xử sự như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.



VẤN ĐỀ RỬA CHÂN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo vừa rửa chân vừa nói chuyện thể tục và dùng nước đùa giỡn. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Từ nay trở đi, khi rửa chân nên làm như Xá-lợi-phất.”

Khi Phật an trú tại vườn Trúc Ca-lan-đà nơi thành Vương-xá, lúc ấy Xá-lợi-phất khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khát thực, oai nghi tề chỉnh, đi đứng nghiêm trang, nhìn ngó đoan chính, co duỗi cúi ngửa mặc y cầm bát, gìn giữ các căn tâm không tán loạn, giống như tướng trạng của người đã được diệp pháp nhiệm mầu. Có một người Bà-la-môn thấy thế thảm nhủ: “Ông sa môn Thích tử này ở nơi nhân gian hiện ra tướng giữ gìn oai nghi, nhưng khi đến nơi vắng vẻ ắt hẳn sẽ không giữ phép tắc. Ta sẽ theo dõi, nếu thấy ông ta phóng túng, ta sẽ dùng tay tát vào đầu.” (508a) Nghĩ thế rồi, y bèn đi theo tôn giả.

Khi ấy, Xá-lợi-phất ở trong thôn xóm cũng như nơi hoang vắng đều không thay đổi oai nghi. Lúc về lại trú xứ, thầy liền cầm bát cất một chỗ, đập giũ y Tăng-già-lê xếp lại cất vào chỗ cũ, sắp đặt giường ghế, cầm tấm ván rửa chân đặt bên cạnh lu nước, đến ngồi tại đó. Đoạn, thầy lấy đôi dép đập giũ, đặt xuống đất. Tiếp đến, lấy khăn lau ống chân, cầm đôi dép lót cái đế vào, rồi dùng khăn lau qua. Tiếp theo, nhúng nước cái khăn, cầm một chiếc dép lau từ mũi, thân rồi đến gót, đoạn lau chiếc thứ hai cũng thế. Thế rồi, lau lại chiếc thứ nhất ở phần đế phía trước, rồi phần đế phía sau, tiếp theo lau chiếc thứ hai cũng tuần tự như vậy. Kế đến, thầy giặt cái khăn, vắt ráo nước rồi đem phơi. Tiếp đến, thầy rửa tay, dùng tay phải xối nước, lấy tay trái rửa ống chân trái, rồi rửa ống chân phải, kế đến rửa đôi bàn chân. Ông Bà-la-môn thấy vậy sinh tâm hoan hỷ thầm nhủ: “Tồn giả sạch sẽ như vậy, thứ nước còn thừa kia dùng để uống cũng được nữa, phép thờ nước sạch của Bà-la-môn chúng ta không thể sánh kịp.” Lúc ấy, Xá-lợi-phất nhân thấy Bà-la-môn phát tâm hoan hỷ, liền thuyết pháp cho ông nghe, khiến ông được pháp nhãn thanh tịnh.

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn, ông Bà-la-môn này rất là hiền thiện, nhân thấy Xá-lợi-phất rửa chân có oai nghi thanh tịnh mà phát tâm hoan hỷ đến như thế.”

Phật liền dạy: “Không những ngày nay ông sinh tâm hoan hỷ mà trong thời quá khứ cũng đã từng có như thế, như trong kinh Bốn Sinh đã nói rõ. Con ông trưởng giả thuở ấy thì nay là Xá-lợi-phất, còn tên giặc lúc ấy thì nay là ông Bà-la-môn. Lúc bấy giờ, chư Thiên thấy vậy liền đọc kệ:

“Thanh khiết oai nghi đẹp,
 Nhân đó được lợi ích,
 Như nước trong ảnh hiện.
 Học oai nghi tối thắng,
 Kẻ mang tâm ác đến,
 Thấy rồi sinh hoan hỷ.

Nếu không học oai nghi,
Kẻ ác đã sát hại.”

Khi Tỳ-kheo từ thôn xóm trở về phải cởi y mặc vào thôn xóm đập giũ, xếp lại rồi cất vào chỗ cũ, mặc y làm vườn, sắp giường ghế, trải tấm ván rửa chân, múc nước đổ đầy lu, tới ngôi tại đó, dùng khăn lau bụi đất trên chân. Kế đến, cầm đôi dép đặt cái lót đế vào, lấy khăn lau qua, rồi nhúng nước cái khăn lau từng chiếc một từ mũi, thân cho đến đế giày, đoạn lau chiếc thứ hai cũng thế. Tiếp đến, lau lại chiếc thứ nhất ở phần chân đế phía trước rồi phần chân đế phía sau, đoạn lau chiếc thứ hai cũng như vậy. Kế đến, giặt khăn vắt ráo nước rồi đem phơi chớ để bụi dính và côn trùng gặm nhấm, rồi mới rửa tay. (508b) Nếu lu nước ở phía bên phải thì nên rửa ống chân trái trước rồi rửa ống chân phải sau. Không được dùng cái tay bưng nước kỳ cọ dưới chân mà nên dùng một tay xối nước, một tay kỳ cọ. Nếu có hai người thì một người xối nước, một người rửa. Không được dùng nước nhiều hao phí mà nên trừ tính dùng vừa đủ. Không được trùm đầu, trùm vai phải mà nên trật vai áo khi ngồi. Khi rửa chân, không được ngồi thiền, ngồi ngủ, không được quán bất tịnh và tụng kinh. Khi rửa xong nên dời đi để khỏi trở ngại người khác. Nhưng nếu mình là người sau cùng thì có thể tụng kinh không có tội. Nếu thấy hết nước thì không được làm thỉnh để yên như vậy mà phải báo cho người lo việc múc nước đổ nước đầy vào. Nếu không thể làm được như vậy thì ít nhất tự mình cũng đổ vào chùng một ca nước cho đủ một người dùng. Phép tắc rửa chân phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo rửa chân, chân còn ướt mà họ mang dép vào khiến cho màu của dép thấm vào chân, làm cho giường nệm của chúng Tăng bị dơ bẩn. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ tới rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay trở đi, khi rửa chân phải làm như sau: Phải để đôi dép dựng đứng rồi chờ cho chân khô mới mang vào. Nếu có đồng người chờ đợi thì dùng tay vuốt nước, lấy khăn lau khô rồi mới mang dép. Không được dùng chân ướt dẫm lên nền nhà của Tăng khô ráo sạch sẽ mà phải làm cho chân khô rồi mới đi vào. Nếu chỗ rửa chân chỉ có một người thì không cần lau chân mà nên chờ cho chân khô rồi mới mang dép và phải giữ gìn bụi đất. Nếu vì gấp gáp muốn ngồi thiền, tụng kinh, kinh hành thì có thể dùng khăn lau lau sạch bụi đất mà đi. Phép tắc rửa chân phải làm như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP TẮC DÙNG NƯỚC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo lấy nước mà Tăng dùng để làm phép rửa chân, tay, mặt và bát, sau khi dùng xong bèn lấy dây ràng lại trên miệng, niêm phong, rồi vào thôn xóm khát thực. Sau đó, khách Tỳ-kheo đến, thấy vậy nổi giận trách móc: “Vì sao lại đóng cửa nhà chứa nước niêm phong rồi bỏ đi?”

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: “Từ nay trở đi, vào tháng xuân nên bố trí nước như sau: Nếu là lu lớn, lu nhỏ thì nên lấy vật gì sạch sẽ phủ lên miệng, rồi dùng gạch, đá hoặc gỗ đè lên trên, bên trong để cái ca múc nước, trong nước nên bỏ các thứ hoa như ba-đa-lê, chiêm-ba, tu-ma-na, (508c) đại loại các thứ hoa như thế để nước có mùi thơm. Có các loại nước nổi tiếng như ở ấp Ba-liên-phất có nước Thâu-nô, ở thành Vương-xá có nước Ôn tuyên, thành Ba-la-nại có nước ao chỗ Phật đi kinh hành, ở nước Chiêm-bà có nước sông Hằng, ở thành Xá-vệ có nước Thạch-mật, ở nước Sa-kỳ có nước Huyền-chú, ở nước Tăng-già-thi có nước Thạch-mật, ở nước Ma-thâu-la có nước Diêm-phù-na, đại loại các thứ nước như thế không được

dùng để rửa chân, tay, mặt và bát. Nếu người bệnh cần nước thì nên cho một bát đầy. Nếu khi ăn muốn rót nước thì trước hết nên dùng nước sạch rửa tay, rửa chén rồi mới rót. Người nhận nước nên giữ tay trái cho sạch khi lấy nước, nếu tay phải phải rửa, hoặc dùng lá lót dưới chén, hoặc dùng lá chùi sạch bản rồi mới lấy. Khi uống, không được chạm môi vào chén nước, không được để cho mép chén chạm vào trán mà phải để đứng môi khi uống, hơn nữa, không được uống hết mà nên chừa một ít nước súc miệng rồi nhổ đi. Người rót nước phải khéo giữ chén nước cho sạch. Nếu thấy chén nước đã bị chạm môi, đụng trán vào thì nên để một chỗ rồi lấy cỏ làm dấu để người khác biết là chén nước không sạch. Nếu có thể dùng nước rửa sạch thì nên làm. Nếu rót nước uống phi thời thì người rót nước trước hết phải rửa tay, rửa chén sạch rồi mới rót. Đồng thời người nhận nước cũng phải rửa tay sạch để nhận. Nếu tay không sạch thì nên dùng lá hoặc chéo y sạch lót dưới chén để nhận như trên đã nói, cho đến súc miệng rồi nhổ ra. Nếu uống nước trong phòng tắm thì nên dùng lá lót dưới chén kê môi dựng đứng mà uống, ngoài ra như trên đã nói. Nếu uống nước trong phòng thiền mà dưới nền nhà có lót thảm thì nên dùng cái mâm bưng nước. Nếu hai người ngồi cách nhau thì một người bưng chén, một người rót nước, ngoài ra như trên đã nói. Các loại nước có tiếng mà như trên đã kể không được dùng để rửa chân, tay, mặt và bát, cũng không được uống thừa rồi đem đổ. Nếu khi làm các việc về y bát cần đến nước thì có thể mượn dùng tạm rồi trả lại. Nếu nước cho dùng thả ga thì tùy ý dùng không có tội. Khi dùng nước phải theo cách thức đó. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP TẮC TẮM

Khi Phật an trú tại vườn xoài của đồng tử Kỳ-vức nơi thành Vương-xá, lúc ấy đồng tử Kỳ-Vức đi đến chỗ Phật, cúi đầu, đánh

lễ dưới chân, đứng hầu một bên bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo tắm nước nóng, vì tắm nước nóng có thể trừ được bệnh nhiễm lạnh và sống an lạc.”

Phật dạy: “Vâng, Ta cho phép các Tỳ-kheo tắm nước nóng.”

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Ngài cho phép các Tỳ-kheo tắm nước nóng, rồi đến giờ tắm, nghe tiếng bả đánh, nhóm sáu Tỳ-kheo liền đi vào trước trong phòng tắm, lập tức chất củi đốt lửa, đóng cửa lại, đứng đợi cho mồ hôi ra. Các (509a) Tỳ-kheo ở bên ngoài gọi mở cửa thì họ không chịu mở mà nói: “Các trưởng lão hãy đợi đốt lửa đã.” Thế rồi, họ dùng hết sạch củi đốt và nước rồi mới mở cửa, gọi: “Các trưởng lão có thể vào được rồi.”

Khi các Tỳ-kheo vào xong, họ bèn đóng cửa bên ngoài lại. Các Tỳ-kheo bị nóng bức, gọi mở cửa, thì họ đáp: “Này các trưởng lão, hãy đứng cho ra mồ hôi thì có thể trừ được bệnh ghẻ chốc.” Thế rồi, họ ở ngoài dùng hết lu nước, bèn úp lu xuống đất, đoạn mở cửa, nói: “Các trưởng lão có thể ra được rồi.”

Khi các Tỳ-kheo ra rồi bị nóng bức tìm nước, thì họ bảo: “Này các trưởng lão, hãy dùng ít ít nước như Thế Tôn đã dạy”, cho đến: “Nước cũng phải dùng một cách tiết kiệm.”

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: “Cách làm nhà tắm và cách tắm phải áp dụng như sau: Nhà tắm nên làm vuông hoặc tròn, đặt cửa và cửa sổ thông gió. Lỗ thông gió nên làm bên trong rộng, bên ngoài hẹp, làm một hay hai cái, để khai thông đường khí. Trong phòng, nên dùng gạch, đá lót ở dưới rồi đặt ông táo lên trên. Ông táo phải kê ở dưới rộng, ở trên hẹp, cách đất chừng nửa khuỷu tay, thông đường khí, bên cạnh để một cái gắp lửa. Nếu đặt ông táo ở bên phải thì trở cánh cửa ở bên trái. Nếu đặt ông táo ở bên trái, thì trở cánh cửa ở bên phải, đồng thời nên làm một cái chốt cửa ngăn để dễ đóng mở. Ở trước nên làm cái nhà để áo, đặt móc áo để móc áo. Khi muốn tắm, trước hết nên bảo người làm vườn quét dọn bụi bặm, màn

nhện trong phòng, dùng nước rưới trên mặt đất, quét cho sạch, đem củi than, nồi nấu nước, để trước vào trong đó rồi mới đánh bâng. Cũng không được đốt lửa sớm quá khiến cháy hết rồi mới đánh bâng. Khi nghe tiếng bâng đánh, nên phân biệt xem đó là hiệu lệnh tắm tất cả Tăng chúng hay chỉ dành cho đồ chúng, hoặc dành cho phòng riêng, tùy theo trường hợp mà đi. Nếu tất cả đều tắm thì nên lần lượt mà đi; và khi đến nơi, mỗi người nên dùng đai lưng buộc áo làm dấu, rồi móc vào giá áo. Khi đi vào không được đánh đàng xa hai tay mà đi, mà nên dùng một tay che phía trước mà vào. Một người vào thì một người đi ra. Khi người sau vào thì người trước phải nhường chỗ. Không được băng ngang qua các vật dụng hay qua mặt các Tỳ-kheo trưởng lão, mà phải vào từ từ. Nếu Hòa thượng, A-xà-lê đang ở trong thì không được đứng đợi ở ngoài, hỏi: “Chùng nào ra?”, mà nên cỡi y vào kỳ cọ cho các ngài. Nếu muốn kỳ cọ cho người khác thì nên bạch với Hòa thượng, A-xà-lê; nhưng nếu trước đó đã bạch rồi, thì không có tội. Nếu trường hợp bếp lửa cháy mạnh thì nên để người trẻ ở gần bếp lửa. Nếu lửa yếu thì nên để người già ở gần. Phải dùng nước từ từ, không được làm văng bắn người ở gần đó. Nếu được đệ tử kỳ cọ, thì không đưa cả hai tay lên một lúc, mà trước hết nên kỳ cọ một tay còn một tay che đàng trước. Xong rồi mới kỳ cọ tay thứ hai. Khi đổ nước vào lu tắm xong rồi, nên đóng cửa lại (509b) mà ngồi cho thân ra mồ hôi. Khi rót dầu thì nên dùng chén đong hoặc là dùng tay đo lường mức độ; dùng bột tắm cũng như vậy. Nếu đàn việt nói: “Cho dùng thả cửa”, thì cũng phải trừ tính mà dùng nước. Nếu trong lu đã chia mức độ dùng cho từng người, thì nên dùng ngang mức độ đã quy định, không được dùng thâm phần người khác. Nếu được quy định mỗi người phải tự xách nước mà dùng, thì ai có nước được vào, ai không có nước, không được vào. Nếu có đệ tử nói: “Hòa thượng, A-xà-lê cứ vào, để con xách nước cho”, thì cũng phải trừ tính mà dùng. Nếu Ưu-bà-tắc hay người làm vườn nói: “Thầy cứ vào, để con múc nước cho”, tuy vậy, cũng phải dùng một cách tiết kiệm. Nếu chỗ tắm ở gần hồ nước thì được dùng thả cửa, không có tội. Không được

tắm lỏa thể ở chỗ trống, nhưng nếu nước ngập đến rún, đến nách thì được tắm, không có tội; hoặc ngồi tắm mà nước ngang rún thì cũng được tắm. Khi ra khỏi phòng tắm, thì mặc áo mới, sửa soạn chỉnh tề, rồi cầm đồ cũ mà trở về. Khi tắm xong, nếu muốn đi liền thì phải bảo người làm vườn dẹp cát thùng tắm. Nếu Tỳ-kheo đến sau nói: “Trưởng lão cứ đi đi, để con dẹp cát cho”, thì hãy đi. Người tắm sau cùng phải thu dọn và dùng vật gì đập tắt lửa.

Khi tắm phải áp dụng như thế. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP DÙNG VẬT DỤNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, đức Thế Tôn cứ năm hôm đi thị sát phòng ốc các Tỳ-kheo một lần; trông thấy các vật dụng bỏ bừa bãi đó đây dưới nhà bếp, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo: “Đây là vật dụng của ai mà bỏ ngổn ngang thế này?” Cuối cùng, Phật dạy: “Từ nay về sau không được bỏ các vật dụng lung tung như thế. Thấy tri sự hay thầy trực nguyệt khi thấy các vật dụng bỏ bừa bãi thì phải bảo người làm vườn hoặc Sa-di thu dọn. Nếu thấy tri sự hay thầy trực nguyệt không để ý đến thì ai thấy như vậy phải bảo tịnh nhân thu dọn. Nếu là nồi niêu, xoong chảo bằng đồng, thiếc thì nên bảo tịnh nhân đem rửa sạch, dùng bùn trét lên trên, rồi úp trên nền nhà bếp. Nếu nồi, niêu, xoong bằng đất thì cũng làm như vậy. Khi úp chúng xuống đất rồi, nên dùng gạch, ngói đàng lên trên. Nếu thùng, gáo bằng gỗ thì cũng phải rửa sạch rồi đem cất. Nếu là chiếu đan thì phải đem phơi nắng rồi treo lên cất. Nếu là nong, nia, giần, sàng bằng tre cũng phải đem treo lên cất dùng để mối mọt gặm nhấm. Cái rá đựng cơm, cái thìa xới cơm cũng phải rửa sạch rồi treo cất. Cái rây và đũa lọc nước cũng phải treo cất dùng để côn trùng cắn phá. Chày giã thuốc và cối không được dùng xong rồi vất dưới đất mà phải

đem rửa sạch rồi cất lại chỗ cũ. Không được trông thấy nhà bếp, nhà kho bị dột nát mà không sửa chữa. Nếu nó được lợp bằng cỏ thì dùng cỏ giội lại, cho đến nếu nó được tô bằng đất thì dùng đất tô lại. Nếu nó bị nứt nẻ, vỡ bể thì phải sửa chữa lại. Đồng thời phải thường quét dọn sạch sẽ. Nếu đem củi vào trong nhà bếp để đốt thì phải chất cho gọn gàng tại một chỗ. Thùng nấu thuốc nhuộm và thau dùng nhuộm đồ không được dùng rồi vất bừa bãi mà phải rửa sạch, đem cất vào chỗ cũ. (509c) Cái thùng giặt y bằng gỗ khi dùng xong cũng phải đem rửa sạch rồi cất lại chỗ cũ. Dây phơi y cũng không được dùng rồi bỏ bừa bãi trên đất mà phải quấn lại đem cất vào chỗ cũ. Rìu, búa, cửa, đục, mai, xẻng, thang gỗ, những thứ này đều là vật dụng của Tăng 4 phương, khi dùng rồi phải thu dọn đem cất vào chỗ cũ, để cho người sau khi cần lấy dùng dễ dàng không phải tìm kiếm vất vả. Nếu ai cần dùng thì nên đưa cho họ. Nếu hai người cùng đòi một lúc thì nên đưa cho Thượng tọa trước. Nếu Thượng tọa dùng lâu, còn người trẻ dùng ít, thì nên đưa cho người trẻ trước. Nếu hai người đều dùng ít thì nên đưa cho Thượng tọa trước.

Phép dùng vật dụng phải như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP SỬ DỤNG Y

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có nhiều Tỳ-kheo ở chung một phòng. Bấy giờ có một Tỳ-kheo lấy y của mình trên giá, lôi y của người khác rơi xuống đất. Các Tỳ-kheo khác ban đêm dậy đi đại, tiểu, dẫm lên y ấy. Người chủ y khi tìm y không thấy, chung cục lại tìm được y dưới đất. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Từ nay trở đi, vấn đề y phải xử sự như sau: Nếu nhiều người cùng ở chung một phòng thì y của ai người ấy phải tự xếp lấy, rồi lấy lá để làm dấu bên trong. Nếu

móc y trên giá thì phải lấy dây lưng buộc lại; không được đem y của Hòa thượng, y của A-xà-lê gói y của mình, mà phải dùng y của mình gói y của Hòa thượng, A-xà-lê. Nếu mùa Xuân nhiều bụi bặm thì phải dùng y của mình tú lên trên y của Hòa thượng, A-xà-lê. Nếu vào mùa Hạ đất ẩm ướt, thì nên lấy y của mình lót dưới y của Hòa thượng, A-xà-lê. Không được để cho trong phòng có bụi bặm mà phải thường thường rưới nước rồi lau sàn nhà. Không được dùng y lót trong tay để cầm ống nhổ, bô đựng đại tiểu tiện, giày dép, cũng không được dùng y để đựng rác rưởi hoặc giẻ lau. Nếu y bị dơ bẩn thì nên đem giặt, nhuộm lại. Phải xem y như da thịt của mình.

Phép sử dụng y phải làm như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

Kệ tóm tắt:

“Khách và cật Tỳ-kheo,
Rửa chân cùng lau chân.
Nước sạch và nước uống,
Phòng sưởi cùng tắm rửa.
Nhà bếp và y phục,
Kết thúc phần thứ tư.”

*

CÁCH XỬ SỰ GIỮA TỖ-KHEO Ở A-LUYỆN-NHÃ VÀ Ở THÔN XÓM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bảy giờ, Tỳ-kheo ở thôn xóm và Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã cùng thọ trai chung một chỗ. Lúc ấy, các Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã thường đứng giờ đến trai đường, thì các Tỳ-kheo ở thôn xóm bỗng nhiên đánh bảng sớm rồi ăn trước. Các Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã khi đứng giờ đi đến, liền hỏi các Tỳ-kheo ở thôn xóm:

Đã đánh bảng chưa?

Đã ăn xong rồi.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã (510a) bèn trở về. Ngày hôm sau, họ liền đến sớm, lấy hết đồ ăn rồi mang đi. Các Tỳ-kheo ở thôn xóm đến đòi đồ ăn, thì tịnh nhân nói: “Các Tỳ-kheo a-luyện-nhã đã đem đi hết rồi.”

Các Tỳ-kheo ở thôn xóm bèn hỏi các Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã: “Các trưởng lão vì sao lại đến sớm rồi mang thức ăn đi hết?”

Các Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã nói: “Thế thì vì sao các vị lại dậy sớm đánh bảng rồi ăn hết mà không đợi chúng tôi.”

Hay đàng tranh cãi nhau, rồi cùng dẫn đến chỗ Phật, trình bày đầy đủ sự việc kể trên với Thế Tôn. Phật liền dạy: “Từ nay trở đi, Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã và Tỳ-kheo ở thôn xóm phải xử sự như sau: “Nếu Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã và Tỳ-kheo ở thôn xóm cùng thọ trai một chỗ thì Tỳ-kheo ở thôn xóm không được dậy sớm đánh bảng báo tin bữa ăn trước, bữa ăn sau và bữa ăn được mời mà phải đợi Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã. Và Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã cũng không được nói: “Ta từ từ đến, họ sẽ phải đợi ta” mà phải đến trước, hoặc là nhờ người nhận phần, hoặc dọn để dành chỗ. Đồng thời Tỳ-kheo ở thôn xóm nên hỏi xem Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã đã đến chưa. Nếu có người lấy phần giúp hay chừa chỗ thì hãy chỉ cho họ biết. Nếu Ưu-bà-tắc mời Tăng thì Tỳ-kheo ở thôn xóm nên nói với Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã: “Trưởng lão ngày mai hãy đến sớm, có mõ giáp mời bữa ăn trước, bữa ăn sau, dùng khát thực chỗ khác.” Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã nghe vậy, ngày mai nên đến sớm. Khi tới rồi, nếu đồ ăn chưa chín thì không nên ngồi đợi mà nên lễ tháp, tụng kinh, vấn đạo. Tỳ-kheo ở thôn xóm nên đổ nước vào trong nồi trước, chụm lửa, đợi Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã đến rồi mới bỏ gạo vào. Nếu trường hợp Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã vì bị nạn quỷ, nạn nước lửa, hoặc nạn giặc không đến được mà phải bỏ gạo, hoặc khi thức ăn đã chín đàn việt muốn đánh bảng, thì nên khuyên: “Này

lão trượng, mặt trời vẫn còn sớm, nên đợi Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã đến đã.” Nếu mặt trời gần đúng bóng thì nên đánh bảng. Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã nên dùng bóng cây hay tường vách làm dấu mức thời gian để biết mặt trời sớm hay muộn mà đi đến. Giả sử các Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã chưa đến kịp, thì phải để dành chỗ ngồi. Nếu bữa ăn được nấu tại a-luyện-nhã cũng phải làm như vậy.

Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã không được khinh Tỳ-kheo ở thôn xóm rồi nói rằng: “Các vị chắc là có đầu lười sắc bén, nhưng thiếu chất lượng nên mới ở nơi đó”, mà nên tán thán: “Các vị ở nơi thôn xóm thuyết pháp giáo hóa, vì pháp mà che chở, bảo vệ cho chúng tôi.”

Các Tỳ-kheo ở thôn xóm cũng không được khinh thường Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã rồi nói: “Các vị ở a-luyện-nhã có ý hy vọng danh lợi, hươu nai cầm thú cũng ở a-luyện-nhã. Các vị ở a-luyện-nhã từ sớm đến chiều chỉ lo đếm năm, đếm tháng mà thôi”, mà nên tán thán: “Các vị xa rời thôn xóm ở a-luyện-nhã nhân tính tư duy về đạo nghiệp cao quý. Đó quả thực là nơi rất khó sống (510b) mà các vị có thể ở đó để lắng đọng tâm tư.”

Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã và Tỳ-kheo ở thôn xóm đều phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP XỬ SỰ GIỮA KHÁCH VÀ CỰU TỖ-KHEO

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các cựu Tỳ-kheo đang cãi lộn với nhau thì có khách Tỳ-kheo đi đến, ôm chân đánh lễ. Mấy hôm sau, thấy trở lại, đánh lễ lần nữa, thì cựu Tỳ-kheo hỏi:

Thầy đến mấy ngày rồi?

Độ 4, 5 ngày.

Thầy tới đã chùng ấy ngày mà sao không đến gặp tôi?

Tôi đã tham kiến và đánh lễ rồi, nhưng vì trưởng lão mắc cãi lộn nên không trông thấy tôi.

Vì sao thầy thấy tôi đang cãi lộn mà lại đánh lễ?

Vậy thì tại sao thầy lo cãi lộn mà không thấy tôi đánh lễ?

Thế rồi hai người cãi nhau rồi cùng dẫn đến chỗ Phật. Cuối cùng Phật dạy: “Từ nay trở đi nên đánh lễ và thưa hỏi như sau: Khi người ấy đang tranh cãi, đang nói chuyện thì không được đánh lễ, mà chỉ nên cúi đầu tỏ sự cung kính. Nếu người ấy hết cãi thì nên đánh lễ. Khi vị ấy đang làm nhà, tô tường thì không nên đánh lễ. Cũng vậy, khi vị ấy đang làm các việc như: đun bát, giặt y, nấu nước nhuộm để nhuộm y, vá y, tắm rửa, thoa dầu vào mình, rửa chân tay, rửa mặt, rửa bát, lễ tháp, đang ngâm cơm, nhỏ thuốc vào mắt, đọc kinh, tụng kinh, chép kinh, đi kinh hành, đang xuống gác, lên gác, đang đại tiện, lúc không mặc y, lúc chỉ mặc có quần đùi, đều không nên đánh lễ. Hoặc lúc đang ở trong bóng tối thì không nên đánh lễ. Lúc dạy kinh không nên đánh lễ. Lúc mặc quần cụt, lúc đang mặc y, lúc đang đi gấp, đều không nên đánh lễ. Khi đánh lễ không được trùm đầu, choàng kín vai phải, mang giày dép. Không được đánh lễ nơi đầu gối, ống chân, gót chân, mà phải ôm lấy bàn chân mà đánh lễ. Nếu trên chân vị ấy có mụn nhọt thì phải bảo vệ chớ có chạm đến. Người thọ lễ không được làm thình như dê câm, mà phải hỏi han. Khi hỏi, không nên hỏi như thế này: “Ở nơi nào có nhiều thức ăn uống ngon?” mà nên hỏi: “Thầy có ít bệnh, ít phiền não, được an lạc không? Đi đường không vất vả đấy chứ?”

Còn khách Tỳ-kheo thì nên hỏi: “Ai là vị Thượng tọa của chúng Tăng? Ai là đệ nhị, đệ tam Thượng tọa?” Rồi nên đánh lễ dưới chân.

Cựu Tỳ-kheo nên hỏi: “Trưởng lão bao nhiêu tuổi?” Nếu khách Tỳ-kheo còn nhỏ thì nên đưa ghế bảo ngồi. Nếu có khả năng thì nên cung cấp bữa ăn trước, bữa ăn sau, dầu thoa chân, nước uống phi thời.

Khách Tỳ-kheo và cựu Tỳ-kheo phải xử sự như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP TẮC NÓI NĂNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo gọi nhau theo cách của người thế tục như: cha, mẹ, anh, em. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến (510c) bạch lên Thế Tôn. Phật liền hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay trở đi, khi nói chuyện nên gọi như sau: Khi nói chuyện với cha, không được gọi là ông, cha, ông lão, mà nên gọi là Bà-lộ-ê-đa. Khi nói chuyện với mẹ, không được gọi là mẹ, bà, mà nên gọi là Bà-lộ-ê-đế. Khi nói chuyện với anh không được gọi là anh mà nên gọi là Bà-lộ-ê-đa. Khi nói chuyện với chị không được gọi là chị mà nên gọi là Bà-lộ-ê-đế. Khi nói chuyện với Hòa thượng, không được gọi là Bạt-đàn-đế, mà nên gọi là Ưu-ba-thượng. Khi nói chuyện với A-xà-lê (thầy) không được gọi là Bạt-đàn-đế, mà nên gọi là A-xà-lê. Nếu có nhiều A-xà-lê thì nên gọi là A-xà-lê mỗ giáp. Khi nói chuyện với Hạ tọa thì được gọi tên, gọi là Cự-đế, gọi là tuế. Khi nói chuyện với Thượng tọa thì nên gọi là Bạt-đàn-đế, hoặc là Tuệ mạng, hoặc là A-xà-lê. Khi có người gọi thì không được hỏi trống trống: “Nói gì đó? Việc gì đó?” Nếu Hòa thượng gọi thì nên đáp: “Dạ.” Nếu A-xà-lê gọi thì nên đáp: “Dạ.” Nếu Thượng tọa gọi cũng nên đáp: “Dạ.” Nếu người trẻ gọi thì nên hỏi: “Vì sao mà gọi?” Nếu mẹ hay đàn ông gọi thì nên hỏi: “Vì sao mà gọi?” Khi có người hỏi: “Hòa thượng, A-xà-lê của ông tên gì?”, thì không được nói thẳng tên của Hòa thượng, A-xà-lê, mà nên nói nghĩa, nói rằng vì nhân duyên như vậy mà có tên là mỗ giáp.

Khi nói năng phải vận dụng như thế, nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP TẮC VÀO TRONG CHÚNG SÁT-LỢI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, chúng Sát-lợi tập hợp để bàn luận, thì Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà bèn đến ngồi trước tại hội trường. Do đó, bọn họ chê trách rằng: “Hôm nay chúng ta tập hợp để bàn luận mà ông Sa-môn này làm phương hại đến việc nghị luận của chúng ta.”

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật liền dạy: “Từ nay trở đi, khi đi vào trong chúng Sát-lợi phải xử sự như sau: Nếu có lý do thì mới đến, và trước khi đến nên nói rõ lý do mà mình cần đến với người lớn nhất trong chúng ấy. Nếu họ nói rằng có thể đến được, thì mình mới đến. Khi đến, không được cầm dù, lọng, giày, dép. Khi vào rồi nên cởi các thứ ấy để một chỗ. Không được hỏi: “Nam tử có vui không?” Nếu họ chỉ chỗ ngồi thì nên ngồi. Không được chê bai về đấu pháp quân trận. Nếu thấy họ bắn giỏi, không được khen ngợi, mà nên nói: “Dòng dõi Sát-lợi là vọng tộc. Đức Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến Tri thường sinh vào hai gia đình này: Nhà Sát-lợi và Bà-la-môn. Có hai loại bánh xe: Bánh xe pháp và bánh xe quyền lực. Các người xuất gia (511a) nhờ sự bảo vệ của bánh xe quyền lực mà được yên ổn.” Nếu có việc gì cần bàn luận, thì nói xong liền ra về.

Phép tắc đi vào trong chúng Sát-lợi phải như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP TẮC VÀO TRONG CHÚNG BÀ-LA-MÔN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy chúng Bà-la-môn đang tập hợp thì Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến ngồi trước tại nơi đó. Các Bà-la-môn bèn trách cứ: “Chúng ta có việc phải bàn luận mà vị Sa-môn này đến phá hỏng công việc của chúng ta.” Thế rồi, Phật dạy: “Từ nay trở đi, khi vào trong chúng Bà-la-môn phải xử sự như sau: Nếu có duyên sự muốn đi đến đó, thì trước hết nên trình bày lý do mình muốn đến với người lãnh đạo trong bọn họ. Nếu họ đồng ý thì mình mới đi đến. Lúc sắp đến nơi, nên xếp dù lọng, cởi giày dép, không được thấy họ rồi mới cởi. Cũng không được mượn ô dù, giày dép mang đi đến. Không được hỏi: “Nam tử có vui không?” Không được khen chê đền thờ trời của họ. Không được chê bai với hình tượng cụ thể rằng: “Chúng tộc Bà-la-môn do ngã mạn nên phải sinh vào trong sáu loài: hoặc gà, heo, chó, dã can, lạc đà, địa ngục”, mà nên nói: “Đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri thường sinh vào trong hai gia tộc: hoặc gia tộc Sát-lợi, hoặc gia tộc Bà-la-môn.” Nếu có điều chi bàn luận thì khi nói xong nên ra về.

Phép tắc vào trong chúng của Bà-la-môn nên làm như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.



PHÉP TẮC VÀO TRONG CHÚNG CƯ SĨ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, cho đến Phật dạy: “Từ nay trở đi, khi có nhân duyên thì mới nên đi đến chúng cư sĩ. Và khi họ chỉ chỗ cho mình ngồi rồi, không được nói: “Người rửa tay chân sạch sẽ, ngồi ở quán xá, dùng cân nhẹ, đầu non lửa gạt người ta, còn quá hơn bọn trộm cướp”, mà nên nói: “Có hai loại bánh xe: Bánh xe pháp và bánh xe thức ăn. Có bánh xe thức ăn mới vận chuyển được bánh xe pháp, như Thế Tôn đã nói với các Tỳ-kheo: “Bà-la-môn, cư sĩ cung cấp y thực, ngựa cưỡi, thuốc trị bệnh, làm lợi ích

rất nhiều, đó là việc khó làm.” Ta nhờ các người mà được tu phạm hạnh trong giáo pháp của đức Như Lai, vượt qua dòng sinh tử. Tất cả đều nhờ công ơn và lòng tin của các người.” Nếu có điều chi bàn luận thì nói xong rồi ra về.

Khi vào trong chúng cư sĩ nên làm như thế, nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP VÀO TRONG CHÚNG NGOẠI ĐẠO

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, cho đến Phật nói: “Khi vào trong chúng ngoại đạo nên xử sự như sau: Khi họ chỉ chỗ ngồi rồi thì nên ngồi. Không được khen chê kiến giải của họ. Cũng không được chê bai bằng hình ảnh cụ thể rằng: “Các người tà kiến, không có niềm tin, không biết hổ thẹn”, mà nên khen ngợi bằng những sự thật: “Các người có thể xuất gia, cởi mở trói buộc, vứt bỏ phục sức thế tục, ở nơi thanh vắng, suy nghĩ sâu xa, thật là một việc làm rất khó khăn.” Được ca ngợi tất cả các sự thật như vậy, nhưng không được (511b) nói những lỗi lầm của họ. Nếu muốn bàn luận điều gì thì nói xong rồi liền ra đi.

Phép tắc đi vào trong chúng ngoại đạo phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP TẮC NHẬP CHÚNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, cho đến Phật nói: “Từ nay trở đi, phép nhập chúng phải làm như sau: Nếu muốn luận bàn việc gì ở giữa Tăng thì lúc còn ở ngoài nên quyết đoán cho dứt khoát, không được vào trong Tăng rồi mới quyết đoán. Nếu sự việc khó khăn thì nên thưa với Hòa thượng, A-xà-lê. Nếu việc ấy không

cần Tăng quyết đoán thì nên khuyên họ chấm dứt. Nếu việc ấy cần phải thông qua Tăng, và người nêu vấn đề đáng tin cậy thì nên giải quyết cho hòa hợp, đúng pháp, đúng luật. Khi đã được Hòa thượng, A-xà-lê cho phép thì nên đến trước vị Thượng tọa của Tăng hỏi: “Con có việc muốn nói, Thượng tọa có cho phép không?” Thế rồi, Thượng tọa nên xem xét lời nói của người ấy.

Khi vào trong chúng không được mang giày dép, trùm đầu, che kín vai phải, mà nên cởi giày dép, trật vai áo mà vào.

Phép đi vào trong chúng phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

Kệ tóm tắt:

“A-luyện-nhã, thôn xóm,
Lễ dưới chân hỏi nhau.
Gọi nhau, dòng Sát-lợi,
Bà-la-môn, cư sĩ.
Ngoại đạo chúng hiền thánh,
Kết thúc phần thứ năm.”

*

PHÉP TẮC MẶC NỘI Y

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo cởi nội y mặc trong chùa rồi ở trần đi tìm nội y mặc đi vào thôn xóm. Sau khi từ trong thôn xóm trở ra, họ lại cởi nội y mặc vào thôn xóm, ở trần đi tìm nội y mặc ở tại chùa. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: “Phép mặc y phải làm như sau: Khi muốn vào thôn xóm, không được cởi nội y mặc ở trong chùa rồi ở trần đi tìm nội y mặc vào thôn xóm; cũng như không được cởi nội y mặc đi vào thôn xóm rồi ở trần đi tìm nội y mặc ở trong chùa; mà khi muốn vào thôn xóm, trước hết nên

lấy nội y mặc đi vào thôn xóm để gấn một bên. Cũng không được mặc y vào thôn xóm rồi ở bên dưới mới cởi nội y ở chùa ra, mà nên một bên mặc vào, một bên cởi ra. Khi ra khỏi thôn xóm, cởi nội y đi vào thôn xóm, mặc nội y ở chùa cũng làm như vậy. Phép mặc nội y phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.”

*

PHÉP MẶC Y

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo muốn vào thôn xóm bèn cởi y mặc trong chùa rồi mặc một nội y đi tìm y mặc đi vào thôn xóm. Khi ra khỏi thôn xóm, họ lại cởi y đi vào thôn xóm, rồi mặc một nội y đi tìm y mặc ở trong chùa. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến (511c) bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: “Từ nay trở đi, phép mặc y phải làm như sau: Không được cởi y mặc trong chùa rồi mặc một nội y đi tìm y mặc vào thôn xóm, mà trước hết nên lấy y mặc đi vào thôn xóm để gấn một bên, cởi y mặc trong chùa xếp lại ngay ngắn, cất vào chỗ cũ, rồi mới mặc y đi vào thôn xóm. Khi từ thôn xóm đi ra cũng phải lấy y mặc ở trong chùa để gấn một bên, đập giũ y đi vào thôn xóm, cất vào chỗ cũ, rồi mặc y ở trong chùa.

Phép mặc y phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP MẶC Y ĐI VÀO THÔN XÓM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Ưu-ba-nan-đà đi vào thôn xóm, kéo lê y mà đi, khiến bùn đất làm bẩn y, chỗ móc y bị rách, chỗ chắp lại bị lủng, đường đột đi qua nơi đường hẻm chật hẹp,

khiến đệ tử than phiền rằng: “Chúng ta giặt nhuộm may vá khổ sở mà thầy không biết thương tiếc gìn giữ.”

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: “Từ nay trở đi, khi vào thôn xóm phải mặc y như sau: Không được kéo lê y đi trong thôn xóm để cho lủng rách. Nếu vào mùa Xuân, khi còn ở cách xa thôn xóm, nên xếp y lại để trên vai mà đi. Lúc đến gần thôn xóm, nếu gặp hồ nước, đầm nước, nên rửa chân tay, mặc y, buộc lại rồi mới đi vào. Nếu không có nước thì nên dùng lá cây hoặc cỏ chùi đất bụi trên chân, mặc y rồi mới đi vào. Nếu vào mùa Đông thì nên mặc y mà đi. Nếu gặp voi, ngựa, xe cộ chạy nhanh, thì nên đi ở phía trên gió, kéo bụi bặm bám vào làm bẩn y. Nếu bị vướng gai làm rách thì không được kéo lê y rách mà đi. Nếu đường xóm chật hẹp thì không được đường đột đi qua. Nếu gặp cửa nhỏ hẹp thì nên nghiêng mình mà đi qua. Nếu cửa thấp thì khom lưng xuống đi qua.

Khi mặc y đi vào thôn xóm phải làm như vậy, nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP MẶC Y NGÔI TRONG NHÀ CƯ SĨ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà không trái tọa cụ mà ngồi, lại dùng y gói trái cây hư, bánh có chất dầu mỡ làm bẩn y, nên đệ tử than phiền rằng: “Ta khó nhọc giặt nhuộm sửa chữa mà thầy không biết thương tiếc, gìn giữ.”

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: “Từ nay trở đi, mặc y đi vào nhà cư sĩ phải làm như sau: Nếu giường có bụi đất dơ bẩn mà không có vật trải lên thì không được ngồi. Nếu thấy có người quen biết cũ thì nên bảo họ trải đồ lên. Nếu họ nói: “Vị Sa-môn này kiêu căng, coi thường người khác khó mà phục vụ”, thì tự mình nên lau chỗ ngồi, trải tọa cụ, rửa tay rồi

mới ngồi. Không được dùng y gói tất cả các loại bánh trái, hoa ướm, hoặc lau miệng.

Khi ngồi trong nhà cư sĩ phải giữ gìn y như vậy, nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP TẮC CỦA TIỀN VÀ HẬU SA-MÔN (512A)

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Ưu-ba-nan-đà nói với đệ tử đồng hành của Nan-đà như sau: “Ta muốn đi với người vào thôn xóm khát thực. Nếu ở nơi đó ta có làm điều gì trái oai nghi thì người đừng đem nói với người khác. Vì ta là thúc phụ của người.”

Người đệ tử nói: “Giả sử cha của tôi hay ông nội tôi có làm điều gì trái oai nghi thì tôi cũng phải nói”, như trên đã nói rõ, cho đến thầy đáp: “Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.”

Thế rồi, Phật dạy: “Từ nay trở đi, tiền Sa-môn và hậu Sa-môn phải cư xử như sau: Nếu tiền Sa-môn được thức ăn thì nên ăn chung với hậu Sa-môn. Nếu không có thì nên bảo hậu Sa-môn trở về lấy thức ăn. Hậu Sa-môn không được đi cách quá xa với người đi trước, khiến cho không trông thấy nhau; cũng không được đi quá gần chạm gót nhau, mà nên cách nhau chừng hơn một cánh tay. Nếu thấy ở trước voi, ngựa, bò dữ thì nên nói: “Thưa Hòa thượng, A-xà-lê, ở trước có ác thú nên tránh qua một chỗ.” Nếu vị Sa-môn đi trước già yếu thì nên đi trước để che chở. Nếu ở trước có người muốn đánh lễ thì nên thưa: “Có mõ giáp đánh lễ.” Nếu có người mời thọ trai, thì hậu Sa-môn phải ghi nhớ để lúc về lại trú xứ thưa lại rằng: “Vừa rồi nhà mõ giáp có mời thọ trai.” Nếu tiền Sa-môn không có thể chú nguyện được thì nên bảo người nào có thể chú nguyện được chú nguyện. Người được sai chú nguyện không được nói: “Thầy ngồi trước, lấy nước trước, ăn trước mà lại bảo tôi chú nguyện.”

Phép tắc cư xử của tiền Sa-môn và hậu Sa-môn phải như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP NHỜ NGƯỜI LẤY THỨC ĂN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có một Tỳ-kheo nhờ người khác lấy thức ăn giúp, thầy đưa bát xong rồi bỏ đi. Vị Tỳ-kheo đi lấy thức ăn, mang thức ăn đến, đi tìm mà không biết ở đâu, bèn để cái bát trong nhà thiền rồi bỏ đi. Đến hôm sau, vị Tỳ-kheo nhờ lấy thức ăn hỏi vị kia:

Hãy trả cái bát lại cho tôi.

Tôi đã để cái bát ở trên thiền đường rồi.

Vì sao thầy đem cái bát của tôi bỏ nơi thiền đường trống không?

Vậy thì tại sao thầy nhờ tôi đi lấy thức ăn rồi lại bỏ đi?

Hai người cãi nhau, rồi cùng dẫn đến chỗ Phật trình bày lại đầy đủ sự việc trên với Thế Tôn. Phật liền dạy: “Từ nay trở đi, khi nhờ người lấy thức ăn và lấy thức ăn giúp người khác phải làm như sau: Không được nhờ người lấy thức ăn rồi bỏ đi, và không được lấy thức ăn giúp cho người, rồi đem cái bát để trong nhà thiền trống không rồi bỏ đi. Người lấy thức ăn giúp trước hết nên nói: “Trưởng lão, nay tôi lấy thức ăn thầy đừng có đi đâu mà hãy chuẩn bị đợi tôi.”

(512b) Người đi lấy thức ăn nên để ý giờ giấc. Nếu thì giờ gấp, thì nên đem đưa trước thức ăn lấy giúp. Nếu thì giờ còn sớm, thì nên ngồi theo thứ tự để nhận lấy phần ăn. Khi lấy, không được trộn chung lại mà mỗi thứ phải để riêng ra, ăn phần mình xong rồi mang đến. Nếu thì giờ gấp rút thì không được ăn tại trai đường mà phải mang cả hai phần ăn trở về. Khi trở về, phải xem chừng mặt

trời, thấy tới giờ nên mang đến cho người kia. Nếu như không kịp giờ, thì nên ăn tại trai đường, đừng để cả hai người đều bị mất ăn.

Người nhờ người khác lấy thức ăn không được nghỉ: “Ta đã nhờ được người”, rồi bỏ đi, mà trước hết phải tìm tắm rửa, xách nước, trải giường ghế, rửa tay, rồi ngồi chờ. Thỉnh thoảng nên xem mặt trời, nếu thì giờ đã đến, thì phải xách bình nước đến lấy phần. Nếu gặp người kia ở dọc đường thì cùng nhau ăn. Nếu như thì giờ vẫn còn sớm thì nên đợi đến giờ rồi ăn. Nếu thức ăn còn thừa thì nên cho người đi lấy thức ăn mà không nên cho người khác. Nếu người ấy không cần thì có thể cho người khác.

Nguyên tắc đi lấy thức ăn phải làm như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP TẮC ĐI KHẮT THỰC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vê, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo vào thành khát thực; họ lầm lũi cúi đầu đi qua mặt người khác để vào nhà bạch y, bị người đời chê cười rằng: “Sa-môn Thích tử mà giống như dê con, vượt qua mặt, đụng vào người khác!”

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Từ nay trở đi, phép tắc khát thực phải làm như sau: Không được làm như dê con, cúi gằm đầu đi thẳng tới trước. Cũng không được đứng ở quá xa khiến thí chủ không trông thấy, mà nên đứng ở chỗ vừa tầm thấy của họ. Không được nói: “Cúng dường thức ăn cho tôi, bà sẽ được phước đức lớn”, mà chỉ nên đứng im lặng. Không được ngo bèn trái, bèn phải, khiến người ta nghi ngờ mình là kẻ gian phi, mà nên thu nhiếp sáu căn, quán tưởng lễ vô thường. Cũng không được đứng đợi quá lâu. Nếu phụ nữ nhà ấy đang giã gạo, chưa trông thấy mình, thì có thể đứng chờ một lát. Nếu họ thấy rồi mà vẫn tiếp tục giã gạo, thì nên đi. Nếu thấy phụ nữ

đang may vá, họ nhìn thấy mình mà vẫn tiếp tục may vá, thì biết là ý họ không muốn cúng dường, nên đi. Nếu người phụ nữ thấy mình rồi, họ vào trong nhà rồi trở ra tay không thì nên đi. Nếu nhà ấy giàu có, họ để bảo vật rải rác đó đây, thì không nên đi liền, mà phải chỉ cho họ thấy rồi mới ra đi.

Phép tắc đi khát thực phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP TẮC MÀ VỊ SA-MÔN ĐI KHÁT THỰC SAU PHẢI LÀM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Ưu-ba-nan-đà cùng với đệ tử đồng hành vào thôn khát thực, khi thầy mang thức ăn từ trong thôn đi ra, tìm đệ tử thì không thấy; thầy bực bội, nói: “Ta đem thức ăn đến, mà hẵn lại bỏ ta mà đi!”

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Từ nay trở đi, khi khát thực, vị Sa-môn đi sau phải làm như sau: (512c) Khi vị Sa-môn trước khát thực, không được đứng cách quá xa, cũng không được đứng quá gần để nhìn, khiến chủ nhân nghĩ rằng: “Vị này không biết đi khát thực mà chỉ mong được thức ăn thừa của người khác”, mà nên đứng ở một khoảng cách vừa phải. Nếu được mời ăn thì nên ăn. Nếu không được mời thì nên đi khát thực. Sau đó, đem thức ăn đến bên giếng hay bên ao nước mà ăn, ăn xong, rửa bát rồi đi, thì không có tội. Khi ăn phải đợi nhau như vậy, nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

Kệ tóm tắt:

“Nội y, y tụ lạc,
 Vào thôn xóm, mặc y.
 Nhà cư sĩ, giữ y,
 Sa-môn trước và sau.

Nhờ người lấy thức ăn,
 Lấy giúp cho người khác.
 Khất thực nên đọi nhau,
 Kết thúc phần thứ sáu.”

*

PHÉP ĐỐT & TẮT ĐÈN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, các Tỳ-kheo đi vào phòng thiền trong bóng tối, bị té ngã xuống đất. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Từ nay trở đi, Ta cho phép thắp đèn.”

Khi ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo dùng miệng thổi; hoặc dùng tay quạt, hoặc dùng y quạt cho tắt ngọn đèn đang cháy, rồi hạ phong làm nhiễu loạn các Tỳ-kheo đang ngồi thiền. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Từ nay trở đi, khi đốt đèn phải làm như sau: Theo thứ tự từ người thấp nhất trở lên phải chuẩn bị gỗ lấy lửa hoặc phân bò nhóm lửa để dưới nhà bếp. Không được đốt đèn một cách đột ngột mà phải để lửa tại một chỗ rồi đốt dần dần. Khi đốt đèn, trước hết nên đốt những cây đèn trước xá-lợi và các hình tượng, lễ bái xong rồi tắt đi. Kế đến, đốt đèn trong nhà vệ sinh. Nếu đến giờ ngồi thiền, thì nên đốt đèn trong phòng thiền, đồng thời nên loan báo: Xin các đại đức tùy hỷ chú nguyện đèn. Kế đến, đốt đèn nơi chỗ đi kinh hành. Kế đến, đốt đèn nơi đầu đường lên gác. Nếu có nhiều dầu thì nên đốt đèn nơi nhà vệ sinh suốt đêm. Nếu dầu ít, thì người đi cầu xong nên tắt đèn. Khi tắt đèn nơi nhà vệ sinh xong, tiếp đến, tắt đèn nơi chỗ đi kinh hành; tiếp đến, tắt đèn ở đầu thang lên gác; tiếp đến, tắt đèn trong phòng ngồi thiền. Khi tắt đèn trong phòng ngồi thiền không được tắt đột ngột mà phải nói: “Tôi sắp tắt đèn, các đại đức hãy trải mền ra”, rồi dùng tay che đèn, nói: “Đèn sắp tắt, đèn sắp tắt.” Khi tắt, không được dùng miệng thổi, dùng tay quạt

hay dùng y quạt, mà phải cắt đầu tim đang cháy. Đến cuối đêm, khi thức dậy, trước hết nên đốt đèn trong nhà vệ sinh; tiếp đến, đốt đèn nơi đi kinh hành; tiếp đến, đốt đèn nơi đầu cầu thang lên gác; tiếp đến, đốt đèn trong phòng thiền. Khi đốt đèn trong phòng thiền, không nên đốt ngột vào đốt liễn, (513a) mà phải nói: “Thưa các đại đức, đèn sắp đem vào, đèn sắp đem vào”, rồi sau đó đọc kệ. Đến lúc mờ sáng, muốn tắt đèn, thì trước hết nên tắt đèn ở đầu cầu thang lên gác; kế đến, tắt đèn ở lối đi; kế đến, tắt đèn trong nhà vệ sinh; kế đến, tắt đèn trong phòng thiền.

Phép đốt và tắt đèn phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP VÁC THIÊN TRƯỢNG ĐI TUẦN HÀNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, các Tỳ-kheo ngồi thiền mà ngủ gà ngủ gật trong phòng thiền. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Từ nay trở đi (trong khi ngồi thiền) nên vác thiên trượng đi tuần hành.”

Khi nhóm sáu Tỳ-kheo vác thiên trượng đi tuần hành, (thấy người ngủ gục) liền đâm thiên trượng vào xương sườn bên hông của Tỳ-kheo ấy, khiến vị ấy kinh hoàng kêu lên: “Chết tôi rồi trưởng lão!”

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: “Từ nay trở đi, khi vác thiên trượng đi tuần hành phải làm như sau: Trước hết nên dùng tre, nửa làm thiên trượng, dài chừng 8 khuỷu tay, rồi bọc kín hai đầu. Hạ tọa nên làm việc này. Khi đi tuần hành, không được trùm kín đầu, kín vai, mang giày dép, mà phải để hở vai áo bên phải. Nếu thấy có người ngủ gục, không được đột ngột gọi họ dậy, không được đâm vào hông, mà phải đến đứng bên cạnh, dựng đứng thiên trượng ở trước mặt, rồi lay chuyển chừng ba lần. Nếu họ không tỉnh giấc, mà mình đang

đứng ở bên trái, thì nên dựng thiền tượng ở bên đầu gối phải của họ. Nếu mình đang đứng bên phải thì nên dựng thiền tượng ở bên đầu gối trái của họ. Khi hay biết, họ phải đứng dậy vác thiền tượng đi tuần hành. Khi đi, cũng không được trùm đầu, trùm kín vai phải mà nên để hở vai mà đi. Nếu nhiều người ngủ, thì không được đánh thức tất cả cùng một lúc giống như bò đứng dậy mà nên đánh thức một lúc chừng hai người, ba người. Người trẻ nên vác thiền tượng đi tuần hành; nếu thấy Hòa thượng, A-xà-lê ngủ cũng phải đánh thức dậy. Vì tôn trọng nguyên tắc, nên khi thức dậy Hòa thượng cũng phải cầm lấy thiền tượng, nhưng đệ tử không được trao thiền tượng cho Hòa thượng mà phải tiếp tục đi tuần hành. Người đi tuần hành không được tùy tiện thiên vị hay giận dữ tìm lỗi lầm kẻ khác mà phải thu nhiếp lục tình, nhất tâm tư duy. Nếu thấy có người ngủ thì nên trao thiền tượng cho họ. Người nhận thiền tượng không được oán hận mà phải suy nghĩ: “Vị ấy nay trừ khử tâm tối che mờ, giúp cho ta, làm lợi ích cho ta không ít.” Nghĩ thế rồi, nên đứng dậy đi tuần hành, nếu thấy ai ngủ thì lại trao thiền tượng cho họ.

Phép vác thiền tượng đi tuần hành phải làm như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP MANG VÒNG ĐI TUẦN HÀNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, vị Tỳ-kheo vác thiền tượng đi tuần hành, vì trời lạnh nên tay run lập cập. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Từ nay trở đi nên đưa vòng.”

Khi nhóm sáu Tỳ-kheo đi đưa vòng bèn ném vào ngực, vào mặt người khác, khiến vị Tỳ-kheo ấy kinh hãi kêu lên: “Chết tôi rồi.”

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Từ nay trở đi, khi làm vòng và ném vòng phải làm như sau: Khi làm vòng nên dùng chỉ sợi, lông hoặc lụa mà làm, không được làm cứng quá, (513b) không được làm mềm quá. Phép đi đưa, trước hết nên đưa cho người ở chính giữa. Nếu thấy có người ngủ thì không được đi thẳng đến ném vào đầu, vào mặt, mà nên ném trước mặt người ấy. Vì tôn trọng phép tắc nên người ấy phải đứng dậy lấy vòng, rồi ngồi xuống lại. Nếu thấy Hòa thượng, A-xà-lê ngủ thì không được để yên như vậy, mà cũng phải trao cho vòng. Vì tôn kính phép tắc nên Hòa thượng cũng phải đứng dậy. Thế rồi, đệ tử nên thay thế Hòa thượng đi ném vòng, còn Hòa thượng thì ngồi xuống lại. Khi đi đưa vòng không được oán hận, tìm lỗi lầm người khác, đồng thời người nhận được vòng nên suy nghĩ: “Nay vị ấy trừ tâm tối che mờ cho ta, làm lợi ích cho ta không ít.”

Phép đi ném vòng phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.



PHÉP CỎI GIÀY TRONG PHÒNG THIÊN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo cởi giày trước phòng thiên, cầm hai cái đế vổ vào nhau, rồi xách vào giống như xách cá khô, làm náo loạn Tỳ-kheo đang ngồi thiền. Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: “Từ nay trở đi, khi cởi giày trong phòng thiên phải làm như sau: Không được dùng hai chiếc giày vổ vào nhau ở trước phòng thiên. Nếu nền phòng có trải thảm thì nên cởi giày cầm đi vào, và không được cầm như cầm cá khô mà nên gập hai cái đế vào nhau mà cầm, đồng thời dùng y phủ lên trên mà cầm đi vào. Khi vào tới phòng, phải để bên phải và ở dưới tọa cụ. Nếu nền phòng không trải thảm, thì nên mang đi vào nhẹ nhàng, rồi cởi ra mà ngồi.

Phép mang giày trong phòng thiền phải làm như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP DỪNG TỌA CỤ TRONG PHÒNG THIỀN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo đứng trong phòng thiền đập giũ tọa cụ kêu vang, làm náo loạn các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Từ nay trở đi, khi sử dụng tọa cụ trong phòng thiền phải làm như sau: Không được đập giũ tọa cụ trong phòng thiền mà nên gấp đôi lại để trên vai mà đi. Khi đến nơi, mở ra, gấp lại mà ngồi. Khi trở về cũng phải gấp đôi lại, để trên vai mà về. Nếu muốn cất lại chỗ cũ cũng phải gấp đôi lại mà cất. Lúc trở về rồi, nên từ từ mà ngồi.

Phép sử dụng tọa cụ trong phòng thiền phải làm như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP XỬ SỰ KHI HO

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo ho lớn kêu vang trong phòng thiền, làm náo loạn các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: “Từ nay trở đi, khi ở trong phòng thiền muốn ho phải xử trí như sau: Khi muốn ho không được phóng túng ho lớn tiếng, mà phải che miệng lại ho từ từ. Nếu ho mạnh quá không thể kiềm chế được thì nên đi ra ngoài; (513c) khi ra ngoài ho xong rồi trở vào. Nếu vẫn còn, không dừng được, thì nên nói cho thầy tri sự biết rồi ra đi. Phép ho phải xử trí như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP XỬ TRÍ KHI NHẢY MŨI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo dùng rễ cỏ, chỉ sợi ngoáy vào mũi, hoặc dùng bột mịn bỏ vào mũi, khiến nhảy mũi liên tục làm náo loạn Tỳ-kheo đang ngồi thiền. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Từ nay trở đi, khi nhảy mũi phải làm như sau: Khi ở trong phòng thiền mà nhảy mũi thì không được phóng túng để bộc ra tiếng lớn. Khi muốn nhảy mũi thì nên kiểm chế, dùng tay bịt mũi lại. Nếu không thể nhịn được thì nên dùng tay che mũi lại mà khịt, đừng để nước mũi làm nhor bẩn người ngồi bên cạnh. Nếu muốn nhảy mũi thì không được nói. Nếu thấy Thượng tọa nhảy mũi thì nên nói: “Xin kính lễ.” Nếu thấy Hạ tọa nhảy mũi thì nên giữ im lặng.

Phép nhảy mũi phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.



PHÉP XỬ TRÍ KHI NGÁP VÀ THƯ GIÃN THÂN THỂ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo há miệng ra ngáp, giang tay, uốn mình thư giãn gân cốt gây ra tiếng động, làm náo loạn các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: “Từ nay trở đi, khi thư giãn, ngáp phải làm như sau: Nếu đang ngồi trong phòng thiền mà muốn ngáp thì không được phóng túng ngáp lớn và vươn mình gây tiếng động mà phải tự kiểm chế. Nếu không thể kiểm chế được thì phải dùng tay che miệng lại từ từ mà ngáp, không được gây rối loạn những người ngồi bên cạnh. Khi thư giãn thân thể thì trước hết nên đưa lên một tay, lúc tay ấy hạ xuống rồi mới đưa lên tay khác.

Phép ngáp và thư giãn thân thể phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP GÃI NGŪA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo đang ngồi trong phòng thiền gãi sồn sột gây nên tiếng động làm náo loạn các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: “Từ nay trở đi, khi muốn gãi phải làm như sau: Không được gãi sồn sột kêu lớn tiếng; không được dùng móng tay hay thanh gỗ để gãi. Nếu bị ngứa quá thì nên dùng bàn tay chà, hoặc dùng đầu ngón tay cào.

Phép gãi ngứa phải làm như thế, nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP XỬ SỰ KHI HẠ PHONG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo ăn bún, đậu, uống nhiều sữa, rồi chia nhau ngồi bốn góc phòng thiền, tiếp tục nhau phóng khí (hạ phong) phát ra tiếng lớn, tiếng nhỏ, đoạn, hỏi: “Trưởng lão, tiếng kêu này hài hòa hay quá phải không?” Thế rồi, họ dùng tay nắm khí hạ phong đưa trước mũi người khác, hỏi: “Trưởng lão, có thơm không?”

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy (514a) đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: “Từ nay trở đi, khi hạ phong phải xử trí như sau: Không được ăn những chất có nhiều hơi để sinh hạ phong mà đùa cợt. Khi đang ngồi trong phòng thiền mà bắt hạ phong thì phải kiềm chế. Nếu không thể kiềm chế được thì phải hướng về chỗ ngồi ở dưới. Nếu chỗ ngồi ở dưới có Thượng tọa thì phải

hướng trở lại về chỗ ngồi ở trên. Khi hạ phong, không được để kêu lớn tiếng làm nhiễu loạn người bên cạnh. Nếu đang ngồi ăn mà muốn hạ phong thì cũng phải hướng về chỗ ngồi dưới, đừng để nhiễu loạn người bên cạnh. Nếu đang ở trước Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo trưởng lão thì phải đi ra ngoài hạ phong, đừng để mùi hôi bay đến các ngài. Nếu đang đi với thương khách trên đường thì không được tùy tiện hạ phong ở trước họ. Nếu hơi tống ra không thể kiềm chế được thì phải ra ngoài lề đường về phía dưới gió mà hạ phong.

Khi muốn hạ phong phải làm như thế, nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

Kệ tóm tắt:

“Đốt đèn, hành thiên trượng,
Ném vòng, cầm giày dép.
Tọa cụ và ho hen,
Nhảy mũi, thư giãn, ngáp.
Gãi ngứa và hạ phong,
Kết thúc phần thứ bảy.”

Thế nào gọi là oai nghi, thế nào gọi là không phải oai nghi? Tùy thuận làm theo hai bộ Luật thì gọi là oai nghi, không tùy thuận làm theo hai bộ Luật thì gọi là không phải oai nghi. Oai nghi, Chúng học, không có ác tâm, vô ý xúc chạm người nữ, tất cả các pháp này thuộc về Việt-tỳ-ni tâm hối.

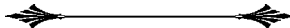
(Đến đây hết phần Uy Nghi)

*

Hết quyển thứ ba mươi lăm

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 36

GIỚI PHÁP CỦA TỖ-KHEO-NI



BA-LA-DI

(Ba-la-di, hay còn gọi giới Rơi rụng,
là giới cực trọng, gồm tám giới của Tỳ-kheo-ni)

1. DÂM DỤC

Dức Thế Tôn Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác từ lúc ban đầu phát tâm tu đạo nay đã thành tựu, đang an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, nơi thành Ca-duy-la-vệ, được chư Thiên, người đời tôn kính cúng dường, như trên đã nói rõ. Lúc ấy, Đại-ái-đạo Cù-đàm-di cùng với năm trăm cô gái dòng họ Thích như: Xiển-đà-di, Xiển-đà-ba-la, Đà-bà-xiển-đà, mẹ Xiển-đà v.v..., (514b) đi đến chỗ Phật, cúi đầu, đánh lễ đứng hầu một bên. Thế rồi, Đại-ái-đạo bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Phật ra đời khó gặp, được nghe pháp cũng khó, nay gặp đức Như Lai xuất hiện trên đời, diễn thuyết diệu pháp cam lồ, khiến cho các chúng sinh chứng được đạo quả tịch diệt.” Như trong Kinh Đại-ái-đạo xuất gia đã nói rõ. Thế rồi, Phật dạy: “Từ nay về sau, Tỳ-kheo ni Đại-ái-đạo là bậc Thượng tọa của Ni Tăng, phải tuân thủ như thế.”

Lúc ấy, Đại-ái-đạo Cù-đàm-di bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã chế định bốn trọng giới cho các Tỳ-kheo, vậy chúng con có được phép nghe hay không?”

Phật dạy: “Được! Nay Cù-đàm-di, nếu một thiện nữ có lòng tin, muốn được năm việc lợi ích, cần phải thọ trì hết giới bốn này. Năm việc lợi ích đó là:

1. Nếu một thiện nữ có lòng tin muốn xây dựng Phật pháp, phải giữ gìn trọn vẹn giới bốn này.
2. Nếu muốn cho Chánh pháp được tồn tại lâu dài, phải giữ gìn trọn vẹn giới bốn này.
3. Nếu muốn không còn nghi ngờ, phải thưa hỏi người khác, phải giữ gìn trọn vẹn giới bốn này.
4. Nếu muốn làm chỗ nương tựa cho các Tỳ-kheo-ni do phạm tội mà đâm ra sợ hãi, phải giữ gìn trọn vẹn giới bốn này.
5. Nếu muốn du hóa 4 phương mà không gặp trở ngại, phải giữ gìn trọn vẹn giới bốn này.

Đó gọi là người thiện nữ có lòng tin vững chãi được 5 điều lợi ích khi giữ gìn giới bốn này. Ngoài ra, như ở phần đầu trong 5 nhân duyên của Tỳ-kheo trên kia đã nói rõ:

Nếu Tỳ-kheo-ni không trả giới, giới yếu kém, không ra khỏi Ni chúng mà thọ (hành) dâm, thậm chí hành dâm với loài súc sinh, thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Ni chúng.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Là người nữ đủ hai mươi tuổi chứ không phải không đủ, đã thọ Cụ-túc một cách hoàn hảo giữa hai bộ Tăng, đúng pháp chứ không phải không đúng pháp, hòa hợp chứ không phải hòa hợp, một lần bạch, ba lần Yết-ma, không có ai cản trở. Đó gọi là Tỳ-kheo-ni.

Không trả giới, giới yếu kém, không ra khỏi Ni chúng: Như ở phần Tỳ-kheo ở trên đã nói rõ.

Thọ: Thọ hưởng với lòng dục.

Dâm: phi phạm hạnh. Nếu Tỳ-kheo-ni cùng với người nam, bất năng nam, phi nhân nam, súc sinh giống đực đang thức hoặc ngủ, hoặc thây chết hành dâm tại ba chỗ là miệng, đường tiểu tiện hay đường đại tiện, mà trong mỗi trường hợp đều thọ lạc, thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Ni chúng.

Ba-la-di: Đối với Pháp trí bị thoái hóa, đọa lạc, không được đạo quả, đó gọi là Ba-la-di. Cũng thế, cho đến đối với Tận trí, Vô sinh trí mà thoái hóa, đọa lạc, không được đạo quả, đó gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di còn có nghĩa là: Đối với Niết-bàn bị thoái hóa, đọa lạc, không được đạo quả, (514c) đó gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di còn có nghĩa là: Đối với phạm hạnh bị thoái hóa, đọa lạc, đó gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di còn có nghĩa là: Loại tội mà khi vi phạm không thể phát lồ sám hối được, đó gọi là Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm nhiễm ô muốn nhìn nam giới thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối. Nếu dùng mắt nhìn họ, dùng tai nghe tiếng họ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu khóa thân hướng vào nhau thì phạm tội Thân-lan; thậm chí, nếu hai căn chạm vào nhau chỉ bằng hạt mè, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni không nói mình trả giới, không nói mình không trả giới, vì giới yếu kém mà làm người thế tục, thì tùy theo mức độ phạm mà kết tội. Nếu làm ngoại đạo thì cũng như thế. Nếu người này lỏa thể, người kia mặc y phục, hoặc người kia lỏa thể, người này mặc y phục; hoặc cả hai cùng mặc y phục; hoặc cả hai cùng lỏa thể; mà hễ hai căn chạm vào nhau chừng một hạt mè thì đều phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni không trả giới, giới yếu kém, không ra khỏi Ni chúng, rồi mặc đồ thế tục mà phạm giới, thì tùy theo mức độ vi phạm mà kết tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni cưỡng dâm Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo-ni phạm tội Ba-la-di. Nếu khi ấy Tỳ-kheo thọ lạc thì cũng phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni cùng hành dâm thì cả hai đều phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni hành dâm với sa-di thì Tỳ-kheo-ni phạm tội Ba-la-di, còn Sa-di phải bị trục xuất. Nếu Tỳ-kheo-ni hành dâm với người thế tục thì cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo-ni cùng với ba loài: người, phi nhân, súc sinh, hành dâm tại ba chỗ là miệng, đường tiểu tiện và đại tiện, trong ba trường hợp: đang thức, ngủ, hoặc là đã chết thì đều phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni ngủ hoặc bị cuồng trí hay nhập định mà có người đến leo lên mình hành dâm, lúc ấy Tỳ-kheo-ni hay biết mà giai đoạn đầu, giữa và cuối thọ lạc thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni ngủ, bị cuồng trí hay nhập định, rồi có người đến leo lên mình hành dâm, lúc ấy Tỳ-kheo-ni hay biết, nhưng lúc đầu không thọ lạc mà lúc giữa và cuối có thọ lạc, thì cũng phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni đang ngủ, cuồng trí hay nhập định, rồi có người đến leo lên mình hành dâm, lúc ấy Tỳ-kheo-ni hay biết, nhưng lúc đầu, lúc giữa không thọ lạc mà cuối thọ lạc thì cũng phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni đang ngủ, cuồng trí hay nhập định, rồi có người đến leo lên mình hành dâm, lúc ấy Tỳ-kheo-ni hay biết, nhưng giai đoạn đầu, giữa và cuối đều không thọ lạc, thì không có tội.

Thế nào là thọ lạc? Thế nào là không thọ lạc?

Thọ lạc: Ví như người đói mà được các thức ăn mỹ vị, người ấy lấy việc ăn làm lạc thú; lại như người đang khát mà được các thức uống ngon lành; người ấy lấy việc uống làm thú vị; người thọ dụng lạc cũng như vậy.

Không thọ lạc: Ví như người ưa sạch sẽ mà phải dùng các thứ thầy chết quàng vào cổ, hoặc là phải dùng thanh sắt nóng áp vào mặt nhọt bị vỡ; không thọ lạc cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo-ni thọ dâm do mua được, do thuê được, do ân nghĩa mà được, do quen biết mà được, do đùa bỡn mà được, do thí nghiệm mà được, (515a) do tò mò mà được, đều phạm tội Ba-la-di. Nhưng nếu vì cuồng trí hay không biết, thì không có tội. Thế nên nói:

Nếu Tỳ-kheo-ni không trả giới, giới yếu kém, không ra khỏi Ni chúng mà thọ dâm, thậm chí với cả súc sinh, thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di; không được sống chung với Ni chúng.

Ngoài ra, các giới thứ hai, thứ ba, thứ tư thì giống như trong giới của Tỳ-kheo đã nói rõ.

*

2. TRỘM CẤP

Nếu Tỳ-kheo-ni lấy vật mà người ta không cho tại thôn xóm hay nơi hoang dã, rồi tùy theo vật đã lấy mà nhà vua hoặc bắt, hoặc giết, hoặc trói, hoặc trục xuất, nói: “Ôi kẻ nữ nhân! Người là quân trộm cướp, là kẻ ngu si”, thì Tỳ-kheo-ni lấy trộm này phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Ni chúng.

*

3. SÁT NHÂN

Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay mình giết người, hoặc đi tìm dao đưa cho họ tự sát, bảo họ chết, khen ngợi sự chết, nói: “Ôi, người ta sống mà xấu xa như thế để làm gì! Thà chết còn hơn sống.” Suy nghĩ như thế, tưởng tượng như thế, tìm phương tiện khen ngợi rằng chết là khoái trá. Nhân đó mà họ chết chứ không có lý do nào khác, thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di không được sống chung với Ni chúng.

*

4. ĐẠI VỌNG NGŨ

Nếu Tỳ-kheo-ni chưa biết, chưa tỏ rõ, mà tự xưng mình được pháp hơn người, có tri kiến thù thắng của bậc thánh, rằng mình thấy như vậy, biết như vậy, rồi sau đó, hoặc bị thẩm tra, hoặc không bị thẩm tra về việc phạm tội, nhưng muốn được thanh tịnh bèn nói như sau: “Thưa thánh giả! Con không biết mà tự nói là biết, không thấy mà tự nói là thấy. Đó là lời nói hư dối không thật”, thì Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Ni chúng; ngoại trừ sự tăng thượng mạn.

*

5. NHIỄM TÂM XÚC CHẠM NAM TỬ

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, bên cây Ni-câu-loại, nước Ca-duy-la-vệ, đức Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo-ni ở a-luyện-nhã. Nhưng lúc này tại thôn xóm chưa có Tinh xá nên Tỳ-kheo-ni Lại-tra đến tạm trú nơi nhà của người họ Thích, rồi dạy kinh cho người con trai của họ. Thân sắc của Tỳ-kheo-ni Lại-tra đoan chính nhưng chưa ly dục, chàng thanh niên kia cũng đoan chính mà chưa ly dục, mỗi ngày chàng đến học

kinh ba lần. Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni thường thường trông thấy anh ta nên sinh dục tâm nhiễm trước, đến nổi sinh bệnh, nhan sắc vàng vọt. Các Tỳ-kheo-ni bèn đến vấn an cô:

Thưa thánh giả, người đau bệnh gì vậy? Có cần thuốc gì không? Nếu cần sữa, dầu, mật, đường phèn thì chúng con sẽ cung cấp.

Không cần, tự nhiên sẽ khỏi thôi.

Các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cũng đến vấn an như thế. Đồng thời chàng thanh niên họ Thích kia cũng hỏi cô:

Thưa thánh giả, người đau bệnh gì vậy? Có cần thuốc gì không thì con sẽ cung cấp cho. Nếu trong nhà có thì con sẽ đưa, nếu không có thì con sẽ đi tìm nơi khác đem về đưa cho thánh giả.

Này hiền hữu, không phải những thứ thuốc ấy có thể chữa khỏi.

Thưa thánh giả, thế thì bệnh này không phải là thân bệnh mà là tâm bệnh chăng?

(515b) Đúng như người nói.

Thế thì bệnh này làm sao cho khỏi?

Người có muốn cho ta khỏi không?

Muốn cho khỏi, nhưng người cần thứ gì con sẽ đi tìm về đưa cho?

Hãy đến đây cùng làm việc ấy với ta.

Con không dám. Những người xuất gia khác mặc áo cà-sa, con còn không dám sinh tâm như thế, huống gì Ni sư, người mà con tôn trọng?

Nếu không thể làm như thế, thì chỉ cần ôm ta nói lời âu yếm, ôm chặt ta vuốt ve từ trên xuống dưới.

Nếu chỉ cần có vậy thì con có thể làm được.

Đoạn, chàng ta đến ôm cô bày tỏ tình cảm, nắm hai cái vú rờ rẫm vuốt ve từ trên xuống dưới, khiến cô thích ý; rồi sau đó cứ thường thường làm như thế. Như đức Thế Tôn đã dạy: “Nghĩ về sắc đẹp luôn luôn thì tâm nhiễm ô sẽ sinh khởi, giống như người nữ tưởng nhớ người nam hay người nam tưởng nhớ người nữ.”

Từ đó trở đi, hai người cứ tiếp tục làm như thế không ngừng. Các Tỳ-kheo-ni khác liền đến khuyên can cô:

Thánh giả đừng làm như thế. Điều đó không được làm.

Nhưng tôi làm việc ấy lại cảm thấy thích thú.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy trình bày với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo nghe thế liền đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Lại-tra đến. Khi cô đến rồi, Phật liền hỏi:

Người đem tâm ô nhiễm cùng với người nam tử có tâm ô nhiễm, xúc chạm, vuốt ve từ vai xuống, từ đầu gối trở lên để tìm lạc thú phải không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Này Lại-tra! Đó là việc xấu. Người không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện chê trách dâm dục, rằng dục là thứ rượu mê, dục giống như ngọn lửa dữ đốt hết thiện căn của người, dục là tai họa lớn hay sao? Đồng thời, Ta cũng dùng các phương tiện để khen ngợi ly dục, đoạn dục, vượt qua dục. Vì sao nay người lại làm việc xấu xa ấy? Đó là việc phi pháp, phi luật, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.

Đoạn, Phật bảo Đại-ái-đạo Kiều-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Ca-duy-la-vệ phải tập hợp lại tất cả. Sau khi họ đã tập hợp xong, đức Thế Tôn bèn đem sự việc vừa rồi nói với các Tỳ-kheo-ni, nhấn mạnh về những tai họa do việc xảy ra vừa rồi. Đồng thời, Ngài tùy thuận thuyết pháp, tuyên bố về 10 lợi ích mà đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri, vì các đệ tử, chế định việc tụng Ba-la-đề-mộc-xoa. Mười lợi ích đó là:

1. Vì để nhiếp phục Tăng chúng.
2. Vì để nhiếp phục tuyệt đối Tăng chúng.
3. Vì để Tăng chúng được an lạc.
4. Vì để chiết phục những người không biết hổ thẹn.
5. Vì để những người biết hổ thẹn được sống yên ổn.
6. Vì để cho người không tin sinh khởi lòng tin.
7. Vì để cho người đã có niềm tin càng tin tưởng hơn.
8. Vì để cho người đang sống trong pháp luật đoạn tận các lậu hoặc.
9. Vì để cho các lậu hoặc chưa sinh không thể sinh khởi.
10. Vì để cho chánh pháp được tồn tại lâu dài, (515c) nhằm mở cửa cam lộ cho chư Thiên và người đời.

Đó là 10 việc lợi ích. Vì 10 việc này mà đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri chế định việc tụng Ba-la-đề-mộc-xoa cho các đệ tử. Thế nên, những ai chưa nghe thì hãy nghe, những ai đã nghe rồi thì phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm ô nhiễm rờ rẫm vượt ve người đàn ông với tâm ô nhiễm, từ vai trở xuống, từ đầu gối trở lên để thọ lạc thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Người đàn ông có tâm ô nhiễm: Tức là tâm ái dục.

Từ vai trở xuống: Từ vú trở xuống.

Từ đầu gối trở lên: Từ bắp vế trở lên đến rún.

Vuốt ve: Di chuyển bàn tay rờ rẫm.

Thọ lạc: Hưởng thụ khoái lạc.

Nhiễm trước: Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-la-di.

Ba-la-di: Như trên đã nói.

Không được sống chung: Không được sống với Tỳ-kheo-ni để hưởng pháp thực và vị thực, hễ trước thế nào thì sau cũng thế ấy, hễ sau thế nào thì trước kia cũng thế. Vì phạm tội Ba-la-di nên không được sống chung.

Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm ô nhiễm rờ rẫm, vuốt ve người nam cũng có tâm ô nhiễm, từ vai trở xuống, từ đầu gối trở lên để tìm lạc thú, thì phạm tội Ba-la-di, không được sống chung. Nếu làm như vậy với người bất năng nam và phụ nữ thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo-ni dùng tâm ô nhiễm vuốt ve người nam không có tâm ô nhiễm, cũng phạm tội Ba-la-di. Nếu làm như vậy với người bất năng nam và phụ nữ thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo-ni không có tâm ô nhiễm mà vuốt ve người nam có tâm ô nhiễm thì phạm tội Thâu-lan-giá. Đối với người bất năng nam và phụ nữ thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo-ni không có tâm ô nhiễm mà xúc chạm người nam cũng không có tâm ô nhiễm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đối với người bất năng nam và phụ nữ thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối.

Nếu Tỳ-kheo-ni bảo người nam cạo đầu thì nên nhờ hai người nữ vịn vào đầu để có cảm giác cái đầu do người nữ chứ không phải người nam. Cũng vậy, khi bảo người nam lể đầu chảy máu, hay lể ở tay, ở chân thì nên nhờ người nữ cầm chỗ đó, để có cảm giác cái đầu do người nữ chứ không phải do người nam. Nếu từ vai trở lên, từ đầu gối trở xuống có mụn nhọt, nên bảo người nữ cầm giữ rồi nhờ người nam nặn mụn thì không có tội. Nhưng nếu mụn nhọt ở chỗ kín thì không được làm như vậy. Chỗ kín nghĩa là từ

vai trở xuống, từ đầu gối trở lên. Nếu tại nơi ấy có bệnh thì nên nhờ người nữ chữa trị. Thế nên nói (như trên).

*

6. NHIỄM TÂM THÂN CẬN NAM TỬ

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, được chư Thiên, người đời cung kính, cúng dường, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Lại-tra-ba-la dạy kinh cho đồng tử Li-xa, cho đến đồng tử nói:

Những người xuất gia khác mặc áo cà-sa, con còn không dám sinh tâm như thế, huống gì Ni sư là người mà con tôn trọng.

Nếu không làm như vậy, thì hãy đến đứng gần nói chuyện với tôi, nắm tay tôi, nắm y tôi, lại gần vui vẻ, mời ngồi, gập mình xuống, (516a) hẹn cùng đi chung.

Nếu chỉ có như vậy thì có thể được.

Thế rồi, anh ta làm cho cô thích ý, và thường xuyên làm như vậy không ngừng, đúng như đức Thế Tôn nói: “Nếu nghĩ đến sắc đẹp không quên thì tâm ô nhiễm phát sinh, như trường hợp người nữ tưởng nhớ người nam, người nam tưởng nhớ người nữ.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc đó trình bày với Đại-ái-đạo, Đại-ái-đạo lại đem nó bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Lại-tra-ba-la đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc trên:

Người có làm việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao người đem tâm ô nhiễm đưa tay ra kéo người nam có tâm ô nhiễm vào sát bên mình và hò hẹn cùng đi chung? Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng tâm ô nhiễm đưa

tay ra kéo người nam có tâm ô nhiễm lại kể bên mình, cho đến hện nhau cùng đi chung.

Đoạn, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Tỳ-xá-ly phải tập hợp lại tất cả, vì 10 lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo-ni, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni đem tâm ô nhiễm, đưa tay ra đụng vào người nam cũng có tâm ô nhiễm, cùng nói chuyện, để cho họ cầm tay, cầm y, họ đến hoan hỷ, mời ngồi, khom mình xuống, hện nhau cùng đi chung, thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo-ni có tâm ô nhiễm, người nam có tâm ô nhiễm: Cả hai đều có tâm dâm dục.

Đưa tay ra đụng vào người nam: Đưa cánh tay ra tới chỗ họ.

Nói: Cùng nói thủ thí.

Để cho họ cầm tay: Hoặc nắm bàn tay, hoặc nắm cổ tay, hoặc nắm ngón tay cái, hoặc nắm ngón tay út.

Hoặc để cho họ cầm y: Như y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, áo lót, áo che mưa.

Họ đến tỏ vẻ hoan hỷ: Họ đi đến mình tỏ ra vui vẻ, và thường thường đi đến.

Mời ngồi: Như nói: “Tôi đã trải giường nệm, mời anh ngồi.”

Khòm mình xuống: Gập mình xuống sát vào họ.

Hện cùng đi: Nếu Tỳ-kheo-ni hò hện với người nam tại trước quán xá, nơi vườn ao, hoặc chỗ thường đi lại, thì phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Ba-la-di: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm ô nhiễm, cùng với người đàn ông có tâm ô nhiễm, đưa tay ra cho họ, cùng nói chuyện, để cho họ cầm tay, cầm y, họ đến tỏ ra hoan hỷ, mời ngồi, gập mình xuống, hò hẹn cùng đi chung, thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Nếu Tỳ-kheo-ni đối xử với người bất năng nam hay người nữ như trên thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm ô nhiễm cùng với người đàn ông không có tâm ô nhiễm làm những việc như trên thì cũng phạm tội Ba-la-di. Nhưng nếu xử sự như thế đối với người bất năng nam và phụ nữ thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo-ni không có tâm ô nhiễm cùng với người đàn ông có tâm ô nhiễm làm những việc như trên, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu làm như vậy với người bất năng nam, với phụ nữ thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu cả hai đều không có tâm ô nhiễm, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đối với người bất năng nam và phụ nữ thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối.

Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm ô nhiễm cùng với người đàn ông có tâm ô nhiễm, đưa tay cho họ cầm cho đến hò hẹn cùng đi chung, thì phạm tội Ba-la-di.

(516b) Nếu lần lượt phạm từng việc một, đủ tám việc thì thành tội Ba-la-di. Nếu phạm gián cách mà khi đủ tám việc cũng thành tội Ba-la-di. Nếu phạm một khoản liền sám hối tội Thâu-lan-giá, sau khi sám hối lại phạm nữa, cho đến bảy lần cũng thuộc Thâu-lan-giá, nhưng khi đủ tám lần thì thành tội Ba-la-di. Thế nên nói (như trên).

*

7. GIẤU TỘI NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, có gia đình Li-xa kia, lúc đầu sinh được hai bé trai, sau đó sinh một bé gái. Họ cho thế là điềm không tốt nên thâm nhủ: “Ngày nay đứa bé gái không tốt này không biết có ai lấy không?” Thế rồi có người hỏi:

Bà có muốn gởi đứa bé gái này đến chỗ an ổn không?

Muốn.

Nếu vậy thì nên đem đến cho Tỳ-kheo-ni Ca-lê nhờ cô ấy nuôi dưỡng.

Gia đình ấy nghe thế liền cho mời Ca-lê đến, thưa: “Thưa thánh giả! Nay tôi sinh đứa bé gái không tốt lành này không có ai lấy, nhờ cô nuôi lớn, độ nó xuất gia, tôi sẽ cung cấp y thực.”

Tỳ-kheo-ni liền nhận đem về nuôi, cho xuất gia. Và gia đình ấy cứ hằng ngày đưa thức ăn, hằng năm gởi đến y phục. Khi đứa bé lớn, Ni sư cho học giới, rồi cho thọ Cụ túc. Nhưng bản chất của người nữ vốn nhiều dâm tính, cho nên càng lớn thì dục tình càng mạnh mẽ không thể kiềm chế được. Do thế, cô ta bạch với sư phụ:

Kiết sử của con sinh khởi, con không thích xuất gia, nay con muốn hoàn tục.

Quái lạ thay! Ở trong cõi tục cũng giống như hầm lửa, làm sao mà có thể vui được!

Từ đó trở đi, dần dần cô thông dâm với người thế tục và các ngoại đạo, rồi mang thai. Tỳ-kheo-ni bèn trực xuất, và nói với sư phụ cô:

Ni sư không biết đệ tử mình thông dâm với người thế tục và ngoại đạo sao?

Tôi cũng đã biết từ sớm, nhưng gia đình ấy hằng ngày đưa thức ăn đến, hằng năm cung cấp y phục; nếu tôi bạch với Tăng thì Tăng sẽ trực xuất. Vì ham hai món lợi kia, nên tôi không bạch.

Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ca-lợi đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Nay Ca-lợi, vì sao người biết Tỳ-kheo-ni phạm trọng tội mà che giấu? Đây là việc phi pháp, phi luật, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Tỳ-xá-ly phải tập hợp lại tất cả, (cho đến) dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni kia phạm trọng tội mà không nói với người khác, sau đó, Tỳ-kheo-ni kia hoặc rời khỏi trú xứ, hoặc chết, hoặc hoàn tục, mới nói với người khác rằng: “Trước đây tôi đã biết Tỳ-kheo-ni ấy phạm trọng tội, nhưng tôi không nói với người khác, vì không muốn cho người khác biết”, thì Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Biết: Hoặc tự biết, hoặc nghe từ người khác mà biết.

(516c) Trọng tội: Nếu phạm một trong tám tội Ba-la-di tức là trọng tội.

Không nói với người khác: Không nói với một người, nhiều người hoặc là chúng Tăng.

Rời khỏi trú xứ: Tức bị trục xuất.

Chết: Sự vô thường xảy đến (qua đời).

Hoàn tục: Rời khỏi pháp luật đang hành trì, làm người thế tục, ngoại đạo. Nếu đến lúc ấy mới nói: “Trước đây tôi đã biết người ấy

phạm tội, nhưng không muốn cho người khác biết”, thì Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Ba-la-di: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni lúc bình minh thấy Tỳ-kheo-ni khác phạm tội mà không có tâm che giấu, đến lúc mặt trời mọc lại khởi tâm che giấu cho đến bình minh hôm sau, thì Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là hai thời. Cũng vậy cho đến tám thời, như trong vấn đề che giấu của Tỳ-kheo trên kia đã nói rõ.

Nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo-ni phạm trọng tội thì phải nói với người khác. Nếu thấy đệ tử cùng sống chung, đệ tử y chỉ phạm trọng tội, mà vì yêu thương cố tình che giấu tội lỗi của đệ tử, nghĩ rằng: “Nếu ta nói với các Tỳ-kheo-ni thì họ sẽ trục xuất nó”, thì phạm tội Ba-la-di.

Trong trường hợp, Tỳ-kheo-ni ấy nghe lời nói kia, rồi đem nói với Tỳ-kheo-ni quen biết rằng: “Mỗ giáp phạm trọng tội, nếu tôi đem nói với người khác thì Tỳ-kheo-ni tăng sẽ trục xuất người ấy; vì thế mà tôi che giấu”, Tỳ-kheo-ni ấy nghe thế lại suy nghĩ: “Nếu ta nói ra thì cả hai người đều bị trục xuất”, liền che giấu, thì tất cả đều phạm tội Ba-la-di. Cũng vậy, nếu tất cả đều che giấu thì tất cả đều phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni thấy người khác phạm trọng tội rồi đem nói với Tỳ-kheo-ni khác rằng: “Tôi thấy mỗ giáp phạm trọng tội”, mà Tỳ-kheo-ni này quở trách rằng: “Nay người làm việc ác, vì sao lại đem nói với ta, chớ có nói nữa”, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo-ni thấy có người phạm trọng tội thì phải nói với người khác. Nếu kẻ phạm tội ấy hung ác đáng sợ, có thế lực, e họ sẽ giết mình hoặc làm tổn thương phạm hạnh, thì nên suy nghĩ: “Hễ gây nghiệp thì có quả báo, họ tự biết lấy. Ví như hỏa hoạn xảy ra cháy nhà, ta chỉ nên tự cứu mình, hơi đâu mà lo việc người khác.” Nếu tâm tương ứng như thế thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

*

8. THEO TỖ-KHEO PHẠM TỘI

Khi Phật an trú tại vườn Cù-sư-la, tại Câu-diêm-di, lúc ấy Xiển-đà phạm một hoặc hai trọng tội trong năm thiên tội; các Tỳ-kheo hỏi: Trưởng lão Xiển-đà, thầy có thấy tội ấy không?

Ông muốn hỏi tôi có thấy hay không thấy, nhưng tôi không thấy.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Ông Xiển-đà này thường phạm một, hai tội trong năm thiên tội mà nói không thấy, thì Tăng nên làm (517a) Yết-ma cử tội không thấy tội.”

Sau khi Tăng làm Yết-ma cử tội không thấy tội rồi, thầy bèn đi đến Tinh xá của Tỳ-kheo-ni, nói với mẹ mình:

Bà-lộ-ê-đế, Tăng làm Yết-ma cử tội tôi, không cho tôi hưởng chung pháp thực, vị thực.

Quái lạ thay, thế thì nay hãy hưởng chung pháp thực, vị thực với ta.

Thế rồi, người mẹ tùy thuận Xiển-đà, Tỳ-kheo-ni bèn can bà rằng:

– Đây mẹ của Xiển-đà, Tỳ-kheo Xiển-đà này đã được Tăng hòa hợp làm Yết-ma cử tội đúng pháp, nhưng thầy chưa làm đúng pháp, cô chớ có tùy thuận.

Tôi là mẹ, ông ta do tôi sinh ra, nếu tôi không tùy thuận thì ai sẽ tùy thuận?

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Nếu Xiển-đà đã được Tăng làm Yết-ma cử tội đúng pháp mà Tỳ-kheo-ni mẹ của Xiển-đà lại tùy thuận ông ấy, thì các người nên can gián ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần và ở giữa chúng Tăng ba lần cho bỏ việc ấy. Khi can gián ở chỗ vắng nên hỏi như sau: “Có thật cô biết Xiển-đà đã được Tăng làm Yết-ma cử tội đúng pháp mà vẫn tùy thuận không?” Nếu đáp: “Có thật như vậy”, thì nên khuyên can: “Đây mẹ của Xiển-đà, Tăng đã làm Yết-ma cử tội đúng pháp

mà chưa thực hiện đúng thì đừng có tùy thuận. Nay tôi vì lòng từ khuyển can là muốn cho cô được lợi ích. Một lần khuyển đã xong, còn hai lần khuyển can nữa, cô có bỏ việc đó không?” Khuyển can lần thứ hai, thứ ba cũng làm như vậy. Rồi khuyển can ba lần ở giữa nhiều người cũng làm như vậy mà nếu như không bỏ thì nên làm pháp Yết-ma cầu thỉnh (xin nghe sự trình bày) giữa chúng Tăng. Người làm Yết-ma nên nói như sau:

Xin các thánh giả Tăng lắng nghe. Tăng đã làm Yết-ma cử tội Xiển-đà đúng pháp, nhưng Xiển-đà chưa thực hiện đúng, mà mẹ của Xiển-đà lại tùy thuận thấy. Thế rồi, đã được khuyển can ba lần ở chỗ vắng, khuyển can ba lần ở chỗ nhiều người để cô bỏ việc ấy mà cô không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, nay Tăng cũng nên khuyển can ba lần để cho bỏ việc ấy.

Thế rồi, nên hỏi mẹ của Xiển-đà ở giữa chúng Tăng: “Có thật cô biết Tăng đã hòa hợp làm Yết-ma cử tội Xiển-đà, song Xiển-đà chưa thực hiện đúng mà cô tùy thuận, thế rồi, Tăng đã khuyển can cô ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần, cho cô bỏ việc ấy mà cô vẫn không bỏ phải không?” Nếu đáp: “Có thật như vậy”, thì nên khuyển can: “Tăng đã hòa hợp làm Yết-ma cử tội Xiển-đà đúng pháp, cô chớ nên tùy thuận (Xiển-đà). Nay Tăng muốn cho cô được lợi ích nên khuyển can, cô nên tùy thuận lời khuyển của Tăng. Một lần khuyển can đã xong, còn hai lần khuyển can nữa, cô có bỏ việc đó không?” Nhưng cô đáp: “Không bỏ.” Rồi Tăng tiếp tục khuyển can như vậy đến lần thứ hai, thứ ba, cô vẫn nói: “Không bỏ.”

Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi cô đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Người không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện chê trách tính bướng bỉnh khó khuyển bảo, ca ngợi sự dễ khuyển bảo hay sao? Đó là việc phi pháp, phi luật, (517b) trái lời

Ta dạy. Không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được. Vì sao người lại tùy thuận Tỳ-kheo bị cử tội? Từ nay về sau, Ta không cho phép tùy thuận Tỳ-kheo bị cử tội.

Thế rồi, Phật bảo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Câu-diêm-di phải tập hợp lại tất cả, dù cho ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni nào biết Tăng đã hòa hợp, như pháp, như luật làm Yết-ma cử tội Tỳ-kheo, song vị Tỳ-kheo ấy chưa thi hành đúng mà tùy thuận, thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy rằng: “Này thánh giả, vị Tỳ-kheo ấy đã được Tăng hòa hợp, như pháp, như luật, làm Yết-ma cử tội, song thầy ấy chưa thi hành đúng, cô chớ có tùy thuận.” Nếu khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can mà nói như sau: “Tôi không tùy thuận thì ai tùy thuận”, thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can đến lần thứ hai thứ ba cho bỏ việc ấy. Nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

*

❖ Giải thích

Hòa hợp: Không biệt chúng.

Như pháp như luật: Không thấy người ấy có tội, không thấy người ấy gây tội.

Không bỏ ba ác kiến: Hủy báng kế kinh, tà kiến và biên kiến.

Bị cử (tội): Không được sống chung.

Chưa thi hành đúng pháp: Chưa tùy thuận Tăng, Tăng chưa giải tội.

Tùy thuận: Cùng hưởng pháp thực và vị thực.

Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy như sau: “Này thánh giả, vị Tỳ-kheo ấy đã được Tăng làm Yết-ma cử tội đúng pháp, đúng luật mà thầy chưa thi hành đúng, vậy cô chớ có tùy thuận

hưởng chung pháp thực và vị thực”, mà Tỳ-kheo-ni ấy nói: “Tôi không tùy thuận thì ai tùy thuận”, thì nên khuyên can tiếp cho đến ba lần. Sau ba lần nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di.

Ba-la-di: Như trên đã nói.

Khi khuyên can ở chỗ vắng ba lần mà bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi khuyên can ở chỗ nhiều người cũng như vậy.

Khi khuyên can ở giữa chúng Tăng, lúc bắt đầu khuyên can thì phạm tội Việt-tỳ-ni, khuyên can xong thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi bắt đầu khuyên can lần thứ hai thì phạm tội Việt-tỳ-ni, khuyên can xong thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi bắt đầu khuyên can lần thứ ba thì phạm tội Thâu-lan-giá, khuyên can xong thì phạm tội Ba-la-di.

Sau khi được khuyên can ở chỗ vắng, ở chỗ nhiều người, ở giữa chúng Tăng, gồm tất cả các tội Việt-tỳ-ni, tất cả các tội Thâu-lan-giá thành một trọng tội là Ba-la-di. Nếu đang lúc khuyên can mà bỏ thì tùy theo bỏ ở chỗ nào trị tội ở khoản đó.

Kệ tóm tắt:

“Dâm, trộm và giết người,
Nói dối rằng đắc đạo.
Vai xuống, đầu gối lên,
Tâm nhiễm ô, tám việc.
Giấu tội, theo người phạm,
Hết tám Ba-la-di.”

*

(Hết 8 giới Ba-la-di của Tỳ-kheo-ni)

TĂNG TÀN

(Tăng tàn, hay còn gọi Tăng thân giải cứu,
gồm 16 giới của Tỳ-kheo-ni)

1. NHẬN LÀM MAI MỐI (517C)

Vấn đề nhận làm mai mối như trong giới của Tỳ-kheo đã nói rõ. Thế nên đức Thế Tôn dạy:

Nếu Tỳ-kheo-ni nhận làm mai mối, tác hợp nam nữ, hoặc cưới vợ, hoặc tư thông với nhau, dù trong chốc lát thì đó là sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

*

2. VU KHỔNG NGƯỜI KHÁC

Vu khổng như trong giới của Tỳ-kheo đã nói rõ. Thế nên đức Thế Tôn dạy:

Nếu Tỳ-kheo-ni vì sân hận không vui mà vô cớ vu khổng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh vô tội rằng phạm Ba-la-di, nhằm phá hoại sự thanh tịnh của Tỳ-kheo-ni ấy, rồi sau đó, hoặc bị thẩm vấn, hoặc không bị thẩm vấn, bèn nói rằng: “Việc đó không có căn cứ, vì tức giận nên tôi nói như thế”, thì đó là sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

*

3. XUYÊN TẠC NHẪM VU KHỔNG

Thế nên đức Thế Tôn dạy:

Nếu Tỳ-kheo-ni vì sân hận không vui rồi dùng một khía cạnh của một việc khác không phải Ba-la-di để vu khống người khác phạm tội Ba-la-di, nhằm phá hoại phạm hạnh của họ, sau đó, hoặc bị thẩm vấn, hoặc không bị thẩm vấn bèn nói rằng: “Chỉ vì tôi tức giận nên dùng một khía cạnh của một việc khác để vu khống”, thì Tỳ-kheo-ni này phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

*

4. TRANH CHẤP VỚI NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ bức tường ngăn cách giữa Tăng-già-lam của Tỳ-kheo-ni với ni ngoại đạo bị sụp đổ, Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đa nói với ni ngoại đạo:

Người phải sửa chữa lại; bọn người là những kẻ không biết xấu hổ, đồ chúng đi lại, ra vào đều trần truồng. Ni chúng của ta đây lương thiện tốt đẹp, biết hổ thẹn, khi thấy bọn người thì tăng thêm phiền não.

Lúc này đang mùa mưa không thể xây được, phải đợi qua khỏi mùa mưa rồi mới xây được.

Phải sai người làm ngay bây giờ, không được đợi sau này mới làm.

Tôi không thể làm được.

Tỳ-kheo-ni nổi giận mắng:

Quân chết yếu! Con lừa ăn bã rượu. Người dám không làm chẳng, quân không biết hổ thẹn, tà kiến, không có niềm tin? Người phải sửa chữa gấp.

Ni ngoại đạo cũng nổi giận mắng lại:

Này Sa-môn ni bụng bự sinh nhiều con, dù người có giết ta thì rốt cuộc ta cũng không làm.

Tỳ-kheo-ni bèn đi đến chỗ quan xử kiện trình bày đầy đủ sự việc trên: “Thưa Đại quan! Xin ngài hãy vì tôi ra lệnh cho người kia xây lại bức tường ngăn cách.”

Viên quan xử kiện lúc ấy vốn là người có niềm tin đối với Phật pháp, nên ông liền sai lính đi bắt ni ngoại đạo kia về. Khi bắt về rồi, ông mắng:

Này kẻ ngoại đạo tà kiến! Quân tặc ác chết yểu, con lừa ăn bã rượu. Vì sao người không xây lại bức tường? Các người không biết xấu hổ, ở trần truồng đi ra đi vào, giả sử thánh giả phạm hạnh này trông thấy các người thì càng tăng thêm phiền não. Người phải xây lại gấp đi. Nếu không xây, ta sẽ gia tội người.

Ni ngoại đạo bèn xây lại; nhưng ban ngày xây xong thì ban đêm bị mưa phá hỏng; do thế, ba tháng Hạ xây không thành tựu. Vì vậy, ngoại đạo than trách với các Ưu-bà-tắc:

Hãy xem phước điền của các người kìa! Ý thị vào thế lực của quan quyền, bắt ni của ta làm suốt ba tháng.

Những bà vợ của các Ưu-bà-tắc nghe thế (518a) liền nói với các Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Này Thâu-lan-nan-đà! Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao người lại gây lộn với người khác? Đây là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì muôn lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo-ni, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni tranh tụng với người thế tục hoặc người xuất gia, ban ngày, trong khoảnh khắc, thậm chí đấu tranh với người làm vườn, Sa-di, thì đó là sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

*

❖ Giải thích

Tranh tụng: Tranh cãi bằng miệng.

Người thế tục: Tức người tại gia.

Người xuất gia: Hàng ngoại đạo xuất gia cho đến Xà-trí-la.

Ban ngày: (Từ lúc bình minh) cho đến khi mặt trời lặn.

Trong khoảnh khắc: Trong giây lát. Nếu Tỳ-kheo-ni gây sự – thậm chí với Sa-di, người làm vườn (thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa).

Sơ tội: Không đợi đến lần can gián thứ ba.

Tăng già: Chỉ cho tám Ba-la-di (?)

Bà-thi-sa: Vì tội này còn có dư tàn, Tăng phải làm Yết-ma trị phạt, nên gọi là Tăng-già-bà-thi-sa.

Lại nữa, vì tội này phải phát lồ giữa Tăng để sám hối, nên gọi là Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo-ni đến tố cáo người khác với viên quan xử kiện của nhà vua thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu nói với ông về những việc phải quấy thì phạm tội Thâu-lan giá.

Nếu Tỳ-kheo-ni đến nhà Ưu-bà-tắc, nhà của người có niềm tin nói chuyện phải trái với họ thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có tâm hiểm khích họ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối.

Nếu Tỳ-kheo-ni đến tố cáo người khác với nhà vua thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nói với nhà vua bằng những lời oán hận thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối.

Thế nên, đức Thế Tôn nói (như trên).

*

5. ĐI MỘT MÌNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy người em gái của Tỳ-kheo-ni Lại-tra lấy chồng ở một thôn khác đang lâm bệnh, bèn sai người báo tin cho Lại-tra rằng: “Chị hãy đến sớm trước khi em chưa chết thì mới có thể thấy được nhau.” Lại-tra liền đến thăm, nhưng chưa tới nơi thì người em gái đã mệnh chung. Khi cô tới đó, người em rể bèn nói với cô: “Em gái của chị đã qua đời rồi, ai sẽ chăm sóc việc nhà, trông nom con cái đây? Xin chị hãy thay thế, chăm sóc giùm em.”

Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn suy nghĩ: “Người này thốt ra lời khả ố, y có thể cưỡng bách xâm phạm đến ta”, liền cảm thấy hoảng sợ, rồi giả vờ đi ra ngoài. Đoạn, cô trở về thành Xá-vệ, nói với các Tỳ-kheo-ni: “Quái thay! Kẻ kia sẽ phá hoại phạm hạnh tôi mất!” Các Tỳ-kheo-ni liền hỏi: “Có việc gì thế?” Cô bèn trình bày lại đầy đủ sự việc trên.

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế (518b) liền nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Lại-tra đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao người đi đường một mình? Từ nay về sau, Ta không cho phép đi đường một mình.

Lại nữa, khi các Tỳ-kheo-ni đi đường, có một Tỳ-kheo-ni trẻ mắc đi đại tiện nên rút lại phía sau. Thế rồi, các khách buôn đi đến trông thấy cô đoan chính bèn chặn lại, hỏi:

Cô đang trẻ trung đoan chính, lẽ ra nên hưởng thụ dục lạc, vì sao lại xuất gia, xin nói rõ nguyên nhân?

Ta xuất gia thì can gì các người mà phải hỏi?

Không phải vậy! Hình như cô có ý gì, hãy nói thử xem?

Cô vẫn đáp như trước. Bọn khách buôn đùa cợt một lúc rồi thả cô đi. Khi đến thôn xóm, lòng sinh nghi ngờ (mình phạm tội), cô bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy: “Không có lòng dục thì không có tội.”

Lại nữa, khi các Tỳ-kheo-ni cùng đi đường, có một Tỳ-kheo-ni lâm bệnh, đi không kịp bạn, phải đi sau một mình. Khi đến nơi, cô sinh nghi, bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy: “Bị bệnh thì không có tội.”

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi, cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không có Tỳ-kheo-ni khác để kết bạn cùng đi, thì không được ra khỏi ranh giới của thôn xóm, ngoại trừ khi khác; khi khác tức là khi không có lòng dục và bị bệnh, đó gọi là khi khác. Đây là sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

*

❖ Giải thích

Không có Tỳ-kheo-ni bạn: Chỉ đi đường có một mình như trên đã nói rõ.

Trừ khi khác: Khi không có lòng dục, khi bệnh, đức Thế Tôn nói là không có tội.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo-ni đang đi trên đường mà chưa ra khỏi ranh giới thì không có tội. Nếu đi đến ranh giới của xóm làng, thành ấp, thì nên cách nhau trong vòng một cánh tay giang ra. Nếu cách nhau xa hơn một cánh tay giang ra mà đi quá một bước thì phạm tội Thâu-lan-giá; quá hai bước thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Một người đứng ở ranh giới trung gian thì phạm tội Thâu-lan-giá. Cũng vậy, những người khác cách quá (một bước) cũng phạm tội Thâu-lan-giá. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

6. SỐNG MỘT MÌNH

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy trong thành Vương-xá có một người tên Yết-Mô tử cưới một Yết-Mô nữ làm vợ. Cô này đoan chính vô song, đang bưng cơm cho chồng. Khi đến giờ khát thực, đức Thế Tôn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khát thực, đi đến nhà ấy. Bấy giờ, người vợ suy nghĩ: “Nếu chồng ta thấy Phật, ắt sẽ đứng dậy xem, sẽ bỏ phế việc ăn uống, ta nên đứng chắn giữa cửa.” Vì người ấy có duyên với Phật, nên đức Thế Tôn phóng ánh sáng (518c) chiếu vào trong nhà, khiến cho ông chồng nhìn ra, trông thấy Phật. Ông liền nói với bà vợ:

Người thật là kẻ chẳng có một chút thiện tâm nào, chỉ muốn làm tổn hại ta.

Không phải tôi muốn làm tổn hại mà vì tôi sợ anh thấy Thế Tôn sẽ bỏ phế việc ăn uống mà thôi.

Ông chồng nổi giận, nói:

Người nữ tình ý cạn cợt, muốn làm lợi ích một tí mà thành ra tổn hại quá nhiều.

Xin đại gia cho phép tôi xuất gia.

Cô muốn xuất gia theo đạo nào?

Xuất gia theo Phật pháp.

Tôi đồng ý.

Thế rồi, cô đi đến chỗ Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la xin xuất gia. Ni sư liền độ xuất gia, cho thọ Cụ túc. Đầu đêm, cuối đêm, cô tinh cần không biếng nhác, đến ngày thứ tám thì dứt hết lậu hoặc, tự biết mình đã chứng ngộ, được tam minh, lục thông, tâm tư tự tại, ngồi nương tựa dưới gốc cây. Lúc ấy, Thích-đề-hoàn-nhân đi đến chỗ cô ngồi, rồi đọc kệ:

“Đế Thích từ thiên cung,
Giáng phàm xin đánh lễ.
Thấy Yết-mô nữ này,
Xuất gia mới tám ngày,
Lậu hết chứng lục thông.
Hoa Ưu-bát Tỳ-kheo,
Việc làm đã thành tựu.
Đức lực đều tự tại,
Chiết phục mọi tình tưởng,
Nhắm mắt ngồi dưới cây.
Thế nên tôi đánh lễ,
Phước điền của thế gian.”

Vị Tỳ-kheo-ni này có âm thanh trong trẻo, giỏi tán tụng kinh điển, được một Ưu-bà-tắc mời về nhà tụng kinh. Sau khi nghe tụng, ông rất hoan hỉ, cúng dường cho cô một tấm lụa lớn và đẹp. Lúc ấy, chư thiên ở trên không trung liền đọc kệ tán thán:

“Nay cô được lợi ích,
 Phước đức đã tột vời.
 Mọi nhiệm trước dứt hết,
 Nhận y cúng thanh tịnh.
 Các nam nữ cư sĩ,
 Trong thành Vương-xá này,
 Vì sao không mời cô,
 Thuyết giảng vi diệu pháp?
 Không mời thì không giảng,
 Thân cận sẽ lìa khổ.
 Nghe pháp rồi tu tập,
 Ất đến nơi thẳng diệu.”

Lúc ấy, mọi người, mọi nhà đều mời cô về tụng kinh; sau khi nghe tụng, họ rất hoan hỷ (phát tâm cúng dường), vì thế cô nhận được rất nhiều lợi dưỡng. Các Tỳ-kheo-ni thấy thế đều sinh tâm ganh tị, bèn nói rằng: “Đây là những lời ca tụng ủy mị làm mê loạn lòng người.”

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Có thật người ca tụng theo kiểu thế gian (519a) chăng?

Con không biết ca tụng theo kiểu thế gian.

Phật bèn nói với các Tỳ-kheo-ni: “Tỳ-kheo-ni này không phải ca tụng theo kiểu của thế gian. Trong thời quá khứ có vị vua cai trị thành Ba-la-nại tên là Cát-lợi. Ông có bảy người con gái: Người thứ nhất tên là Sa-môn; người thứ hai tên là Sa-môn-hữu; người thứ ba tên là Tỳ-kheo-ni; người thứ tư tên là Tỳ-kheo-ni-tì; người thứ năm tên là Đạt-ma-chi; người thứ sáu tên là Tu-đạt-ma; người thứ bảy tên là Tăng-tì. Những người này từng phát nguyện trước Phật Ca-diếp như trong kinh Thất Nữ đã nói rõ.”

Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni muốn tách rời Ni chúng cư trú một mình, rồi một Tỳ-kheo-ni khác đem việc ấy nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Có phải người định tách rời Ni chúng cư trú một mình không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay trở đi, Ta không cho phép tách rời chúng để sống một mình.

Lại nữa, khi vua Lưu Li chinh phạt nước Ca-duy-la-vệ nên được nói rộng; lúc ấy các Tỳ-kheo-ni sống một mình ở ngoài thành, cho đến... trừ nạn vua.

Lại nữa, lúc ấy các Tỳ-kheo-ni đi đường, có người già cả bệnh hoạn theo không kịp chúng bạn phải nghỉ một mình, tâm sinh nghi, đến hỏi Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Người không có lòng dục thì không có tội.” Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni sống tách rời Tỳ-kheo-ni khác trong một đêm – trừ khi khác, khi khác tức là lúc bệnh hoặc bị bọn giặc nổi loạn vây thành, đó gọi là khi khác – thì phạm sơ tội.

*

❖ Giải thích

Nghỉ một đêm: Từ lúc mặt trời chưa lặn đến bình minh hôm sau xuất hiện.

Trừ khi khác: Không có lòng dục, sống cách ly, già bệnh, bị bọn giặc nổi loạn vây thành, nếu lúc ấy đang ở trong thành thì không nên ra ngoài, hoặc đang ở ngoài thành thì không nên đi vào. Đó gọi là khi khác. Đây là sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni tách rời Tỳ-kheo-ni khác mà ngủ từ khi mặt trời chưa lặn cho đến bình minh xuất hiện, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tách rời Ni chúng từ khi mặt trời đã lặn cho đến bình minh xuất hiện, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo-ni ngủ chung với nhau trong phòng ở Tăng-già-lam thì nên nằm cách nhau trong vòng một cánh tay giang ra, rồi trong một đêm nên dùng tay sờ tìm người kia ba lần; nhưng không được sờ tìm ba lần trong một lúc, mà phải đầu đêm một lần, giữa đêm một lần và cuối đêm một lần. Nếu đầu đêm không sờ tìm người kia thì phạm tội Việt-tỳ-ni; giữa đêm không sờ tìm cũng phạm tội Việt-tỳ-ni; cuối đêm không sờ tìm cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu cả ba thời đều có tìm xem thì không có tội.

Nếu người ngủ trên gác, kẻ ngủ dưới gác khác chỗ nhau thì một đêm phải đi qua lại trông nom ba lần. Nếu ngủ trong trường hợp như vậy tại Tăng-già-lam thì phạm tội Thâu-lan-giá. (519b) Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

7. ĐỘ NGƯỜI CHỦ CHƯA CHO PHÉP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy ở trong thành Vương-xá có một trưởng giả tên Tu-đề-na, ông có một cô vợ trẻ trung, đoan chính. Khi chồng chết, cô ta không thích cánh đàn ông, nhưng người chú muốn lấy cô, cô bèn nói với các phụ nữ khác:

Tôi không thích bọn đàn ông, nhưng người chú muốn lấy tôi làm vợ.

Cô có muốn được thoát ly không?

Muốn được thoát ly.

Cô hãy đến thành Xá-vệ, chỗ Tỳ-kheo-ni Ca-lê, vị ấy sẽ độ cô xuất gia.

Người đàn bà này theo lời chỉ dẫn ấy đi đến thành Xá-vệ, hỏi dân chúng: “Tăng-già-lam của Tỳ-kheo-ni ở nơi nào vậy?” Họ bèn chỉ chỗ. Khi cô vào đến nơi, liền hỏi: “Tỳ-kheo-ni Ca-lê là ai vậy?.” Họ bèn chỉ phòng. Cô vào phòng, rồi hỏi:

Thánh giả có phải Ca-lê không?

Phải! Hỏi để làm gì?

Con muốn xuất gia.

Ca-lê bèn độ người này xuất gia cho thọ Cụ túc. Sau đó, người chú đi tìm nhưng không biết ở đâu, rồi có người mách với ông: “Tỳ-kheo-ni Ca-lê ở thành Xá-vệ đã độ cho cô ấy xuất gia rồi.” Ông bèn đi đến thành Xá-vệ, hỏi dân chúng: “Tăng-già-lam của Tỳ-kheo-ni ở nơi nào vậy?” Họ bèn chỉ chỗ. Ông đi vào đó, rồi hỏi: “Phòng nào là phòng của Tỳ-kheo-ni Ca-lê?.” Họ lại chỉ phòng. Ông vào phòng rồi hỏi:

Thánh giả có phải là Ca-lê không?

Phải, nhưng ông hỏi để làm gì?

Tôi không bỏ vợ, vì sao Ni sư độ vợ tôi xuất gia?

Này lão trượng, ông từ đâu đến vậy?

Từ thành Vương-xá đến.

Tỳ-kheo-ni liền mắng: “Quân chết tiệt! Người là quân giặc. Người ở thành Vương-xá thường đến đây để làm gián điệp, dò la tin tức nước ta.” Thế rồi, cô nói với đệ tử: “Lấy y Tăng-già-lê lại đây cho ta, rồi trói tên chết tiệt này đem giam vào trong ngục.”

Ông ta nghe thế hoảng sợ, liền suy nghĩ: “Cặp mắt của người này thật đáng sợ, có thể bà làm thật chứ chẳng chơi.” Thế rồi đôi mắt vừa lác liền ngó chừng, ông vừa từ từ rút lui. Khi ra ngoài rồi, ông nổi giận mắng: “Tỳ-kheo-ni này đã độ vợ ta phi pháp, lại còn muốn bắt trói ta.”

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế liền nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô đến rồi, Phật hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Này Ca-lê! Đó là việc sai trái. Vì sao ngươi độ người mà chủ không cho phép? Từ nay về sau, Ta không cho phép độ người mà chủ không đồng ý.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni độ người mà chủ không cho phép thì phạm sơ tội Tăng-già (519c) bà-thi-sa.

*

❖ Giải thích

Không cho phép: Con gái chưa lấy chồng thì phải hỏi cha mẹ, nếu đã lấy chồng thì phải hỏi chồng, cha mẹ chồng và chú chồng; nếu họ không cho phép mà độ xuất gia, cho thọ Cụ túc, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói, thuộc về sơ tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni độ người mà chủ của họ không cho phép thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu cho họ học giới thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu cho họ thọ Cụ túc thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

8. ĐỘ NGƯỜI PHẠM TỘI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có người vợ của lực sĩ ở ấp A-ma-la còn trẻ, đoan chính, tư thông với người khác. Chồng cô nói: “Em đừng làm như vậy nữa, nếu còn tiếp tục thì anh sẽ trị tội em như vậy, như vậy.” Thế nhưng người vợ vẫn tiếp tục tư thông không bỏ. Người chồng bèn theo dõi bắt gặp hai người đang hành sự, trói lại đem đến quan xử kiện, nói: “Vợ tôi tư thông với người này, xin quan trên dùng pháp luật trị tội giúp tôi.” Viên quan hình pháp nói: “Nếu người nữ tư thông với kẻ khác thì phải trình diện trước hai chúng trong bảy ngày. Sau khi trình diện bảy ngày, phải bị phanh thây trước hai gia đình.” Đoạn, viên quan nói với người vợ ấy: “Người hãy trở về, nếu trong nhà có cửa thì phải chuẩn bị các dụng cụ bố thí ẩm thực. Nếu trong nhà không có cửa thì tùy ý. Sau khi đủ bảy ngày sẽ bị phanh thây trước hai chúng.”

Thế rồi, cô ấy trở về nhà, sắm sửa các thứ ẩm thực bố thí cho hai chúng; rồi cô ngồi ở chỗ vắng khóc lóc. Các bà mẹ thấy thế hỏi:

Vì sao mà con khóc?

Sau bảy ngày nữa con sẽ bị phanh thây trước hai chúng mà không khóc sao được?

Con có muốn được sống không?

Muốn.

Con hãy đến chỗ Tỳ-kheo-ni Ca-lê ở thành Xá-vệ cầu xin xuất gia thì có thể được sống.

Vì mọi người đang say rượu nên cô này theo kế hoạch lặng lẽ lên đi, đến thành Xá-vệ, cô hỏi người ta: “Tăng-già-lam của Tỳ-kheo-ni ở chỗ nào vậy?” Họ bèn chỉ chỗ. Cô đi vào đó, rồi hỏi người khác: “Phòng của Tỳ-kheo-ni Ca-lê ở đâu vậy?” Họ bèn chỉ phòng. Cô liền vào phòng, bạch:

Thưa thánh giả, con muốn xuất gia.

Phu chủ đã cho phép con chưa?

Cho phép như thế nào?

Nếu chưa lấy chồng thì cha mẹ cho phép; nếu đã lấy chồng thì cha mẹ chồng, chồng và chú chồng cho phép. Đó là cho phép.

Nếu như vậy thì con phải tự cho phép, vì các người trong thân tộc đều muốn con phải bị phanh thây, đã vứt bỏ con rồi.

Nếu quả như vậy thì họ đã quyết tâm bỏ con.

Thế là Ca-lê độ cô ấy xuất gia cho thợ Cự túc. Chồng cô đi tìm kiếm để trị tội mà không thấy. Anh ta nghe nói có Tỳ-kheo-ni ở thành Xá-vệ đã độ cho xuất gia rồi, (520a) bèn đi đến thành Xá-vệ hỏi dân chúng: “Tinh xá Tỳ-kheo-ni ở nơi nào vậy?” Dân chúng chỉ chỗ. Rồi ông đi vào Tinh xá hỏi: “Phòng của Tỳ-kheo-ni Ca-lê ở đâu vậy?” Họ liền chỉ chỗ. Ông bước vào phòng hỏi:

Thánh giả là Tỳ-kheo-ni Ca-lê phải không?

Hỏi để làm gì?

Tôi không bỏ vợ, vì sao Ni sư độ cho xuất gia?

Này thiện sĩ, nhà ông ở đâu vậy?

Ở tại ấp A-ma-lặc.

Quân chết tiết, người là quân giặc, người không biết sao? Người ấp A-ma-lặc thường đến đây dò la tin tức của nước ta để làm gián điệp.

Đoạn, Ca-lê nói với đệ tử: “Lấy y của ta đưa đây, ta sẽ đi báo cho vua tóm cổ tên chết tiết này.”

Anh ta nghe thế, suy nghĩ: “Tỳ-kheo-ni này trương mắt ra nhìn hung tợn, có thể làm việc ác.” Nghĩ thế, anh ta từ từ rút lui. Khi ra ngoài rồi, nổi giận mắng: “Vị Sa-môn ni này lên độ vợ ta mà còn muốn bắt trói ta.”

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni Ca-lê đến. Khi cô tới rồi, Phật liền quở trách: “Này Ca-lê, đó là việc phi pháp. Vì sao người biết kẻ đó phạm tội, những người thân của họ muốn trị tội mà độ cho xuất gia? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy. Từ nay về sau, Ta không cho phép, khi biết người nữ kia phạm tội, mọi người muốn trị tội, mà độ cho xuất gia.”

Lại nữa, tại ấp Kiên-đề của dòng họ Thích-ca có người con gái – Như trên đã nói – cho đến, cô nói với Tỳ-kheo-ni:

Xin độ con xuất gia?

Trước đây con đã phạm tội như thế thì không thể xuất gia được.

Thế rồi, cô đi đến các Tỳ-kheo-ni khác, nhưng họ đều không độ. Cô bèn đi đến ngoại đạo xin xuất gia. Người chồng muốn tìm cô về trị tội, nhưng không biết ở đâu, thì nghe nói cô đã được ngoại đạo độ cho xuất gia tại thành Xá-vệ. Anh ta suy nghĩ: “Người này vốn là con của Ưu-bà-tắc mà nay bị rơi vào trong hàng ngũ ngoại đạo tà kiến, cần phải trị tội, nhưng không thể tìm ra.”

Nếp sống của các ngoại đạo là uống nước vo gạo và nước rửa chảo, sống lỏa thể vô liêm sỉ, mà còn đánh vợ không biết tiếc thương. Thế nên, người phụ nữ ấy chán ngán, tự nhủ: “Đây không phải là phép tắc xuất gia”, liền bỏ đi, đến Tinh xá của Tỳ-kheo-ni bạch rằng: “Con từ trên bờ vỡ rơi xuống hầm sâu, sắp sa vào địa ngục, xin hãy kéo con lên, cho con xuất gia.”

Các Tỳ-kheo-ni đều không dám độ. Thế là, cô đến bạch với Đại-ái-đạo: “Thưa thánh giả, con vốn là con gái của dòng họ Thích, mà nay bị rơi xuống hầm sâu, xin độ con xuất gia.” Đại-ái-đạo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy: “Được phép độ. Nếu trước đó ngoại đạo đã độ, thì sau đó cho phép xuất gia.”

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ (520b) phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni biết người nữ phạm tội, những người thân thích muốn trị tội, mà độ họ – trừ khi khác; khi khác là khi ngoại đạo đã độ trước, đó gọi là khi khác – thì phạm sơ tội.

*

❖ Giải thích

Chúng: Hai chúng tập hợp, nghĩa là gồm những người bên phía cha mẹ đẻ và những người bên nhà chồng.

Thân thích: Túc tộc họ Bà-la-môn, tộc họ Sát-lợi, tộc họ Tì-xá, tộc họ Thủ-đà-la.

Trị tội: Hoặc trói, bọc lại để thiêu; hoặc bỏ vào trong bao cát, cột miệng bao lại, thả chìm dưới nước; hoặc dùng lửa đốt đầu; hoặc cắt tai, cắt mũi; hoặc dùng thanh sắt đốt nóng áp vào âm hộ; hoặc đem phân thây, quốc pháp có các loại khác nhau như thế. Ngoại trừ trước đó họ đã xuất gia theo ngoại đạo, rồi độ họ xuất gia, thì Thế Tôn bảo là không có tội.

Ngoại đạo: Như Ni-kiền-đế-lê, Đản-trì-già, đại loại các ngoại đạo như thế.

Đấy là sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo-ni biết người nữ phạm tội đáng trị phạt mà độ cho xuất gia thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu cho họ học pháp thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu cho thọ Cụ túc thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

9. QUA SÔNG MỘT MÌNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có nhiều phụ nữ đang ở bờ bên kia của sông A-kì-la, còn bờ bên này thì Tỳ-kheo-ni tăng vân tập. Thế rồi, Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà cỡi y phục ném xuống đất, rồi bơi qua bên kia bờ sông. Các phụ nữ thấy thế bàn tán nhau: “Hãy xem Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà bơi trên mặt nước mà qua đây.” Sau khi qua đến nơi, cô bèn ngồi trên chỗ đất trống một lát rồi lại bơi trở về. Khi ấy, các phụ nữ bèn chê bai rằng: “Vì sao mà Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà này làm như kẻ hung ác, bơi qua rồi lại bơi về!”

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật quở trách: “Đó là việc xấu. Vì sao tại chỗ có đò qua lại mà người lại bơi qua? Từ nay về sau, Ta không cho phép một mình bơi qua chỗ bến đò.”

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni một mình bơi qua sông tại chỗ bến đò thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

*

❖ Giải thích

Bơi một mình: Rời khỏi bờ sông bên này đến bờ bên kia thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

*

10. TỰ Ý THA TỘI NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Ca-lê đi du hành trong thôn xóm. (520c) Sau khi cô đi, Ni tăng làm Yết-ma cử

tội đê tử y chỉ của cô. Đến khi cô trở về, đê tử liền bạch: “Ni tăng làm Yết-ma cử tội con, không cho con cùng hưởng pháp thực, vị thực.” Cô bèn quở trách đê tử: “Người hãy giữ im lặng, nhưng phải bảo Ni tăng tập hợp”, bèn tập hợp tăng. Các Tỳ-kheo-ni ai nấy đều suy nghĩ: “Vị Tỳ-kheo-ni này đi xa trở về rồi tập hợp Tăng, thường thích có vật bố thí, không hiểu chúng ta hôm nay sẽ được vật gì đây?.” Do suy nghĩ thế nên mọi người đều hoan hỷ tập hợp nhanh chóng. Sau khi tập hợp, cô bèn tuyên bố như sau:

Xin thánh giả Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni mỗ giáp đã bị Tăng làm Yết-ma cử tội. Nếu thời gian của Tăng đã đến, nay Tăng xả pháp Yết-ma cử tội cho Tỳ-kheo-ni mỗ giáp. Đây là lời tác bạch.

Xin thánh giả Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni mỗ giáp đã bị Tăng làm Yết-ma cử tội; nay Tăng xả pháp Yết-ma cử tội cho Tỳ-kheo-ni mỗ giáp; thánh giả Tăng nào bằng lòng xả pháp Yết-ma cử tội cho Tỳ-kheo-ni mỗ giáp thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần Yết-ma thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng làm như thế).

Các Tỳ-kheo-ni thấy đôi mắt của Tỳ-kheo-ni này đáng sợ nên không ai dám ngăn cản cả. Thế rồi, các Tỳ-kheo-ni bàn tán nhau: “Đây là lời nói gì vậy?” Đoạn, ai nấy đều bảo: “Tôi cũng chả hiểu lời nói này.”

Các Tỳ-kheo-ni bèn bạch với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc phi pháp. Vì sao người biết Tỳ-kheo-ni Tăng đã làm Yết-ma cử tội đúng pháp, đúng luật, người ấy chưa tùy thuận, chưa thi hành đúng pháp, người không thừa trước với Tăng mà tự ý xả Yết-ma? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni Tăng hòa hợp làm Yết-ma cử tội đúng pháp, đúng luật; người phạm tội chưa thi hành đúng pháp, mình không thưa trước với Tăng mà tự ý xả tội, thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

*

❖ Giải thích

Như pháp, như luật: Không thấy tội thì không vạch tội ba lần để cho thấy.

Chưa xả pháp Yết-ma cử tội: Không được sống chung.

Chưa làm đúng pháp: Chưa tùy thuận, tâm chưa điều phục, Tăng chưa xả tội.

Không thưa trước: Chưa làm pháp Yết-ma cầu thỉnh trước Tăng mà tự ý xả tội giữa Tăng, thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói.

Nếu đệ tử bị Tăng hòa hợp làm Yết-ma cử tội thì Hòa thượng ni hoặc A-xà-lê ni nên đến chỗ Tỳ-kheo-ni trưởng lão (521a) nói như sau: “Ai mà không ngu si, không có lỗi, lúc nào cũng có trí tuệ, vì không biết cho nên mới như vậy, người ấy sẽ không dám tái phạm nữa.” Phải nói với tất cả mọi người như vậy để cho tâm họ nhu nhuyễn, rồi mới làm Yết-ma cầu thỉnh ở giữa Tăng. Người làm Yết-ma nên nói như sau:

Xin các thánh giả Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni mỗ giáp có việc ấy nên Tăng làm Yết-ma cử tội. Nay người ấy đã tùy thuận, tâm đã nhu nhuyễn. Nếu thời gian của Tăng đã đến, nay mỗ giáp muốn đến giữa Tăng xin xả pháp Yết-ma cử tội.

Các thánh giả Tăng xin lắng nghe. Mỗ giáp muốn vào giữa Tăng xin xả pháp Yết-ma cử tội. Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng; việc ấy cứ như thế mà thi hành.

Phải làm Yết-ma như vậy xong rồi mới xin. Nếu có người ngăn cản thì Hòa thượng nên dùng lời nhỏ nhẹ khuyên họ thôi đi.

Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tăng hòa hợp làm Yết-ma cử tội đúng pháp, đúng luật mà tự ý xả Yết-ma thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

*

11. NHẬN VẬT CỦA NGƯỜI CÓ TÀ TÂM

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy có một trưởng giả vì lòng dục mà mời Tỳ-kheo-ni Thọ Đề cúng dường y, bát, ẩm thực, thuốc trị bệnh, nói như sau:

Thánh giả có biết tôi cúng vì lẽ gì không?

Biết.

Biết như thế nào?

Vì muốn được phước đức.

Đương nhiên rồi, nhưng còn gồm cả lòng ái dục nữa.

Lúc ấy, Thọ Đề là người đã ly dục nên nghe lời nói kia tâm cô vẫn thản nhiên không thềm để ý, do thế mà không ngăn cản. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thọ Đề đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi lại đầy đủ sự việc trên:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Người không làm mẩu mực cho người đời sau sao? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Vương-xá phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không có tâm ô nhiễm mà nhận y, bát, thức ăn uống, thuốc trị bệnh của người đàn ông có tâm ô nhiễm, thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Như Tỳ-kheo-ni Thọ-Đề.

Không có tâm ô nhiễm: Không có tâm ái dục.

Bát: Gồm ba loại, thượng, trung và hạ.

Y: Gồm có y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, Tăng-kì-chi và y tám mưa.

Thức ăn uống: Như thức ăn Khư-đà-ni, bồ-xà-ni.

Thuốc: Mật, đường phèn, sanh tô và mỡ; đây thuộc về sơ tội.

Nếu có người cúng dường cho Tỳ-kheo-ni y, bát, thức ăn uống, thuốc trị bệnh mà nói như sau: “Tôi vì lý do đó mà cúng dường”, thì không nên nhận, mà nên nói: “Tôi không cần, (521b) đã có những nhà khác cung cấp rồi.” Nếu như nhận thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu họ không nói mà cử động tay chân, liếc mắt, khảy móng tay, viết chữ dưới đất, làm các dấu hiệu như vậy, thì biết họ có lòng dục đối với mình, mình không nên nhận. Nếu nhận thì phạm tội

Thâu-lan-giá. Nếu họ có lòng tin thanh tịnh, tình ý chân chính, thì mình nhận không có tội.

Nếu người nữ có lòng dục khi cúng dường cho Tỳ-kheo mà cử động chân tay, liếc mắt nhìn, thì biết là họ có lòng dục; không nên nhận. Nếu nhận thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Trái lại, nếu họ có lòng tin thanh tịnh, tình ý chân chính thì mình nhận không có tội.

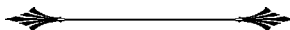
Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

Hết quyển thứ ba mươi sáu

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 37

TẶNG TÀN (tiếp theo)

12. KHUYÊN NGƯỜI LÀM ĐIỀU PHI PHÁP

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy đức Thế Tôn chế giới không cho Tỳ-kheo-ni nhận y, bát, thức ăn uống, thuốc trị bệnh của đàn ông có tâm nhiễm ô, nên Tỳ-kheo-ni Thọ-Đề không nhận y bố thí của trưởng giả. Thế rồi, Tỳ-kheo-ni Thân-lan-nan-đa hỏi Thọ-Đề rằng: “Vì sao cô không lấy vật bố thí của người đàn ông này? Người đàn ông có tâm ô nhiễm hay không đâu có liên quan gì đến việc của cô, miễn là tâm cô không ô nhiễm thì có thể lấy rồi tùy nghi sử dụng.”

Các Tỳ-kheo-ni bèn khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy rằng: “Cô đừng nói như sau: Đàn ông có tâm ô nhiễm hay không đâu có liên quan gì đến việc của cô, miễn là tâm cô không ô nhiễm, thì có thể lấy rồi tùy nghi sử dụng.” Họ khuyên can như vậy đến lần thứ hai, thứ ba mà cô vẫn không bỏ.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy trình bày với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc phi pháp. Vì sao người bảo người kia nhận vật bố thí của người có tâm ô nhiễm? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Vương-xá phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni khác rằng: “(521c) Nên nhận vật bố thí của người đàn ông này dù họ có tâm ô nhiễm hay không thì đâu có liên quan gì đến việc của cô, miễn là tâm cô không ô nhiễm thì nên lấy rồi tùy nghi sử dụng”, thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy rằng: “Cô đừng nói như sau: Nên nhận vật bố thí ấy, dù người đàn ông ấy có tâm ô nhiễm hay không thì có liên quan gì đến việc của cô, miễn là tâm cô không ô nhiễm thì nên lấy rồi tùy nghi sử dụng.” Sau khi khuyên can như vậy đến lần thứ hai, thứ ba, nếu bỏ việc ấy thì tốt, nếu không bỏ thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni nói lời ấy: Như Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà.

Nhận vật bố thí: Như Tỳ-kheo-ni Thọ Đễ.

Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy bỏ việc đó, mà nếu như không bỏ, rồi được khuyên can qua ba giai đoạn, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

13. VÔ CỐ HỦY BÁNG TĂNG

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, có kẻ hỗ trợ người phá Tăng như trong giới của Tỳ-kheo đã nói rõ. Thế nên đức Thế Tôn nói: “Nếu Tỳ-kheo-ni muốn phá sự hòa hợp của Tăng nên tìm phương tiện kiên trì phá công việc của Tăng gây nên tranh cãi, thì các

Tỳ-kheo-ni nên nói với Tỳ-kheo-ni ấy như sau: “Thưa thánh giả! Người đừng phá sự hòa hợp của Tăng, tìm phương tiện kiên trì phá công việc của Tăng, gây nên tranh cãi, mà nên hòa đồng với Tăng. Vì sao vậy? Vì Tăng có hòa hợp, hoan hỷ, không tranh cãi, cùng học một giới pháp, như nước hòa với sữa, nói năng đúng pháp thì mới sống an lạc.”

Nếu Tỳ-kheo-ni ấy được các Tỳ-kheo-ni khác khuyên can mà vẫn kiên trì không bỏ, thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Sau ba lần khuyên can, nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ rồi được khuyên can qua ba giai đoạn, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can Tỳ-kheo-ni phá Tăng ấy mà có các Tỳ-kheo-ni đồng ý tương trợ hoặc một, hoặc hai, hoặc nhiều người cùng nói, cùng ý kiến phản đối rằng: “Thưa thánh giả, xin người đừng nói Tỳ-kheo-ni ấy tốt hay xấu. Vì sao thế? Vì Tỳ-kheo-ni ấy nói đúng pháp, nói đúng luật. Điều gì Tỳ-kheo-ni ấy nói ra chúng tôi đều hài lòng. Những kiến giải của Tỳ-kheo-ni ấy là có thể chấp nhận được. Chúng tôi cũng đều có thể chấp nhận. Tỳ-kheo-ni ấy biết mới nói, chứ không phải không biết mà nói”, thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can vị Tỳ-kheo-ni đồng ý ấy rằng: “Này thánh giả, người đừng bảo rằng vị Tỳ-kheo-ni kia nói đúng pháp, nói đúng luật. Vì sao thế? Vì đó là Tỳ-kheo-ni nói phi pháp, nói phi luật. Này thánh giả, người đừng hỗ trợ việc phá Tăng, mà nên vui vẻ hỗ trợ việc Tăng hòa hợp. Vì sao thế? Vì Tăng có hòa hợp, vui vẻ, không tranh cãi, cùng học một giới pháp, như nước hòa với sữa, nói năng đúng pháp thì mới sống an lạc.”

Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can vị Tỳ-kheo-ni ấy (522a) mà vị ấy vẫn kiên trì không bỏ thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu bỏ việc ấy thì tốt, nếu không bỏ mà được tiếp tục khuyên can qua ba giai đoạn thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà có việc tranh cãi, Tăng làm Yết-ma cử tội cô đúng pháp, đúng luật. Nhưng khi làm Yết-ma xong, cô nổi giận, vô lý hủy báng

Tăng như sau: “Các thánh giả Tăng tùy ái, tùy sân, tùy sợ, tùy si; Tăng vì ái, vì sân, vì sợ, vì si mà khiển trách. Đó là việc xử đoán phi pháp.”

Các Tỳ-kheo-ni bèn khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy rằng: “Này thánh giả! Người đừng có vô lý hủy báng Tăng. Tăng không tùy ái, tùy sân, tùy sợ và tùy si; Tăng không vì ái, vì sân, vì sợ, vì si mà xử đoán phi pháp.” Họ khuyên can như vậy đến lần thứ hai, thứ ba mà cô ta vẫn không bỏ.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Người hãy đến khuyên can ở chỗ vắng ba lần khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần, khuyên can ở giữa chúng Tăng ba lần cho bỏ việc ấy. Khi khuyên can ở chỗ vắng nên hỏi: “Có thật cô nổi sân vô lý hủy báng Tăng rằng: Tăng tùy ái, tùy sân, tùy sợ và tùy si; Tăng vì ái, vì sân, vì sợ và vì si chăng?” Nếu đáp: “Đúng như vậy”, thì nên khuyên can ở chỗ vắng như sau: “Cô đừng có nổi sân vô lý hủy báng Tăng, vì Tăng không tùy ái, tùy sân, tùy sợ và tùy si; Tăng cũng không vì ái, vì sân, vì sợ, vì si mà xử đoán phi lý. Nay tôi vì lòng từ khuyên can cô là muốn cho cô được lợi ích, một lần khuyên can đã xong còn hai lần khuyên can nữa, vậy cô có bỏ việc đó không?” Nếu đáp: “Không bỏ”, thì tiếp tục khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba cũng như vậy. Đồng thời khuyên can ở chỗ nhiều người cũng như vậy.

Thế rồi đến giữa Tăng làm pháp Yết-ma cầu thỉnh:

Xin các thánh giả Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà nổi sân vô lý hủy báng Tăng rằng: “Tăng tùy ái, tùy sân, tùy sợ và tùy si; Tăng vì ái, vì sân, vì sợ và vì si.” Tăng đã khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần để cho bỏ việc ấy mà cô không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, nay Tăng cũng khuyên can ba lần.

Thế rồi, nên hỏi ở giữa Tăng: “Có thật cô nổi sân vô lý hủy báng Tăng rằng: “Tăng tùy ái, tùy sân, tùy sợ và tùy si, cho đến nói: “Đó

là việc xử đoán phi pháp”, rồi được Tăng khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà vẫn không bỏ phải không?” Nếu đáp: “Đúng như vậy”, thì nên khuyên can ở giữa Tăng như sau: “Cô chớ có nổi sân vô lý phi báng Tăng, vì Tăng không tùy ái, tùy sân, tùy sợ và tùy si, cho đến phi lý xử đoán. Nay Tăng vì lòng từ muốn cho cô được lợi ích, cô nên nghe lời Tăng. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa, cô có bỏ việc đó không?” Nhưng cô đáp: “Không bỏ.” Thế rồi, Tăng khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba (522b) cô vẫn không bỏ.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi lại đầy đủ sự việc kể trên:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Này Thâu-lan-nan-đà, đó là việc phi pháp. Người không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện quở trách tính bướng bỉnh, khen ngợi sự nhu nhuyễn hay sao? Vì sao người lại bướng bỉnh? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni nổi sân vô lý hủy báng Tăng như sau: “Tăng tùy ái, tùy sân, tùy sợ và tùy si; Tăng vì ái, vì sân, vì sợ và si. Cho nên quở trách”, thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy rằng: “Này thánh giả, người chớ có nói rằng Tăng tùy ái, tùy sân, tùy sợ và tùy si; Tăng vì ái, sân, sợ và si. Vì sao thế? Vì Tăng không tùy ái, sân, sợ và si. Người đừng nổi giận vô lý hủy báng Tăng.” Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy mà Tỳ-kheo-ni ấy vẫn kiên trì không bỏ thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu bỏ thì tốt, nếu

không bỏ, rồi được tiếp tục khuyên can hết ba giai đoạn thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Như Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà nổi sân vô lý hủy báng Tăng.

Khuyên can ở chỗ vắng ba lần mà không bỏ: Cứ mỗi lần khuyên can phạm một tội Việt-tỳ-ni, khuyên can ở chỗ nhiều người cũng vậy.

Trong trường hợp khuyên can ở giữa chúng Tăng thì lần thứ nhất bắt đầu khuyên can phạm tội Việt-tỳ-ni, khuyên can xong phạm tội Thâu-lan-giá. Lần thứ hai bắt đầu khuyên can cũng phạm tội Việt-tỳ-ni, khuyên can xong phạm tội Thâu-lan-giá. Lần thứ ba bắt đầu khuyên can phạm tội Thâu-lan-giá, khuyên can xong phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Tội Tăng-già-bà-thi-sa được hình thành do ba giai đoạn khuyên can ở chỗ vắng, ở chỗ nhiều người, ở giữa chúng Tăng gồm tất cả các tội Việt-tỳ-ni, Thâu-lan-giá – trừ tám tội Thâu-lan-giá hủy báng Tăng – hợp các tội này thành một tội Tăng-già-bà-thi-sa để mà trị phạt. Nếu nửa chừng mà đình chỉ thì tùy theo đình chỉ ở chỗ nào trị phạt theo mức độ đó. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

14. BAO CHE LỖI LẦM CHO NHAU

Khi Phật an trú tại Câu-diệm-di, Tỳ-kheo-ni mẹ của Xiển-đà được các Tỳ-kheo-ni căn cứ theo pháp, theo luật dạy bảo cô phải học tập chớ có phạm tội, thì cô tự làm cho mình trở thành người không ai nói chuyện được, như trong câu chuyện Xiển-đà bướng bỉnh đã nói rõ. Cho đến: Nếu Tỳ-kheo-ni nói bướng bỉnh, rồi được các Tỳ-

kheo-ni khác căn cứ theo pháp, theo luật chỉ bảo, mà nói một cách ngoan cố rằng: “Người đừng nói ta tốt hay xấu. Ta cũng không nói người tốt hay xấu”, thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy như sau: “(522c) Này thánh giả! Các Tỳ-kheo-ni sống chung trong chánh pháp, căn cứ theo pháp, theo luật chỉ bảo cô thì cô đừng có bướng bỉnh mà phải vâng lời. Đồng thời, cô cũng nên căn cứ theo pháp, theo luật mà chỉ bảo các Tỳ-kheo khác. Vì sao thế? Vì trong hàng đệ tử của đức Như Lai có chỉ bảo lẫn nhau, khuyên can lẫn nhau, cùng xuất tội cho nhau, thì thiện pháp mới tăng trưởng.”

Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy mà Tỳ-kheo-ni ấy kiên trì không bỏ thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu bỏ việc ấy thì tốt, nếu không bỏ rồi được khuyên can hết ba giai đoạn thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, như trong giới của Tỳ-kheo đã nói rõ. Thế nên nói (như trên).

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có hai Tỳ-kheo-ni, người thứ nhất tên Chân-đàn là con gái của nhà họ Thích, người thứ hai tên Uất-đa-la, hai người thân thường thân cận, miệng thường thân cận, thân miệng thường thân cận và thường che giấu lỗi lầm cho nhau.

Thân thường thân cận: Cùng ngủ một giường, cùng ngồi một giường, cùng ăn một bát, cùng mặc chung y phục và cùng đi cùng về.

Miệng thường thân cận: Nói những lời với tâm ô nhiễm, cùng che giấu tội cho nhau. Người này phạm tội thì người kia che giấu, người kia phạm tội thì người này che giấu.

Thân miệng thường thân cận: Gồm đủ cả hai việc thân và miệng.

Tỳ-kheo-ni khuyên can họ rằng: “Này thánh giả, người đừng có thân thường thân cận, miệng thường thân cận, thân miệng thường thân cận, đừng có che giấu lỗi lầm cho nhau. Vì sao vậy? Vì làm như thế thì thiện pháp không sinh.” Họ khuyên một lần, hai lần,

ba lần nhưng hai cô kia vẫn không từ bỏ. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem đến trình bày với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi họ tới rồi, Phật hỏi:

Các người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao các người lại dùng thân miệng thân cận, cùng che giấu tội lỗi cho nhau? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu hai Tỳ-kheo-ni sống thân cận, che giấu tội cho nhau thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can họ rằng: “Này các thánh giả, các vị chớ có sống thân cận, che giấu tội cho nhau. Vì sống thân cận thì thiện pháp không sinh.”

Nếu các Tỳ-kheo-ni khuyên can hai Tỳ-kheo-ni ấy như vậy mà họ vẫn kiên trì không bỏ, thì nên khuyên đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu họ bỏ việc đó thì tốt, nếu như không bỏ, rồi được tiếp tục khuyên can hết ba giai đoạn, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

*

15. KHUYÊN NGƯỜI SỐNG QUAN HỆ MẬT THIẾT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Thế Tôn chế giới không cho sống thân cận nhau thì hai Tỳ-kheo-ni Chân-đàn con gái nhà họ Thích và Uất-đa-la mỗi người ở một chỗ. (523a) Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Thân-lan-nan-đà bèn khuyên họ: “Này thánh giả, người cứ việc sống thân cận, che giấu tội cho nhau, đừng sống xa cách; vì sống như thế không phương hại gì đến việc sinh thiện pháp.

Những người khác cũng sống thân cận như vậy mà Tăng không thể ngăn cản, nhưng vì Tăng khinh thường cô nên mới cấm chế như vậy.”

Các Tỳ-kheo-ni bèn khuyên can Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà: “Này thánh giả, cô đừng nói như sau: Cứ việc sống thân cận, che giấu tội cho nhau, đừng sống xa cách; vì làm như vậy không phương hại gì đến việc tăng trưởng thiện pháp. Vì Tăng khinh thường cô nên mới cấm chế.”

Các Tỳ-kheo-ni khuyên can Thâu-lan-nan-đà một lần, hai lần, ba lần như vậy mà cô vẫn không bỏ. Do thế, họ nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Hai Tỳ-kheo-ni Chân-đàn con nhà họ Thích và Uất-đa-la sống xa nhau mà Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà khuyên họ sống gần nhau, bảo rằng sống như vậy không phương hại gì đến việc tăng trưởng thiện pháp, thì nên khuyên cô ấy ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần và ở giữa chúng Tăng ba lần cho bỏ việc ấy. Khi khuyên can ở chỗ vắng, nên nói như sau: “Này Thâu-lan-nan-đà, cô khuyên Tỳ-kheo-ni Chân-đàn và Uất-đa-la rằng: “Cứ việc sống thân cận, che giấu tội cho nhau, đừng sống xa cách; vì làm như vậy không phương hại gì đến việc tăng trưởng thiện pháp. Những người khác cũng sống thân cận như vậy mà Tăng không thể ngăn cản được, vì Tăng khinh thường hai cô nên mới cấm chế”, có phải thế không?”

Nếu đáp: “Đúng như vậy”, thì nên khuyên can: “Cô chớ nên nói rằng: “Hãy sống thân cận, che giấu tội cho nhau, đừng sống xa nhau; vì làm như vậy không phương hại gì đến việc tăng trưởng thiện pháp. Những người khác cũng sống thân cận như vậy mà Tăng không thể ngăn cản được họ. Nhưng vì Tăng khinh thường các cô nên mới cấm chế.” Nay tôi vì lòng từ muốn được lợi ích nên khuyên can cô. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa, cô có bỏ việc đó không?” Nếu đáp: “Không bỏ”, thì nên khuyên can tiếp lần thứ hai, thứ ba, rồi ở chỗ nhiều người cũng

khuyên can như vậy. Nếu như không bỏ thì đến giữa Tăng làm Yết-ma cầu thỉnh, nói như sau:

Xin thánh giả Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà khuyên Tỳ-kheo-ni Chân-đàn con gái nhà họ Thích và Tỳ-kheo-ni Uất-đa-la rằng: “Cứ việc sống thân cận, che giấu tội cho nhau, vì làm như vậy không phương hại gì đến việc tăng trưởng thiện pháp”, rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, nay Tăng cũng khuyên can ba lần cho bỏ việc ấy.

Thế rồi, nên hỏi Thâu-lan-nan-đà ở giữa Tăng: “Có thật cô khuyên hai người kia hãy sống thân cận, rồi được Tăng khuyên cô rằng: “Nay Tăng vì lòng từ nên khuyên cô, vì muốn cô được lợi ích. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên nữa, cô có bỏ việc đó không?” nhưng cô vẫn đáp: “Không bỏ”, rồi được khuyên đến lần thứ hai, thứ ba, cô vẫn không bỏ phải không?”

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

(523b) Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo-ni khác sống xa nhau mà khuyên can rằng: “Hãy sống gần nhau, cùng che giấu tội cho nhau, đừng sống xa nhau; vì làm như vậy không phương hại gì đến việc tăng trưởng thiện pháp. Những người khác cũng sống gần nhau như vậy mà Tăng không thể ngăn cản; vì Tăng khinh thường các vị nên mới cấm chế”, thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên Tỳ-kheo-ni ấy rằng: “Này thánh giả, mỗ

giáp, mỗi giáp sống xa nhau, cô đừng khuyên bảo họ sống gần nhau, cùng giấu tội cho nhau; sống gần nhau không phương hại gì đến việc tăng trưởng thiện pháp. Những người khác cũng sống gần nhau mà Tăng không thể ngăn cản, vì Tăng khinh thường các vị nên mới cấm chế các vị như vậy.”

Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy mà cô vẫn kiên trì không bỏ, thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ, rồi được khuyên can hết ba giai đoạn thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

*

❖ Giải thích

Ở cách xa nhau: Như Chân-đàn con gái nhà họ Thích và Tỳ-kheo-ni Uất-đa-la.

Khuyên: Như Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đa (khuyên hai người kia).

Sống thân cận: Như thân sống thân cận, miệng thân cận, thân miệng thân cận.

Che giấu: Khi thân miệng người này có lỗi thì người kia che giấu, khi thân miệng người kia có lỗi thì người này che giấu.

Tỳ-kheo-ni ấy: Như Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đa.

Các Tỳ-kheo-ni: Như Tăng, nhiều người hoặc một người.

Ba lần khuyên can: Ba lần khuyên can ở chỗ vắng, ba lần khuyên can ở chỗ nhiều người và ba lần khuyên can ở giữa chúng Tăng. Khi khuyên can ở chỗ vắng nên hỏi: “Có thật cô khuyên Tỳ-kheo-ni mỗi giáp, mỗi giáp chớ có sống xa nhau hay không?” Nếu đáp: “Có thật như vậy”, thì nên khuyên can: “Này thánh giả, cô đừng làm như vậy. Mỗi giáp, mỗi giáp sống xa nhau, cô đừng bảo họ sống gần nhau.” Nếu khuyên can một lần không bỏ, rồi khuyên can lần thứ hai, thứ ba cũng không bỏ, thì phải khuyên can ở chỗ

nhiều người cũng như vậy. Cuối cùng, khuyên can ở giữa chúng Tăng ba lần. Nếu sau ba lần khuyên can mà không bỏ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo-ni được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, thì cứ mỗi lần khuyên can phạm một tội Việt-tỳ-ni. Khi khuyên can ở chỗ nhiều người, thì mỗi lần khuyên can cũng phạm một tội Việt-tỳ-ni. Khi khuyên ở giữa Ni chúng thì lần thứ nhất bắt đầu khuyên can phạm tội Việt-tỳ-ni; khuyên can xong, phạm tội Thâu-lan-giá; lần thứ hai bắt đầu khuyên can phạm tội Việt-tỳ-ni, khuyên can xong, phạm tội Thâu-lan-giá; lần thứ ba bắt đầu khuyên can phạm tội Thâu-lan-giá, khuyên can xong phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Tội Tăng-già-bà-thi-sa được hình thành sau khi khuyên can ở chỗ vắng, ở chỗ nhiều người và ở giữa Ni chúng, gồm tất cả các tội Việt-tỳ-ni, Thâu-lan-giá hợp thành một tội (523c) Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu giữa chừng mà đình chỉ thì tùy theo sự đình chỉ ở chỗ nào trị tội ở khoản đó. Thế nên nói (như trên).

*

16. NỔ GIẬN BỎ GIỚI

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, dưới cây Ni-câu-luật, ở Ca-duy-la-vệ, lúc ấy hai mẹ con của người họ Thích đều xuất gia. Người mẹ xuất gia trong hàng ngũ ngoại đạo nói với con gái:

Nay mẹ con ta vì sao sống mà xa lìa nhau? Con nên đến đây sống với ta.

Con không thể vô cơ mà đến đây, phải đợi có nguyên nhân gì mới đến được.

Thế rồi, cô ta trở về tỏ ra giận dữ gây lộn với Tỳ-kheo-ni khác, nói: “Nay tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, bỏ thuyết giới, bỏ sống chung, ăn chung, bỏ kinh luận. Tôi không phải là Tỳ-kheo-ni, không phải là dòng họ Thích. Trong hàng ngũ ngoại đạo cũng có pháp thù thắng, có chỗ tu phạm hạnh. Tôi làm Sa-môn ni theo dòng họ Thích để làm gì? Tôi sẽ đến chỗ ngoại đạo tu phạm hạnh.”

Các Tỳ-kheo-ni bèn khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy rằng: “Này thánh giả, chớ có bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, chớ bỏ dòng họ Thích. Bỏ Phật là điều không tốt, thậm chí bỏ dòng họ Thích cũng là điều không tốt.” Họ khuyên can lần thứ nhất, cô không bỏ, khuyên can lần thứ hai cho đến lần thứ ba, cô cũng không bỏ.

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Trước hết người hãy đến chỗ vắng khuyên can ba lần, rồi đến chỗ nhiều người khuyên can ba lần, đến giữa chúng Tăng khuyên can ba lần cho bỏ việc đó. Khi khuyên can ở chỗ vắng nên hỏi: “Có thật cô nổi giận nói rằng tôi bỏ giới, bỏ Phật, thậm chí... nói: “Làm Sa-môn ni dòng họ Thích để làm gì? Tôi sẽ đến chỗ tối thắng khác để tu phạm hạnh”, đúng thế không?” Nếu đáp: “Có thật như vậy”, thì nên khuyên can: “Cô chớ có bỏ giới, bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, thậm chí bỏ Sa-môn ni dòng họ Thích. Vì bỏ Phật là điều không tốt, bỏ Sa-môn ni dòng họ Thích cũng là điều không tốt. Nay tôi vì lòng từ muốn cô được lợi ích nên khuyên can. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa, vậy cô có bỏ việc ấy không?” Nếu đáp: “Không bỏ”, thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba cũng như vậy; rồi ở chỗ nhiều người cũng khuyên can như vậy. Nếu không bỏ thì hãy đến giữa chúng Tăng làm pháp Yết-ma cầu thỉnh, hỏi như trường hợp ở chỗ vắng. Nhưng cô vẫn nhất quyết không bỏ.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc trên:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu, là điều phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Ca-duy-la-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni nổi sân muốn bỏ (524a) giới, nói như sau: “Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, bỏ thuyết giới, bỏ sống chung, ăn chung, bỏ kinh luận, bỏ Sa-môn ni dòng họ Thích, làm Sa-môn ni dòng họ Thích để làm gì? Nơi khác cũng có pháp tối thắng. Tôi sẽ đến đó để tu phạm hạnh”, thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy rằng: “Này thánh giả, chớ có nổi sân bỏ giới, nói rằng tôi bỏ Phật, cho đến bỏ Sa-môn ni dòng họ Thích; vì bỏ Phật là điều không tốt.” Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can như vậy mà vẫn kiên trì không bỏ thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu bỏ việc đó thì tốt, nếu không bỏ rồi được khuyên can đủ ba trường hợp thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Như người nữ dòng họ Thích muốn bỏ giới, bỏ Phật cho đến bỏ Sa-môn ni.

Chư Tỳ-kheo-ni: Một người, nhiều người, Tăng.

Ba lần can gián: Trường hợp ở chỗ vắng, trường hợp ở chỗ đông người, chỗ Tăng. Bỏ thì tốt, không bỏ sau ba lần can gián thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Khi khuyên can ở chỗ vắng mà bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì cứ mỗi lần khuyên can phạm một tội Việt-tỳ-ni. Khi khuyên can ở chỗ nhiều người cũng thế. Khi khuyên can ở giữa chúng Tăng thì lần thứ nhất bắt đầu khuyên can, phạm tội Việt-tỳ-ni, khuyên can xong, phạm tội Thâu-lan-giá; lần thứ hai bắt đầu khuyên can cũng phạm tội Việt-tỳ-ni, khuyên can xong phạm tội Thâu-lan-giá; lần thứ ba bắt đầu khuyên can phạm tội Thâu-lan-giá, khuyên can xong phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Tội Tăng-già-bà-thi-sa khởi đầu từ lúc khuyên can ở chỗ vắng, ở chỗ nhiều người, ở giữa chúng Tăng kết thành một tội nặng và phải trị phạt theo tội Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu như nửa chừng mà đình chỉ thì tùy theo đình chỉ ở chỗ nào trị tội ở khoản đó. Thế nên, đức Thế Tôn nói (như trên).

KẾT THÚC GIỚI TĂNG-GIÀ-BÀ-THI-SA

Xin các thánh giả Tăng lắng nghe. Tôi đã thuyết xong 16 pháp Tăng-già-bà-thi-sa. Mười hai pháp đầu hễ bắt đầu phạm là thành tội, còn bảy pháp sau phải trải qua ba lần khuyên can (mà không bỏ mới thành tội). Nếu Tỳ-kheo-ni phạm mỗi một tội thì phải hành pháp Ma-na-đỏa ở giữa hai bộ chúng trong nửa tháng. Kế đến, cho xuất tội trước hai bộ chúng, mỗi bộ hai mươi người, để cho vừa ý mọi người. Nếu Tăng số hai mươi người mà thiếu một người... thì việc xuất tội Tỳ-kheo-ni này không thành, mà các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni còn đáng khiển trách. Thế nên, khi xuất tội cần phải hỏi: “Các vị ở trong đây có thanh tịnh không?”, lần thứ hai, thứ ba cũng hỏi: “Các vị ở trong đây có thanh tịnh không? Các vị ở trong đây thanh tịnh nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.”

Kệ tóm tắt:

“Làm mai mối, vu khống,
Tranh tụng, đi một mình.

Không cho, người phạm tội,
Qua sông, tự xả tội.
Nhận vật người ô nhiễm,
Khuyên lấy vật bố thí.
(524b) Mười hai thuộc sơ tội.
Phá Tăng và tương trợ.
Giận dữ hủy báng Tăng,
Bướng bỉnh, sống gần nhau.
Khuyên thân cận, bỏ giới,
Kết thúc thiên thứ hai.”

*

(Hết 16 giới Tăng tàn của Tỳ-kheo-ni)

NI-TÁT-KỲ

(Ni-tát-kỳ, gọi đủ Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, hay còn gọi giới Buông bỏ và Phát lộ, gồm ba mươi giới, trong này chỉ liệt kê hai mươi mốt giới. Mười giới từ 1 – 10 của Ni-tát-kỳ giống Tỳ-kheo – xem quyển 1 từ trang 328 đến 403)

“Mười ngày, rời y ngủ,
Phi thời, cầm vàng bạc.
Mua bán và xin y,
Cho xin, được lấy hai,
Đòi y hai cư sĩ,
Vua tôi việc thứ mười,
Trong Tỳ-kheo đã nói.
Kết thúc phần thứ nhất.”

11. XIN TIỀN MUA GIƯỜNG RỒI MUA THỨ KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đa sống trong thôn xóm, đi lạc quyền tiền sắm giường, nệm, gối, câu chấp cho Tăng, nói với những người phụ nữ rằng: “Này Ưu-bà-di, các người nên cúng dường giường, nệm, gối, câu chấp cho Tăng.” Lúc ấy, những người phụ nữ vốn có lòng tin, hoan hỉ liền cúng dường tiền sắm giường, nệm, gối, câu chấp. Khi được tiền rồi, cô bèn đem mua y, bát, thức ẩm thực, thuốc men. Lúc Tỳ-kheo-ni tuần tự khát thực đến gia đình ấy, các người phụ nữ liền hỏi: “Thưa thánh giả, con cúng dường tiền mua giường,

nệm, gối, câu chấp cho Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà, không biết cô ấy đã sắm chưa?” Tỳ-kheo-ni nói: “Đâu có sắm gì đâu! Chỉ thấy mua y, bát, thức ẩm thực và thuốc men mà thôi!”

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Có thật người xin tiền mua giường, nệm, gối, câu chấp rồi đem mua sắm thứ khác không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Người không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện chê trách đa dục, khen ngợi thiếu dục hay sao? Vì sao người làm việc xấu, bất thiện như thế. Đây là điều phi pháp, phi luật, chẳng phải đúng lời Ta dạy, không thể dùng nó để nuôi lớn thiện pháp. Từ nay về sau, Ta không cho phép xin tiền mua giường nệm rồi đem sắm thứ khác.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni xin tiền mua giường nệm mà đem sắm y bát, thức ẩm thực, thuốc trị bệnh thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Giường nệm gối câu chấp: Như trong giới của Tỳ-kheo trên kia đã nói rõ.

Xin: Khuyến hóa cầu xin (Nếu xin mua giường nệm) mà sau đó dùng mua y bát, thức ẩm thực, thuốc men thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Vật ấy nên đem xả giữa Tăng rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. (524c) Nếu không xả mà sám hối thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trong giới của Tỳ-kheo đã nói rõ.

Nếu Tỳ-kheo-ni xin tiền sắm giường nệm mà dùng mua y bát, thức ăn uống, thuốc men thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu xin mua thứ này thì không được dùng mua thứ khác. Nếu xin mua giường mà dùng mua nệm, xin mua nệm mà dùng mua gối, xin mua gối mà dùng mua câu chấp thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đi khuyến hóa xin được nhiều tiền mua giường nệm thì phải mỗi thứ chỉ cho người ta biết: khoản này là tiền mua giường, khoản này là tiền mua nệm, khoản này là tiền mua gối, khoản này là tiền mua câu chấp. Nếu không làm như vậy thì mỗi khoản phạm mỗi tội Việt-tỳ-ni. Nhưng được dùng số tiền kể trên để sửa chữa phòng ốc và mua sắm nồi chảo thì vẫn đúng pháp.

Nếu Tỳ-kheo-ni xin tiền mua giường nệm mà mua sắm các thứ khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng được đem đổi chác dùng một cách đúng pháp. Thế nên nói (như trên).

*

12. TIỀN CÚNG THỨ NÀY ĐEM MUA THỨ KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà mặc y bản thủ, rách rưới đi khát thực có người phụ nữ thấy thế, nói: “Thưa thánh giả, con xin cúng dường tiền may y để cô sắm y.” Lại có người khác nói: “Con xin cúng tiền sắm bát để cô mua bát.” Khi được tiền rồi, cô chỉ mua thức ẩm thực dùng hết mà không sắm y bát. Thế rồi, có Tỳ-kheo-ni đi khát thực, người phụ nữ kia bèn hỏi: “Trước đây con có cúng tiền sắm y bát không biết Thâu-lan-nan-đà đã mua chưa?” Đáp: “Chỉ thấy mua thức ăn, đâu có thấy mua sắm y bát gì đâu!”

Tỳ-kheo-ni nghe câu chuyện ấy bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Ngươi không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện khen ngợi thiếu dục, chê trách đa dục hay sao? Vì sao ngươi được tiền sắm y bát mà lại đem dùng vào việc khác? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như thế.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni được người ta cúng dường để mua thứ này mà đem mua thứ khác thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Cúng dường để mua thứ này: Cúng dường tiền để mua y bát.

Đem mua thứ khác: Mua thức ăn uống, thuốc men. Nếu làm như vậy thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Vật ấy phải đem xả giữa Tăng rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo-ni được người ta cúng dường tiền mua y, tiền mua bát, tiền mua dầu sữa thì tiền mua y phải dùng để mua y, tiền mua bát phải dùng để mua bát, tiền mua sữa phải dùng để mua sữa, tiền mua dầu phải dùng để mua dầu. Nếu dùng sắm thứ khác thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu đàn việt nói tùy ý dùng thì tùy ý dùng không có tội. Nếu (525a) không có chủ đích trước thì tùy ý mua không có tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni được người ta cúng dường tiền mua y, tiền mua bát, tiền mua sữa, tiền mua dầu, thì tiền mua y phải dùng mua y, cho đến tiền mua sữa phải dùng mua sữa. Nếu dùng mua thứ khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đàn việt cúng dường tùy ý thì tùy ý mua không có tội. Hoặc không có chủ đích trước thì tùy ý mua không có tội. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

13. ĐEM TIỀN MUA THỨC ĂN SẨM Y BÁT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà đi khuyến hóa để mua thức ăn, nói với người phụ nữ: “Này Ưu-bà-di, tôi muốn sắm thức ăn cho Tăng.” Các Ưu-bà-di có niềm tin hoan hỉ liền cúng dường tiền mua thức ăn, rồi nói: “Thưa Thánh giả, đến ngày làm thức ăn cho con biết để con đến nấu nướng.”

Tỳ-kheo-ni này được tiền rồi bèn dùng mua thức ăn và sắm y bát cho mình. Số còn lại đem mua thức ăn thô sơ. Đến ngày kỳ hẹn, Ưu-bà-di đến để nấu thức ăn, thấy thế liền hỏi: “Thưa thánh giả, trước kia con cúng tiền mua thức ăn rất nhiều vì sao chỉ có thức ăn thô sơ như thế này?” Các Tỳ-kheo-ni liền nói: “Lấy đâu mà mua thức ăn ngon? Đã mua y bát và thức ăn riêng ăn hết cả rồi!”

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni xin tiền mua thức ăn (cho Tăng) mà đem sắm y bát, thức ăn, thuốc men để dùng riêng thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Mua thức ăn: Mua thức ăn cho Tăng.

Xin: Đi khuyến hóa cầu xin.

Dùng vào việc khác: Dùng sắm y bát và thức ăn cho mình. Nếu làm như vậy thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni đi xin tiền mua thức ăn cho Tăng mà đem mua y bát, thức ăn cho mình thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Phải tùy theo lúc đầu muốn làm việc gì thì phải làm việc đó.

Nếu dùng tiền sắm thức ăn bữa trước mà mua thức ăn bữa sau, hoặc dùng tiền sắm thức ăn bữa sau mà mua thức ăn bữa trước thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu dùng tiền sắm thức ăn mà mua giường nệm (thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề).

Nếu dùng tiền sắm y vào mùa Xuân, Hạ, Đông, hoặc tiền mua thức ăn mà mua sắm không xứng đáng với bản tâm của thí chủ thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo-ni đi khuyến hóa về mua thức ăn cho Tăng thì phải mua cho hết. Nếu còn thừa thức ăn, dầu sữa, thì phải chỉ cho đàn việt thấy. Nếu đàn việt mang đi thì nên để yên cho họ mang đi. Nếu họ nói: “Con xin cúng cho thánh giả”, thì nên bảo: “Nên cúng dường cho Tăng.” Nếu họ nói: “Con đã cúng dường cho Tăng rồi, phần này xin cúng dường cho thánh giả”, thì khi ấy lấy không có tội. Thế nên nói (như trên).

*

14. CHỨA BÁT DU

(525b) Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni khách đến, theo thú tự nhận được phòng. Tỳ-kheo-ni ở trước vốn là Hạ tọa, nói: “Thưa thánh giả, đợi con di chuyển bát đĩa.” Đến sáng hôm sau, vị khách lại hỏi:

Đã di chuyển bát xong chưa?

Con di chuyển chưa xong.

Cô muốn mang bát đem gởi ở cửa hàng bán đồ gốm sao? Dùng đến chùng ấy bát để làm gì?

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao người chứa bát du? Từ nay về sau, Ta không cho phép chứa bát du.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni chứa bát du thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Chứa bát du: Bát gồm có các loại như bát Tung-bà, bát Ô-bà-tung-bà, bát Ưu-cưu-tra-dạ, bát Bà-kì-dạ, đại loại có các loại bát sắt, bát đất như thế đó gọi là bát. Có các loại bát thuộc thượng, trung, hạ, quá bát, giâm bát, tùy bát, nếu cất chứa thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Tỳ-kheo-ni được chứa 16 cái bát (?), một cái để

dùng, 3 cái để tịnh thí, 4 quá bát, 4 giảm bát, 4 tùy bát. Nếu chứa quá số lượng thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo-ni chứa bát thừa phải có giới hạn nhất định. Nếu Tỳ-kheo chứa nhiều đem tịnh thí cho mình, thì sử dụng không có tội. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

15. CHỨA Y DƯ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên, cho đến chỗ nói: “Cô muốn mở cửa hàng bán y phục sao?”

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao người chứa y dư? Từ nay về sau, Ta không cho phép chứa y dư.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni chứa y dư thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Y: Gồm các loại: y Khâm-bà-la, y Chiên, y Kiểu-xá-da, y Sô-ma, y Xá-na, y Ma, y Khu-mâu-đề.

Chúa: Nếu chứa quá giới hạn thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo-ni được phép chứa 20 y, 5 chiếc để dùng, (525c) còn 15 chiếc đem tịnh thí rồi sử dụng. Nếu chứa quá số đó thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo có y thừa đem tịnh thí, thì Tỳ-kheo-ni dùng không có tội. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

16. GIẶT LẠI Y MÀ MÌNH ĐÃ BỎ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà có chiếc y Tăng-già-lê bị rách, không giặt nhuộm sửa chữa, đem ném dưới chân tường, rồi tuyên bố rằng: “Ai muốn lấy thì lấy.” Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Thọ-đề mặc chiếc y rách, các Tỳ-kheo-ni thấy thế, nói: “Này thánh giả, có thể lấy chiếc y này đem giặt nhuộm vá lại rồi dùng.” Cô bèn lấy vá lại, giặt nhuộm rồi mặc. Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà thấy thế, nói: “Hãy trả y lại cho tôi.” Thọ-đề bèn phân bua với các Tỳ-kheo-ni: “Hãy xem kìa, chuyện lạ chưa! Phàm y vật đều không được ném dưới đất trong chốc lát rồi bỏ đi. Trong phòng của cô hết chỗ rồi sao?” Thâu-lan-nan-đà bèn giặt lại y Tăng-già-lê.

Các Tỳ-kheo-ni thấy thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni đem vứt y Tăng-già-lê cũ của mình tại trú xứ rồi tuyên bố: “Ai muốn lấy thì lấy”, sau đó (có người lấy dùng) rồi mình giặt lại, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Trú xứ: Trú trong Tinh xá.

Vứt: Ném bỏ dưới đất. Nếu có người lấy dùng rồi mình giặt lại thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni vứt bỏ vật gì, rồi có người lấy dùng thì không được giặt lại. Nếu không ai lấy mà sau đó mình cần, thì lấy không có tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni trong Tinh xá đem vứt y bát, giày dép và các vật lặt vặt khác, có người lấy, rồi sau đó mình giặt lại thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu không ai lấy, sau đó mình lấy thì không có tội. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

17. CÓ Y HƯ KHÔNG VÁ LẠI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni lấy y Tăng-già-lê dơ bẩn của cô ra chùi, rồi đem phơi nắng bị gió bay đi.

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao người đem y Tăng-già-lê cũ ra chùi mà không tự vá hay nhờ người vá lại? Từ nay về sau, Ta không cho phép (chùi?) y thay vì đem giặt.

Lại nữa, khi ấy (526a) có người nữ dòng họ Thích, người nữ Ma-la vốn là nhạc sĩ, đem giặt y Tăng-già-lê, vì y Tăng-già-lê dày và nặng nên khó giặt, bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đến trình lên Thế Tôn. Phật dạy: “Từ nay về sau, Ta cho phép đến năm, sáu ngày.”

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni có y Tăng-già-lê cũ rồi tự khâu tạm lại, hoặc sai người khâu tạm lại rồi để quá năm, sáu ngày mà không tự vá hay sai người vá – ngoại trừ có bệnh – thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Y Tăng-già-lê cũ: Y cần phải giặt.

Hoặc tự mình khâu hoặc sai người khác khâu trong vòng năm, sáu ngày: Trong phạm vi sáu ngày, nếu không tự vá hoặc sai người vá thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo-ni giặt y Tăng-già-lê cũ vừa nhẹ vừa mỏng thì không được phép khâu. Nếu dày và nặng thì được phép khâu. Khi khâu xong, phải giặt, giặt xong nên đem căng ra trên tấm sạp hoặc trên chiếu, rồi lấy đá đàng 4 góc, đến khi khô nên gọi đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ, hoặc Tỳ-kheo-ni quen biết cùng Hòa thượng, cùng

A-xà-lê vá lại cho nhanh chóng. Nếu vì già bệnh không có người giúp đỡ thì không có tội. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

18. HỨA CHO THỌ GIỚI MÀ KHÔNG CHO THỌ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ có cô ni đang học giới nói với Thâu-lan-nan-đà: “Thưa thánh giả! Cho con thọ Cụ túc.”

Thâu-lan-nan-đà nói: “Người cúng dường y cho ta, ta sẽ cho người thọ Cụ túc.” Cô kia liền cúng dường y. Nhưng sau đó Thâu-lan-nan-đà không cho cô ta thọ Cụ túc. Học giới Ni bèn nhắc: “Cho con thọ Cụ túc đi”, nhắc đi, nhắc lại nhiều lần như vậy.

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Thúc-xoa-ma-ni rằng: “Người cúng dường y cho ta rồi ta sẽ cho người thọ Cụ túc”, nhưng khi lấy y rồi không cho thọ Cụ túc thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Thúc-xoa-ma-ni: Người phụ nữ đang học giới.

Y: Gồm có bảy loại như trên đã nói. Lại có y tên Tăng-già-lê cho đến y tắm mưa.

Hứa thọ Cụ túc: Nếu sau đó tự mình không cho thọ, không nhờ người khác cho thọ thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

(526b) Nếu Tỳ-kheo-ni lấy y của Thức-xoa-ma-ni, hứa cho họ thọ Cụ túc, thì sau đó phải cho họ thọ. Nếu vì già bệnh không đủ sức, không thể cho thọ được thì nên nói với người khác rằng: “Người lấy chiếc y này rồi cho người kia thọ Cụ túc.” Nếu người xin thọ không muốn thọ giới nữa mà đòi y lại, thì phải trả lại.

Nếu Tỳ-kheo hứa với Sa-di mà không cho thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

19. MUA Y ĐẤT GIÁ

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, bấy giờ có một thương nhân ở phương Bắc mang vài Khâm-bà-la quý giá tới hảo đi bán, người ta hỏi:

Cái này đòi giá bao nhiêu vậy?

Một trăm nghìn.

Lúc ấy, quốc vương, vương tử, đại thần và đại thương nhân đều chê đắt không mua. Vị thương nhân này ngồi ủ rũ nơi cửa hàng, người ta hỏi ông:

Vì sao mà trông ông có vẻ buồn rầu?

Tôi mua tấm vải Khâm-bà-la này rất có giá trị, tiền thuế cũng nhiều mà nay bán không được, cho nên không vui.

Ông có muốn bán không?

Muốn bán.

Ông nên mang đến chỗ Sa-môn Ni Bạt-đà-la, cô ấy sẽ mua nó.

Ông bèn mang đến đó, hỏi người ta: “Tinh xá của Tỳ-kheo-ni ở đâu vậy?” Người ta liền chỉ chỗ. Khi tới đó, ông lại hỏi: “Phòng của Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la ở chỗ nào vậy?” Người ta lại chỉ chỗ. Khi tới nơi, ông liền hỏi: “Ai là Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la?” Bạt-đà-la bèn hỏi lại:

Vì sao mà hỏi tôi?

Có muốn mua áo Khâm-bà-la này không?

Ông đòi bao nhiêu?

Một trăm nghìn, không thêm không bớt.

Bạt-đà-la liền bảo đệ tử: “Người đến cửa hàng Bà-lộ-ê lấy một trăm nghìn đưa cho ông ấy.” Thế rồi, có người hỏi ông:

Ông đã bán được Khâm-bà-la chưa?

Đã bán được rồi.

Ai lấy vậy?

Sa-môn ni Bạt-đà-la.

Thế rồi, người ấy liền chê bai: “Người xuất gia mà còn ưa thích cái đẹp.”

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Người không làm mẫu mực cho người đời sau sao? Từ nay trở đi, Ta không cho phép xuất ra 4 yết-lợi-sa-bàn để mua một tấm y đắt giá.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Tỳ-xá-ly phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni xuất ra hơn 4 yết-lợi-sa-bàn để mua một tấm y đắt giá thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ **Giải thích**

Bốn yết-lợi-sa-bàn: 16 đồng tiền cổ.

Y đắt giá: (526c) Y Khâm-bà-la.

Mua: (Dùng tiền) đổi lấy vật. Nếu đổi quá 16 đồng tiền cổ để lấy một vật thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo-ni không được dùng hơn 16 đồng tiền cổ để mua một tấm y đắt giá. Nhưng nếu không xin mà thí chủ đem cho thì tuy vật quý giá mình nhận không có tội.

Tỳ-kheo-ni có giới hạn, Tỳ-kheo không có giới hạn, tuy lấy vật quý giá dùng vẫn không có tội. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

20. MUA LỤA MỎNG

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, bấy giờ có một thương khách ở phương Nam mang một tấm lụa mỏng có hình thiên nga đến đây, rồi có người hỏi ông:

Tấm vải này giá bao nhiêu vậy?

Một trăm nghìn.

Vì giá đắt nên nhà vua không mua và các đại thần, các thương chủ khác cũng đều không mua. Do không bán được lụa nên ông ta ngồi âu sầu nơi cửa hàng, có người thấy thế hỏi:

Vì sao mà ông có sắc buồn như vậy?

Tôi mua tấm lụa quý này rồi đóng tiền thuế cũng nhiều mà nay không bán được.

Ông có muốn bán nó không?

Muốn bán.

Ông có thể mang đến chỗ Sa-môn ni Bạt-đà-la, cô ấy sẽ mua cho ông.

Thế là ông ta đi đến đó, hỏi người ta: “Trú xứ của Tỳ-kheo-ni ở đâu vậy?” Khi biết được chỗ rồi, ông vào hỏi: “Phòng của Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la ở chỗ nào nhỉ?” Người ta liền chỉ chỗ. Thế là ông vào đó chào:

Xin chào thánh giả! Cô có phải Bạt-đà-la không?

Ông hỏi để làm gì?

Tôi có tấm lụa hình thiên nga này, cô có mua không?

Ông đòi bao nhiêu?

Tôi đòi một trăm nghìn.

Tỳ-kheo-ni cũng không đòi bớt giá, mà bảo đệ tử: “Người đến chỗ cửa hàng nói với Bà-lộ-ê lấy một trăm nghìn đưa cho ông ta.” Thế rồi có người hỏi ông:

Ông đã bán tấm lụa được chưa?

Đã bán được rồi.

Ai lấy vậy?

Sa-môn ni Bạt-đà-la lấy.

Thế rồi, có người chê bai rằng: “Vì sao người xuất gia mà còn thích đẹp như vậy?”

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, Phật nói với Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la: “Người không làm mẫu mực cho người đời sau sao? Từ nay trở đi, Ta không cho phép dùng hơn

hai yết-lợi-sa-bàn rưỡi để mua một tấm lụa mỏng.” Đoạn, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni dùng hơn hai yết-lợi-sa-bàn rưỡi để mua một tấm lụa mỏng, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Hai yết-lợi-sa-bàn rưỡi: Bằng 16 đồng tiền cổ (Cách tính thiếu nhất trí với ở trên).

Mua: Đem tiền đổi lấy vật khác; nếu quá quy định thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo-ni mua tấm lụa mỏng (527a) thì nên dùng hai yết-lợi-sa-bàn rưỡi để mua, không được dùng quá số đó. Nếu không xin mà thí chủ cho, thì giả sử được tấm lụa quý giá đem dùng cũng không có tội.

Tỳ-kheo có thể mua tấm lụa quý giá về dùng cũng không có tội.

Kệ tóm tắt:

“Xin giường nệm về dùng riêng,
Tiền y bát dùng việc khác.
Giảm của chúng để dùng riêng,
Chứa bát dư, và y dư.
Y vứt rồi, sau lấy lại,
Khâu y, cho thợ Cự túc.
Y đắt giá cùng với y mỏng,
Đến đây hết phần thứ ba.”

*

21. TRANH MUA ĐỒ VỚI NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bảy giờ có người chở củi đi ngang qua trước cửa tiệm của một thương khách, ông này bèn hỏi:

Số củi này ông đòi bao nhiêu vậy?

Một yết-lợi-sa-bàn.

Ông chở số củi này đem đổ tại nhà tôi rồi trở lại đây tôi sẽ trả tiền cho ông.

Người bán củi bèn chở xe đi ngang qua trước Tinh xá của Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà thấy thế, hỏi:

Này lão trượng, củi của ông đã có ai mua chưa?

Đã có rồi.

Bao nhiêu?

Một yết-lợi-sa-bàn.

Tôi đưa cho ông hai yết-lợi-sa-bàn.

Người chủ vì tham lợi nên bán cho cô. Khi chở củi xong bèn trở về ngang qua trước cửa hàng, người chủ tiệm nói với ông:

Ông hãy cầm số tiền này đi.

Tôi đã bán cho người khác rồi.

Bán được bao nhiêu?

Được hai yết-lợi-sa-bàn.

Ai lấy vậy?

Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà.

Người khách buôn kia nghe thế bèn chê trách rằng: “Vị Sa-môn ni này vì sao lăm tiền như thế?”

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Có thật người biết củi của người ta đã mua rồi mà tăng giá để giành mua hay không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao người biết vật của người ta đã mua rồi mà còn giành mua. Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni biết vật người khác đã mua rồi mà giành mua của họ thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Biết: Hoặc tự biết hoặc nhờ nghe người khác mà biết.

Mua được: Như người khách buôn ở cửa hàng nói trên. Nếu Tỳ-kheo-ni muốn mua vật gì mà biết người khác đã mua thì không được giành mua mà nên đợi họ không lấy nữa rồi mới lấy. Đồng thời nên hỏi người ấy: “(527b) Ông muốn mua cho được chăng?” Nếu đáp: “Muốn mua cho được”, tức là họ quyết tâm mua vật đó, vậy ta không nên lấy. Nếu họ nói: “Tôi không lấy nữa”, thì mình lấy không có tội.

Nếu Tỳ-kheo tranh giành nhau mua y bát thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu ở giữa Tăng trả thêm để lấy – trừ Hòa thượng, A-xà-lê – thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni tranh giành mua đồ với kẻ khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên nói (như trên)

Kệ tóm tắt:

“Bát thừa, năm chỗ vá,
 Bảy ngày, giặt đoạt y.
 Mua vàng, xin chỉ sợi,
 Thuê thợ dệt, thí gấp.
 Tranh mua, lấy của Tăng
 Kết thúc phần thứ ba.”

Từ lấy y của Tỳ-kheo-ni giặt, nhuộm, y thuần màu đen, ba phần trắng, Kiều-xá-da, dùng tọa cụ sáu năm, ba do tuần, chải lông dê, áo tắm mưa, ở a-luyện-nhã, mười một việc này nên để ra ngoài không nói đến. Lại còn mười một việc khác nên tìm ở phần cuối. Trong phần đầu nêu ra việc lấy y của Tỳ-kheo-ni được bổ sung ở chỗ cầm vàng bạc. Giặt y cũ dùng vấn đề mua bán để bổ sung. Trong phần cuối nêu ra áo tắm mưa dùng việc bán vàng để bổ sung; ở a-luyện-nhã dùng việc tranh mua để bổ sung. Phần một, phần hai của Ni-tát-kỳ được kể đến không thiếu. Đến đây đức Thế Tôn đã nói xong 30 việc của Tỳ-kheo-ni.

(Hết giới Ni-tát-kỳ)

*

BA-DẠ-ĐỀ

(Ba-dạ-đề hay Đơn-đề, còn gọi giới Phát lộ,
gồm 141 giới. Từ giới 1 đến 70 giống như Ba-dạ-đề
bên Tỳ-kheo, xem tập 2 từ trang 502 – 812).

“Vọng ngũ và chủng loại,
Hai lữối, khơi việc cũ.
Đoạn mạng, nói cú pháp,
Tự xưng mình đăc đạo.
Chưa đủ, nói tội thô.
Ngăn cản, chê trách giới.
Kết thúc phần thứ nhất.
Chặt cây, xúc xiêm người,
Hiềm trách, trải chỗ trống.
Lôi người ra khỏi phòng,
Dùng giường có chân nhọn.
Lấy nước trùng tưới cây.
Khiến người nghi không vui
Kết thúc phần thứ hai.
Một ngày ăn nhiều chỗ,
Cho y rồi lấy dùng.
Khuyên kẻ khác ăn thêm,
Không nhận, ăn phi thời.
Để dành hai, ba bát

Giấu đồ, ăn riêng chúng.
 Kết thúc phần thứ ba.
 Đốt lửa, quá ba đêm,
 Gởi dục, sau nổi sân.
 (527c) Vào xóm rồi bảo về,
 Không xả bỏ ác kiến.
 Sa-di, ba hoại sắc
 Lấy bảo vật, khủng bố.
 Kết thúc phần thứ tư.
 Uống nước trùng, ngoại đạo,
 Ngồi chỗ dâm, chỗ khuất.
 Xem quân quá ba đêm
 Nha Kỳ và đánh nhau.
 Dọa đánh, giỡn trong nước,
 Kết thúc phần thứ năm.
 Chỉ nhau, bẹn kẻ cướp,
 Đào đất, mời 4 tháng.
 Không theo học, uống rượu,
 Khinh người, im lặng nghe.
 Xử việc, không lắng tai
 Kết thúc phần thứ sáu.
 Rời chỗ ăn, cung vua.
 Ống kim, quá tám ngón.
 Bông vải và tọa cụ.
 Che ghe, bắt chước Phật.
 Chê Tăng tàn, biển thủ,
 Kết thúc phần thứ bảy.
 Các vấn đề nêu trên
 Có trong giới Tỳ-kheo.”

71. TỰ Ý LẤY Y NGƯỜI KHÁC MÀ MẶC

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la-già mặc y của đệ tử y chỉ mà không nói, rồi đi vào xóm làng. Thế rồi, có Tỳ-kheo-ni gọi: “Ai đi khát thực thì đi.” Đệ tử y chỉ đáp: “Thưa thánh giả, đợi tôi lấy y Tăng-già-lê đã.” Thế nhưng cô tìm y không thấy mà chỉ thấy y của thầy mình, bèn suy nghĩ: “Chắc chắn là thầy đã mặc y của mình đi. Nhưng thầy thì được mặc y của mình, còn mình thì không được phép mặc y của thầy.” Nghĩ thế, cô bèn nói với người kia:

Cô cứ đi đi, tôi không đi được.

Vì sao vậy?

Tôi không có y.

Mặc y của thầy mà đi.

Thầy là người mà tôi tôn trọng nên tôi không dám mặc y của thầy, vậy cô cứ đi đi.

Thế là ngày ấy cô bị mất ăn. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao người mặc y người khác mà không nói với họ? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Tỳ-xá-ly phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không nói với sở hữu chủ mà mặc y của họ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Phật không cho phép mặc y Tăng-già-lê của đệ tử mà không nói cho đệ tử biết. Khi muốn mặc thì nên nói: “Thầy mặc y của con, nếu con có đi đâu thì mặc y Tăng-già-lê của thầy.” (528a) Tất cả các y khác cũng vậy.

Khi muốn giặt, nhuộm, vá y hay có duyên sự cần mặc y của đệ tử thì phải nói: “Con hãy ở nhà ta sẽ đem thức ăn về.”

Nếu Tỳ-kheo mặc y của người khác mà không nói thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

Hết quyển thứ ba mươi bảy

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 38

BA-ĐẠ-ĐỀ (tiếp theo)

72. CHO Y CHO TU SĨ NGOẠI ĐẠO

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ có người tên là Kiệt Trụ xuất gia trong hàng ngũ ngoại đạo, còn cha mẹ ông thì xuất gia theo Phật pháp. Vào lúc trời đang mùa lạnh, Kiệt Trụ không có y phục, bèn đi đến chỗ mẹ, sống như loài cầm thú. Người mẹ thương tình, suy nghĩ: “Có y Uất-đa-la-tăng vừa mới giặt nhuộm ở đây”, bèn cởi ra cho con. Khi được y rồi, anh ta liền mặc đi vào ngôi trong quán rượu. Do thế bị người đời chê cười rằng: “Kẻ tà kiến này là con lừa ăn bã rượu mà lại mặc biểu tượng của thánh nhân!”

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni kia đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Vì sao người đem y cho kẻ ngoại đạo xuất gia? Từ nay về sau, Ta không cho phép tự tay cho y cho ngoại đạo.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Tỳ-xá-ly phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay cho y của Sa-môn cho người thế tục và ngoại đạo, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ **Giải thích**

Người thế tục: Tức người tại gia.

Ngoại đạo: Chỉ cho hàng ngoại đạo xuất gia.

Tự tay cho: Tay mình cho, tay người kia nhận.

Y của Sa-môn: Biểu tượng của hiền Thánh.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Không được tự tay cho y của Sa-môn cho người thế tục và ngoại đạo. Nếu Tỳ-kheo-ni có giới đức, rồi phụ nữ, trẻ con muốn xin miếng y rách để cầu phước, tiêu tai, thì không được tự tay mình cho mà nên bảo tịnh nhân nữ đem cho.

(528b) Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay cho y của Sa-môn cho người thế tục, ngoại đạo thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Nếu Tỳ-kheo-ni có giới đức, mà người ta xin một miếng cà sa rách để cầu được tiêu tai thì nên bảo tịnh nhân đem cho, nhưng không được cho một miếng lớn mà nên cho một miếng nhỏ. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

73. MAY Y AN-ĐÀ-HỘI QUÁ CỠ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni mặc y giống như phụ nữ, bị người đời chê bai rằng: “Vi sao Tỳ-kheo-ni mặc y dài kéo lê tua vải mà đi giống như phụ nữ ngoài đời? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!”

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau Ta không cho phép để nguyên cả tua vải mà may y, mà phải đo may cho đúng cỡ.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni may y An-đà-hội thì phải đo rồi mới may, chiều dài bằng bốn gang tay Tu-già-đà, chiều rộng bằng hai gang tay. Nếu may quá mức đó thì cắt bớt rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

An-đà-hội: Y mà Thế Tôn cho phép.

May: Hoặc tự mình may hoặc sai người khác may.

Phải đo: Chiều dài 4 gang tay Tu-già-đà, chiều rộng hai gang tay, nếu quá số đó thì cắt bớt rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

Tu-già-đà: Thiện Thệ (tức Phật).

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni may y chiều dài đúng lượng, chiều rộng quá lượng thì phạm tội Ba-dạ-đề, khi mặc thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Cũng vậy, nếu chiều rộng đúng lượng, chiều dài quá lượng; ở ngoài biên đúng lượng; ở giữa quá lượng; ở giữa đúng lượng; ở ngoài biên quá lượng; khi gấp, khi nhả đúng lượng; khi thấm nước đúng lượng; nhưng khi phơi khô lại dài rộng, thì phạm tội Ba-dạ-đề, khi dùng phạm tội Việt-Tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

74. MAY YẾM RỘNG QUÁ CỠ.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni tuổi trẻ đoan chánh, mặc y đi đường, đôi vú nổi cộm lên, bọn con trai thấy thế liền cười. Các Tỳ-kheo-ni nghe rồi bèn thuật lại với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên đức Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: “Từ nay về sau, Tỳ-kheo-ni nên may Tăng-kì-chi.”

Lại nữa, khi ấy có Tỳ-kheo-ni dùng vải rẻo may Tăng-kì-chi dài, rộng, thế rồi Phật dạy: “Từ nay về sau cắt rẻo vải nên ước lượng mà cắt.” Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, (528c) dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni may Tăng-kì-chi nên ước lượng mà may, chiều dài 4 gang tay Tu-già-đà, chiều rộng hai gang tay. Nếu may quá mức đó thì cắt bớt rồi sám hối tội Ba-đạ-đề.

*

❖ Giải thích

Ba-đạ-đề: Như ở phần An-đà-hội ở trên đã nói rõ.

*

75. MAY ÁO TẮM RỘNG QUÁ CỠ

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la xuống tắm dưới sông Tô thì có năm đồng tử Li-xa đứng trên bờ sông trông thấy, do thế phát sinh tâm dục. Tỳ-kheo-ni bèn nói:

Này các hiền sĩ, các vị hãy đi đi.

Chúng tôi không đi, thích ở đây nhìn thân thể của Thánh giả hơn.

Các vị muốn xem cái thân thể có chín cửa hôi thối này để làm gì?

Không phải vậy. Chúng tôi rất thích nhìn.

Họ cứ ở đó hồi lâu không chịu đi, Tỳ-kheo-ni bèn suy nghĩ: “Đây là bọn phạm phu ngu si thiếu cật”, đoạn cô dùng hai bàn tay che phía trước, phía sau rồi lên bờ. Những kẻ kia thấy thế liền mê mẩn, miệng trào máu nóng, nằm lăn quay trên đất.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc đó nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem đến bạch lên Thế Tôn. Cho đến đoạn các Tỳ-kheo-ni hỏi Phật:

Bạch Thế Tôn! Vì sao 5 đồng tử Li-xa ấy do lòng dục mà đến nỗi mê mẩn nằm lăn quay trên đất như vậy?

Không những ngày nay họ có lòng dục như thế mà trong thời quá khứ cũng đã từng có như vậy.

Xin Thế Tôn thuật lại, chúng con muốn được nghe.

Trong thời quá khứ xa xôi có một thiếu nữ đoan chính thù thắng, đồng thời thuở ấy cũng có năm vị thiên tử, người thứ nhất tên Thích-ca-la, người thứ hai tên Ma-đa-lê, người thứ ba tên Xà-tăng-da-đế, người thứ tư tên là Bỉ-xà-da-đế, người thứ năm tên Ma-tra, khi trông thấy thiên nữ ai nấy đều sinh dục tâm, bèn suy nghĩ: “Đây không phải là vật có thể dùng chung, hễ ai có lòng dục mạnh nhất thì cho kẻ ấy.” Thế rồi, họ đồng thanh nói: “Đồng ý.” Kế đến, Thích-ca-la bèn đọc kệ:

“Tôi nhớ khi dâm dục,
Ngồi nằm chẳng được yên.
Mãi cho đến khi ngủ,
Dục lui mới được yên.”

Tiếp theo Ma-đa-lê lại đọc kệ:

“Thích-ca, khi bạn ngủ,
Còn tạm thời thanh thản.
Tôi nhớ khi dâm dục,
Như trống thúc xông trận.”

Xà-tăng-da-đế cũng đọc kệ:

“Ma-đa, dụ trống thúc,
Vẫn còn có gián đoạn.
Khi tâm tôi nhiễm dục,
Như cây trôi dòng chảy.”

Tiếp đến, Bỉ-xà-da-đế lại đọc kệ:

“Bạn ví cây nổi trôi,
Có lúc còn dừng lại.
(529a) Tôi nhớ lúc tưởng dục,
Như nặng không chớp mắt.”

Thế rồi Ma-tra lại đọc kệ:

“Những điều các vị nói,
Toàn niệm tưởng an lạc.
Khi tôi đắm mê dục,
Chẳng còn biết sống chết.”

Khi ấy, các thiên tử liền nói: “Bạn là người mãnh liệt nhất”, rồi đồng lòng nhường thiên nữ cho người này.

Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo-ni:

Năm thiên tử thuở ấy nay chính là năm chàng trai Li-xa:

Bạch Thế Tôn, Vị Tỳ-kheo-ni ấy nhờ có hạnh nghiệp gì mà được đoan chính như vậy? Lại được sinh vào nhà danh giá, có lòng tin xuất gia chứng đắc vô lậu?

Này các Tỳ-kheo-ni, trong thời quá khứ có một thành phố tên Ba-la-nại. Nơi này có một trưởng giả, ông cưới một bà vợ. Bà này lúc mới về thường có một người lo việc chải đầu và cung cấp thức ăn. Khi ấy có vị Bích-Chi-Phật tên Tuyên-Hi đi đến cửa nhà bà khát thực. Bà thấy Ngài không được đoan nghiêm lắm nên không có

lòng cung kính, do thế không cho thức ăn cũng không bảo ngài đi. Người chài đầu thấy vậy liền nói:

Thưa bà chủ! Bà nên cúng dường thức ăn cho vị khát sĩ.

Ngài xấu xí không đẹp, ta không cúng dường.

Thế thì bà hãy đưa phần thực phẩm của tôi để tôi cúng dường cho Ngài.

Tùy ý người lấy, người cũng có thể đem vớt xuống nước.

Người ấy được thức ăn rồi, liền đem cúng dường cho Bích-Chi-Phật. Thế rồi, khi thọ trai xong, Ngài bèn vọt lên hư không mà đi. Thấy Ngài bay đi, người cúng dường tâm rất hoan hỷ, liền phát thệ nguyện: “Con nguyện thân sau được sinh vào nhà hào quý, thân thể đoan chính, thấy Phật, nghe Pháp, diệt hết lậu hoặc.” Thế rồi, người ấy liền mệnh chung, sinh lên cõi trời, hưởng được năm điều vượt trội hơn trăm nghìn thiên nữ, đó là: thọ mạng, nhan sắc, sức lực danh tiếng và biện tài. Sau khi mệnh chung ở cõi trời bèn sinh vào nhà Bà-la-môn tại thành Ba-la-nại. Bấy giờ nhằm lúc đức Phật Ca-diếp ra đời, Ngài vào thành khát thực, tuần tự đến nhà ấy thì gặp lúc cha mẹ đi du ngoạn, cô ở nhà một mình. Do gieo công đức trong đời trước, nên khi thấy Ngài, cô rất hoan hỷ, đem rửa sạch cái thố bằng đồng, đựng đầy thức ăn thượng hạng và đem y Kiều-xá-da dâng lên đức Thế Tôn Ca-diếp, rồi đọc kệ:

“Nay cúng y, thức ăn,
 Vật cúng dường tối thắng.
 Nay cúng đức Mâu-ni.
 Kiết sử hết, chúng ngộ.
 Như bậc lậu tận chúng,
 Mong con cũng như vậy.”

Người con gái này về sau được gả cho gia đình Bà-la-môn, nhưng vì cha mẹ chồng quá nghiêm khắc khó phụng sự, cuối cùng cô phải thốt ra: “Ta dùng cái thân này sống để làm gì, chi bằng tự

sát!”, bèn cầm chuỗi anh lạc, hương thoa mình (529b) và dây thòng lọng định tìm chỗ tự vẫn. Nhưng khi trông thấy ngôi tháp của Phật Ca-diếp, cô bèn đem các dụng cụ trang sức kia đến cúng dường tháp Phật rồi mới treo cổ. Và sau khi mệnh chung liền sinh vào gia đình Bà-la-môn, cho đến tự đọc kệ:

“Anh lạc, y, hương hoa,
Cúng dường tháp Ca-diếp.
Nương nhờ phước báo này,
Nay lễ chân Thế Tôn.”

Phật dạy: Từ nay về sau nên may áo tẩm. Cho đến, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni may áo tẩm mưa nên lượng định mà may, chiều dài 4 gang tay Tu-già-đà, chiều rộng 2 gang tay. Nếu may quá mức ấy thì phải cắt bớt rồi sám hối tội Ba-đạ-đề, như trường hợp y Tăng-kì-chi đã nói rõ.

*

76. XIN Y TẠI NHÀ KHÔNG TIN PHẬT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni tăng nói với Thâu-lan-nan-đà:

Cô có thể xin y Ca-hi-na cho Tăng được không?

Được.

Thế là cô đi đến một gia đình không có niềm tin, nói:

Đại phước đức, thí chủ có thể cúng dường y Ca-hi-na cho Tăng được không?

Được.

Sau khi Tự tứ xong, Tăng hỏi Thâu-lan-nan-đà:

Đã xin được y Ca-hi-na chưa?

Tôi biết rồi.

Thế là cô đi đến gia đình kia, hỏi:

Này hiền sĩ, đã chuẩn bị y Ca-hi-na xong chưa?

Tôi biết rồi.

Sau đó, Tăng đến hỏi Thâu-lan-nan-đà, thì cô đáp: “Tôi biết rồi.”
Cứ như thế cho đến khi thời gian của y đã trôi qua (mà không có y). Các Tỳ-kheo-ni bèn trình bày việc này với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao người đến nhà người không thể sắm y để xin y Ca-hi-na cho Tăng? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni đến nhà người không thể cúng y để xin y Ca-hi-na cho Tăng thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Không có niềm tin: Không có khả năng cho, rất ít hy vọng.

Y: Như y Khâm-bà-la, y Chiên, cho đến y Khu-mâu-đề.

Xin: Xin y Ca-hi-na cho Tăng. Nhưng nếu quá thời gian của y mà không xin được thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni đi xin y Ca-hi-na cho Tăng thì nên đi xin với tấm lòng nhiệt thành, nhưng không nên đến xin những nhà không có niềm tin, mà nên đến những nhà có niềm tin và nhiều bà con mà xin. Nếu người đó nói: “Tôi tự biết”, thì phải hỏi lại: “Bà có định cho không? Chớ nên để quá thời gian của y.” Đồng thời cũng phải xem xét người ấy, nếu thấy (529c) họ không có khả năng sắm được thì nên đi xin chỗ khác. Hơn nữa, cũng phải tự lượng sức mình, nếu không thể làm được thì không nên hứa đi xin cho Tăng. Nếu đã hứa xin y cho Tăng, mà không siêng năng đi xin, không nhờ người khác xin, cũng không nói cho Tăng biết, để quá thời gian của y, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo đến gia đình không có niềm tin xin y Ca-hi-na cho Tăng thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

77. KHÔNG ĐEM Y THEO BÊN MÌNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni mặc y thượng, hạ đến đánh lễ chân Thế Tôn, sau đó bị hỏa hoạn cháy mất y. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao những y phục cần sử dụng mà người không đem theo bên mình? Từ nay về sau, Ta không cho phép không đem theo bên mình những y phục cần sử dụng.

Lại nữa, bấy giờ có Tỳ-kheo-ni con gái dòng họ Thích và con gái dòng họ Ma-la, trước kia vốn là nhạc sĩ, nay xuất gia khoác y Tăng-già-lê nặng nề trông rất vất vả. Thế rồi, Phật dạy: “Từ nay về

sau Ta cho phép khi bệnh thì được châm chước.” Đoạn, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà không đem theo bên mình những y phục cần mặc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Những y phục cần mặc: Như y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, Tăng-kỳ-chi và y tắm mưa.

Bệnh: Nếu có bệnh mà không đem y theo bên mình thì đức Thế Tôn bảo là không có tội. Nếu không bệnh mà không đem theo thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu lễ tháp, đi kinh hành, ban ngày ngồi thiền trong trú xứ thì – không mang y theo – không có tội. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

78. NẤU LẠI ĐỒ ĂN ĐỂ ĂN

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, bảy giờ gia đình Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la thường mang thức ăn đến cho cô. Khi được thức ăn rồi, cô bèn xào nấu biến chế. Các anh em chú bác đến thấy thức ăn bèn hỏi:

Tôi muốn ăn.

Được thôi.

Thế là họ lấy thức ăn rồi ăn, nhưng nghe có mùi vị khác thường, liền hỏi:

Ở đâu mà được thức ăn ngon thế này?

Đó là thức ăn ở nhà đem đến đấy.

Người nhà bèn nổi giận trách (người làm công): “Nhà ta lâu nay làm thức ăn chỉ uống phí tiền bạc mà chẳng ngon lành gì!”, bèn trở về nhà dùng roi đánh đứa nô tỳ, rồi mắng: “Chỉ mất tiền bạc vô ích mà chẳng được ăn.” Thế là kẻ sai đi đưa thức ăn nổi giận, nói: “Tại vì Tỳ-kheo-ni mà ta (530a) bị khổ não như thế này!”

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Từ nay về sau Ta không cho phép tự nấu nướng pha chế thức ăn.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni vốn là con gái dòng họ Thích và con gái dòng họ Ma-la đi khát thực được cơm nguyễn, canh nguyễn và rau để cách đêm, ăn vào liền bị ói mửa. Các Tỳ-kheo-ni nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đi đến bạch với Thế Tôn rằng:

Bạch Thế Tôn, có cho phép chúng con được hâm nóng thức ăn không?

Được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Tỳ-xá-li phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà được các thức ăn như Khư-đà-ni, Bồ-xà-ni, rồi tự mình nấu lại, sai người nấu lại; tự mình chiên lại, sai người chiên lại; tự mình hâm lại, sai người hâm lại để ăn, thì phạm tội Ba-dạ-đế.

*

❖ Giải thích

Khư-đà-ni: Năm thức ăn Khư-đà-ni.

Bồ-xà-ni: Năm thức ăn Bồ-xà-ni.

Nấu lại: Tự mình nấu lại hoặc sai người nấu lại.

Chiên: Tự mình chiên hoặc sai người chiên.

Hâm: Tự mình hâm hoặc sai người hâm.

Bệnh: Nếu vì già bệnh suy yếu nên ăn đồ ăn nguội lạnh vào bị ói mửa không an lạc (mà hâm lại đồ ăn để ăn) thì Thế Tôn nói là không có tội. Trái lại, nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà nấu lại đồ ăn để ăn thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói Phật không cho phép vì muốn ăn ngon mà chiên lại, hâm lại đồ ăn. Nhưng nếu thức ăn lạnh thì được hâm lại cho nóng, nhưng không được dùng xoong chảo để nấu, mà chỉ nên dùng chén bằng đồng hoặc là tô hoặc là thố để hâm cho nóng.

Nếu Tỳ-kheo vì thích ngon mà tự nấu lại, chiên lại, hâm lại đồ ăn để ăn thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Nhưng nếu bảo tịnh nhân làm thì không có tội. Nếu đi khát thực mà gặp thức ăn lạnh rồi hâm lại cho nóng để ăn thì không có tội. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

79. ĐỨNG HẦU TỠ-KHEO THỌ TRAI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có hai vợ chồng người kia xuất gia theo dòng họ Thích. Trong khi ông chồng già cả đang ăn thì bà vợ Tỳ-kheo-ni đứng bên cạnh rót nước và cầm quạt quạt. Ông chồng già nhắc lại chuyện dĩ vãng. Tỳ-kheo-ni nổi giận liền lấy nước tạt vào mặt, cầm quạt gõ trên đầu, mắng: “Ông là kẻ

không biết ân nghĩa, chuyện dĩ vãng không nên nói mà đem nói.”
Tỳ-kheo-ni khác thấy thế bèn khuyên:

Này Thánh giả, vị này là bậc đáng tôn trọng, không được làm như thế.

Ông già ấy là kẻ bất thiện, không biết ân nghĩa, chuyện dĩ vãng không nên nói mà nay đem ra nói.

Các Tỳ-kheo-ni nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo (530b) gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Vì sao trong lúc Tỳ-kheo ăn mà người hầu nước và quạt? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được. Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu trong khi Tỳ-kheo đang ăn mà Tỳ-kheo-ni hầu nước và quạt thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo đang ăn: Gồm 5 thức ăn chính và 5 thức ăn phụ.

Hầu nước và quạt: Xách bình nước, rót nước, cầm quạt mà quạt, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni xách bình nước mà không cầm quạt thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Nếu cầm quạt mà không

xách bình nước cũng phạm tội Việt-Tỳ-ni. Nếu làm cả hai việc thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không cầm cả hai thì không có tội. Tội này cấu thành trong trường hợp chỉ có một Tỳ-kheo và một Tỳ-kheo-ni. Nếu có nhiều Tỳ-kheo thì hầu nước, quạt không có tội. Hoặc là trong chúng có cha, anh thì dùng quạt quạt không có tội. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

80. ĂN TỎI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có một thương gia chuyên nghề trồng tỏi mời Tỳ-kheo-ni tăng cúng dường tỏi. Thế rồi, nhóm sáu Tỳ-kheo-ni đến vườn ăn tỏi, dẫm đạp bừa bãi; khi thương nhân đến vườn thăm, thấy tỏi bị toi tả liền hỏi người làm vườn:

Vì sao mà tỏi bị toi tả thế này?

Trước đây có mời Tỳ-kheo-ni đến cúng dường tỏi nên họ vào vườn lấy ăn hoặc mang đi mà dẫm đạp như vậy.

Thương nhân nghe thế bèn chê trách: “Ta mời đến cúng dường tỏi thì chỉ nên ăn mà thôi, vì sao lại đem đi và dẫm đạp như vậy?”

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Cho đến Tỳ-kheo-ni đáp: “Có thật như vậy.” Rồi Phật khiển trách:— Đó là việc xấu. Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn tỏi. (cho đến) Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni ăn tỏi thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỏi: Gồm có loại tỏi trồng và tỏi trên núi, đại loại các thứ tỏi như vậy đều không được phép ăn; loại chín hay loại sống đều không

cho phép ăn; loại nấu lại, loại được đốt thành tro cũng không cho phép ăn. Nhưng nếu thân thể có ghê thì cho phép dùng tỏi thoa. Và khi thoa thì phải ở chỗ vắng đến lúc ghê lành, phải tắm rửa sạch sẽ rồi mới được vào trong chúng. Thế nên, đức Thế Tôn nói (như trên).

Kệ tóm tắt:

“Y khác, y ngoại đạo,
 Kì-chi, An-đà-hội.
 Y tắm, Ca-hi-na.
 Y dùng không đem theo.
 Nấu lại, hầu quạt nước,
 Ăn tỏi, hết phần tám.”

*

81. ĐEM THỨC ĂN CHO NGƯỜI THẾ TỤC

(530c) Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy người chị của Lại-tra-ba-la qua đò, cô bèn đi xin các thức ẩm thực cho đứa con của bà chị. Vì vậy bị người đò chê cười rằng: “Vì sao Sa-môn ni nhận thức ăn của người có niềm tin cúng dường rồi đem cho người thế tục?”

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy bạch đầy đủ lên đức Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, Ta không cho phép tự tay cho thức ăn cho người thế tục.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy ngoại đạo Kiệt-trụ đến chỗ mẹ. Người mẹ thấy ông đến, liền lấy bát múc đầy các thức ăn đưa cho ông. Người con được thức ăn rồi bèn đem vào trong quán rượu ngồi ăn, đồng thời cho người khác ăn. Có người hỏi:

Ông được thức ăn ngon này ở đâu vậy?

Ông im đi. Người đời xem Sa-môn ni là phước điền, Sa-môn ni lại coi ta là phước điền.

Do thế bị người đời chê cười rằng: “Vì sao Sa-môn ni lại dùng thức ăn của thí chủ cúng cho mình đem cho kẻ không tăng trưởng phước đức?”

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni kia đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Vì sao tự tay người cho thức ăn cho ngoại đạo? Từ nay về sau, Ta không cho phép tự tay cho thức ăn cho ngoại đạo.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay cho thức ăn cho người thế tục, ngoại đạo thì phạm tội Ba-dạ-đế.

Nếu Tỳ-kheo-ni có thân nhân đến chơi, mình muốn cho thức ăn cho họ thì không được tự tay đưa cho, mà phải bảo tịnh nhân nữ cho. Nếu không có tịnh nhân nữ thì nên bảo: “Nên tự tay lấy thức ăn trong đó mà ăn.” Nếu sợ họ lấy nhiều thì nên bảo: “Lấy chừng ấy thức ăn đưa đây, còn bao nhiêu đem cất.” Khi mình nhận thức ăn rồi, nên để dưới đất, bảo họ tự lấy. Nếu ngoại đạo đến thì không được tự tay cho thức ăn mà phải bảo tịnh nhân nữ cho họ. Nếu

không có tịnh nhân nữ thì nên nói: “Hãy tự lấy thức ăn trong đó mà ăn.” Nếu sợ họ lấy nhiều thì nên bảo: “Lấy chừng ấy thức ăn đưa đây, còn bao nhiêu đem cất.” Rồi mình tự tay để thức ăn dưới đất cho họ. Nếu người bà con mình trách rằng: “Người dùng lối Chiên-đà-la để đối xử với ta sao?” thì nên nói: “Ông đã xuất gia (531a) vào chỗ không tốt. Đức Thế Tôn chế giới không cho phép tôi cho thức ăn. Phật cũng dạy: “Được sai ngoại đạo nấu thức ăn rồi bảo họ: “Người đưa cho ta còn bao nhiêu thì hãy ăn.” Đó là những gì mà đức Thế Tôn đã dạy.”

*

82. LÀM THẦY THUỐC ĐỂ SINH SỐNG

Khi Phật an trú tại Câu-diệm-di, lúc ấy, Tỳ-kheo-ni mẹ của Xiển-đà chữa bệnh rất giỏi, thường đem theo rễ, lá, quả cây thuốc vào các nhà hoàng tộc, đại thần, cư sĩ trị bệnh cho các thai phụ. Cô chữa bệnh mắt, thổ tả, xông đầu, nhỏ thuốc mũi, dùng kim lể, rồi bôi thuốc vào. Do chữa bệnh nên cô được cúng dường rất nồng hậu. Các Tỳ-kheo-ni bèn khiển trách cô:

Đó không phải là phép tắc xuất gia mà là nghề làm thầy thuốc.

Thế rồi, họ trình bày việc đó với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Từ nay về sau ta không cho phép làm nghề thầy thuốc để nuôi sống.

Đoạn Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Câu-diệm-di phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại.

Nếu Tỳ-kheo-ni làm nghề thầy thuốc để nuôi sống thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Thầy thuốc: Người dùng rễ, lá, trái cây thuốc để chữa bệnh. Lại có thầy thuốc chú nguyện thuốc độc, chú nguyện rắn, cho đến chú nguyện lửa, chú nguyện tinh tú, mặt trời, mặt trăng. Nếu ai dùng những phương pháp ấy để nuôi sống như mẹ của Xiển-đà thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Tỳ-kheo-ni không được làm nghề thầy thuốc để sinh sống. Nếu mình bị bệnh thì được bảo người khác dùng phương thuốc để chữa trị.

Nếu Tỳ-kheo làm nghề thầy thuốc để sinh sống thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Thế nên, đức Thế Tôn nói (như trên).

*

83. TRAO TOA THUỐC CHO NGƯỜI THẾ TỤC VÀ NGOẠI ĐẠO

Khi Phật an trú tại Câu-diệm-di, sau khi ngài chế giới không cho làm nghề thầy thuốc để nuôi sống, thì có người mời mẹ của Xiển-đà chữa bệnh, Tỳ-kheo-ni liền nói: “Đức Thế Tôn chế giới không cho phép chữa bệnh.” Họ lại nói: “Nếu không cho chữa bệnh thì xin cho tôi toa thuốc.” Thế là cô bèn đưa toa thuốc cho người thế tục và ngoại đạo. Các Tỳ-kheo-ni liền nói: “Chỉ lo nghiền ngẫm các phương thuốc, thì không phải là phép tắc xuất gia.”

Thế rồi, họ trình bày với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật bèn hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, Ta không cho phép trao toa thuốc cho người thế tục và ngoại đạo.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Câu-diêm-di phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni trao cho người thế tục và ngoại đạo toa thuốc, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Người thế tục: Người tại gia.

Ngoại đạo: Chỉ hàng ngoại đạo xuất gia.

(531b) **Trao toa thuốc:** Nếu như chú nguyện rắn, chú nguyện thuốc độc, cho đến chú nguyện lửa, chú nguyện tinh tú, mặt trời, mặt trăng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo-ni không được trao toa thuốc cho người thế tục và ngoại đạo, cũng không được chỉ vẽ phương thuốc cho họ.

Nếu Tỳ-kheo trao toa thuốc cho người thế tục và ngoại đạo thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

84. LÀM VIỆC CHO NGƯỜI THẾ TỤC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-xá-khư Lộc Mẫu mời hai bộ Tăng (về nhà cúng dường). Các Tỳ-kheo-ni sáng sớm đến nhà bà, nói:

Này Ưu-bà-di, hôm nay bà mời hai bộ Tăng, chúng tôi nên dùng thứ gì để báo đáp đây?

Thưa các Thánh giả, các vị chỉ cần tụng Kinh, hành đạo tức là đã báo ân rồi vậy.

Đúng thế, nhưng cũng phải có việc gì khác để báo đáp chút chút chứ.

Thế là, họ leo lên gác, lấy bông vải ra, rồi người thì cán hạt, người thì nhồi bông, người thì se sợi, làm thành cuộn chỉ tròn, đem đưa bà, nói:

Những gì chúng tôi muốn báo đáp bà, giờ đã làm xong.

Việc đó không phải là báo đáp, muốn báo đáp thì ăn xong, ngồi thiền, tụng kinh, học kinh, đó mới gọi là báo đền.

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc đó đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Từ nay về sau, Ta không cho phép làm những việc thế tục tại nhà bạch y.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi, cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni làm việc cho người thế tục thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Người thế tục: Tức nhà cư sĩ tại gia hay gọi là bạch y.

Làm việc cho người thế tục: Tức là cán hạt bông, nhồi bông và se sợi, hoặc giã, xay, giặt áo, đại loại làm những việc nhà cho người thế tục như vậy thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Tỳ-kheo-ni không được làm việc cho người thế tục. Nếu đàn-việt muốn cúng dường Phật nên nói: “Này Thánh giả, hãy giúp con làm dụng cụ cúng dường này”, thì lúc ấy được giúp họ kết vòng hoa, nghiền bột hương.

Nếu Tỳ-kheo làm việc giúp cho người thế tục thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

85. VÀO NHÀ NGƯỜI KHÔNG BÁO TRƯỚC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có hai vợ chồng người kia vào giữa trưa trong nhà vắng vẻ tưởng không có ai, muốn giao hoan, thì Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà không báo trước mà đột ngột đi vào. Người chồng thấy thế nổi giận, vì cuộc hành lạc của mình bị trở ngại, đồng thời nam căn còn cương cứng, bèn đuổi theo định bắt Tỳ-kheo-ni. (531c) Tỳ-kheo-ni hoảng sợ vội vàng bỏ chạy về lại trú xứ, nói với các Tỳ-kheo-ni khác: “Hôm nay suýt chút nữa tôi bị hủy hoại phạm hạnh.”

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Vì sao người biết thực gia, không nói trước mà đi vào. Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni biết thực gia, không nói trước mà đi vào, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Biết: Hoặc tự biết hoặc do nghe từ người khác mà biết.

Thực: Người nữ là thức ăn của người nam, người nam là thức ăn của người nữ.

Gia: Như nhà Sát-lợi, nhà Bà-la-môn, nhà Tỳ-xá, nhà Thủ-đà-la, đại loại các gia đình như thế, nếu không báo trước mà đột ngột đi vào thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni không nói trước thì không được đi vào. Nếu muốn đi vào thì nên nói với người giữ cửa rằng tôi muốn đi vào. Nếu người giữ cửa thưa với chủ nhà rồi họ bảo vào thì mới được vào. Nếu người giữ cửa không ra báo lại thì không được vào. Nếu nghe trong phòng có tiếng nói thì phải gậy móng tay, dậm chân cho có tiếng động. Nếu họ vẫn im lặng thì không được vào. Nếu họ ra nghênh tiếp thì được vào.

Nếu Tỳ-kheo không nói trước với gia chủ mà vào nhà họ thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

86. SỐNG THÂN CẬN VỚI NGƯỜI THẾ TỤC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Ca-lê độ người con gái thứ ba của gia đình Li-xa xuất gia, rồi cô ấy sống thân cận với người thế tục ngoại đạo. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Từ nay về sau, Ta không cho phép sống thân cận như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni sống thân cận với người thế tục, ngoại đạo – thậm chí sống thân cận với người làm vườn, Sadi – trọn ngày hoặc trong khoảnh khắc, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Ban ngày: Từ lúc bình minh đến lúc mặt trời lặn.

Cho đến trong khoảnh khắc: Chỉ trong chốc lát.

Sống thân cận: Thân thể sống thân cận, miệng thân cận, thân miệng sống thân cận, thậm chí sống với người làm vườn, Sadi (532a) thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni thích sống thân cận với người này người kia thì Hòa thượng ni, A-xà-lê ni nên cho họ sống cách ly ở chỗ khác.

Nếu Tỳ-kheo sống thân cận thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

87. TỰ THỂ THỐT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà gây lộn với Tỳ-kheo-ni khác rồi chỉ Phật, chỉ A-xà-lê, chỉ y-cà-sa thể thốt như sau: “Nam mô Phật, nếu tôi làm như thế thì khi chết tôi không được khoác áo cà sa, không đoạn tận khổ đau bị mang tội giết cha mẹ, bị mang tội vong ân, bị mang tội hủy báng hiền thánh, rơi xuống địa ngục, đọa vào quỷ đói, đọa vào súc sinh. Nếu tôi làm như vậy, thì tôi sẽ rơi vào các cõi ấy. Nếu bạn làm như vậy thì bạn cũng sẽ rơi vào trong các cõi ấy.”

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Người là người xuất gia mà vì sao lại thể thốt như thế? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.

Cuối cùng Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni tự thể thốt và nguyên rủa người khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tự thể thốt: Như chỉ Phật, chỉ A-xà-lê thể thốt rằng: “Nam mô Phật, nếu tôi làm như thế thì tôi sẽ bị tội như Đê-bà-đạt-đa, bị tội

vọng ngũ, bị tội phản bội ân nhân, bị tội nói hai lưỡi. Nếu tôi như vậy thì phạm hạnh không thành tựu, khi chết không được khoác áo cà sa, bị rơi xuống địa ngục, đọa vào súc sanh, ngạ quỷ. Nếu bạn hủy báng tôi thì bạn cũng sẽ bị tội như thế.” Nếu thể thốt như thế thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo thể thốt như thế thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

88. HỒN DỐI TỰ ĐÁNH MÌNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà gây lộn với Tỳ-kheo-ni khác, rồi nổi giận, tự đánh, tự cào, khóc rống lên tuôn lệ. Các Tỳ-kheo-ni khác nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao người nổi giận tự đánh mình, rồi khóc rống lên tuôn rơi nước mắt? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, (532b) dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni tự đánh mình rồi tuôn rơi nước mắt thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tự đánh mình: Nếu Tỳ-kheo-ni dùng tay nắm mình lại, rồi dùng cú đấm mà đấm, hoặc dùng roi gây đánh, hoặc dùng đất cục ném, rồi khóc lóc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni tự đánh mình mà không khóc thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Nếu khóc mà không đánh, cũng phạm tội Việt-Tỳ-ni. Nếu vừa đánh vừa khóc thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không đánh, không khóc thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo tự đánh mình rồi khóc thì phạm tội Việt-Tỳ-ni, Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

89. TRÁCH NGƯỜI VÔ CỐ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà đến nhà thế tục ca ngợi Tỳ-kheo-ni Thọ-đề là người hiền lành, giữ giới, tinh tấn, cho đến có oai nghi ung dung khi nhìn trái, trông phải, mặc y, cầm bát, nhìn ngó chỉnh tề, ít nói năng được trời người cúng dường, đàn việt trông thấy liền sinh tâm cung kính, chu cấp y bát, thức ăn, thuốc trị bệnh. Thế nhưng, bản thân Thâu-lan-nan-đà thì oai nghi khiếm khuyết, mặc y rách rưới bẩn thỉu, để lộ cả cái bụng bự, nhũ hoa và hông ra ngoài, cử chỉ thì thô tháo, nói năng búa xua. Vì thế đàn việt sanh tâm bất kính, không mời về cúng dường y bát, thức ăn, thuốc trị bệnh. Do vậy, Thâu-lan-nan-đà nói: “Tôi đến nhà đàn việt ca ngợi Thọ-đề nên mới được các thứ cúng dường này. Thế mà Thọ-đề chỉ nói những chuyện không tốt của tôi, nên tôi không được cúng dường.” Thọ-đề liền trả lời: “Này thánh giả, tôi không nói chuyện xấu của thánh giả, vì sao lại bảo rằng tôi nói?”

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Vì sao người không xem xét cẩn thận mà lại trách móc người khác?. Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được. Từ nay về sau, không được không xét nét cẩn thận mà trách móc người khác.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni khác rằng: “Này Thánh giả, cùng đến nhà mỗ giáp với tôi”, sau đó không hài lòng Tỳ-kheo-ni ấy mà không thăm xét những gì được nghe, rồi vô cớ quở trách, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Như Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đa ở trên đã nói.

Nhà: Như nhà Sát-lợi, nhà Bà-la-môn, (532c) nhà Tì-xá, nhà Thủ-đà.

Sau đó không hài lòng: Như trường hợp Tỳ-kheo-ni Thọ-đề.

Việc không hài lòng: Chín việc ưu não, và việc thứ mười là nổi giận không đúng chỗ.

Vô cớ: Không thăm xét kỹ những gì được nghe và quở trách người khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni không thăm xét kỹ những gì được nghe mà quở trách người khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo không thăm xét mà quở trách người khác thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

90. GIỮ CỦA NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà đến giờ bèn khoác y, cầm bát đi đến đứng trước cửa một gia đình hào phú, bỗng thấy có Tỳ-kheo đến khát thực, cô nói: “Tôn đức có thể vào nhà này, họ sẽ nấu thức ăn cúng dường tôn đức, rồi họ mới ăn.” Nếu thấy Tỳ-kheo-ni đến thì cô nói: “Thánh giả hãy vào nhà này, đàn việt sẽ nấu thức ăn cúng dường Thánh giả, rồi họ mới ăn.” Hoặc là cô nói: “Nhà khác cũng có thức ăn vậy, hà tất phải tập trung tại đây?” Đối với tất cả ngoại đạo khát thực cô đều nói như thế với tâm keo kiệt nhằm bảo vệ nhà ấy.

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Cho đến chỗ cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Vì sao người dùng tâm keo kiệt giữ gìn cho nhà người khác? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni dùng tâm keo kiệt để giữ gìn nhà người khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tâm keo kiệt tạt đổ: Như Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Tỳ-kheo-ni không được dùng tâm keo kiệt tạt đổ để giữ gìn nhà người khác. Nếu Tỳ-kheo-ni khác hỏi thì phải nói thật. Nếu ngoại đạo hỏi mà mình sợ tiêm nhiễm tà kiến của ngoại đạo nên quở trách, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo dùng tâm keo kiệt tật đố tiếc của nhà người ta thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên)

Kệ tóm tắt:

“Tự tay cho thức ăn,
 Làm giúp người thế tục.
 Vào không nói, thân cận,
 Thế thốt, tự đánh mình.
 Quở trách, giữ của người
 Kết thúc phân thứ chín.”

*

91. MẮNG NHIỄC TỖ-KHEO

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có hai vợ chồng người kia xuất gia, rồi người chồng già đi đến thăm. Bà vợ đem cho thức ăn rồi đứng một bên. Ông chồng bèn đem những chuyện xấu trước kia của vợ mình ra nói. Bà vợ nghe thế không vui, liền nói: “Lão già chết yểu! Không biết ân nghĩa, những chuyện không nên nói lại đem ra nói.” Các Tỳ-kheo-ni bèn quở trách cô ấy: “Này Thánh giả, đây là vị tôn túc, không được mắng mỏ như vậy.” Cô ta liền nói với các Tỳ-kheo-ni: “Đây là lão già chết yểu, không biết ân nghĩa, những chuyện không nên nói lại đem ra nói.”

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Từ nay về sau Ta không cho phép Tỳ-kheo-ni đối diện trực tiếp mắng mỏ Tỳ-kheo.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni đối diện trực tiếp mắng mỏ Tỳ-kheo thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Đối diện: Bốn mắt nhìn nhau.

Mắng mỏ: Như nói: “Đồ lão già chết yếu, bất thiện, không biết ân nghĩa”, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Tỳ-kheo-ni không được đối diện trực tiếp mắng mỏ Tỳ-kheo. Nếu là anh em thân thích xuất gia mà không giữ giới hạnh cũng không được mắng mỏ, mà chỉ nên dùng lời nhỏ nhẹ để khuyên bảo. Nếu người ấy còn trẻ tuổi thì nên nói: “Này Sa-lộ-ê-đa, đừng có làm việc đó. Nếu nay người không học thì đợi lúc nào mới học? Sau này đệ tử của người cũng sẽ bắt chước người làm điều bất thiện.” Nếu người ấy già cả thì nên nói: “Này Sa-lộ-ê-đa, nay ông không học đợi đến lúc già chết rồi mới học sao?”

Tỳ-kheo cũng không được đối diện trực tiếp mắng mỏ Tỳ-kheo-ni rằng: “Đồ con mù tọc đầu! Con mù dâm dật”, thậm chí nói: “Này mù già, bà là kẻ bất thiện, không biết ân nghĩa”, mà nên dùng lời nhỏ nhẹ khuyên bảo, như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo đối diện mắng mỏ Tỳ-kheo-ni thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

92- GIỚI: CHƯA ĐỦ 12 HẠ MÀ NUÔI ĐỆ TỬ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có những Tỳ-kheo-ni một tuổi, hai tuổi, ba tuổi (hạ) bèn nuôi đệ tử mà không biết dạy dỗ, để họ buông lung như dê trời, trâu trời, tịnh giới không đầy đủ, oai nghi không đầy đủ, không biết cung phụng Hòa thượng ni, A-xà-lê ni, không biết cung phụng Tỳ-kheo-ni trưởng lão, không biết phép tắc vào thôn xóm, phép tắc ở A-luyện-nhã, không biết phép tắc vào trong Tăng, không biết mặc y, cầm bát.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo-ni chưa đủ mười hai mùa mưa mà nuôi đệ tử.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni chưa đủ mười hai mùa mưa (533b) mà nuôi đệ tử thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Chưa đủ mười hai mùa mưa: Chưa đủ mười hai năm gọi là chưa đủ mười hai mùa mưa. Tỳ-kheo-ni chưa đủ mười hai mùa mưa mà đủ mười hai năm cũng gọi là chưa đủ mười hai mùa mưa. Tỳ-kheo-ni chưa đủ mười hai mùa mưa mà quá mười hai năm cũng gọi là chưa đủ mười hai mùa mưa.

Tỳ-kheo-ni thọ cụ túc vào mùa Đông, nhưng chưa qua lần Tụ tứ của mùa Đông thứ mười hai thì cũng gọi là chưa đủ mười hai

mùa mưa. Nếu thọ cụ túc vào mùa xuân, nhưng chưa qua lần tự tứ của mùa xuân thứ mười hai thì cũng gọi là chưa đủ mười hai mùa mưa. Nếu tiền an cư thọ cụ túc, trải qua tiền an cư thứ mười hai, nhưng chưa thọ Tự tứ thì cũng gọi là chưa đủ mười hai mùa mưa. Nếu hậu an cư thọ cụ túc, trải qua hậu an cư lần thứ mười hai, nhưng chưa Tự tứ thì cũng gọi là chưa đủ mười hai mùa mưa.

Tỳ-kheo-ni đủ mười hai mùa mưa mà chưa đủ mười hai năm, thì gọi là đủ mười hai mùa mưa. Tỳ-kheo-ni đủ mười hai mùa mưa, đủ mười hai năm, hoặc quá mười hai năm, thì gọi là đủ mười hai mùa mưa (mười hai hạ lạp).

Tỳ-kheo-ni thọ cụ túc vào mùa Đông trải qua an cư xong, thọ Tự tứ xong, thì gọi là đủ mười hai mùa mưa. Nếu thọ cụ túc vào mùa Xuân, trải qua an cư xong, thọ Tự tứ xong cũng vậy. Tiền an cư thọ cụ túc trải qua tiền an cư xong thọ Tự tứ. Hậu an cư thọ cụ túc, trải qua hậu an cư xong thọ Tự tứ, đó gọi là mười hai mùa mưa (mười hai tuổi hạ).

Nếu Tỳ-kheo-ni (chưa đủ mười hai mùa mưa mà) nuôi đệ tử, cho thọ cụ túc, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni chưa đủ mười hai mùa mưa mà độ người thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Nếu cho họ thọ cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo chưa đủ mười hai mùa mưa mà độ người, cho thọ cụ túc thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

93. CHƯA ĐỦ MƯỜI PHÁP MÀ NUÔI ĐỆ TỬ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau lúc ngài chế giới không cho người chưa đủ mười hai mùa mưa nuôi đệ tử, thì nhóm sáu Tỳ-kheo-ni và các Tỳ-kheo-ni khác đủ mười hai mùa mưa nhưng

chưa đủ mười pháp, nuôi đệ tử mà không dạy bảo, để họ giống như trâu trời, dê trời, thậm chí không biết mặc y cầm bát. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy trình bày với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, họ đáp với Phật: “Đúng như vậy, bạch Thế Tôn.” Phật dạy: “Từ nay về sau, ta không cho phép người chưa đủ mười pháp mà nuôi đệ tử.”

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni đủ mười hai mùa mưa nhưng chưa đủ mười pháp mà nuôi đệ tử thì phạm tội Ba-đạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Đủ mười hai mùa mưa (533c): Như trên đã nói.

Chưa đủ mười pháp: Nghĩa là mười pháp chưa thành tựu. Mười pháp đó là:

1. Giữ giới.
2. Nghe nhiều A-tì-đàm (Luận).
3. Nghe nhiều Tỳ-ni (Luật)
4. Học giới.
5. Học định.
6. Học tuệ.
7. Có thể tự xuất tội và sai người xuất tội.
8. Nếu đệ tử thân tín muốn bãi đạo, thì có thể tự mình hoặc nhờ người đưa họ đến nơi khác (ẩn lánh).
9. Khi đệ tử có bệnh thì có thể tự mình hoặc nhờ người khác chăm sóc.

10. Đủ mười hai mùa mưa (hạ lạp) hoặc hơn.

Đó gọi là mười pháp.

Nếu chưa đủ mười pháp mà độ đệ tử thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Nếu cho họ thọ cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo chưa đủ mười pháp mà độ người thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

94. CHƯA XIN PHÉP MÀ NUÔI ĐỆ TỬ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi ngài cho phép người nào đủ mười hai mùa mưa và thành tựu mười pháp được nuôi đệ tử thì các Tỳ-kheo-ni đủ mười hai mùa mưa và thành tựu mười pháp bèn nuôi đệ tử, thế rồi các Tỳ-kheo-ni khác than phiền: “Ai biết là bà đủ mười hai mùa mưa và thành tựu mười pháp?”

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc đó bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, người ấy đáp lời Phật hỏi:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, muốn nuôi đệ tử phải làm pháp Yết-ma cầu thỉnh, rồi mới xin pháp Yết-ma nuôi đệ tử. Người làm Yết-ma nên bạch như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni mỗ giáp thành tựu mười pháp muốn vào trước Tăng xin pháp Yết-ma nuôi đệ tử, nếu thời gian của Tăng đã đến (Xin Tăng hứa khả).

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni mỗ giáp thành tựu mười pháp muốn vào trước Tăng xin pháp Yết-ma nuôi đệ tử; vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Vị Tỳ-kheo-ni này phải vào trước Tăng quỳ gối, chắp tay, xin như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Tôi là mỗ giáp, đủ mười hai mùa mưa, thành tựu mười pháp, nay theo Tăng xin pháp Yết-ma nuôi đệ tử. Kính mong Tăng cho tôi pháp Yết-ma nuôi đệ tử. (Xin như vậy ba lần). Rồi người làm Yết-ma nên nói như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni mỗ giáp đủ mười hai mùa mưa, thành tựu mười pháp, đã theo Tăng xin pháp Yết-ma nuôi đệ tử. Nếu thời gian của tăng đã đến, nay Tăng cho Tỳ-kheo-ni mỗ giáp – thành tựu mười pháp – pháp Yết-ma nuôi đệ tử. Đây là lời tác bạch.

Xin Thánh giả tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni mỗ giáp – đủ mười hai mùa mưa, thành tựu mười pháp – đã theo Tăng xin pháp Yết-ma nuôi đệ tử. Nay Tăng cho Tỳ-kheo-ni mỗ giáp pháp Yết-ma nuôi đệ tử, thánh giả nào bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni mỗ giáp pháp Yết-ma nuôi đệ tử thì im lặng; (534a) ai không bằng lòng hãy nói. Đây là Yết-ma lần thứ nhất, (lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni mỗ giáp pháp Yết-ma nuôi đệ tử xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni thành tựu mười pháp nhưng không làm Yết-ma mà nuôi đệ tử thì phạm tội Ba-đạ-đề.

*

❖ Giải thích

Thành tựu mười pháp: Như trên đã nói.

Không làm Yết-ma: Không làm Yết-ma giữa Tăng thì gọi là không làm Yết-ma. Ngoài ra, nếu mười pháp không đầy đủ cũng gọi là không làm Yết-ma. Tuy nhiên, nếu làm Yết-ma mà bạch không đúng cách, chúng Tăng không thành tựu, Yết-ma không thành tựu, cũng gọi là không làm Yết-ma. Người nuôi đệ tử muốn cho

đệ tử thọ cụ túc mà không làm Yết-ma thì phạm tội Ba-dạ-đề. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

95. CHO NGƯỜI PHẠM TỘI THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, bấy giờ Tỳ-kheo-ni Ca-lê độ con gái thứ ba của dòng họ Li-xa, rồi cho thọ học pháp. Thế là cô ta lấy chìa khóa mở cửa phòng người khác, cùng sống chung với người thế tục, ngoại đạo. Tỳ-kheo-ni bèn khiển trách Ca-lê rằng: “Kẻ này phạm giới, lấy chìa khóa mở cửa phòng người khác, cùng sống chung với đàn ông, mà vì sao cho thọ cụ túc?” Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc đó đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Ca-lê đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch thế Tôn.

Đó là việc xấu. Vì sao người biết kẻ phạm giới lấy chìa khóa mở cửa phòng người khác, sống chung với ngoại đạo mà cho thọ cụ túc? Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo-ni cho kẻ phạm giới thọ cụ túc.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Tỳ-xá-ly phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni biết người kia phạm giới, cầm chìa khóa mở cửa phòng người khác, cùng sống chung với đàn ông mà cho thọ cụ túc, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Phạm giới: Giới không đầy đủ, vượt qua giới.

Cầm chìa khóa mở cửa phòng: Mở cửa phòng người khác.

Đàn ông: Người thế tục hoặc là hàng ngoại đạo xuất gia.

Sống chung: Sống gần gũi bên nhau. Nếu cho người như vậy thọ cụ túc thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu kẻ ấy sống chung với người thế tục, ngoại đạo thì không được cho thọ cụ túc. Nếu có thể làm cho người này phạm hạnh được toàn vẹn thì trước hết nên làm cho họ sống cách ly rồi mới cho thọ cụ túc.

Nếu Tỳ-kheo biết Sadi phạm giới, sống thân cận với phụ nữ, (534b) nhưng không cho xuất gia lại mà cho thọ cụ túc thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

96. CHO NGƯỜI THIẾU TUỔI THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bảy giờ có Tỳ-kheo-ni độ những đồng nữ mười tuổi, mười hai tuổi xuất gia, thọ cụ túc. Những người này thân thể yếu đuối không làm nổi những việc nhọc nhằn, chưa biết giữ sạch sẽ, oai nghi khiếm khuyết, không biết phụng sự Hòa thượng ni, A-xà-lê ni, không biết vào thôn xóm, không biết A-luyện-nhã, không biết phép tắc khi vào trong chúng, không biết khoác y, cầm bát. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, Ta không cho phép cho đồng nữ chưa đủ hai mươi tuổi thọ cụ túc.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

*Nếu Tỳ-kheo-ni cho đồng nữ chưa đủ hai mươi mùa mưa thọ
Cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.*

*

❖ Giải thích

Chưa đủ hai mươi mùa mưa: Chưa đủ hai mươi năm gọi là chưa đủ hai mươi mùa mưa. Nhưng đồng nữ chưa đủ hai mươi mùa mưa, mà đủ hai mươi năm cũng gọi là chưa đủ hai mươi mùa mưa. Đồng nữ chưa đủ hai mươi mùa mưa mà hơn hai mươi năm vẫn gọi là chưa đủ hai mươi mùa mưa. Nếu sinh vào mùa Đông, tính đến mùa Đông năm thứ hai mươi mà chưa qua lần Tụ tứ cũng gọi là chưa đủ hai mươi mùa mưa. Đồng nữ sinh vào mùa Xuân cũng vậy. Nếu đồng nữ sinh vào lúc tiền an cư, tính đến tiền an cư năm thứ hai mươi nhưng chưa qua lần Tụ tứ, sinh vào lúc hậu an cư, tính đến hậu an cư năm thứ hai mươi, nhưng chưa qua lần Tụ tứ, cũng gọi là chưa đủ hai mươi mùa mưa.

Nếu đồng nữ chưa đủ hai mươi mùa mưa, tất cả giới sư đều tưởng là chưa đủ mà cho thọ cụ túc thì tất cả phạm tội Ba-dạ-đề. Người đó không được gọi là thọ cụ túc.

Nếu đồng nữ chưa đủ hai mươi mùa mưa, một nửa giới sư tưởng là chưa đủ, một nửa tưởng là đã đủ mà cho thọ cụ túc thì những người tưởng là chưa đủ phạm tội Ba-dạ-đề, những người tưởng là đã đủ không có tội, và người này được gọi là đã thọ cụ túc.

Nếu đồng nữ chưa đủ hai mươi mùa mưa, mà tất cả giới sư đều tưởng là đã đủ rồi cho thọ cụ túc, thì tất cả đều không có tội, và người này được gọi là đã thọ cụ túc.

Đủ hai mươi mùa mưa mà chưa đủ hai mươi năm cũng gọi là đủ hai mươi mùa mưa. Đồng nữ đủ hai mươi mùa mưa, đủ hai mươi năm hoặc đủ hai mươi mùa mưa mà quá hai mươi năm cũng gọi là đủ hai mươi mùa mưa. Đồng nữ sinh vào mùa Đông, đến năm thứ hai mươi, sau khi an cư, tụ tứ xong, được cho thọ cụ túc.

Trường hợp sinh vào mùa xuân cũng như vậy. Đồng nữ sinh vào lúc tiền an cư, sau hai mươi năm, trải qua tiền an cư xong, Tụ tứ xong, sinh vào lúc hậu an cư, sau hai mươi năm, trải qua hậu an cư xong, Tụ tứ xong (được cho thọ cụ túc).

(534c) Nếu đồng nữ đủ hai mươi mùa mưa mà một nửa giới sư tưởng là chưa đủ, một nửa tưởng là đã đủ (rồi cho thọ cụ túc), thì những người tưởng là chưa đủ phạm tội Việt-Tỳ-ni, những người tưởng là đã đủ không có tội. Người này được gọi là đã thọ cụ túc.

Đồng nữ đủ hai mươi mùa mưa mà tất cả giới sư tưởng là chưa đủ rồi cho thọ cụ túc, thì tất cả đều phạm tội Việt-Tỳ-ni. Người này không được gọi là thọ cụ túc. Nếu tất cả giới sư đều tưởng là đã đủ thì tất cả không có tội. Người này được gọi là đã khéo thọ cụ túc.

Đồng nữ: Người mà phạm hạnh chưa bị hủy hoại. (Nếu cho đồng nữ chưa đủ hai mươi mùa mưa) thọ cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu đồng nữ muốn thọ cụ túc trong giáo pháp của đức Như Lai thì giới sư nên hỏi: “Người sinh vào lúc nào?” Nếu họ không biết thì nên xem tấm ván ghi năm sinh. Nếu không có tấm ván thì phải hỏi cha mẹ thân nhân của họ. Nếu cũng không biết, thì phải hỏi xem sinh vào thời vua nào, năm được mùa hay năm mất mùa. Nếu cũng không biết thì nên xem tướng trạng (để suy đoán). Nếu họ là con gái của nhạc sĩ thì tuy tuổi nhỏ mà hình vóc lớn, nên xem tướng tay chân xương cốt (mà suy đoán). Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

97. CHO NGƯỜI CHƯA HỌC GIỚI THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Ngài chế giới không cho phép Tỳ-kheo-ni cho đồng nữ chưa đủ hai mươi mùa mưa thọ cụ túc, thì các Tỳ-kheo-ni cho các đồng nữ đủ hai mươi mùa mưa

thọ cụ túc. Thế nhưng các Tỳ-kheo-ni khác dị nghị: “Người đủ hai mươi mùa mưa hay chưa đủ hai mươi mùa mưa ai mà biết được.”

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: “Từ nay về sau, đồng nữ 18 tuổi muốn thọ cụ túc trong giáo pháp của Như Lai phải theo tăng xin hai năm học giới. Trước hết phải làm Yết-ma cầu thỉnh rồi mới xin. Người làm Yết-ma nên tác bạch như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Đồng nữ mỗ giáp 18 tuổi muốn thọ cụ túc trong giới luật của đức Như Lai, nếu thời gian của Tăng đã đến, xin Tăng cho phép mỗ giáp vào trước tăng xin hai năm học giới.

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Đồng nữ mỗ giáp 18 tuổi muốn vào trước Tăng xin hai năm học giới, vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận như vậy.

Thế rồi, đồng nữ này phải vào trước Tăng xin như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Con là đồng nữ mỗ giáp 18 tuổi muốn thọ cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai, nay theo Tăng xin hai năm học giới. Kính mong Tăng thương xót cho con hai năm học giới (Xin như vậy ba lần).

Người làm Yết-ma nên nói như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Đồng nữ mỗ giáp 18 tuổi muốn thọ cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai, đã theo Tăng xin hai năm học giới, nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho mỗ giáp pháp Yết-ma hai năm học giới. Đây là lời tác bạch.

Xin Thánh giả (535a) Tăng lắng nghe. Đồng nữ mỗ giáp 18 tuổi muốn thọ cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai, đã theo Tăng xin hai năm học giới, Thánh giả nào bằng lòng cho mỗ giáp hai năm học giới thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần Yết-ma thứ nhất (lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho mỗi giáp hai năm học giới xong, vì im lặng, tôi ghi nhận như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni chưa cho đông nữ đủ hai mươi tuổi học giới mà cho thọ cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Đủ hai mươi tuổi: Túc đủ hai mươi mùa mưa. Nếu đủ hai mươi mùa mưa mà chưa đủ hai mươi tuổi cũng gọi là đủ hai mươi mùa mưa. Thậm chí, nếu hậu an cư sinh, sau hai mươi năm hậu an cư thọ tự tứ xong, cũng gọi là đủ hai mươi tuổi.

Không cho học giới: Nếu không làm Yết-ma mà cho học giới cũng gọi là không cho học giới. Hoặc mười pháp không đầy đủ cũng gọi là không cho học giới. Tuy có làm Yết-ma nhưng chúng không thành tựu, bạch không đúng pháp, Yết-ma không đúng pháp – nếu một pháp nào không thành tựu – mà cho thọ cụ túc, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

98. CHO NGƯỜI HỌC GIỚI CHƯA XONG THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni cho người đang thọ học giới học chưa hoàn tất thọ cụ túc; thế rồi, đức Thế Tôn bảo: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni cho người đang thọ học giới học chưa hoàn tất thọ cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Thọ học giới: Cho thọ học giới, đủ mười pháp, chúng thành tựu, bạch thành tựu, Yết-ma thành tựu, tất cả mọi pháp đều thành tựu, đó gọi là thọ học giới.

Học chưa hoàn tất: Trong hai năm thọ học giới phải tùy thuận học 18 việc. Đó là: Khi ăn uống phải ngồi dưới tất cả Tỳ-kheo-ni, trên tất cả Sa-di-ni, đối với họ không thanh tịnh nhưng đối với Tỳ-kheo-ni thì thanh tịnh; đối với Tỳ-kheo-ni không thanh tịnh thì đối với họ cũng không thanh tịnh, được ngủ chung cùng phòng với Tỳ-kheo-ni ba hôm, cũng được ngủ chung với Sa-di-ni trong ba hôm, được Tỳ-kheo-ni trao cho thức ăn, ngoại trừ năm loại thực phẩm được hỏa tịnh; theo Sa-di-ni nhận thức ăn; Tỳ-kheo-ni không được hướng đến họ nói về Ba-la-đề-mộc-xoa, từ Ba-la-di cho đến tội Việt-Tỳ-ni, mà chỉ được nói: không được dâm, không được trộm cắp, không được giết người, đại loại được dạy bảo như vậy, không được nghe Bồ-tát, Tự-tứ. Đến ngày Bồ-tát (535b) Tự tứ, phải đến trước Thượng tọa, cúi đầu đánh lễ dưới chân Tăng, nói như sau: “Con là mỗ giáp thanh tịnh, xin thượng tọa ghi nhớ cho”, nói như vậy ba lần, rồi lui ra. Nếu phạm một trong bốn giới Ba-la-di sau cùng thì ngay trong ngày ấy phải thọ học pháp trở lại. Nếu phạm 19 giới Tăng-già-bà-thi-sa trở về sau thì tất cả đều sám hối tội Đột-cát-la. Nếu phá năm giới như ăn phi thời, cất thức ăn để ăn, nhận vàng bạc và tiền mặt, uống rượu, mang hương hoa, thì tùy phạm vào ngày nào phải bắt đầu thọ học lại hai năm kể từ ngày đó, còn thời gian trước bị hủy bỏ. Đó gọi là học giới chưa hoàn tất.

Nếu ai cho người học chưa hoàn tất thọ cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

99. KHÔNG CHO NGƯỜI ĐÃ HỌC XONG THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo-ni cho người chưa học giới hai năm hoàn tất thọ cụ túc, thế nên Tỳ-kheo-ni cho đồng nữ 18 mùa mưa (tuổi) học giới hai năm, đến lúc đủ hai mươi mùa mưa cho thọ cụ túc. Tuy vậy, các Tỳ-kheo-ni vẫn chê trách rằng: “Người học giới hoàn tất hay chưa hoàn tất ai mà biết.”

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến trình bày với Đại-ái-đạo. Cho đến Phật dạy: “Từ nay về sau, đồng nữ đã học giới đủ hai mươi mùa mưa muốn thọ cụ túc trong pháp luật của Như Lai để làm Tỳ-kheo-ni, thì trước hết phải làm Yết-ma cầu thỉnh, rồi đến trước Tăng xin pháp Yết-ma đã học giới hoàn tất để thọ cụ túc. Người làm Yết-ma nên nói như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Đồng nữ mỗ giáp hai mươi tuổi đã học giới hoàn tất muốn thọ cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai; nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho mỗ giáp vào trước Tăng xin thọ cụ túc vì đã học giới hoàn tất.

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Đồng nữ mỗ giáp hai mươi tuổi đã học giới hoàn tất muốn vào trước Tăng xin thọ cụ túc vì đã học giới hoàn tất. Tăng đã bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, người này phải vào giữa Tăng quỳ gối, chấp tay, xin như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Con là đồng nữ mỗ giáp hai mươi tuổi, đã học giới hoàn tất muốn thọ cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai, nay theo Tăng xin thọ cụ túc vì đã học giới hoàn tất. Kính mong Tăng thương xót cho con thọ cụ túc vì đã học giới hoàn tất, (xin như vậy ba lần).

Người làm Yết-ma nên nói như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Đồng nữ mỗ giáp đủ hai mươi mùa mưa, đã học giới hoàn tất, muốn thọ cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai làm Tỳ-kheo-ni, nay theo Tăng xin thọ cụ túc vì đã học giới hoàn tất. Nếu thời gian của Tăng đã đến, nay tăng cho mỗ giáp pháp Yết-ma thọ cụ túc vì đã học giới hoàn tất. Đây là lời tác bạch.

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Đồng nữ mỗ giáp đủ hai mươi mùa mưa, đã học giới hoàn tất muốn thọ cụ túc làm Tỳ-kheo-ni trong pháp luật của đức Như Lai, (535c) đã theo Tăng xin thọ cụ túc vì đã học giới hoàn tất. Nay Tăng cho mỗ giáp thọ cụ túc vì đã học giới hoàn tất. Thánh giả nào bằng lòng cho mỗ giáp thọ cụ túc vì đã học giới hoàn tất thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là Yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho mỗ giáp pháp Yết-ma thọ cụ túc xong, vì Tăng im lặng, tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Thúc-xoa đã học giới hoàn tất mà Tỳ-kheo-ni không làm Yết-ma cho thọ cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Học giới hoàn tất: Trong hai mùa mưa tùy thuận làm 18 việc.

Không làm Yết-ma: Không tác pháp Yết-ma cho thọ cụ túc thì (Tỳ-kheo-ni bốn sư) phạm tội Ba-dạ-đề.

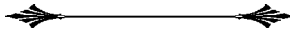
Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

Hết quyển thứ ba mươi tám

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 39

BA-DẠ-ĐỀ (tiếp theo)

100. CHO NGƯỜI CÓ CHỒNG DƯỚI MƯỜI HAI TUỔI THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy những người con gái của dòng họ Thích, họ Câu-lê, họ Ma-la, họ Li-xa sau khi lấy chồng rồi mới xuất gia, từng chịu đựng những việc cực nhọc nên đã khôn ngoan. Đại-ái-đạo Cù-đàm-di bèn hỏi Phật:

Bạch Thế Tôn, những người nữ đã có chồng, chưa đủ hai mươi mùa mưa có thọ Cụ túc được không?

Được.

Thế rồi, Tỳ-kheo-ni cho những người nữ đã lấy chồng 8 tuổi, 9 tuổi thọ Cụ túc, nhưng vì họ quá bé nhỏ, yếu đuối không chịu đựng được những việc cực nhọc. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Cho đến, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni cho những người nữ đã lấy chồng chưa đủ mười hai mùa mưa thọ Cụ túc, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Chưa đủ mười hai mùa mưa: Như trường hợp chưa đủ hai mươi mùa mưa ở trên đã nói rõ.

Người nữ đã có chồng: Người mà phạm hạnh đã bị hủy hoại. Nếu cho người như vậy thọ cụ túc thì phạm tội Ba-đạ-đề.

Ba-đạ-đề: Như trên đã nói. Nếu người nữ đã lấy chồng muốn thọ Cụ túc trong pháp luật của đức Như-lai thì trước hết nên hỏi; (536a) cho đến phải xem tay chân xương cốt, v.v..

Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

101. NGƯỜI CÓ CHỒNG MƯỜI HAI TUỔI CHƯA HỌC GIỚI MÀ CHO THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi đức Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo-ni cho người nữ đã lấy chồng chưa đủ mười hai mùa mưa thọ Cụ túc, thì Tỳ-kheo-ni cho những người nữ đã lấy chồng đủ mười hai mùa mưa thọ Cụ túc. Thế nhưng, các Tỳ-kheo-ni than phiền rằng: “Người là người nữ đã lấy chồng đủ hay chưa đủ mười hai mùa mưa ai mà biết được!”

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: “Từ nay về sau, những người nữ đã lấy chồng đủ mười hai mùa mưa phải cho học giới hai năm.”

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không cho người nữ đã lấy chồng đủ mười hai mùa mưa học giới mà cho thọ Cụ túc thì phạm tội Ba-đạ-đề, như trong giới đồng nữ không học giới ở trên đã nói.

Kệ tóm tắt:

“Mảng ngay, độ phi pháp,
Mười pháp chưa đầy đủ.

Không Yết-ma nuôi chúng,
 Phạm giới, thiếu hai mươi.
 Không học, học chưa đủ,
 Học đủ, không Yết-ma.
 Dưới hai mươi, không học,
 Kết thúc phần thứ mười.”

*

102. NGƯỜI CÓ CHỖNG HỌC CHƯA XONG MÀ CHO THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Ca-lê độ bà vợ của viên quan nhà vua là Tu-đề-na xuất gia cho thọ Cụ túc. Vì lúc còn ở nhà bà đã có thai nên dần dần bụng lớn. Các Tỳ-kheo- ni bèn khiển trách người đó rằng:

Đã thọ học giới mà có thai lẽ đáng phải trục xuất.

Từ khi xuất gia đến nay tôi không hề biết chuyện đó.

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Người này từ lúc xuất gia về sau không biết đến việc ấy (việc dâm dục) tức là bào thai có từ lúc còn ở nhà. Nếu gặp trường hợp như vậy thì chưa nên cho thọ Cụ túc mà phải đợi đến sau khi sinh con. Nếu sinh con gái, thì sau khi sinh cho thọ Cụ túc. Nếu sinh con trai, thì đợi đến khi đứa bé dứt sữa mới cho thọ Cụ túc. Nhưng nếu có chị em thân thích nói: “Hãy bồng đứa bé đến đây để tôi nuôi dưỡng cho” – Nếu gặp trường hợp như vậy – thì nên cho thọ Cụ túc.”

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni cho người nữ đã lấy chồng học giới chưa đủ mà cho thọ Cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề, như trong điều đồng nữ học giới chưa đủ trên kia đã nói rõ.

*

103. CHO NGƯỜI CÓ CHỒNG THỌ GIỚI, KHÔNG LÀM YẾT-MA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Ngài chế giới không cho phép Tỳ-kheo-ni cho người nữ đã lấy chồng đủ 12 tuổi (536b) chưa đủ hai năm học giới thọ Cụ túc, thì Tỳ-kheo-ni cho người nữ đã lấy chồng đủ hai năm học giới thọ Cụ túc. Thế nhưng các Tỳ-kheo-ni chê trách người ấy: “Người học giới đủ hay chưa đủ ai mà biết được.”

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Thế rồi Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni cho người nữ đã lấy chồng học giới đủ thọ Cụ túc mà không làm Yết-ma, thì phạm tội Ba-dạ-đề, như trong điều đồng nữ không làm Yết-ma ở trên đã nói rõ.

*

104. CHO THỌ GIỚI RỒI MÀ KHÔNG DẠY DỠ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo-ni nuôi nhiều đệ tử mà không dạy dỗ, để họ giống như trâu trời, dê trời, không biết giữ gìn sạch sẽ, oai nghi không đầy đủ; không biết phụng sự Hòa thượng, A-xà-lê, không biết phụng sự trưởng lão Tỳ-kheo-ni, không biết phép vào thôn xóm, ở A-luyện-nhã, không biết mặc y, cầm bát. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo bèn

đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao người độ người mà không dạy? Từ nay về sau phải dạy dỗ hai năm.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni cho đệ tử thọ Cụ túc rồi thì phải dạy dỗ trong hai năm. Nếu không dạy dỗ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Đệ tử: Túc là đệ tử cùng sống chung.

Hai năm: Túc là hai mùa mưa.

Dạy dỗ: Hoặc dạy A-tì-đàm, hoặc dạy Tỳ-ni.

A-tì-đàm: Túc là chín bộ Kinh.

Tỳ-ni: Túc là Ba-la-đề-mộc-xoa rộng rãi hoặc giảng lược. Nếu thấy họ có oai nghi nên khích lệ. Nếu thấy họ trái oai nghi, nên ngăn cản. Nếu như không dạy dỗ thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu như đệ tử không thể dạy, không muốn học thì phải trục xuất.

Nếu Tỳ-kheo không dạy bảo đệ tử cùng sống chung thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

105. THỌ GIỚI RỒI, KHÔNG HẦU THẤY

Khi Phật an trú tại thành Xá-Vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni độ đệ tử, sau khi thọ Cụ túc rồi, đệ tử bèn bỏ đi nơi khác. Do đó, Hòa thượng ni than phiền rằng: “Đức Thế Tôn chế giới bảo phải dạy đệ tử, nhưng đệ tử bỏ tôi mà đi, thì tôi dạy ai đây?”

Các Tỳ-kheo ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. (536c) Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao người thọ Cụ túc rồi mà đi đến nơi khác? Người phải phụng sự Hòa thượng ni trong hai năm.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Khi Tỳ-kheo-ni thọ Cụ túc rồi phải theo hầu, cung phụng Hòa thượng ni trong hai năm, nếu không theo hầu, cung phụng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Người thọ Cụ túc: Chỉ cho đệ tử cùng sống chung.

Hai năm: Túc trong thời gian hai mùa mưa.

Cung phụng: Túc cung phụng Hòa thượng ni.

Theo hầu: Không được rời xa. Nếu không theo hầu, cung phụng thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu Hòa thượng ni trì giới lỏng lẻo, khiến đệ tử không muốn học, suy nghĩ: “Hòa thượng ni của ta chỉ đi đến những nơi không nên đến, nếu ta đi theo thì sợ tổn

thương đến phạm hạnh”, rồi bỏ đi để bảo toàn phạm hạnh thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo không theo hầu, cung phụng Hòa thượng, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

106. NUÔI ĐỆ TỬ HÀNG NĂM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo-ni cứ mỗi năm mỗi độ đệ tử cho thọ cụ túc, rồi tâm sinh nghi ngờ không biết có được làm như thế không, bèn hỏi Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép cứ mỗi năm mỗi độ đệ tử mà phải để cách năm.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni cứ mỗi năm mỗi nuôi đệ tử thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Mỗi năm: Cứ mỗi mùa mưa.

Nuôi đệ tử: Tức cho thọ cụ túc.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Phật không cho phép mỗi năm mỗi nuôi đệ tử mà phải để cách năm một. Nếu Tỳ-kheo-ni có phước

đức thì năm thứ nhất cho đệ tử học giới, năm thứ hai cho thọ cụ túc, thì tuy năm nào cũng có độ mà không có tội. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

107. ĐỂ CÁCH ĐÊM CHO THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thọ-đề muốn cho đệ tử thọ Cụ túc bèn nói với Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà rằng: “Thưa Thánh giả, xin người mời giúp Tăng để cho đệ tử tôi thọ Cụ túc.” Thế rồi Tỳ-kheo-ni Tăng bèn cho giới tử thọ Cụ túc (ở bản bộ Yết-ma). Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà mời được nhóm sáu Tỳ-kheo, Thọ-đề bèn hỏi:

Cô đã mời giúp Tăng cho tôi được chưa?

Đã mời được rồi.

Mời được ai vậy?

Mời được nhóm sáu Tỳ-kheo.

Tôi không dùng những vị ấy.

Thế là đến sáng hôm sau, Thọ-đề liền mời các thiện Tỳ-kheo (537a) khác cho thọ Cụ túc. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem đến trình bày lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Thọ-đề đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Này Thọ-đề, đó là việc xấu. Vì sao trong một chúng thanh tịnh mà người để qua đêm mới cho thọ Cụ túc, lại còn khinh thường chúng nữa? Từ nay về sau, Ta không cho phép trong một chúng thanh tịnh mà để qua đêm cho thọ Cụ túc, cũng không cho phép khinh thường chúng.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni ở trong một chúng thanh tịnh mà để qua đêm cho thọ Cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Một chúng thanh tịnh: Túc thọ Cụ túc trong chúng của Tỳ-kheo-ni.

Để qua đêm: Nếu để đến hôm sau mới cho thọ Cụ túc trong chúng của Tỳ-kheo thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói: Phật không cho phép ở trong một chúng thanh tịnh mà để qua hôm sau mới cho thọ Cụ túc; đồng thời cũng không cho phép khinh thường chúng, cũng không được mời chúng Tỳ-kheo ác cho thọ Cụ túc, mà trước hết phải đi thỉnh cầu thiện Tỳ-kheo. Nếu không thể mời đủ thì phải mời được một nửa hoặc hơn một nửa để làm Yết-ma. Nếu trường hợp gặp nạn vua, nạn giặc không thể làm trong một ngày mà phải để qua đêm thì không có tội.

Trường hợp Tỳ-kheo cũng không được khinh thường chúng, cần phải mời được một nửa, hoặc hơn một nửa giới sư để làm Yết-ma. Nếu khinh thường chúng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

108. ĐỆ TỬ CÓ LỖI MÀ KHÔNG THU XẾP

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Ca-lê độ người con gái thứ ba của dòng họ Li-xa xuất gia, thế rồi, cô này sống thân cận với người thế tục và ngoại đạo. Các Tỳ-kheo-ni bèn

nói với Tỳ-kheo-ni Ca-lê: “Cô biết đệ tử mình sống thân cận với người thế tục và ngoại đạo mà vì sao không đưa kẻ ấy đến sống cách biệt ở nơi khác?”

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Ca-lê đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao người biết đệ tử sống thân cận với người thế tục và ngoại đạo mà không cách ly họ? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như thế.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Tỳ-xá-ly phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni độ đệ tử có vấn đề mà không tự mình đưa họ hoặc sai người khác đưa họ đi xa ít nhất là 5, 6 do tuần, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Độ người: Tức là Hòa thượng ni.

Đệ tử: Tức là đệ tử đồng hành.

Có vấn đề: Tức là đệ tử muốn thôi tu, hoặc là cha mẹ bà con muốn họ thôi tu, hoặc chồng (537b), chú muốn họ thôi tu.

Đưa đi: Hoặc tự mình đưa đi, hoặc sai người khác đưa đi.

Ít nhất là năm, sáu do tuần: Mức độ ít nhất là sáu do tuần.

Nếu đệ tử sống thân cận với người thế tục thì nên đưa họ đi du hành. Nếu bản thân mình già bệnh không thể làm được thì nên chuyển lời nhờ người khác dạy bảo rằng: “Người nên đi vân du đánh lễ chùa tháp sẽ được nhiều công đức, đồng thời gặp được những hội chúng tốt đẹp làm cho tầm hiểu biết của mình thêm mở mang, nếu ta mà không già cả thì ta cũng sẽ đi.”

Nếu Tỳ-kheo có đệ tử cùng sống chung có vấn đề mà không tự mình đưa đi hoặc sai người khác đưa đến nơi khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

109. NGOAN CỐ KHÔNG NGHE LỜI KHUYÊN

Khi Phật an trú tại Xá-vệ, lúc bảy giờ Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà chưa đủ mười pháp mà độ đệ tử, rồi không dạy dỗ để họ buông lung giống như trâu trời, dê trời. Thế rồi có Tỳ-kheo-ni nói với Thâu-lan-nan-đà:

Này Thánh giả, cô chưa đủ mười pháp mà độ đệ tử rồi không chịu dạy bảo để họ như thế đó.

Cô đổ kỹ việc tôi độ đệ tử nên trách mắng tôi.

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao người chưa đủ mười pháp lại độ đệ tử rồi không chịu dạy bảo mà còn trách móc người khác? Từ nay về sau, Ta không cho phép trách móc người khác.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni A nói với Tỳ-kheo-ni B rằng: “Này Thánh giả, cô chưa đủ mười pháp mà độ đệ tử thì phải dạy bảo họ”, mà cô B trách ngược lại cô A thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Hoặc Ni Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người.

Tỳ-kheo-ni B: Tức là Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà.

Chưa đủ mười pháp: Tức là mười pháp chưa thành tựu mà độ đệ tử, cho thọ Cụ túc, rồi có người khuyên can mà lại trách móc, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo làm như trên thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

110. HỨA CHO THỌ GIỚI MÀ KHÔNG CHO THỌ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có cô ni đang học giới nói với Thâu-lan-nan-đà:

Thưa Thánh giả, con học giới đủ rồi cho con thọ Cụ túc.

Được.

Sau đó, cô Ni học giới nhắc lại: “Thưa Thánh giả, con học giới đủ rồi, cho con thọ Cụ túc.” Thâu-lan-nan-đà nghe thế mà không cho thọ Cụ túc, không nhờ người khác cho thọ, cũng không bảo đi nơi

khác để thọ. Các Tỳ-kheo-ni bèn trách cô ta: “Trước đây cô hứa cho thọ Cụ túc, vì sao không cho thọ?” Tuy nghe lời trách móc ấy, nhưng (537c) cô vẫn không cho thọ.

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thâu-lan-nan-đa đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc ác. Vì sao người hứa cho người khác thọ Cụ túc mà rồi không cho thọ? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Thúc-xoa-ma-ni rằng: “Người học giới đủ rồi ta sẽ cho thọ cụ túc”, nhưng sau đó không cho thọ, không nhờ người khác cho thọ, cũng không bảo họ đi nơi khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Thúc-xoa-ma-ni: người tùy thuận học 18 việc trong hai năm.

Nói rằng: Như trường hợp Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đa hứa cho thọ Cụ túc mà sau đó tự mình không cho thọ cũng không bảo người khác cho thọ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Thúc-xoa-ma-ni rằng: Ta sẽ cho người thọ Cụ túc mà sau đó không có khả năng thì nên bảo người khác cho thọ. Nếu tự mình không cho thọ, không nhờ người khác cho thọ, thì nên bảo họ đi nơi khác để

thọ Cụ túc. Nếu Tỳ-kheo-ni hứa cho Thúc-xoa-ma-ni thọ Cụ túc mà sau đó không cho thọ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo hứa cho Sadi thọ Cụ túc mà sau đó không cho thọ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

111. KHÔNG BỆNH MÀ ĐI XE

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, bấy giờ Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la-già-tì-lê đi xe lộng lẫy đến nhà bà con, bị người đời chê trách rằng: “Vi sao Samôn ni đã xuất gia mà giống như người thế tục, đi xe lộng lẫy, còn nhiều tham dục đến như thế?”

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc đó đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Lại nữa, bấy giờ có một Tỳ-kheo-ni con dòng họ Thích, vì già bệnh ốm yếu, đi đường không theo kịp bạn bè phải đi sau, bị bọn giặc xâm phạm. Cuối cùng, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà đi xe thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Bệnh: Nếu vì già bệnh ốm yếu hay là nhạc sĩ không thể đi được (thì đi xe) Thế Tôn bảo là không có tội.

Xe: Gồm có 8 loại, kể cả thuyền bè đó gọi là tám loại; nếu sử dụng những thứ ấy thì phạm tội Ba-dạ-đề. (538a) Đức Thế Tôn không cho phép Tỳ-kheo-ni không bệnh mà đi xe, thuyền. Nhưng nếu có bệnh cũng không được đi xe do trâu đực kéo, mà được đi xe do trâu, ngựa, lạc đà cái kéo. Nếu vì bệnh không biết đó là con đực hay cái thì không có tội. Nếu đi đò ngang thì không có tội. Ngoài ra, nếu có nhân duyên thì được đi đò xuôi, ngược dòng sông.

Nếu Tỳ-kheo không bệnh mà đi xe, đò thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

Kệ tóm tắt:

“Chưa đủ, không Yết-ma,
Hòa thượng không dạy bảo.
Đệ tử không theo hầu,
Hàng năm nuôi đệ tử.
Cách đêm thọ Cụ túc
Có chuyện, không đưa đi.
Chê trách, hứa thọ giới,
Đi xe thuyền cuối cùng
Hết phần thứ mười một”

*

112. KHÔNG BỆNH MÀ ĐỘI DÙ

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, bấy giờ Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la-già-tì-lê đội dù, mang giày đi đến nhà bà con, bị người đời chê bai rằng: “Vì sao Samôn ni mà giống như người thế tục, còn đa dục đến như thế?”

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép cầm dù, mang giày.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ có những cô gái của họ Thích họ Ma-la, trước kia vốn là nhạc sĩ, nay đã xuất gia, đi đường gặp lúc trời nóng bức rất là cực nhọc. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy: “Từ nay về sau, Ta cho phép khi bệnh (được đội dù).”

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà cầm dù, mang giày thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Bệnh: Nếu bị già yếu, bệnh hoạn, khiêng chân mà mang giày thì Thế Tôn nói là không có tội.

Ô dù: Như ô dù làm bằng vỏ cây, bằng đa-lê, bằng tre, bằng ma-lâu, bằng lá cây, bằng vải, đại loại các thứ dù tương tự như thế.

Giày: Loại giày một lớp, hai lớp.

Cầm: Nếu sử dụng thì phạm tội Ba-dạ-đề .

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu cầm dù mà không mang giày thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu mang giày mà không cầm dù cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu dùng cả hai thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không dùng cả hai thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo cầm dù đẹp đẽ, mang giày hai lớp thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (538b) (như trên).

*

113. GIỚI: NẪM GIƯỜNG CAO QUÁ MỨC ĐỘ

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la-già-tì-lê đi đến nhà bà con, trải hai, ba lớp nệm trên chiếc giường Khu-trù-la cao nghệu mà ngồi, bị người đời và ngoại đạo chê bai rằng: “Vì sao Sa-môn ni đã xuất gia mà còn giống như người thế tục, đa dục đến như thế?”

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao ngươi ngồi trên giường Khu-trù-la cao quá mức độ như vậy? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như thế.

Đoạn Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Tỳ-xá-ly phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni ngồi hoặc nằm trên giường nệm Khu-trù-la cao quá mức độ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Quá mức độ: Cao hơn 8 ngón tay.

Giường nệm Khu-trù-la: Khu-trù-la gồm có 14 loại, cho đến giường Băng-cầu-la, Khu-trù-băng-cầu-la, nếu ngồi hay nằm trên đó thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu ngồi suốt ngày thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu đã đứng lên rồi, ngồi xuống lại thì cứ mỗi lần ngồi

lại phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu giường cao quá mức độ thì được chôn chân giường xuống (cho ngang mức độ) mà ngồi.

Nếu Tỳ-kheo ngồi giường Khư-trù-la cao quá mức độ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

114. CÙNG NẪM CHUNG MỘT GIƯỜNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo-ni cùng ngủ chung trên một giường, một chõng, mền gối bị rách nát, giường chõng bị hỏng hóc. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem sự việc ấy nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật bèn hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni trải giường nệm ra cùng nằm chung thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Trải: Cùng một chõng, một giường, một mùng.

Giường: Gồm có 14 loại, thậm chí nếu nằm trên giường Chi-lan thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-da-đề: Như trên đã nói. Không được nằm chung một giường mà nên nằm mỗi người một giường. Nếu giường ba chỗ ngồi thì được nằm hai người nhưng khi dang chân ra thì không được quá đầu gối. Nếu tấm nệm vuông thì ba tấm được dùng cho hai người nằm, nhưng khi dang chân ra thì không được quá đầu gối. Nếu trải dưới đất thì không được dùng cho nhiều người mà nên nằm cách nhau chừng một cánh tay dang ra. Nếu tọa cụ thì nên tự trải ra mà ngồi. Khi trời lạnh thì ở trên (538c) được phủ chung một tấm màn còn ở dưới mỗi người tự đắp mền riêng thì không có tội. Nếu Tỳ-kheo cùng nằm chung một giường thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

115. RA ĐI KHÔNG TRẢ LẠI PHÒNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Ca-lê nhận phòng của Tăng rồi đóng cửa mà ra đi. Sau đó có Tỳ-kheo-ni khách là Thượng tọa đến, theo thứ tự nhận phòng, thấy cửa phòng đóng, than phiền rằng: “Đây là phòng ốc của Tăng vì sao lại đóng cửa rồi ra đi?”

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Thế rồi, Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao phòng của Tăng mà ngươi nhận rồi không trả, lại đóng cửa rồi ra đi? Từ nay về sau không được làm như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không trả phòng giường nệm của Tăng mà ra đi thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ **Giải thích**

Giường nệm của Tăng: Như giường nằm, giường ngồi, gối nệm và câu chấp.

Không xả: Không trả lại, không thừa mà bỏ đi nơi khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni muốn đi đâu thì phải trả lại giường nệm, nói với người trông coi giường nệm biết rồi mới đi. Nếu không trả lại mà đi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu như phòng không bỏ trống, sau đó có người khác ở, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

116. VÀO CHỖ TĂNG KHÔNG THỪA TRƯỚC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Tỳ-kheo-ni mẹ của Kiệt-trụ không nói trước mà đột nhiên đi vào phòng Tỳ-kheo cha của Kiệt-trụ, rồi xoa sau lưng. Vị này quay lại nhìn thấy, liền kêu lên: – Đứng, đứng! Hãy xa tôi ra!

Ngày trước tôi thường tắm rửa cho ông, nay tôi chỉ xoa một tí thì có gì mà kêu vang.

Ngày xưa tôi là người thế tục, nay đã xuất gia không được làm như trước nữa.

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao người không thưa trước mà đi vào Tinh xá của Tỳ-kheo? Từ nay về sau Ta không cho phép làm như thế.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không bạch trước mà đi vào Tăng-già-lam của Tỳ-kheo thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tăng-già-lam của Tỳ-kheo: Ít nhất là chỗ ở của một Tỳ-kheo.

Không bạch trước: Không nói trước, không gọi mà tự động vào như Tỳ-kheo-ni mẹ của Kiệt-trụ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni muốn đi vào trú xứ của Tỳ-kheo thì phải (539a) đến đứng trước cửa phòng bạch rằng: “Kính chào, Tỳ-kheo-ni (mỗ giáp) xin vào gặp, mong được sự cho phép.” Khi ấy, Tỳ-kheo phải cân nhắc, nếu thấy Tỳ-kheo-ni ấy hiển thiện mà mình đang rảnh, đã khoác sẵn y phục, thì cho phép vào. Nếu mình đang có việc, hoặc đang làm đất hay đang ở trần thì nên nói: “Này chị em, hãy đứng chờ một tí”, rồi xướng rằng: “Này các Trưởng lão, Tỳ-kheo-ni muốn vào, các vị hãy mặc y phục.” Nếu thấy Tỳ-kheo-ni ấy bất thiện, không có oai nghi thì nên nói: “Cô đừng vào, Tăng đang có việc.”

Nếu không nói trước mà đi vào lần đầu thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu đi đến lần sau thì không có tội. Nếu không bạch mà đi vào thì khi đỡ lên một chân phạm tội Việt-tỳ-ni, đỡ lên cả hai chân phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu đi trở ra thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo không nói trước mà đi vào trú xứ của Tỳ-kheo-ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi muốn vào nên đến đứng trước cửa phòng

bảo tịnh nhân nữ thông báo (rồi mới vào). Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

117. TRÚ NGỰ NHÀ THẾ TỤC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni đi đường gặp lúc hoàng hôn muốn vào trong thôn xin chỗ trú ngụ, bèn đến một nhà kia nói với người phụ nữ:

Xin cho tôi nghỉ tạm một đêm.

Chồng tôi đi vắng có thể chiều tối sẽ trở về.

Tỳ-kheo-ni cứ tiếp tục nài nỉ xin trú ngụ. Người phụ nữ nói: “Nếu chồng tôi không về thì cô có thể tạm nghỉ một đêm.” Thế là bà ta cho nghỉ. Đến lúc chiều tối, ông chồng trở về, do kiết sử sai khiến, ông bèn giao hoan với bà vợ. Tỳ-kheo-ni này vì chưa ly dục nên nghe tiếng hai vợ chồng giao hoan lòng không vui, đến khi trở về Tinh xá, liền nói với các Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao ngươi biết thực gia dâm xứ mà vẫn trú ngụ? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ các Tỳ-kheo-ni đi đường đến lúc chiều tối bèn vào trong thôn tìm khắp nơi mà không có những nhà không có đàn ông, đành phải nghỉ tạm bên đường hẻm. Thế rồi vào lúc đêm khuya có mưa to gió dữ nổi lên, bị bọn thanh niên đến xâm phạm làm tổn thương phạm hạnh. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy trình bày với Đại-ái-đạo. Cuối

cùng, Phật dạy: “Từ nay về sau, trừ lúc khác (cho đến) dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni biết thực gia dâm xú mà trú ngụ – trừ lúc khác – thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Lúc khác: Tức là lúc gió, lúc mưa, lúc bị đe dọa mất mạng, lúc phạm hạnh bị tổn thương; đó gọi là lúc khác.

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Biết: Hoặc tự biết hoặc do nghe người khác mà biết.

Thực: Người nữ là thực phẩm của người nam, người nam là thực phẩm của người nữ.

Gia: Tức gia tộc bốn chủng tánh.

Dâm xú: Phòng ngủ của vợ chồng. Nếu Tỳ-kheo-ni trú ngụ nơi ấy thì phạm tội Ba-dạ-đề. Ngoại trừ khi khác thì đức Thế Tôn nói là không có tội. Khi khác tức là khi gió, khi mưa, khi bị mất mạng, (539b). Khi nghi ngờ bọn con trai làm tổn thương phạm hạnh; đó gọi là khi khác. Không được đã biết nơi đó là thực gia dâm xú mà vẫn trú ngụ. Nếu nghi ngờ trong thôn có bọn con trai phóng đảng vì sợ bọn chúng mà trú ngụ thì không có tội. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

118. ĐI XA KHÔNG CÓ BẠN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ các Tỳ-kheo-ni ở Tỳ-xá-ly an cư xong, muốn đến thành Xá-vệ lễ bái Thế Tôn, bèn đến Tinh xá Tỳ-kheo, chào:

Kính chào tôn giả! Con nghe nói tôn giả muốn đến thành Xá-vệ lễ bái Thế Tôn, có đúng thế không?

Cô hỏi để làm gì?

Con muốn đi theo.

Đức Thế Tôn chế giới không cho Tỳ-kheo đi chung đường với Tỳ-kheo-ni.

Ngày nào khởi hành vậy?

Ngày mỗ.

Thế là các Tỳ-kheo-ni ghi nhớ ngày ấy, về chuẩn bị y bát rồi đúng ngày đến đứng chờ bên đường. Đến ngày ấy, các Tỳ-kheo ăn xong rồi lên đường. Khi trông thấy các Tỳ-kheo-ni bèn bảo nhau: “Các Tỳ-kheo-ni muốn đi theo chúng ta, chúng ta hãy đi nhanh lên.” Khi ấy, các Tỳ-kheo-ni trẻ tuổi thì vội vã chạy theo, còn những người già bệnh, nhạc sĩ không theo kịp, lạc lại đằng sau, nên bị bọn cướp lột hết đồ đạc.

Các Tỳ-kheo-ni bèn trình bày với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Tại sao không có khách buôn làm bạn mà ngươi dám đi đường đến nước khác xa xôi? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không có khách buôn làm bạn mà đi đến nước khác xa xôi thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Không có bạn: Không có khách buôn làm bạn.

Nước khác: Một vương quốc khác. Nếu đi đến đó thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Khi Tỳ-kheo-ni muốn đi thì trước hết nên tìm thương nhân làm bạn. Nếu người ấy nói: “Thánh giả cứ đến đây, tôi sẽ sắp đặt để cho cô đi”, thì nên xem xét người ấy. Nếu họ nói nghe hay ho mà trông họ không tốt, thì không nên đi theo, mà nên tìm những người tốt có đem theo vợ và con gái để cùng đi chung.

Nếu lúc ra đi gấp gáp không xem xét kỹ được đến giữa đường mới phát giác được thực hư, thì không được rời bỏ họ ngay lập tức mà phải đợi đến gần thôn xóm mới rời bỏ họ mà đi. Nếu họ hỏi: “Cô định đi đâu vậy?”, thì nên đáp: “Tôi đi khát thực.”

Nếu Tỳ-kheo-ni không làm bạn với thương nhân trong khi đi đường thì phạm tội Việt-tỳ-ni, khi đến nơi thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo không có thương nhân làm bạn mà đi đường xa thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

119. DU NGOẠN THẮNG CẢNH

(539c) Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni đi với phụ nữ đến tham quan các khu vườn, hồ nước. Thế rồi, các phụ nữ đến bên hồ nước để ăn uống, còn Tỳ-kheo-ni thì vào trong thôn xóm để tham quan. Khi ấy, bỗng có các thanh niên từ trong rừng đi ra, quấy nhiễu Tỳ-kheo-ni.

Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni đến vườn, khu rừng, nơi hoang vắng trong lãnh thổ (quốc gia) để ngắm cảnh, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ **Giải thích**

Trong lãnh thổ: Trong đất nước của một vì vua.

Vườn: Như vườn Am-bà-la cho đến vườn A-đề-mục-đa.

Khu rừng: Tức những khu rừng trồng cây.

Nơi hoang vắng: Tức những nơi không có nhà cửa. Nếu tham quan những nơi đó thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni đi tham quan khu vườn, rừng, nơi hoang vắng, thì khi ra đi phạm tội Việt-tỳ-ni, lúc đến nơi phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu đàn việt nữ giới mời đi với họ thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì ham vui mà đi tham quan vườn, rừng, nơi hoang vắng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

120. NGÔI VỚI TỖ-KHEO Ở CHỖ KHUẤT

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc ấy người vợ cũ của Ưu-đà-di là Tỳ-kheo-ni Tu-xà-đề nói với thầy rằng: “Tôn giả, ngày mai tôi giữ phòng, tôn giả có thể đến thăm.” Bấy giờ, tất cả Tỳ-kheo-ni đều vào thôn xóm khát thực, thì Ưu-đà-di khoác y, cầm bát đi vào Tinh xá của Tỳ-kheo-ni. Thế rồi, hai người ngồi chồm hóm ở phòng sau, để lộ bộ phận sinh dục, nhìn nhau với lòng đầy dục vọng. Lúc ấy có một Tỳ-kheo-ni già bệnh từ trong phòng bước ra để đi tiểu tiện, thấy thế rất xấu hổ, liền bước nhanh qua; rồi đem sự việc ấy nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni

ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền khiển trách: “Đó là việc xấu” (cho đến) Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni ngồi một mình với một Tỳ-kheo ở nơi vắng vẻ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Một mình: Chỉ có một Tỳ-kheo, ngoài ra không có ai khác. Giả sử có người mà người ấy ngủ, hoặc say, hoặc điên cuồng, hoặc bị bệnh tâm thần, hoặc trẻ con đang kêu khóc, hoặc phi nhân, súc sinh thì cũng được xem là chỉ có một mình.

Nơi vắng vẻ: Chỗ khuất vắng không có người.

Ngồi: Nếu cùng ngồi với nhau thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni ngồi với một Tỳ-kheo suốt ngày thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu nửa chừng đứng dậy rồi ngồi lại thì mỗi lần ngồi phạm mỗi tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo-ni ngồi một mình trong phòng, rồi đột nhiên có Tỳ-kheo đi đến, vào ngồi, thì Tỳ-kheo-ni nên nhanh chóng đứng dậy. Nhưng muốn đứng lên thì nên nói trước đừng để Tỳ-kheo lấy làm ngạc nhiên. Nếu Tỳ-kheo hỏi: “Vì sao mà đứng”, thì hãy đáp: “Vì Thế Tôn chế giới không cho phép con ngồi một mình với Tỳ-kheo.”

Nếu ngồi một mình với đứa bé trai dưới 7 tuổi cũng phạm. Thế thì khoảng thời gian ngồi đó là bao lâu? – (540a) Khoảng thời gian đó bằng khoảnh khắc lấy thức ăn cho người xuất gia. Nhưng nếu có tịnh nhân làm việc đi lại vào ra không gián đoạn thì ngồi không có tội. Hoặc là cửa phòng hướng ra ngoài đường, mà trên đường có người đi lại không gián đoạn cũng không có tội. Trái lại, nếu người đi lại gián đoạn thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu tịnh nhân đang ngủ thì phải búng ngón tay đánh thức họ dậy. Nếu mình ở trên gác mà người dưới gác nhìn thấy, hoặc mình ở dưới gác mà

người ở trên gác nhìn thấy, ba người luôn luôn nhìn thấy nhau thì không có tội.

Lại có các trường hợp: Thấy mà không nghe; hoặc nghe mà không thấy; vừa thấy vừa nghe; vừa không nghe, không thấy.

Thấy mà không nghe: Từ xa trông thấy Tỳ-kheo ngồi với Tỳ-kheo-ni mà không nghe tiếng nói.

Nghe mà không thấy: Nghe tiếng nói mà không nhìn thấy.

Đại loại hai trường hợp sau cũng thế. Nếu thấy mà không nghe thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nghe mà không thấy cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu vừa thấy, vừa nghe thì không có tội. Nếu không thấy, không nghe thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tội này bao gồm các trường hợp: ở xóm làng; ở a-luyện-nhã; ban ngày; ban đêm; lúc đúng thời; lúc phi thời; ở chỗ che khuất chứ không phải ở chỗ trống trải, chỉ có một người chứ không phải nhiều người; ở gần nhau chứ không phải ở cách xa nhau. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

121. NGỒI VỚI NAM GIỚI Ở CHỖ KHUẤT

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la đến nhà bà con, ngồi với anh em, chị em, trẻ con ở chỗ che khuất; Tỳ-kheo-ni khác thấy thế trách cứ rằng: “Vì sao người xuất gia mà ngồi chung với người thế tục ở chỗ kín đáo giống như người đời vậy?” Rồi cô đem việc ấy nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, Phật dạy: “Từ nay về sau, Ta không cho phép ngồi với nam tử ở chỗ kín đáo (cho đến) dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni ngồi với nam giới ở chỗ che khuất thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Ba-dạ-đề: Như trong giới của Tỳ-kheo ở trên đã nói rõ.

Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

Kệ tóm tắt:

“Cắm dù, ngồi giường cao,
Cùng trải giường, không bỏ.
Không bạch, nghỉ chỗ dâm,
Không bạn, đi tham quan.
Cùng ngồi với Tỳ-kheo
Cũng như với nam giới.
Hết phần thứ mười hai.”

*

122. ÔM ĐÀN ÔNG VÀO MÌNH MÀ THỬ THÍ

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la đến nhà bà con, đưa tay ra kéo anh em, chị em, trẻ con vào đứng gần bên mình rồi rí tai. Kẻ đầy tớ thấy thế hiềm nghi, nói: “Người xuất gia này đang nói thì thầm, chắc là nói về lỗi lầm của ta.”

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo Cù-đàm-di. Cuối cùng, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni đưa tay ra kéo nam tử vào đứng sát bên mình, rồi nói rí tai thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Đưa tay ra kéo vào bên mình: Đưa tay ra kéo vào đứng gần kề bên.

(540b) Nói rỉ tai: Nếu nói thì thầm bên tai nhau thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni không được đưa tay ra kéo nam tử vào đứng kề bên mình rồi nói chuyện, hoặc nói thì thầm. Nếu muốn nói chuyện thì phải đứng cách xa ngoài tầm tay. Nếu muốn bàn luận chuyện bí mật thì phải đứng cách hàng rào, cách bức tường, cách gốc cây hoặc cách bức màn. Nếu Tỳ-kheo-ni (nói rỉ tai với người khác) thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo đưa tay ra kéo người nữ vào đứng kề bên mình, nói chuyện thì thầm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

123. ĐI VÀO CHỖ TỐI CÓ ĐÀN ÔNG

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la đến nhà bà con; không nói trước mà đột nhiên đi vào chỗ anh em, chị em, trẻ con đang ngồi trong bóng tối không có đèn, khiến những người bà con sững sờ hổ thẹn. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, cô đáp với đức Phật:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao người biết nam tử đang ngồi trong chỗ tối không có đèn mà đi vào? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni biết nam tử đang ngồi trong chỗ tối không có đèn mà đi vào thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Chỗ nam tử đang ngồi: Chỗ mà họ thường nằm ngủ.

Chỗ tối: Chỗ không nhìn thấy nhau.

Không có đèn: Không có đèn dầu và các loại đèn khác. Nếu đi vào nơi đó thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Không được vào chỗ tối mà nam tử đang ngồi. Nếu có nhân duyên cần vào mà nghe những người ở trong đó đang nói năng lớn tiếng thì nên vào. Nếu không nghe tiếng nói thì trước hết nên sai người báo tin, hoặc gảy ngón tay, hoặc đốt đèn sáng cho thấy hình người, rồi có người gọi vào thì mới được vào. Nếu không báo trước, không gảy ngón tay, không đốt đèn sáng mà vào thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo không báo tin trước mà vào thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).



124. XEM TRÌNH DIỄN VĂN NGHỆ

Khi Phật an trú tại thành Vương-Xá, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo-ni đi đến trước chỗ tụ điểm ca nhạc chiếm chỗ ngồi xem. Khi bọn kỹ nhi trình diễn thì họ cất tiếng cười lớn, khiến mọi người bắt chước cười theo. Đến lúc mọi người cười thì họ lại im lặng tựa như người đang ngồi thiền. Đợi khi mọi người không cười nữa thì họ mới vỗ tay cười âm lên. Do thế dân chúng bỏ các kỹ nhi mà nhìn Tỳ-kheo-ni. Vì vậy, bọn kỹ nhi không thu tiền được, nổi giận trách móc: “Vì bọn Sa-môn ni này mà chúng ta không thu tiền được.”

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, Phật hỏi thì họ đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao các người xem ca nhạc? Từ nay về sau, Ta không cho phép xem ca nhạc.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni xem trình diễn ca nhạc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Ca nhạc: Trình diễn các loại như: múa, ca, đánh xập xỗa, đánh trống, ít nhất là xem 4 người (540c) trình diễn thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói; không được xem ca nhạc. Nếu Tỳ-kheo-ni đi khất thực mà gặp vua, phu nhân của vua xuất hành có nghi vệ ca nhạc rồi mình trông thấy thì không có tội. Thế nhưng, nếu mình đang ở chỗ thấp mà cố y leo lên chỗ cao để nhìn xem thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu đàn việt muốn cúng dường Phật, nên sắm các thứ kỹ nhạc, nghiền hương, kết vòng hoa, rồi nói với Tỳ-kheo-ni: “Thưa thánh giả, hãy giúp tôi bày biện các vật cúng dường này”, thì khi ấy, mình được làm giúp họ. Nếu ở tại đó nghe tiếng nhạc mà mình có ý thích thú thì hãy bỏ đi.

Nếu Tỳ-kheo xem ca nhạc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

125. KHI CHÚNG TRANH CHẤP MÀ KHÔNG DẬP TẮT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy trong các Tỳ-kheo-ni có sự tranh chấp sống không hòa hợp. Bấy giờ, Đại-ái-đạo Cù-đàm-di đang làm thủ chúng mà trong Tăng có sự tranh chấp khởi lên thì không thể dập tắt, còn những việc chưa phát khởi thì không thể ngăn chặn cho nó đừng sinh khởi. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc

ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Đại-ái-đạo Cù-đàm-di đến. Khi Ni sư tới rồi, Phật liền hỏi:

Này Cù-đàm-di, bà có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao sự tranh chấp phát sinh mà bà không dập tắt, còn những chuyện chưa phát sinh thì không tìm phương tiện ngăn chặn đừng cho sinh khởi? Từ nay về sau, khi có sự tranh chấp thì phải dập tắt.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu các Tỳ-kheo-ni có sự tranh cãi chống đối sống không hòa hợp mà vị thủ chúng không dàn xếp dập tắt thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tranh cãi: Cãi nhau bằng miệng.

Chống đối: Hai bên tranh thắng bại, sống không hòa hợp, rồi nói với nhau như: đúng pháp, phi pháp; đúng luật, phi luật; có tội, không có tội; tội nhẹ, tội nặng; tội có thể trị phạt, tội không thể trị phạt; tội có dư tàn, tội không có dư tàn; Yết-ma đúng pháp, Yết-ma phi pháp; Yết-ma hòa hợp, Yết-ma không hòa hợp; nên làm Yết-ma, không nên làm Yết-ma; Yết-ma đúng chỗ, Yết-ma không đúng chỗ.

Thủ chúng: Vị đứng đầu của chúng làm mẫu mực cho mọi người noi theo.

Không dàn xếp dập tắt: Nếu tự mình không dập tắt hoặc sai người khác dập tắt thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-đạ-đề: Như trên đã nói. Khi các Tỳ-kheo-ni có sự tranh cãi chống đối nhau sống không hòa hợp, thì không được để yên như thế mà nhìn, mà phải tìm cách dập tắt, bảo họ sám hối lẫn nhau. Nếu sự việc không đình chỉ được cần phải làm Yết-ma, thì nên tập hợp Tăng để giải quyết. Nếu bản thân mình không đủ khả năng thì nên mời những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di có đức độ trong các chúng khác đến dập tắt. Nếu sự tranh cãi khó giải quyết thì nên suy nghĩ: “Đó là do hạnh nghiệp của chúng sinh đang diễn tiến, hãy đợi (541a) thời gian chín muồi, tự nó sẽ kết thúc.” Nếu suy nghĩ như thế thì không có tội.

Nếu các Tỳ-kheo tranh cãi chống đối nhau mà vị thủ chúng không tìm cách dập tắt thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).



126. BẢO PHỤ NỮ THOA HƯƠNG KỶ CỌ

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la đến nhà bà con xem họ tắm gội. Các phụ nữ nói với cô: “Để tôi kỳ cọ thân thể cho thánh giả đặng kiếm chút công đức.” Vì thân thể của Tỳ-kheo-ni này đoan chính nên các phụ nữ muốn xem cho biết. Thế là cô đồng ý để họ kỳ cọ. Họ bèn dùng các thứ hương dầu bôi vào thân cô. Các Tỳ-kheo-ni thấy thế chê trách rằng: “Người xuất gia mà còn nhiều tham dục như thế!”

Do đó, các Tỳ-kheo-ni nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, Phật hỏi và cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao người bảo những phụ nữ thế tục kỳ cọ thân thể? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni bảo phụ nữ thế tục bôi dầu, hương thơm, kỳ cọ thân thể để tắm gội – trừ khi bệnh – thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Phụ nữ thế tục: Những phụ nữ thuộc bốn chủng tộc.

Kỳ cọ để tắm gội: Dùng các thứ dầu, hương thơm bôi vào mình rồi kỳ cọ. Nhưng nếu vì già bệnh thì không có tội. Còn nếu như không có bệnh mà bảo họ kỳ cọ tắm gội thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu thân thể bị ghẻ lở thì được dùng thuốc bôi lên rồi tắm rửa. Nếu bị bệnh nhiệt thì được dùng đậu xanh giã nát rồi bôi lên. Nếu bị bệnh phong thì được dùng bột gạo lứt bôi lên. Nếu bị các chứng bệnh tạp thì được dùng các loại thuốc gia truyền bôi lên, không có tội. Nhưng sau khi bôi thuốc, không được ở trong chúng mà nên ở trong phòng bên cạnh, đến khi bệnh lành phải tắm rửa sạch sẽ rồi mới được vào trong chúng.

Nếu Tỳ-kheo không có bệnh mà bảo người thế tục kỳ cọ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

127. BẢO TỶ-KHEO-NI TẮM CHO MÌNH

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, sau khi Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo-ni bảo phụ nữ thế tục kỳ cọ tắm rửa, thì Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la bèn sai Tỳ-kheo-ni kỳ cọ cho mình. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà bảo Tỳ-kheo-ni khác kỳ cọ tắm gội cho mình thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu xoa bóp mà không kỳ cọ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu kỳ cọ mà không xoa bóp cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu làm cả hai thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo không có bệnh mà bảo Tỳ-kheo khác xoa bóp, kỳ cọ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

128. GIỚI: BẢO SA-DI-NI TẮM CHO MÌNH

Đối với Sa-di-ni cũng như vậy. Thế nên, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà bảo Sa-di-ni xoa bóp, kỳ cọ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Sa-di-ni: Theo Phật xuất gia, thọ 10 giới.

Bảo xoa bóp kỳ cọ: Như trong phần Tỳ-kheo-ni đã nói.

*

129. BẢO THỨC-XOA-MA-NI TẮM CHO MÌNH

(541b) Đối với Thức-xoa-ma-ni cũng như vậy. Thế nên, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà bảo Thức-xoa-ma-ni xoa bóp, kỳ cọ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ **Giải thích**

Thức-xoa-ma-ni: Tùy thuận làm 18 việc và học giới trong hai năm.

Sai xoa bóp kỳ cọ: Như trong vấn đề Tỳ-kheo-ni ở trên đã nói.

*

130. SAI PHỤ NỮ TẮM CHO MÌNH

Đối với phụ nữ thế tục cũng như vậy. Thế nên, đức Thế Tôn dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà sai phụ nữ thế tục xoa bóp, kỳ cọ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ **Giải thích**

Phụ nữ thế tục: Tức phụ nữ trong các gia đình thuộc bốn chủng tánh.

Xoa bóp, kỳ cọ: Như trong vấn đề Tỳ-kheo-ni đã nói.

*

131. KHÔNG TÔN TRỌNG LỄ BỐ-TÁT

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Tăng tập hợp định làm Yết-ma Bố-tát thì Tỳ-kheo-ni Thọ-đề không đến, Tăng bèn sai sứ giả đi gọi:

Thưa thánh giả, Tỳ-kheo-ni Tăng tập hợp định làm Yết-ma Bố-tát, mời cô hãy đến.

Đức Thế Tôn chế giới nói rằng trong đời này hễ ai thanh tịnh thì được Bố-tát, ta thanh tịnh nên không cần phải đi đâu nữa.

Đại-ái-đạo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật hỏi và cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu.

Thế rồi, Phật nói: “Người không kính trọng Bồ-tát thì ai kính trọng?” Cho đến, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không tôn kính lễ Bồ-tát thanh tịnh của mỗi nửa tháng thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Thanh tịnh Bồ-tát: Nếu ngày 14, 15 Tỳ-kheo-ni không bệnh mà không đi đến cung kính Bồ-tát thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Bệnh: Nếu vì già yếu đau ốm uống thuốc hay lở đầu chảy máu uống sữa, thì phải gọi dục thanh tịnh.

Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà không đến Bồ-tát, hoặc có bệnh mà không gọi dục thanh tịnh thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo-ni không đến Bồ-tát, hoặc có bệnh mà không gọi dục thanh tịnh thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo không đến Bồ-tát, hoặc có bệnh mà không gọi dục thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (kệ tóm tắt):

“Đưa tay vời, không đèn,
Ca nhạc, không đập tắt.
Hương dầu, Tỳ-kheo-ni,
Sa-di-ni, học giới.
Phụ nữ, không Bồ-tát,
Hết phần thứ mười ba.”

*

132. KHÔNG TÔN KÍNH TỠ-KHEO GIÁO HUẤN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy trưởng lão Tỳ-kheo đi giáo huấn Tỳ-kheo-ni, nhưng nhóm sáu Tỳ-kheo không được đi giáo huấn. Thế là đến ngày giáo huấn, họ bàn nhau: “Chúng ta hãy đi giáo huấn.” Rồi có người nói: “Đức Thế Tôn đã chế giới: Hễ không sai thì không được đi giáo huấn. Vậy chúng ta hãy ra ngoài cương giới để cửi lẫn nhau rồi đi.” Thế rồi, họ ra ngoài cương giới để cửi lẫn nhau, rồi vào buổi sáng sớm khoác y đi đến trú xứ của Tỳ-kheo-ni, nói với Tỳ-kheo-ni: “(541c) Chị em hãy tập hợp tất cả lại, chúng tôi sẽ giáo huấn.”

Khi ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo-ni liền nhanh chóng tập hợp, nhưng các thiện Tỳ-kheo-ni thì không đến mà nói rằng: “Chúng tôi không nhận sự giáo huấn của những người không tuân thủ giới luật.”

Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo cùng với nhóm sáu Tỳ-kheo-ni nói chuyện thế tục trong giây lát rồi giải tán. Thế rồi, trưởng lão Nan-đà khoác y, cầm bát đi đến Tinh xá, nói với Tỳ-kheo-ni: “Chị em hãy tập hợp Tăng lại, tôi sẽ giáo huấn.” Lúc ấy, các thiện Tỳ-kheo-ni liền tập hợp đầy đủ, nhưng nhóm sáu Tỳ-kheo-ni thì không đến. Trưởng lão hỏi:

Tỳ-kheo-ni Tăng đã tập hợp chưa?

Chưa tập hợp.

Ai không tập hợp?

Nhóm sáu Tỳ-kheo-ni.

Đoạn, trưởng lão bảo sai người đi gọi:

Các chị em hãy đến để tôi giáo huấn.

Chúng tôi không đến; vì đã thọ giáo huấn với nhóm các thánh giả rồi.

Như vậy là Tỳ-kheo-ni không hòa hợp.

Nói xong, trưởng lão liền ra về. Khi thấy đến Tinh xá, Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Ông giáo huấn sao nhanh thế?

Bạch Thế Tôn! Khi đến giờ, con khoác y đến đó để giáo huấn, các thiện Tỳ-kheo-ni đều tập hợp, nhưng nhóm sáu Tỳ-kheo-ni thì không đến; vì Tỳ-kheo-ni Tăng không hòa hợp nên con không thể giáo huấn.

Đi gọi nhóm sáu Tỳ-kheo-ni đến đây.

Khi họ tới rồi, Phật liền hỏi:

Các người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

*Vào mỗi nửa tháng Tăng giáo huấn mà Tỳ-kheo-ni không
cung kính, không đến nghe, thì phạm tội Ba-dạ-đề.*

*

❖ Giải thích

Nửa tháng: Tức ngày 14 và ngày 15.

Tăng giáo huấn: Tức là giáo huấn Tỳ-kheo-ni. Nếu như không cung kính, không đến nghe thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu vì già yếu bệnh hoạn uống thuốc, hoặc lở đầu chảy máu uống sữa thì nên gọi dục nói như sau: “Con là mỗ giáp xin gọi dục vì sự giáo huấn” (Nói như vậy ba lần).

Nếu không có bệnh mà không đến, hoặc có bệnh mà không gọi dục thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đến ngày Bố-tát, nên sai Tỳ-kheo-ni đem thỉnh nguyện đến chỗ Tăng nói như sau: “Tỳ-kheo-ni Tăng hòa hợp, xin cúi đầu đánh lễ dưới chân Tỳ-kheo Tăng, hỏi về việc Bố-tát và thỉnh cầu giáo huấn” (Nói như vậy ba lần).

Khi ấy, trong chúng Tỳ-kheo Tăng nếu có người đi giáo huấn Ni thì nên đáp: “Này chị em, tôi sẽ đến.”

Nếu có Tỳ-kheo thành tựu 12 pháp thì nên làm Yết-ma sai đi giáo huấn; còn nếu như không có thì hãy nói: “Không có người đi giáo huấn Tỳ-kheo-ni. Nhưng Ni chúng chớ phóng dật.” Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

133. BẢO NAM TỬ PHÁ UNG NHỌT

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thọ-đề bị mụn nhọt mọc tại chỗ kín. Khi các Tỳ-kheo-ni vào thôn xóm khát thực hết thì có vị lương y chữa mụn nhọt đến, cô (542a) bèn bảo:

Thưa y sĩ, ông hãy phá giùm mụn nhọt cho tôi.

Có thể được.

Thế là vị thầy thuốc liền mổ ung nhọt, đắp thuốc vào rồi ra về. Khi các Tỳ-kheo-ni khát thực trở về, thấy dưới đất có máu mủ, bèn hỏi Thọ-đề:

Đây là máu mủ gì vậy?

Tôi phá ung nhọt đấy.

Vì sao cô có ung nhọt ở chỗ kín, không bạch với thiện Tỳ-kheo-ni mà lại phá?

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, khi Phật hỏi, thì cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao người có ung nhọt từ đầu gối trở lên, từ vai trở xuống mà không bạch xin phép trước mà lại phá? Từ nay về sau Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni có ung nhọt ở chỗ kín, từ đầu gối trở lên, từ vai trở xuống, không bạch xin phép trước mà để cho nam tử phá, tẩy rửa thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ **Giải thích**

Từ đầu gối trở lên: Tức là từ bắp vế trở lên.

Từ vai trở xuống: Tức là từ đôi nhũ hoa trở xuống.

Không bạch trước: Không bạch với thiện Tỳ-kheo-ni.

Xin phép: Làm Yết-ma cầu thỉnh ở giữa Tăng. Khi ở chỗ kín có ung nhọt mà muốn phá thì trước hết nên làm Yết-ma cầu thỉnh ở giữa Tăng (rồi mới phá). Người làm Yết-ma nên nói như sau:

Xin thánh giả Tăng lắng nghe. Ở chỗ kín của Tỳ-kheo-ni chỗ mổ giáp có ung nhọt. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Tỳ-kheo-ni mổ giáp vào giữa Tăng xin pháp Yết-ma phá ung nhọt:

Xin thánh giả Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni chỗ mổ giáp muốn vào giữa Tăng xin pháp Yết-ma phá ung nhọt, vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận như vậy.

Nếu ở chỗ kín có ung nhọt thì nên bảo người đáng tin cậy, hoặc đệ tử y chỉ, hoặc bạn đồng Hòa thượng, A-xà-lê dùng kim hay móng tay để phá rồi rịt thuốc vào. Nếu bảo nam tử phá ung nhọt thì phạm tội Ba-dạ-đề.

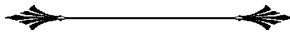
Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu bị mụn nhọt từ vai trở lên, từ đầu gối trở xuống mà muốn phá, hoặc muốn lễ đầu chảy máu hay muốn lễ cánh tay, thì nên sai phụ nữ nắm chặt nơi ấy để cho nam tử phá, thì không có tội. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

Hết quyển thứ ba mươi chín

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 40

BA-DẠ-ĐỀ (tiếp theo)

134. DU HÀNH TRONG LÚC AN CƯ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy đang mùa An cư, Tỳ-kheo-ni Ca-lê nhận giường nệm của Tăng xong rồi bỏ đi du hành. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy nói với Đại-ái-đạo Cù-đàm-di. Cuối cùng, Phật hỏi rồi cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao trong lúc an cư mà người du hành? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni du hành trong lúc an cư thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

An cư: Tức là Tiên An cư và Hậu An cư.

Du hành: Ít nhất là đi đến trú ngụ trong thôn xóm thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu trong lúc An cư mà Tỳ-kheo-ni rời khỏi cương giới một đêm thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu

vì nạn vua, hoặc bọn giặc từ nơi khác đến, hoặc sợ bị mất mạng, hoặc sợ tổn thương phạm hạnh mà bỏ đi, thì không có tội.

Trong lúc An cư, nếu Tỳ-kheo-ni không làm Yết-ma cầu thỉnh mà vì việc của tháp, của Tăng đi du hành (thì phạm tội Ba-dạ-đề). Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

135. AN CƯ XONG KHÔNG DU HÀNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo-ni An cư tại thành Xá-vệ xong bèn đi đến nhà bà con của Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la tại Tỳ-xá-ly. Những người bà con ấy hỏi:

Các cô An cư ở đâu vậy?

Ở thành Xá-vệ.

Tại thành Xá-vệ có những gì tốt đẹp không?

Rừng cây Kỳ hoàn, hoa trái sum sê, hồ nước trong mát, Tinh xá như thế đó, chỗ ở của Thế Tôn như thế đó, tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-liên như thế, cư sĩ Tu-đạt như thế.

Đấy thật là chân chính xuất gia. Còn Bạt-đà-la của tôi thì sinh ra nơi đây, trưởng thành tại đây, từ bé đến giờ chẳng chịu đi đâu, giống như người không có tay chân.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng cô đáp khi Phật hỏi:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao An cư xong mà người không du hành? Từ nay Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni An cư xong mà không du hành thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ **Giải thích**

An cư xong: Tức hết ba tháng.

Không du hành: Ít nhất là không rời khỏi xóm làng để vân du thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Khi An cư xong mà không rời khỏi cương giới (542c) ít nhất là trong một đêm thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu vì già yếu bệnh hoạn không thể đi được thì không có tội. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

136. RỬ AN CƯ, SAU TRÁCH CỬ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà nói với Thọ-đề: “Chúng ta hãy an cư tại đây.” Rồi cô đi đến nhà đàn việt ca ngợi: “Tỳ-kheo-ni Thọ-đề hiền thiện, giữ giới, bà nên cúng dường.” Đúng là Thọ-đề có oai nghi đoan chính, cử động nhìn ngó không trái phép tắc, khiến đàn việt thấy thế sinh tâm hoan hỉ. Thế nhưng, sau đó, Thâu-lan-nan-đà lại trách móc làm náo loạn Thọ-đề.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, cô đáp khi Phật hỏi:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni khác rằng: “Này thánh giả, chúng ta hãy An cư tại đây”, nhưng sau đó trách cứ, xúc não thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni khác rằng: “Chúng ta hãy An cư tại đây”, nhưng trong lúc An cư lại tự mình dùng thân, miệng, hoặc sai người khác dùng thân miệng xúc não người kia, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu trường hợp người đó không giữ giới, sợ họ làm điều phi pháp nên đuổi đi, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni xúc não Thức-xoa-ma-ni, Sa-di-ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu xúc não người thế tục thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

137. NHIỀU LOẠN NGƯỜI AN CƯ TRƯỚC MÌNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, đến ngày An cư thì Tỳ-kheo-ni Ca-lê bèn đi nơi khác. Đến khi thọ An cư xong, cô trở về thì phòng ốc đã được phân chia hoàn tất. Cô liền đến phòng cũ của mình đòi người đang ở trong phòng:

Đây là phòng của tôi, hãy trả lại cho tôi.

Tôi đã nhận rồi, cô không được đòi.

Thế là hai người gây lộn nhau. Lúc ấy có thiện Tỳ-kheo-ni gọi cô, nói: “Này thánh giả, hãy đến phòng này mà ở.” Cô bèn đem những đồ lau nhà, củi, cỏ chất đống trong phòng. Vị Tỳ-kheo-ni ở trước liền nói:

Này thánh giả, đây là những vật không cần dùng dùng để trong phòng.

Này hiền giả, người mua căn phòng này chẳng?

Căn phòng này của Tăng, theo thứ tự mà tôi nhận được.

Nếu căn phòng này của Tăng thì tại sao tôi lại không chất đồ được?

Thế là cô dùng thân miệng nhiều loạn người kia.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi, cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao người biết người khác đã an cư trước mà sau đó đến nhiều loạn? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni khác đã an cư trước, rồi sau đó mình đến tự nhiều loạn hoặc sai người khác nhiều loạn thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Biết người khác đã an cư trước: Tức là Tiền An cư và Hậu An cư.

Nhiều loạn: Nếu tự mình dùng thân miệng, hoặc sai người dùng thân miệng nhiều loạn thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu nhiều loạn Tỳ-kheo-ni thì phạm tội Ba-dạ-đề, nhiều loạn Thức-xoa-ma-ni, Sa-di-ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Cuối cùng, (543a) nếu nhiều loạn người thế tục thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

138. ĐỔ ĐỔ BẤT TỊNH KHÔNG COI TRƯỚC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni không xem trước bên ngoài tường mà đem đổ đồ đại tiểu tiện, không ngờ ngay khi ấy có người Bà-la-môn vừa mới tắm rửa sạch sẽ, mặc y phục mới đang đi trên con đường hẻm, bị phẩn uế đổ nhằm trên đầu. Ông Bà-la-môn liền nổi giận mắng: “Bọn Sa-môn ni con của nhiều người làm bẩn ta như thế này đây!”

Các Tỳ-kheo-ni bèn đi đến bạch với Phật. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao người không chịu xem kỹ trước mà đổ đồ bất tịnh? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không xem trước ngoài bờ tường mà đổ đồ bất tịnh ra ngoài, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Ngoài bờ tường: Ngoài hàng rào bờ tường.

Đổ đồ bất tịnh: Như đại tiểu tiện, đàm dãi, rác rưởi và nước rửa tay chân, tóc, móng tay, v.v...

Không xem: Không xem trước mà đổ. Khi muốn đổ vật gì thì phải xem kỹ trước, nếu có nhiều người đi thì phải chờ lúc vắng người rồi mới đổ. Nếu người đi thưa thớt thì phải khảy móng tay rồi mới đổ. Nếu không xem, không khảy móng tay mà đổ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo không xem mà đổ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

139. ĐẠI TIỂU TIỆN TRÊN CỎ TƯƠI**140. ĐẠI TIỂU TIỆN TRONG NƯỚC**

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc không cấm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni vào chơi trong hoa viên, hồ nước ở phía Đông. Do thế, nhóm sáu Tỳ-kheo-ni vào trong hoa viên ấy nói những chuyện thế tục, đại tiểu tiện, khạc nhổ trên cỏ tươi, rồi hái lá sen gói đồ bất tịnh (phân) bỏ vào trong hồ nước. Sáng sớm, vua Ba-tư-nặc cùng hậu cung phu nhân đi đến hoa viên, hồ nước để du ngoạn. Vì bọn cung nữ bị cấm cung lâu ngày không được ra ngoài, giờ đây mới được du ngoạn nên rất phấn khởi thích chí, ai nấy đều chiếm những đám cỏ tươi, nói: “Đây là bãi cỏ của tôi”, rồi chạy lại nắm cỏ, liền bị bắt tay. Thế là họ đến hồ nước để rửa, thì lại thấy có những gói lá trên hồ nước, bèn suy nghĩ: “Chắc là các chàng thanh niên nghe chúng ta sắp du ngoạn nên họ gói những gói hương để tặng chúng ta đây”, liền chạy đến giành lấy, nên bị bắt tay. Họ bèn đến tâu với vua: “Đây là những thứ gì mà dơ bẩn thế này?” Vua liền gọi người giữ vườn đến hỏi:

Ai làm bẩn công viên này vậy?

Hôm qua, nhóm sáu Tỳ-kheo-ni vào công viên tắm rửa, đùa giỡn rồi ra về, chứ không ai khác cả.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: “Đó là việc xấu.” Cho đến: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni đại tiểu tiện trên cỏ tươi thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo-ni đại tiểu tiện trong nước thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Cỏ (543b): Gồm tất cả mọi loại cỏ, nếu đại tiểu tiện trên đó thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu vào mùa mưa, cỏ mọc phủ đất, thì nên

tìm chỗ không có cỏ mà đại tiểu tiện. Nếu không có chỗ đất trống thì nên đại tiện trên gạch, ngói, cây cỏ khô, trên phân trâu ngựa hay chỗ mà người ta đại tiện. Nếu cũng không có thì ít nhất tìm một khúc cây, đại tiện cho rơi trên khúc cây trước rồi mới rơi trên cỏ.

Nếu chỗ đi kinh hành có cỏ thì nên để một ống nhỏ ở đầu đoạn đường đi kinh hành. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Nước: Gồm có 10 loại như trên đã nói. Nếu đại tiểu tiện khạc nhổ trong nước thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu vào mùa mưa nước ngập tràn lan thì nên đại tiểu tiện trên chỗ cao. Nếu không có chỗ cao thì nên đại tiểu tiện trên gạch, đá, cây cỏ khô, trên phân bò, phân ngựa. Nếu cũng không có thì nên dùng cây, cỏ, cành để lót, đại tiểu tiện cho rơi trên cây cỏ trước rồi mới rơi xuống nước sau. Nếu đào cầu tiêu mà ở dưới có nước chảy ra thì không được đi tiểu tiện trước trong đó; mà nên bảo tịnh nhân đại tiểu tiện trước, rồi Tỳ-kheo-ni mới đi sau. Nếu ở dưới cầu có dòng nước chảy thì nên đặt một tấm ván, để khi đi cầu rơi trên tấm ván trước rồi mới rơi xuống nước sau. Nếu khi đi thuyền có cầu tiêu thì nên đặt một tấm ván, để khi đi cầu phân rơi trên tấm ván trước rồi mới rơi xuống nước sau. Nếu không có tấm ván thì đặt một cành cây để khi đi cầu phân rơi trên cành cây trước, rồi mới rơi xuống nước sau. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

141. CHUYỂN LỢI CỦA TẶNG CHO MỘT NHÓM NGƯỜI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo-ni đi du hành khuyến hóa, nói với người phụ nữ rằng: “Bà hãy cúng dường các thực phẩm để tôi sắm thức ăn cho các Tỳ-kheo.” Người

phụ nữ bèn đưa thực phẩm, rồi dặn: “Đến ngày cúng dường, cô tin cho tôi biết để tôi đến nấu nướng.” Thế rồi, họ mời tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-liên, Ly-bà-đa, Kiếp-tân-na, tôn giả La-hầu-la; đồng thời mời nhóm sáu Tỳ-kheo, rồi sắp hai dãy ghế, một dãy dành cho Tỳ-kheo trưởng lão, một dãy dành cho nhóm sáu Tỳ-kheo. Khi đến giờ, các trưởng lão Tỳ-kheo bèn khoác y cầm bát đi đến nhà thí chủ, ngồi theo thứ tự. Thế rồi, họ dọn cho tôn giả Xá-lợi-phất cơm gạo trắng, canh mông cụt và các loại sữa. Cứ thế chuyển dần đến thức ăn thô. Họ dọn cho tôn giả Mục-liên cơm gạo thô, canh ma-sa, dầu, sữa. Còn các Tỳ-kheo khác thì dọn cơm gạo đỏ, canh ma-sa, hoặc có chỗ thì có cơm mà không có canh, hoặc có canh mà không có cơm. Cuối cùng, đến tôn giả La-vân, họ dọn cơm gạo đỏ, canh rau tạp. Khi những phụ nữ bưng các thức ăn ngon lên hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo-ni rằng: “Dọn những thứ này cho ai?”, thì các Tỳ-kheo-ni ấy bèn dùng thân mình che các trưởng lão Tỳ-kheo mà chỉ nhóm sáu Tỳ-kheo, bảo dọn cơm trắng canh ngon, các món sữa; đồng thời (543c) tự tay mình bưng dọn phủ phê.

Khi các Tỳ-kheo thọ trai xong trở về, Phật biết nhưng vẫn hỏi Xá-lợi-phất:

Này Xá-lợi-phất, được ăn các thức ngon đầy đủ không?

Đã ăn rồi, bạch Thế Tôn!

Phật hỏi ba lần như vậy thì thầy cũng đều đáp giống nhau. Phật lại hỏi từng trưởng lão Tỳ-kheo như vậy, họ cũng đều đáp giống y như thế. Cuối cùng, Phật hỏi La-vân:

Vì sao mà trông sắc diện, sức lực của ông có vẻ không đầy đủ? Có được ăn những thức ngon no nê không?

Bạch Thế Tôn! Ăn dầu thì có sức lực, ăn sữa thì có sắc diện, còn ăn canh rau thì không có sắc diện, sức lực.

Đoạn, Phật hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo:

Các ông có được ăn ngon không?

Bạch Thế Tôn! Chúng con được cơm gạo trắng, canh ngon, các món sũa và những thức ăn ngon lành đều do các chị em có niềm tin ân cần dâng cúng.

Người ngồi trên hết (Thượng tọa) là ai vậy?

Là tôn giả Xá-lợi-phất.

Phật liền hỏi Xá-lợi-phất:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đây là cách ăn phi pháp. Vì sao ông ngồi nhìn Tỳ-kheo Tăng bị nhiễu loạn mà vẫn giữ thái độ thản nhiên?

Nếu Thế Tôn dạy rằng đó là bữa ăn phi pháp thì dù trải qua một kiếp hay hơn một kiếp cũng không tiêu hóa được.

Thế là tôn giả bèn dùng chiếc lông chim ngoáy vào yết hầu cho mửa thức ăn ra. Đồng thời, khi ấy Phật bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo-ni đến. Khi họ tới rồi, Phật liền hỏi:

Các người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao các người biết đó là lợi ích của cả chúng mà lại xoay về cho một nhóm người? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni biết đó là lợi ích của cả chúng mà xoay về cho một nhóm người thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Biết: Hoặc tự biết hoặc do nghe người khác mà biết.

Chúng: Tức là chúng Tỳ-kheo, chúng Tỳ-kheo-ni.

Lợi: Gồm có 8 thứ sau đây: Thuốc dùng đúng lúc, thuốc dùng ban đêm, thuốc dùng trong bảy ngày, thuốc dùng trọn đời, vật tùy thân, vật nặng, vật bất tịnh, vật vừa tịnh vừa bất tịnh.

Xoay về: Nếu vật ấy thí chủ đã định cúng chỗ này mà xoay xở để họ cúng chỗ khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu có người đến hỏi: “Tôi muốn cúng dường, vậy nên cúng dường nơi nào?”, thì nên đáp: “Tùy theo ý ông, thích cúng dường nơi nào thì cúng dường nơi ấy.” Nếu họ hỏi: “Ở đâu có công đức lớn?”, thì nên đáp: “Cúng dường cho Tăng.” Nếu họ hỏi: “Ở đâu có chúng Tăng giữ giới tinh nghiêm?”, thì nên đáp: “Không có chúng Tăng nào lại phạm giới cả.” Nếu họ hỏi: “Ở đâu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni giữ giới, ít việc, ngồi thiền, tụng kinh, ít đi vân du để tôi thường được thấy vật cúng dường này?”, thì được nói: “Nên cúng dường cho mỗ giáp.”

Nếu Tỳ-kheo-ni biết vật đó thí chủ định cúng cho Tăng mà vận động họ cúng cho mình thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu vận động họ cúng cho người khác thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu biết họ định cúng cho chúng này mà vận động họ cúng cho chúng khác thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu họ định cúng cho nhóm người bà con này mà vận động họ cúng cho nhóm người bà con khác cũng phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu vật họ định cúng cho người này mà vận động họ cúng cho người khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo biết vật thí chủ định (544a) cúng cho chúng này mà vận động họ cúng cho chúng khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

Kệ tóm tắt:

“Giáo huấn, mọt chỗ kín,
Ngủ lang, không du hành.
An cư, sau trách cứ,
An cư rồi mới đến.
Cách tường vút chất bản,
Cỏ, nước, xoay Tăng vật
Hết phần thứ mười bốn.”

Trong 141 giới Ba-dạ-đề của Tỳ-kheo-ni thì 70 giới giống với giới của Tỳ-kheo còn 71 giới thì khác. Đến đây thuyết minh xong giới Ba-dạ-đề.

(Hết 141 giới Ba-dạ-đề)

*

ĐỀ-XÁ-NI

(Đề-xá-ni gồm có 8 giới,
ở đây trình bày tóm tắt nội dung chung cả tám giới)

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, Ngài nói với Đại-ái-đạo: “Một thuở nọ, Như Lai ở tại thành Xá-vệ, nhóm sáu Tỳ-kheo-ni hễ gặp cửa hàng sữa thì xin sữa, gặp cửa hàng dầu thì xin dầu, gặp cửa hàng mật thì xin mật, gặp cửa hàng đường phèn thì xin đường phèn, gặp cửa hàng thịt thì xin thịt, gặp cửa hàng cá thì xin cá, gặp cửa hàng sữa tươi thì xin sữa tươi, gặp cửa hàng sữa đông lạnh thì xin sữa đông lạnh về ăn, nên bị người đời chỉ trích rằng: “Vì sao Sa-môn Cù-đàm ca ngợi thiếu dục, đả kích đa dục.v.v...” (như trong nhân duyên của Tỳ-kheo đã nói rõ). Tỳ-kheo-ni Cù-đàm-di cũng phải học như vậy.

Lại nữa, này Cù-đàm-di, một thuở nọ Ta đang sống ở tại Tinh xá của dòng họ Thích, nơi thành Ca-đuy-la-vệ, từng cho phép Tỳ-kheo có bệnh được xin thức ăn ngon.”

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không có bệnh mà vì muốn sống thân, tự mình đến nhà bạch y xin sữa, hoặc sai người đi xin về để ăn hoặc uống, thì Tỳ-kheo-ni này phải đến Tỳ-kheo-ni khác sám

hỏi như sau: “Thưa thánh giả, tôi phạm điều đáng trách, xin sám hối tội Ba-la-đề Đê-xá-ni này.”

*

❖ Giải thích

Tám loại thực phẩm ngon: (1) Sữa đông váng; (2) Dầu; (3) Mật; (4) Đường phèn; (5) Sữa tươi; (6) Sữa đông lạnh; (7) Cá; (8) Thịt.

Vì muốn sống thân: Chỉ tự cung phụng cho thân mình.

Bệnh: Nếu bị bệnh mà dùng thì Thế Tôn nói là không có tội. Thế nào gọi là bệnh? – Như bị già yếu, hoặc lúc uống thuốc xổ, lễ đầu chảy máu, đại loại các thứ bệnh như thế.

Nhà: Túc nhà của bốn chủng tánh.

Sữa đông váng: Như sữa bò, sữa trâu, sữa dê.

Xin: Tự mình đi xin hoặc sai người đi xin.

Hoặc ăn hoặc uống: Tỳ-kheo-ni này phải đến Tỳ-kheo-ni khác sám hối như sau: “Thưa thánh giả, tôi phạm điều đáng trách, xin sám hối với thánh giả.” Vị chủ sám nên hỏi:

Cô có thấy tội này không?

Dạ thưa thầy.

Cô đừng có tái phạm nhé.

Xin cúi đầu vâng lệnh.

Ba-la-đề Đê-xá-ni: Tội này phải phát lồ, còn gọi là hối quá.

Nếu Tỳ-kheo-ni bị bệnh nhiệt cần sữa (544b) thì được phép xin; nhưng không được đến nhà không có niềm tin để xin, mà nên đến nhà có lòng tin để xin. Khi đi khát thực, thấy người bán sữa liền chào:

Lão trượng mạnh khỏe chứ?

Thánh giả muốn thứ gì?

Muốn xin thức ăn.

Tôi không có thức ăn, chỉ có sữa thôi, nếu cô cần sữa thì tôi cho.

Gặp trường hợp như vậy thì được lấy đầy bát, đồng thời cũng được khuyên họ cúng dường cho người khác.

Nếu gặp người bán dầu cũng được làm như vậy. Nếu bị bệnh phong cũng được xin dầu, nhưng không nên đến nhà ép dầu để xin, mà nên đến nhà có niềm tin để xin. Nếu đi khát thực mà thấy người bán dầu, thì nên chào:

Lão trượng mạnh khỏe chứ?

Thánh giả cần thứ gì?

Cần xin thức ăn.

Tôi không có thức ăn mà chỉ có dầu, nếu thánh giả cần, tôi sẽ cúng dường.

Gặp trường hợp như vậy thì được lấy đầy bát không có tội. Khi ấy cũng được khuyên họ cúng cho bạn như mật, hoặc nước. Khi bị bệnh thì được xin mật; nhưng không được đến những nhà lấy mật để xin mà nên đến nhà có niềm tin để xin. Đồng thời cũng được khuyên họ cúng dường cho bạn như là đường phèn.

Nếu có bệnh mà thầy thuốc bảo nên uống nước đường phèn, thì được xin đường phèn; nhưng không được đến nhà làm đường phèn xin mà nên đến nhà có niềm tin để xin. Nếu khi đi khát thực mà thấy người bán đường phèn.v.v..., cho đến cũng được khuyên họ cúng cho bạn.

Nếu có bệnh mà thầy thuốc bảo nên uống sữa tươi, thì được xin sữa tươi. Nếu đi khát thực mà thấy nhà nuôi bò đang vắt sữa tươi, thì nên chào:

Lão trượng mạnh khỏe chứ?

Thánh giả có muốn thứ gì không?

Tôi muốn xin thức ăn.

Tôi không có thức ăn mà chỉ có sữa tươi, nếu thánh giả cần tôi sẽ cho.

Nếu như thế thì được lấy. Hoặc xin sữa đông lạnh mà họ nói không có sữa đông lạnh mà chỉ có sữa tươi, cũng được lấy.

Nếu bị bệnh mà thầy thuốc bảo nên uống sữa đông lạnh, thì được xin sữa đông lạnh.

Nếu khi đi khát thực mà thấy người đang đóng sữa đông lạnh thì nên chào:

Lão trượng mạnh khỏe chứ?

Thánh giả có cần thứ gì không?

Tôi muốn xin thức ăn.

Tôi không có thức ăn mà chỉ có sữa đông lạnh.

Khi ấy mình được lấy. Đồng thời cũng được khuyên họ cúng cho bạn. Nếu đi xin sữa đông lạnh đã biến chế thành nước mà họ cho sữa đông lạnh cũng được lấy.

Nếu Tỳ-kheo-ni uống thuốc xổ, rồi thầy thuốc bảo nên uống nước cá hầm, thì được xin cá. Nếu khi đi khát thực, xin sữa đông lạnh mà gặp cá thì cũng được nhận lấy.

Nếu khi lở đầu chảy máu, rồi thầy thuốc bảo nên ăn thịt, thì được xin thịt, nhưng không được đến nhà mổ thịt để xin mà nên đến nhà có lòng tin để xin.

Khi đi khát thực, xin nước rau, nếu thí chủ nói: “Không có nước rau mà chỉ có nước thịt”, mà mình cần thì được lấy.

Nếu tự biết mình vào những lúc ấy thường phát sinh bệnh, mà lúc ấy tìm thuốc rất khó, thì được xin để dự trữ không có tội. Nhưng nếu lúc không bệnh mà xin rồi lúc có bệnh đem ăn thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Lúc có bệnh xin, lúc không bệnh ăn, thì không có tội. Lúc có bệnh xin, lúc có bệnh ăn cũng không có tội. Lúc không bệnh xin, lúc không bệnh ăn, thì phạm tội Ba-la-đề Đề-xá-ni.

Nếu (544c) không tùy theo bệnh mà nấu thức ăn rồi tùy theo bệnh mà ăn thì không có tội. Nếu tùy theo bệnh nấu thức ăn, không tùy theo bệnh mà ăn thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu tùy bệnh nấu thức ăn, rồi tùy bệnh mà ăn thì không có tội. Nếu không tùy theo bệnh nấu thức ăn, không tùy theo bệnh mà ăn cũng không có tội; vì lẽ người xuất gia nhờ người khác mà sống còn. Thế nên đức Thế Tôn nói về tám thức ăn ngon: Sữa đông vàng, dầu, mật, đường phèn, sữa tươi, sữa đông lạnh, thịt và cá.

Giới Ba-la-đề Đề-xá-ni của Tỳ-kheo-ni đến đây là hết.

Về Chúng học pháp, chỉ trừ việc nhóm sáu Tỳ-kheo-ni đại tiểu tiện trên cỏ tươi và trong nước, ngoài ra các giới khác hoàn toàn giống như giới của Tỳ-kheo mà ở trước đã nói rõ.

BẢY PHÁP DIỆT TRÁNH

Hiện tiền Tỳ-ni: Khi giải quyết việc tranh chấp phải có sự hiện diện của đương sự.

Ức niệm Tỳ-ni: Để can phạm nhớ lại những vi phạm của mình.

Bất si Tỳ-ni: Xác định can phạm hết bệnh cuồng si.

Tự ngôn Tỳ-ni: Cho can phạm đề nghị mức độ hình phạt đối với mình.

Mịch tội tương Tỳ-ni: Tìm những chứng cứ về tội phạm.

Đa mich Tỳ-ni: Giải quyết sự việc theo biểu quyết của đa số.

Bố thảo Tỳ-ni: Hai bên hòa giải như rải cỏ trên đất để dập tắt tranh chấp.

Pháp, tùy thuận pháp như trong phần của Tỳ-kheo trên kia đã nói rõ.

Về phần khác nhau của giới bốn Tỳ-kheo-ni đến đây là hết.

*

NHỮNG PHÁP LINH TINH

PHÉP TẮC NGÔI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni ngồi kiết già vào đầu đêm, cuối đêm, bị một con rắn chui vào trong cửa mình. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Nên đổ thứ thuốc mỡ giáp vào, con rắn không chết mà sẽ bò ra.” Thế là họ đổ thứ thuốc ấy vào, con rắn liền chui ra. Phật liền quở trách Tỳ-kheo-ni ấy: “Vì sao người ngồi xếp bằng? Từ nay về sau, Ta không cho phép ngồi như thế. Khi ngồi nên co lại một chân, dùng gót chân bịt vào chỗ cửa mình. Nếu Tỳ-kheo-ni ngồi xếp bằng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.”

*

PHÉP SỬ DỤNG CHIẾU ĐAN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni trải chiếu đan ra ngồi để vá y, bị cật tre đâm vào đường tiểu tiện chảy máu. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo-ni ngồi trên chiếu tre. Khi vá y, nên dùng giẻ lau sạch giăng đường hay phòng sưởi rồi trải y ra vá. Nếu không có chỗ thì nên trải y trên giường, trên đầu gối mà vá. Nếu ai ngồi trên chiếu tre thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là phép dùng chiếu tre.”

*

PHÉP DỪNG ĐAI LƯNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà cùng với nhiều phụ nữ khác ra sông A-kì-la cởi y phục rồi xuống tắm. Thế rồi, cô lên trước, lấy đồ trang sức thắt lưng của phụ nữ đeo vào lưng mình, rồi hỏi họ:

Xem tôi có đẹp không?

Chúng tôi là những người còn tham dục, nên dùng đai buộc để cho lưng có eo, hầu mong được chồng yêu chuộng, còn thánh giả (545a) dùng nó để làm gì?

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế, bèn đem việc ấy đến bạch đầy đủ với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, khi Phật hỏi, cô liền đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo-ni buộc đai lưng. Nếu ai dùng đai lưng của phụ nữ để buộc lưng mình thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu có ung nhọt thì buộc đai lưng không có tội.

*

KHÔNG ĐƯỢC MẶC TRANG PHỤC PHỤ NỮ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà cùng với các phụ nữ ra sông A-kì-la, cởi y phục để một chỗ rồi xuống nước tắm. Đoạn, cô lên bờ trước, mặc váy của phụ nữ vào, rồi hỏi họ:

Xem tôi mặc cái này có thích hợp không?

Tôi là người thế tục mặc cái này là muốn được chồng yêu thương, còn cô mặc nó để làm gì?

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép mặc váy. Nếu váy được dùng các loại vỏ ốc, lưu ly, chân trâu, ngọc, vàng, bạc, ma ni trang điểm thì không được phép mặc. Ít nhất là nếu dùng vải sợi đống váy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu trên âm hộ có mụn nhọt, nên phải bọc nó thì không có tội. Đó gọi là váy.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có Tỳ-kheo-ni (cho đến) xuống tắm rồi lên bờ trước, mặc trang phục của phụ nữ vào. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép mặc trang phục phụ nữ. Những trang phục của phụ nữ như: Trên đầu chít khăn, trước trán treo những tua vàng, lỗ tai đeo vòng có nạm ngọc anh lạc, ngón tay đeo nhẫn, cổ tay, cổ chân đeo xuyên; đại loại tất cả các dụng cụ mà phụ nữ dùng để trang sức như thế đều không được đeo. Nếu ai đeo thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nhưng, nếu trên mình có mụn nhọt phải rịt thuốc, rồi buộc những thứ kể trên thì không có tội. Đó gọi là những thứ trang sức của phụ nữ.

*

KHI ĐỘ XUẤT GIA PHẢI ĐỔI TRANG PHỤC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc bấy giờ Tỳ-kheo-ni độ những người phụ nữ thuộc dòng họ Thích, họ Ma-la, họ Li-xa và những phụ nữ con nhà đại phú xuất gia, để họ mặc nguyên xi những trang phục thế tục. Khi ấy, con gái của những nhà nghèo lúc ra khỏi nhà và đi dự các lễ hội thường đến thuê những trang phục

ấy, nên bị người đời chê trách rằng: “Đây là kẻ cho thuê y phục, không phải phép tắc xuất gia.”

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, khi độ phụ nữ xuất gia không nên để họ mặc nguyên cả y phục thế tục, mà phải bảo họ cởi bỏ rồi mới độ. Phép xả bỏ như sau: Nếu phụ nữ đến xin xuất gia thì nên bảo họ cởi bỏ những trang phục thế tục. Nếu họ nghĩ rằng: “Có thể vào lúc ấy thóc gạo đắt đỏ, khát thực khó khăn hoặc là già bệnh cần đến thuốc men, mà phụ nữ thì khó được những vật cần thiết”, thì nên để gởi ở nhà dân.

(545b) Nếu phụ nữ mặc trang phục thế tục đến mà để nguyên như vậy độ họ xuất gia thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là để nguyên trang phục thế tục xuất gia.

*

KHÔNG ĐƯỢC NUÔI DÂM NỮ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, những phụ nữ con dòng họ Thích, họ Ma-la, họ Li-xa, con nhà hào quý dẫn theo người hầu đon chính xuất gia, rồi bảo người hầu bán thân cho người ngoài để giúp mình nuôi sống, nên bị người đời chê cười rằng: “Đấy không phải là người xuất gia mà là dâm nữ.”

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao người nuôi dâm nữ để giúp mình nuôi sống? Từ nay về sau, Ta không cho phép nuôi dâm nữ để giúp mình sinh sống. Nếu ai nuôi thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là dâm nữ.

*

KHÔNG ĐƯỢC BẢO NGƯỜI LÀM VƯỜN BÁN DÂM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Thế Tôn chế giới không cho nuôi dâm nữ thì Tỳ-kheo-ni lén nuôi phụ nữ làm vườn, rồi để họ tự bán thân để nuôi miệng, nên bị người đời chê trách rằng: “Đấy không phải là phép tắc xuất gia mà là dâm nữ.”

Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép lén nuôi phụ nữ làm vườn rồi bảo họ bán dâm để tự nuôi sống. Nếu ai nuôi thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là phụ nữ làm vườn.

*

CẦN PHẢI MẶC YẾM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni trẻ tuổi đoan chính như hoa của cô rịn sữa, người đời thấy thế đều cười. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi, thì cô đáp:

Đúng như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau phải may yếm. Cách may yếm như trên đã nói. Trước hết nên mặc yếm che vú rồi mới mặc y khác. Nếu ai không sắm yếm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu có mà không mặc cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là yếm (tăng-kì-chi).

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, như trong nhân duyên của Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la ở trên đã nói rõ. Thế rồi, Phật dạy: “Ta không cho phép tắm khóa thân mà phải mặc áo khi tắm. Đồng thời không cho phép khóa thân vào trong sông, trong hồ nước để tắm mà phải mặc áo tắm khi tắm. Nếu ai tắm khóa thân thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu tại chỗ vắng vẻ không có người thì tắm khóa thân không có tội. Đó gọi là áo tắm.

Kệ tóm tắt:

“Phép ngồi, ngồi chiếu tre,
Thắt lưng và mặc váy
Mặc trang phục thể tục,
Độ người mặc đồ đời.
Người hầu, người làm vườn,
Sắm yếm và áo tắm.
Hết phần đầu linh tinh.”

*

KHÔNG ĐƯỢC DÙNG TAY VỖ VÀO ÂM HỘ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy chỗ ở của Tỳ-kheo-ni chỉ cách chỗ ở của người thế tục qua một bức tường. (545c) Vì dục tâm sinh khởi, Tỳ-kheo-ni bèn dùng tay vỗ vào âm hộ của mình. Khi ấy người chồng nghe tiếng liền hỏi vợ:

Đó là tiếng gì vậy?

Không hiểu vì sao mà có tiếng kêu như vậy?

Người xuất gia này tu phạm hạnh, dục tâm sinh khởi không tự kiểm chế được nên vỗ vào âm hộ mà phát ra tiếng kêu như thế.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật hỏi:

Người có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép vỗ vào âm hộ. Vỗ nghĩa là dùng tay mà vỗ. Nếu ai dùng chén hoặc tô vỗ để cho lắng dịu dục tâm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là dùng tay vỗ vào âm hộ.

*

KHÔNG ĐƯỢC DÙNG CAO NẮN NAM CĂN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni bị dục tâm sinh khởi bèn dùng cao làm nam căn (dương vật) rồi buộc dưới chân giường. Sau đó căn phòng bị hỏa hoạn, sợ giường nệm bị cháy nên đem ra ngoài. Rồi có người thế tục thấy hỏa hoạn, bèn đi xem xem nơi nào bị lửa cháy, phát hiện được bèn chê trách rằng: “Vì sao người xuất gia mà làm chuyện đồi bại này!”

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng cao làm nam căn. Nam căn bằng cao nghĩa là dùng cao để làm, hoặc dùng đồng, thiếc, chì, bạch lạp, hoặc răng, hoặc sáp ong, đại loại làm các loại nam căn như thế. Nếu ai sử dụng nam căn bằng cao để làm cho lắng dịu lòng dục thì phạm tội Thâu-lan-giá. Đó gọi là nam căn bằng cao.

*

CÁCH LÀM VỆ SINH ÂM HỘ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ Đại-ái-đạo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, đứng qua một bên, bạch với Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Nữ nhân hình (bộ phận sinh dục của người nữ) xú uế có được rửa ráy không?

Được rửa.

Thế rồi, Tỳ-kheo-ni rửa bên ngoài, nhưng bên trong vẫn còn xú ố, bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, họ hỏi Phật:

Bạch Thế Tôn! Có được rửa bên trong không?

Được rửa. Cách rửa là rửa vào trong chùng một lông tay chứ không được sâu hơn mức đó. Nếu như rửa sâu hơn mức đó để cho lắng dịu lòng dục thì phạm tội Thâu-lan-giá. Đó gọi là cách rửa ráy (âm đạo).

*

CÁCH DÙNG VẢI THẨM KINH NGUYỆT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni có kinh nguyệt khiến cho giường nệm bị dơ bẩn. Đại-ái-đạo bèn đến bạch với Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn! Có thể may một tấm vải dùng để thẩm kinh nguyệt được không?

Được, nên dùng miếng vải cũ để may, nhưng không được dùng vật cứng, cũng không được dùng vật cạ sâu vào âm hộ để kích thích dâm dục, mà nên dùng vật mềm mại để che đường tiểu tiện. Nếu ai dùng vật cứng để cạ sát trong âm hộ cho dịu bớt lòng dục thì phạm tội Thâu-lan-giá. Đó gọi là cách dùng tấm vải thẩm kinh nguyệt.

*

CÁCH GIẶT VẢI THẨM KINH NGUYỆT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni đến chỗ tắm rửa của phụ nữ giặt vấy thẩm kinh nguyệt, bị phụ nữ chê trách rằng: “Sa-môn ni ấy làm bẩn chỗ nước này, khiến cho đỏ thẩm như vậy đó.”

(546a) Các Tỳ-kheo-ni bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: “Từ nay về sau, Ta không cho phép đem váy thấm kinh nguyệt đến chỗ tắm rửa của phụ nữ để giặt. Nếu ai giặt thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là cách giặt váy thấm kinh nguyệt của phụ nữ.

*

KHÔNG ĐƯỢC GIẶT ĐỒ DƠ CHỖ ĐÀN ÔNG TẮM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Thế Tôn chế giới không cho đem đồ thấm kinh nguyệt đến giặt tại chỗ tắm rửa của phụ nữ, thì các Tỳ-kheo-ni bèn đem đến chỗ tắm rửa của nam tử để giặt. Cuối cùng, Phật dạy:

Nếu Tỳ-kheo-ni đem đồ thấm kinh nguyệt đến giặt tại chỗ tắm rửa của nam tử thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là giặt đồ tại chỗ tắm của nam tử.

*

KHÔNG ĐƯỢC GIẶT ĐỒ DƠ CHỖ DU KHÁCH GIẶT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Thế Tôn chế giới không cho phép đem đồ thấm kinh nguyệt đến giặt tại chỗ tắm rửa của nam tử thì các Tỳ-kheo-ni bèn đem đến chỗ giặt đồ của du khách để giặt. Cuối cùng, Phật dạy: “Ta không cho phép đem váy thấm kinh nguyệt đến chỗ giặt đồ của hành khách để giặt, mà nên dùng cái thau hoặc cái chậu sành đem đến chỗ vắng vẻ để giặt. Khi giặt xong không được đem đổ nước bẩn trên đất, mà nên đem đổ xuống khe, lạch, nơi không có người trông thấy, rồi đem chiếc váy ấy phơi khô để sau này khi cần sẽ dùng đến. Nếu Tỳ-kheo-ni đem váy thấm kinh nguyệt đến chỗ giặt đồ của du khách mà giặt thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là chỗ giặt y phục của du khách.

*

KHÔNG ĐƯỢC DỪNG ÂM HỘ HỨNG CHỖ NƯỚC XỐI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni bị lòng dục sinh khởi bèn đưa âm hộ ra hứng ngay chỗ những giọt nước xối, liền bị xuất bất tịnh (tinh khí), nên tâm sinh nghi ngờ. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại bạch với Thế Tôn. Phật liền dạy: “Từ nay về sau, Ta không cho phép đưa âm hộ ra hứng tại chỗ giọt nước xối. Nước xối nghĩa là những giọt nước từ trên cao chảy xuống. Nếu Tỳ-kheo-ni muốn tắm tại chỗ có nước xối thì nên dùng tấm vải che ở trên. Nếu ai đưa âm đạo ra hứng ngay chỗ giọt nước xối, chỗ giọt nước mái nhà đột để dụi bột lòng dục thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi muốn tắm tại chỗ giọt nước xối, chỗ giọt nước mái nhà đột thì không được ngửa thân mình về phía giọt nước mà phải quay lưng lại. Nếu ai ngửa thân mình về phía giọt nước cho voi bột lòng dục thì phạm tội Thâu-lan-giá. Đó gọi là chỗ giọt nước xối.”

*

KHÔNG ĐƯỢC LỘI NGƯỢC DÒNG NƯỚC CHẢY

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni xuống tắm chỗ dòng nước chảy xiết, rồi lòng dục sinh khởi, bèn lội ngược lên dòng nước, khiến tinh khí bị xuất ra. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: “Từ nay về sau, Ta không cho phép lội ngược dòng nước chảy xiết để cho nước xoáy vào đường tiểu tiện. Nếu ai đi ngược lên dòng nước từ trên núi đổ xuống, dòng nước đang chảy xiết, hoặc cố ý lội ngược lên dòng nước để cho voi bột lòng dục thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi tắm tại dòng nước chảy xiết không được hướng mặt về phía dòng nước mà nên quay lưng lại. Nếu ai hướng mặt về phía dòng nước chảy xiết thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là dòng nước chảy.”

*

KHÔNG ĐƯỢC DÙNG CỬ LÀM NAM CẢN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni dùng các vật đút vào âm hộ cho xuất tinh, (546b) như dùng các thứ củ cải, củ hành đưa vào âm hộ cho xuất tinh. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: “Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như thế. Nếu Tỳ-kheo-ni nào dùng củ cải, củ hành đút vào âm hộ cho xuất tinh để làm dục bết lòng dục thì phạm tội Thâu-lan-giá. Đó gọi là củ.”

Kệ tóm tắt:

“Vỡ âm hộ, dùng cao,
Lóng tay, vấy kinh nguyệt.
Giặt chỗ phụ nữ tắm,
Chỗ nam tử cũng vậy.
Giặt chỗ khách giặt áo
Chỗ nước xối, dòng chảy.
Dùng củ làm xuất tinh
Kết thúc phần thứ hai.”

*

KHÔNG ĐƯỢC LÀM YẾT-MA CỬ TỘI TỖ-KHEO

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo tập hợp mà không biết làm Yết-ma cử tội, liền sai Tỳ-kheo-ni làm. Khi làm xong, Tỳ-kheo-ni sinh tâm nghi ngờ, hỏi hận bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền khiển trách: “Đó là chúng đáng tôn kính, vì sao người dám làm Yết-ma cử tội? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm Yết-ma cử tội Tỳ-kheo. Nếu trong các Tỳ-kheo không ai có thể tụng đọc được thì có thể sai Ni tụng, và khi làm Yết-ma, nếu không thể làm được thì (Tỳ-kheo-ni có thể) từ xa trao (pháp Yết-ma) không có tội. Nếu Tỳ-kheo-ni làm Yết-ma cử tội Tỳ-kheo thì phạm tội Việt-tỳ-

ni. Nhưng Tỳ-kheo được làm Yết-ma cho Tỳ-kheo-ni mà không có tội. Đó gọi là làm Yết-ma.

*

KHÔNG ĐƯỢC MẶC Y KIỀU-XÁ-DA

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la mặc y Kiều-xá-da đến nhà bà con. Trên đường đi, gặp trận mưa to khiến thân thể cô ướt sũng, nhìn vào thấy suốt thân cô như tượng thủy tinh. Dân chúng hiếu kì vây quanh đến xem, nên người đệ tử y chỉ phải đứng che một bên cho cô. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau Tỳ-kheo-ni không được phép mặc y Kiều-xá-da. Y Kiều-xá-da gồm có hai loại: Một là loại tơ sống, hai là loại tơ dệt. Loại sống sợi mỏng manh, loại dệt thì sợi được săn lại. Nếu ai mặc y Kiều-xá-da bằng tơ mỏng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu mặc loại tơ được dệt dày thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối. Nhưng Tỳ-kheo mặc thì không có tội. Đó gọi là y Kiều-xá-da.

*

KHÔNG ĐƯỢC MẶC YẾM MỎNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà có đôi nhũ hoa lớn mà mặc một lớp Tăng-kỳ-chi (yếm) đi kinh hành trên gác. Những người thế tục từ xa trông thấy thế bảo nhau: “Hãy xem kìa, giống như quả bầu nổi trên mặt nước.”

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: “Từ nay về sau, nên may Phú kiên y (tấm vải che vai). Tấm vải che vai này được gấp nhiều lớp rồi buộc vào trên vai. Nếu ai không may, không mặc loại này thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ta (546c) không cho phép Tỳ-kheo-ni mặc một lớp Tăng-kỳ-chi đi kinh hành trên chỗ cao. Nhưng ở chỗ vắng vẻ thì mặc một lớp Tăng-kỳ-chi không có tội. Đó gọi là Tăng-kỳ-chi.”

*

KHÔNG ĐƯỢC TRANG ĐIỂM CHO PHỤ NỮ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có những cô gái của dòng họ Thích, họ Ma-la, họ Li-xa, con gái nhà quý tộc xuất gia, rất thiện nghệ trang điểm. Rồi các cô gái lấy chồng, chàng trai cưới vợ đều thuê họ trang điểm, nhờ đó mà được ăn ngon, nên bị người đời nhạo báng rằng: “Đấy không phải là người xuất gia mà là những chuyên viên trang điểm.”

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: “Từ nay về sau không được trang điểm cho phụ nữ. Trang điểm nghĩa là: chải đầu, bôi mắt, thoa phấn lên mặt, sơn môi.v.v.. Nếu ai dùng nghề trang điểm để tự nuôi sống thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu bị đau đầu, đau mắt thì được bôi thuốc, nhỏ thuốc không có tội. Đó gọi là trang điểm.

*

KHÔNG ĐƯỢC TRỒNG HOA RỒI ĐEM BÁN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các cô gái thuộc dòng họ Thích, họ Ma-la, gia đình vọng tộc xuất gia; họ trồng hoa Ưu-bát-la, rồi hái đem đi bán. Vì thế bị người đời chê bai rằng: “Đấy không phải là người xuất gia mà là những phụ nữ bán hoa.”

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì họ đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép trồng hoa đem bán để tự nuôi sống. Nếu Tỳ-kheo-ni trồng hoa Ưu-bát-la đem bán để tự nuôi sống thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu vì tháp, vì cúng dường Phật mà trồng thì không có tội. Đó gọi là hoa Ưu-bát-la.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni trồng hoa Tu-mạn-na, cho đến Phật dạy: “Nếu vì tháp, vì cúng dường Phật thì không có tội.”

*

KHÔNG ĐƯỢC XÂU VÒNG HOA ĐEM BÁN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Thế Tôn chế giới không cho trồng hoa, thì những Ni cô xuất thân từ họ Thích, họ Ma-la bèn kết vòng hoa đem bán để tự nuôi sống. Vì thế bị người đời chỉ trích rằng: “Đấy không phải là người xuất gia mà là những cô gái bán vòng hoa.”

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: “Từ nay về sau, Ta không cho phép kết vòng hoa. Vòng hoa như các loại: Hoa Ưu-bát-la, hoa Ma-lê, hoa Tu-mạn-na. Nếu ai kết các loại vòng hoa này đem bán để nuôi sống thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu gặp các ngày đại hội Phật đản sinh, Phật thành đạo, Chuyển pháp luân, kỷ niệm A-nan, La-hầu-la, ngày đại hội 5 năm một lần, rồi đàn việt nói: “Thánh giả giúp con kết vòng hoa này”, thì khi ấy được kết các vòng hoa mà không có tội. Đó gọi là kết vòng hoa.

*

KHÔNG ĐƯỢC XE SỢI ĐEM ĐI BÁN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các cô gái dòng họ Thích, họ Ma-la, họ Li-xa xuất gia (547a) rồi xe sợi đem bán, bị người đời mỉa mai rằng: “Đấy không phải là người xuất gia mà là những kẻ bán chỉ sợi.”

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: “Từ nay về sau, Ta không cho phép xe sợi. Xe sợi gồm có các loại như: sợi kiếp-bối, sợi sô-ma, sợi kiêu-xá-da, sợi xá-na-ma. Nếu ai xe sợi đem bán để nuôi sống thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu muốn làm túi lọc nước, dây buộc lưng mà xe thì không có tội. Đó gọi là xe sợi.

*

KHÔNG ĐƯỢC HỦY HOẠI UY NGHI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tu-đề-na qua đời, bà vợ bèn xuất gia làm Tỳ-kheo-ni, người chú thường thường mong cô thôi tu. Một hôm, cô vào thôn khát thực, ông chú trông thấy định bắt về, cô liền chạy vào một gia đình hào phú nói với người đàn bà: Có chuyện đột ngột, vì có kẻ muốn hủy hoại phạm hạnh của tôi.

Tại sao vậy?

Ông chú muốn tôi bỏ đạo.

Cô đừng sợ, tôi sẽ bảo vệ cô.

Tôi muốn trở về chỗ của Hòa thượng.

Cô muốn đi thì phải cải trang mặc đồ thế tục mới có thể thoát được.

Thế là cô mang xuyên vào cổ tay, đeo vòng vàng vào tai, mặc đồ thế tục, dẫn theo 4, 5 người tùy tùng mà ra đi. Khi ấy, ông chú đứng ở ngoài thấy thế suy nghĩ: “Đây không phải là Tỳ-kheo-ni mà là người thế tục.”

Khi cô về đến trú xứ, các Tỳ-kheo-ni thấy thế, liền khiển trách:

Vì sao người ăn mặc như thế?

Người chú định bắt tôi, vì để tự bảo vệ, nên phải phương tiện cải trang như thế này.

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao ngươi hủy hoại oai nghi? Từ nay về sau, Ta không cho phép hủy hoại oai nghi. Nếu ai quyết định hủy hoại oai nghi thì chẳng phải là Tỳ-kheo-ni. Nếu ai vì phương tiện tự vệ mà hủy hoại oai nghi thì phạm tội Việt-tỳ-ni, nhưng vẫn còn là Tỳ-kheo-ni. Nếu Tỳ-kheo-ni nào quyết định hủy hoại oai nghi thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nhưng nếu vì phương tiện để tự vệ thì không có tội.

Kệ tóm tắt:

“Yết-ma, Kiêu-xá-da,
Tăng-kì-chi, trang điểm,
Trồng hoa Tu-mạn-na,
Kết vòng hoa, xe sợi.
Hoại oai nghi sau cùng,
Kết thúc phần thứ ba.”

*

CÁCH ĐẬY VÀ MỞ NẮP BÁT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà đi khát thực đến một nhà hào phú thì có một người đàn bà bị sẩy thai nói với cô:

Nhờ cô đem vút giùm tôi cái này.

Tôi không thể làm được.

Tôi sẽ tặng cho cô chùng ấy thứ.

Thế là cô lấy bào thai bỏ vào trong bát rồi ra đi. (547b) Lúc ấy, Đại Ca-diếp đi khát thực thường suy nghĩ như sau: “Khi được thức ăn đầu tiên ta sẽ cúng dường cho Tỳ-kheo hoặc Tỳ-kheo-ni.” Do đó, lúc thấy Tỳ-kheo-ni ấy, ngài liền bảo: “Lấy bát lại đây.” Nhưng cô ta vẫn đậy kín không cho xem. Tôn giả bèn gọi lần nữa, nhưng cô cũng không cho xem. Đại Ca-diếp vốn có uy phong, liền lớn tiếng gọi. Cô hoảng sợ bèn mở nắp bát cho xem. Khi thấy thế, tôn giả quở trách: “Ôi chao! Vì sao mà người làm việc ác này?” Đoạn, tôn giả nói với các Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc ác, phi pháp. Vì sao người đậy bát lại (không cho xem?). Từ nay về sau Ta không cho phép đậy bát lại (không cho xem), cũng không được cầm bát để trống. Khi khát thực đầy rồi đậy lại mà thấy Tỳ-kheo thì phải dỡ ra đưa cho xem. Nếu ai cầm bát để trống thì phạm tội Việt-tỳ-ni, đồng thời khi thấy Tỳ-kheo mà không dỡ cho xem cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là vấn đề liên quan đến bát.

*

CÁCH NHẬN THÍ VẬT CỦA NGƯỜI PHẠM TỘI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có viên đại thần vi phạm pháp luật của vua, gia tài của ông đều bị sung công. Vua bèn sai quân lính đến gìn giữ. Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà đi khát thực tuần tự đến nhà ấy, bà vợ viên quan nói với cô:

Này thánh giả, chồng tôi phạm vương pháp có thể bị tử hình, tài sản đều bị sung công. Tôi có ít vật báu dùng trang điểm muốn gửi cho cô. Nếu tôi thoát chết thì xin cô hoàn lại, còn nếu tôi chết, thì xem như tôi đã cúng dường.

Thế rồi, Tỳ-kheo-ni liền đưa bát, bà kia bèn bỏ vật báu vào đậy nắp lại, rồi cô bung đi. Lúc ấy lính giữ cửa trông thấy bèn hỏi cô:

“Trong bát có vật gì mà không đưa xem?” Rồi y quát nạt khiến cô hoảng sợ bèn đưa cho xem.

Tỳ-kheo-ni nghe được chuyện ấy bèn bạch với Phật. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép bỏ vật báu trong bát rồi đập lại. Nếu có người vi phạm quốc pháp mà chưa bị bắt, tài sản chưa bị tịch thu, họ muốn gởi gắm tài sản thì được nhận. Nhưng nếu kẻ ấy đã bị vua bắt, tài sản đã bị tịch thu (mà họ muốn gởi) thì nên nói: “Đức Thế Tôn chế giới không cho phép tôi nhận những vật này.” Nếu họ nói: “Tôi gởi cho cô để cúng cho tháp, cho Tăng”, thì được nhận. Nhưng khi nhận rồi không được đập nắp bát lại mà phải để trống bụng đi. Nếu quân lính hỏi thì nên đáp: “Đây là vật của tháp, của Tăng, của tôi.” Nếu họ cho đi thì tốt. Nếu họ không cho đi thì phải trả lại cho họ. Đó gọi là trường hợp đập nắp bát.

*

KHI LÀM CẦU TIÊU KHÔNG ĐƯỢC ĐẬP NẮP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni làm cầu tiêu mà dùng đồ vật đập miệng cầu lại. Các người nữ bèn đem thai nhi bị chết bỏ vào trong đó. Sau đó, có kẻ hạ tiện Chiên-đà-la, dỡ nắp cầu ra, thấy thế, nói: “Đây là của Tỳ-kheo-ni bị sẩy thai rồi ném vào trong này.”

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: “Từ nay về sau, Ta không cho phép đập nắp cầu tiêu, (547c) mà phải dỡ ra trong khi làm. Nếu đập nắp cầu tiêu trong khi làm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là phép dùng cầu tiêu.

*

KHÔNG ĐƯỢC VÀO NHÀ TẮM THỂ TỤC ĐỂ TẮM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có cô gái thuộc dòng họ Thích, họ Ma-la xuất gia, rồi vào trong nhà tắm thể tục để tắm, bèn bị kẻ thanh niên côn đồ vào phòng tắm hủy hoại phạm hạnh của cô. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, Phật dạy: “Từ nay về sau, Ta không cho phép vào trong nhà tắm thể tục. Nếu bị bệnh thì được đốt lửa trong phòng, thoa dầu lên mình rồi kỳ cọ. Nếu Tỳ-kheo-ni vào nhà tắm thể tục để tắm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là phép tắc vào nhà tắm.”

*

KHÔNG ĐƯỢC Ở TẠI A-LUYỆN-NHÃ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Ngài chưa chế giới, các Tỳ-kheo-ni ở nơi a-luyện-nhã, vì trong thôn xóm chưa có chỗ trú. Do đó, 500 Tỳ-kheo-ni với Đại-ái-đạo là Thượng thủ phải ở trong vườn của nhà vua. Các cô vốn là con gái của dòng họ Thích, họ Ma-la còn son trẻ, đoan chính nên các thanh niên trai trẻ đều đêm rình rập để bắt cóc. Tỳ-kheo-ni thấy chúng liền vọt lên hư không mà chạy thoát. Đến nửa đêm chúng trở lại, họ cũng thoát được. Thế rồi, lúc cuối đêm chúng trở lại, trong số các cô có người chậm lụt, không nhập định mà ngủ gục nên không chạy thoát được, bị chúng xâm phạm. Đại-ái-đạo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy: “Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo-ni sống tại a-luyện-nhã. Nhưng nếu tại đó có bốn chúng tập hợp thuyết pháp suốt đêm thì được ở, nhưng lúc ấy không được ở trong bóng tối. Nếu Tỳ-kheo-ni sống nơi a-luyện-nhã thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là sống tại a-luyện-nhã.

*

VẤN ĐỀ Y CA-HI-NA

Tỳ-kheo thọ y Ca-hi-na khác với Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni thọ y Ca-hi-na khác với Tỳ-kheo. Tỳ-kheo xả y Ca-hi-na khác với Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni xả y Ca-hi-na khác với Tỳ-kheo. Tỳ-kheo A-đề-ha-lỗ, A-na-đề-ha-lỗ khác với Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni A-đề-ha-lỗ, A-na-đề-ha-lỗ khác với Tỳ-kheo.

Kệ tóm tắt:

“Đậy bát, bát đựng của,
Mở cầu vào nhà tắm.
Sống tại A-luyện-nhã.
Tỳ-kheo thọ Ca-hi,
Khác với Tỳ-kheo-ni.
Tỳ-kheo xả Ca-hi,
Khác với Tỳ-kheo-ni
Kết thúc phần thứ tư.”

*

VẤN ĐỀ THỰC PHẨM GIỮA TĂNG VÀ NI

Có những thực phẩm đối với Tỳ-kheo không thanh tịnh nhưng đối với Tỳ-kheo-ni thì thanh tịnh. Có những loại thực phẩm đối với Tỳ-kheo-ni không thanh tịnh, nhưng đối với Tỳ-kheo thì thanh tịnh. Tỳ-kheo được phép sai Tỳ-kheo-ni trao thức ăn cho mình, ngoại trừ vàng bạc, tiền mặt và năm loại tác tịnh. Tỳ-kheo-ni được phép nhận thức ăn từ Tỳ-kheo, ngoại trừ vàng bạc, tiền mặt và năm loại tác tịnh.

Có ba nguyên nhân làm cho mất bản chất Tỳ-kheo, đó là: Quyết tâm xả giới; có tội thực sự bị Tăng trục xuất; nam căn chuyển thành nữ căn. Đó gọi là ba yếu tố làm mất bản chất Tỳ-kheo.

(548a) Nếu Tỳ-kheo bị nam căn biến thành nữ căn thì nên bảo qua Tinh xá của Tỳ-kheo-ni, nhưng không được ở cùng phòng với Tỳ-kheo-ni mà phải ở phòng riêng. Nếu sau đó nữ căn biến thành nam căn trở lại, thì được trở về với Tỳ-kheo Tăng, được xem là một Tỳ-kheo hoàn toàn, và được tính tuổi đạo như cũ.

Có ba nguyên nhân làm cho Tỳ-kheo-ni mất bản chất Tỳ-kheo-ni, đó là: Quyết tâm hủy hoại oai nghi; có tội thực sự bị Tăng trục xuất; nữ căn biến thành nam căn; như trong trường hợp Tỳ-kheo đã nói ở trên.

Tỳ-kheo-ni không được làm phép tàn thực (làm phép để được ăn thêm), mà chỉ ngồi xuống một lần ăn no rồi thôi.

*

CÁCH SẮP XẾP THỨ TỰ

Khi Phật an trú trên bờ sông A-kì-la tại thành Xá-vệ có đàn việt mời hai bộ Tăng cúng dường trai phạn. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đều muốn qua sông. Tỳ-kheo nói: “Đức Thế Tôn chế giới không cho phép hai bên cùng đi chung thuyền.” Thế là Tỳ-kheo cứ hai người, ba người ngồi trên thuyền nhẹ nhàng qua sông. Họ qua rồi, Tỳ-kheo-ni mới được qua. Khi qua tới nơi lại phải hỏi tuổi tác để sắp xếp chỗ ngồi, thì mặt trời đã quá ngọ. Vì thế Đại-ái-đạo mất bữa ăn đói lả, Ni sư đi đến chỗ Thế Tôn cúi đầu đánh lễ, đứng hầu một bên. Phật thấy thế, biết nhưng vẫn hỏi: “Vì sao mà sắc diện bà có vẻ đói khát như thế?” Ni sư bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Từ nay về sau, trong 8 vị Thượng tọa đầu phải ngồi theo thứ tự đúng pháp, còn những người khác thì tùy nghi, ai đến trước thì ngồi trước. Nếu vào dịp 5 năm đại hội một lần có nhiều người tụ hội thì tám vị Thượng tọa đầu của Tỳ-kheo-ni phải ngồi theo thứ tự, còn những người khác thì tùy ý mà ngồi. Nếu trong 8 người đầu không ngồi theo thứ tự thì phạm tội Việt-tỳ-ni.” Cuối cùng Thế Tôn dạy (tóm tắt bằng bài kệ):

“Hai chúng tịnh không đồng,
 Hơn nữa có ba việc,
 Làm cho mất bản chất,
 Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni.
 Không tàn, tám Thượng tọa,
 Kết thúc phần thứ năm.”

Trong phần linh tinh của Tỳ-kheo thì 9 việc: “Biệt trụ, tời, ô dù, xe cộ, dùng dao chữa bệnh, giày dép, ngồi chung một giường, nằm chung một giường, ca nhạc” nên để ra ngoài không bàn đến. Ngoài ra 13 việc còn lại thì Tỳ-kheo-ni khác biệt. Năm phần linh tinh thuộc về oai nghi thì các việc: “Ở a-luyện-nhã, vào nhà tắm, làm cầu tiêu, vá y, chiếu đan” nên để ra ngoài không nói đến. Ngoài ra, giống với Tỳ-kheo-ni (?)

Hai bộ Tu-đa-la (kinh) và 500 học giới được đức Thế Tôn chia ra thuyết minh tuần tự: Bài tựa của giới kinh; 8 Ba-la-di, 19 Tăng-già-bà-thi-sa; 30 Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề; 141 Ba-dạ-đề; 8 Ba-la-đề Đề-xá-ni; 64 pháp Chúng học, 7 pháp Diệt tránh; sau cùng là bài kệ nói về Pháp và tùy thuận pháp.

Giới bốn của Tỳ-kheo-ni đến đây là hết.

*

GHI CHÚ RIÊNG VỀ LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ

(548b) Ngày xưa tại Trung Thiên Trúc có vị ác vương tạm thời cai trị, các Sa-môn phải lánh đi khắp nơi; những Tỳ-kheo tinh thông tam tạng còn rất thưa thớt. Đến khi ác vương băng hà, Thiên vương lên ngôi, bèn mời các Sa-môn về nước cúng dường. Lúc ấy, tại ấp Ba-liên-phất có 500 vị Tăng muốn giải quyết công việc nhưng không có Luật sư, lại không có Luật văn, không lấy gì để làm cơ sở, liền sai người đến Tinh xá Kỳ hoàn chép được bản luật còn truyền đến ngày nay (tức bộ Luật này đây).

Pháp Hiển tôi chép được bản luật này bằng chữ Phạn tại Tinh xá Thiên Vương, phía Nam tháp A-dục vương, ấp Ba-liên-phất, nước Ma-kiệt-đề, rồi đem về Dương Châu. Thế rồi, tôi cùng Thiên sư (Phật-đà Bạt-đà-la) dịch từ chữ Phạn sang chữ Tần (Hán), tại chùa Đẩu Trường, từ tháng 11 năm Bính Thìn, niên hiệu Nghĩa Hi thứ 12 (416) đời Tấn đến cuối tháng hai năm Nghĩa Hi thứ 14 (418) thì hoàn thành; do đó ghi lại đôi dòng để biết.

Sau khi Phật Nê-hoàn, tôn giả Đại Ca-diếp tập hợp các vị Đại sư tinh thông tám vạn pháp tạng để kết tập Luật Tạng. Thế rồi, sau khi Đại Ca-diếp nhập diệt, tôn giả A-nan lại kế thế giữ gìn đầy đủ tám vạn pháp tạng. Kế đến tôn giả, Mạt-điền-địa cũng giữ gìn đầy đủ tám vạn pháp tạng. Kế đến tôn giả Xá-na-bà-tư cũng giữ gìn đầy đủ tám vạn pháp tạng. Kế đến, tôn giả Ưu-ba-quật-đa (người

được Thế Tôn thọ ký là Phật Vô Tướng, như trong nhân duyên hàng ma đã nói rõ) không thể giữ gìn đầy đủ tám vạn pháp tạng, do đó mà phát sinh ra tên của năm bộ phái. Đầu tiên, Đàm-ma-quật-đa lập riêng ra một bộ. Tiếp theo, Di-sa-tắc lập riêng ra một bộ. Tiếp theo, Ca-diếp-duy lại lập ra một bộ. Tiếp theo là Tát-bà-đa mà Tát-bà-đa nước Tần (Hán) dịch là Thuyết Nhất Thiết Hữu, nghĩa là ý nghĩa và tôn chỉ của các bộ trên đều chủ trương khác nhau. Bộ này cho rằng thân trung ấm trong ba giai đoạn quá khứ, hiện tại và vị lai đều có tính cách khác nhau, do đó mà gọi Nhất thiết hữu.

Thế rồi, năm bộ này [ở đây chỉ nêu có 4 bộ – người dịch chú] lập ra thuyết riêng, ai nấy đều tự cho chủ trương của mình là đúng. Khi ấy, vua A-dục suy nghĩ: “Nay ta phải làm sao để biết ai là đúng, ai là sai?” Thế rồi vua hỏi chư tăng làm cách nào để phán đoán Phật pháp, thì họ cho biết là phải theo nguyên tắc đa số. Vua nói: “Nếu vậy thì phải rút thăm để biết bên nào nhiều người.” Đoạn, vua cho tiến hành việc rút thăm và kết quả những người theo quan điểm cũ nhiều nhất. Vì họ thuộc số đông nên gọi là Ma-ha-tăng-kì, nghĩa là Đại chúng hay chúng lớn.

PHẬT NÓI KINH TỘI BÁO NẶNG NHE VỀ VIỆC PHẠM GIỚI

Tôi nghe như vậy: Một thuở nọ, Phật trú tại thành Vương-xá, lúc ấy vào buổi xế, tôn giả Mục-liên xả thiền định, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, bạch với Phật rằng:

(548c) Bạch Thế Tôn! Tâm con có điều nghi ngờ, nay xin hỏi Thế Tôn, mong Thế Tôn chuẩn thuận.

Ta cho phép ông hỏi, rồi Ta sẽ trả lời cho ông.

Bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không có tâm hổ thẹn, coi thường lời Phật dạy, phạm giới chúng học, Ba-la-đề Đề-xá-ni, Ba-dạ-đề, Thâu-lan-giá, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-la-di thì mắc bao nhiêu tội lỗi bất lợi? Kính mong Thế Tôn hãy chỉ rõ.

Này Mục-liên hãy lắng nghe, lắng nghe! Ta sẽ nói rõ để ông biết. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không biết hổ thẹn, coi thường lời Phật dạy, phạm giới chúng học, thì như Tứ Thiên Vương thọ 500 tuổi, bị đọa vào địa ngục, mà theo cách tính của nhân gian là chín trăm nghìn năm.

Này Mục-liên, nếu Tỳ-kheo... không biết hổ thẹn, coi thường lời Phật dạy, phạm giới Ba-la-đề Đề-xá-ni, thì giống như chư Thiên ở cõi trời 33 thọ 1000 tuổi, bị đọa vào địa ngục, mà theo cách tính của nhân gian là ba ức sáu mươi nghìn năm.

Này Mục-liên, nếu Tỳ-kheo... không biết hổ thẹn, coi thường lời Phật dạy, phạm giới Ba-dạ-đề, thì giống như chư Thiên ở cõi trời Dạ-ma thọ 2000 tuổi, bị đọa vào địa ngục, mà theo cách tính của nhân gian là hai mươi ức bốn mươi nghìn năm.

Này Mục-liên, nếu Tỳ-kheo... không biết hổ thẹn, coi thường lời Phật dạy, phạm tội Thâu-lan-giá, thì giống như chư thiên ở cõi trời Đâu-suất thọ 4000 tuổi, bị đọa vào địa ngục, mà theo cách tính của nhân gian là năm mươi ức sáu mươi nghìn năm.

Này Mục-liên, nếu Tỳ-kheo... không biết hổ thẹn coi thường lời Phật dạy, phạm giới Tăng-già-bà-thi-sa thì giống như chư thiên ở cõi trời Bất Kiêu lạc (Hóa Lạc Thiên) thọ 8000 tuổi, bị đọa vào địa ngục, mà theo cách tính của nhân gian là hai trăm ba mươi ức bốn mươi nghìn năm.

Này Mục-liên, nếu Tỳ-kheo... không biết hổ thẹn, coi thường lời Phật dạy, phạm giới Ba-la-di, thì giống như chư thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại thọ 16.000 tuổi, bị đọa vào địa ngục mà theo cách tính của nhân gian là chín trăm hai mươi một ức sáu mươi nghìn năm.

Khi ấy, tôn giả Mục-liên nghe Phật tuyên thuyết như vậy, liền hoan hỉ phụng hành; rồi tôn giả đọc kệ:

“Vi nguyên nhân khinh mạn,
 Khi chết rơi đường ác.
 Do nguyên nhân tu thiện,
 Nhờ thế sinh lên trời.
 (549a) Nướng vào đây tu phước,
 Lìa ác được giải thoát.
 Không khéo quán nhân duyên,
 Thân hoại vào địa ngục.”

*

Hết quyển thứ bốn mươi

TÔN KÍNH ẮN TỔNG

Lê Thị Ái Nhi



SÁCH KÍNH BIỂU

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
QUẢNG HƯƠNG GIÀ LẠM - THIỀN VIỆN VẠN HẠNH

Toàn tập **THÍCH PHƯỚC SƠN**

TẬP 4

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ TP. HCM
HOCHIMINH CITY CULTURE-LITERATURE AND ARTS PUBLISHING HOUSE

88-90 Kỳ Con, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1 – TP. HCM

ĐT: (028) 38216009 – 39142419 – Fax: (028) 39142890

Email: nxbvhvn@nxbvnanhoavannghe.org.vn

nxbvanhoavannghe@yahoo.com.vn

Website và bán hàng trực tuyến: nxbvanhoavannghe.org.vn

Cửa hàng sách: 310 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.HCM

Gian hàng 03 Đường sách TP.HCM, đường Nguyễn Văn Bình, Quận 1, TP.HCM

*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập

ĐINH THỊ PHƯƠNG THẢO

Biên tập: Khuê Thế Quang

Sửa bản in: Trọng Tâm

Bìa & Trình bày: TN Nguyễn

Số lượng: 500 cuốn, khổ 16x24cm. Tại Xí nghiệp in FAHASA.

Địa chỉ: 774 đường Trường Chinh, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM.

Số đăng ký KHXB: 2484-2019/CXBIPH/6-98/VNTPHCM.

Quyết định xuất bản số: 398-QĐ/NXBVHVN, ký ngày 15/7/2019.

Mã số ISBN: 978-604-68-5737-2. In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2019.